

THIÊN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 1

**TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)**

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	14
1 DẪN NHẬP.....	20
1.1 Cảnh quan của thế giới	20
1.2 Nguyên nhân của khổ đau	21
1.3 Sự ra đời của đạo Phật	22
1.4 Bối cảnh đạo Phật ngày nay	23
1.5 Nhân duyên hình thành tập sách.....	24
1.6 Mục đích của tập sách	25
1.7 Tâm nguyện của tác giả.....	27
1.8 Lời xin lỗi	28
1.9 Lòng tri ân	28
2 TỔNG QUAN KINH NIKĀYA.....	31
2.1 Lời mở đầu	31
2.2 Kinh Nikāya là gì?.....	32

2.3	Nguồn gốc bộ Nikāya được đề cập ở đây.....	33
2.4	Đôi nét về 5 bộ kinh Nikāya.....	33
2.5	Đôi nét về A-hàm (Āgama) và Nikāya.....	33
2.6	Bộ Nikāya này được các vị Thánh Tăng thời Đức Phật sắp xếp thế nào?.....	35
2.7	Lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.....	36
2.7.1	Kinh Nghe Với Tai (<i>Tăng II</i> , 172)	36
2.7.2	Chiếc vé an toàn	39
2.7.3	Mười lợi ích khi học và hành theo Nikāya	44
2.8	Điều nên tránh, nên làm khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.....	49
2.8.1	Điều nên tránh	49
2.8.2	Điều nên làm	52
2.9	Nhân duyên hình thành Kinh Nikāya	56
2.10	Có gì mâu thuẫn, đáng nghi là “kinh giả sau này thêm vào” trong bộ Nikāya này không?.....	60
3	TRUYỀN THÔNG TU TẬP TRONG NIKĀYA ...	63

3.1	Kinh Makhādeva (<i>Trung</i> II, bài 83).....	63
3.2	Truyền thống tu tập tốt đẹp mà Đức Phật đã truyền trao là gì?.....	64
3.3	Người tu chân chánh nào cũng phải có Tám Sự Chân Chánh này.....	66
3.4	Tu mà không có Tám Sự Chân Chánh này thì tu cái gì?.....	70
3.5	Tám Chánh làm thỏa mãn những ước nguyện chân chánh.....	73
3.6	Tiến trình sanh khởi Tám Chánh.....	76
3.7	Tầm quan trọng của Pháp Tám Chánh.....	82
3.8	Không tu tập Tám Chánh, không thể chứng Thánh quả.....	86
3.8.1	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường</i> I, bài 16) (Phần IV).....	86
3.8.2	Thánh chuông đánh thức tâm mê.....	89
3.9	Tầm vóc giá trị của Pháp Tám Chánh.....	90
4	CHÁNH KIẾN TRONG NIKĀYA.....	93
4.1	Thế nào là vị thành tựu Chánh Kiến?.....	93
4.1.1	Kinh Chánh Tri Kiến (<i>Trung</i> I, bài 9).....	93

4.1.2	Chánh kiến và lầm tưởng Chánh kiến	114
4.1.3	Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về thân?	118
4.1.4	Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về tâm?	120
4.1.5	Thế nào là Chánh kiến về đời sống này?	121
4.1.6	Tâm mê chấp năm uẩn này khổ cái gì, khổ thế nào?.....	125
4.1.7	Chánh kiến Bốn Sự Thật về thân tâm và thế giới.....	127
4.2	Duyên sanh khởi Chánh kiến, Tà kiến.....	129
4.2.1	Kinh Hy Vọng (<i>Tăng I</i> , 160).....	129
4.2.2	Duyên sanh khởi Tà kiến.....	130
4.2.3	Dòng chảy của Tà kiến.....	131
4.2.4	Tác hại của Tà kiến	134
4.2.5	Duyên sanh khởi Chánh kiến	135
4.2.6	Dòng chảy của Chánh kiến.....	136
4.2.7	Lợi ích của Chánh kiến.....	138

5	CHÁNH KIẾN SỰ CHUYỂN PHÁP LUÂN CỦA ĐỨC PHẬT	139
5.1	Xác định sự Chuyển Pháp Luân của Đức Phật	139
5.1.1	Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (<i>Trung III</i> , bài 141).....	139
5.1.2	Đức Phật đã chuyển Vô Thượng Pháp Luân gì?.....	148
5.2	Pháp Vô Thượng trong Đạo Phật	149
5.2.1	Vì sao Bốn Thánh Đế được gọi là Pháp Vô Thượng?.....	149
5.2.2	Đức Phật, bậc Vô Thượng Sĩ thuyết giảng Vô Thượng Pháp.....	152
5.2.3	Vì sao không dễ nhìn ra Sự thật của cuộc sống?	155
5.2.4	Ai có thể tiếp nhận Thánh Pháp Vô Thượng này?.....	158
5.3	Tác dụng Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân.....	160
5.3.1	Tác dụng của Thấy biết đúng	161
5.3.2	Tác dụng của Suy nghĩ đúng	162

5.3.3	Tác dụng của Lời nói đúng.....	165
5.3.4	Tác dụng của Hành động đúng.....	168
5.3.5	Tác dụng của Nuôi mạng đúng.....	171
5.3.6	Tác dụng của Siêng đúng việc.....	173
5.3.7	Tác dụng của Quán đúng chỗ.....	177
5.3.8	Tác dụng của Định đúng cách.....	181
5.3.9	Đôi nét về Chánh định trong đạo Phật	183
5.4	Đức Phật - Người chỉ đường cho kẻ bị lạc lối	189
5.5	Trí về Ngũ uẩn là Tối Thượng Trí.....	192
5.6	Trí sách vở hay Trí thực chứng.....	193
5.7	Tự đào hố chôn mình.....	196
5.8	Tám Chánh - Sự tồn vong của Chánh pháp..	198
6	ĐẶC ĐIỂM BẬC ĐẦY ĐỦ CHÁNH KIẾN.....	203
6.1	Kinh Chúng Được Đoạn Tận (<i>Tăng III</i> , 254)	203
6.1.1	Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Thân kiến?.....	203

6.1.2	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến phá được Hoài nghi?	205
6.1.3	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến phá được Giới cấm thủ?	209
6.1.4	Vì sao Bạc đầy đủ Chánh kiến chấm dứt những hành nghiệp tham sân si nặng đưa đến đọa xứ?.....	211
6.2	Kinh Làm Cho Sinh Khởi (<i>Tăng III, 254</i>) ...	212
6.3	Kinh Bạc Đạo Sư (<i>Tăng III, 254</i>)	213
6.3.1	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư”	214
6.3.2	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp”	215
6.3.3	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng”	216
6.3.4	Bạc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Học pháp”	217

6.3.5	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại”	218
6.3.6	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám”	219
6.4	Kinh Hành (<i>Tăng III, 255</i>).....	220
6.4.1	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn”	221
6.4.2	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc”	222
6.4.3	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã”	223
6.4.4	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm hành động vô gián”	224
6.4.5	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt”	226
6.4.6	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng”	228

6.5	Kinh Mẹ (<i>Tăng III, 256</i>).....	229
6.5.1	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm bốn việc”.....	230
6.5.2	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể phá hòa hợp Thánh chúng”	231
6.5.2.1	Kinh Các Đồ Rác (<i>Tăng III, 513</i>).....	235
6.5.2.2	Kinh Kesi (<i>Tăng II, 23</i>).....	239
6.5.2.3	Kinh Ngày Trai Giới(<i>Tăng III,565</i>).	243
6.5.2.4	Tóm lược	246
6.5.3	Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể nhận ai làm thầy ngoài Đức Phật và Thánh chúng”	248
6.6	Kinh Tự Làm (<i>Tăng III, 256</i>)	249
6.7	Điều không xảy ra với Bậc đầy đủ Chánh kiến	252
6.8	Bậc Hữu Học - Bậc Vô Học	260
6.8.1	Kinh Hữu Học (<i>Trường V, 28</i>)	260
6.8.2	Kinh Hữu Học 1 (<i>Tăng I, 419</i>).....	261
6.8.3	Kinh Hữu Học (<i>Trường V, 356</i>)	262
6.8.4	Kinh Một Phần (<i>Trường V, 273</i>).....	264

6.8.5	Kinh Hoàn Toàn (<i>Tương V</i> , 274)	265
6.8.6	Kinh Vô Học (<i>Tăng IV</i> , 537)	266
6.8.7	Kinh Moranivāpa (<i>Tăng I</i> , 535).....	266
6.8.8	Kinh Các Chi Phần (<i>Tăng IV</i> , 254)..	267
6.8.9	Bậc Hữu Học	269
6.8.10	Bậc Vô Học	271
7	RUỒNG CỘT PHẬT GIÁO TRONG NIKĀYA.	273
7.1	Kinh Ngày Trai Giới (<i>Tăng III</i> , 565).....	273
7.2	Tám Điều Vi Diệu Trong Đạo Phật.....	278
7.2.1	Điều thứ nhất: “Tu chúng có thứ tự”	278
7.2.2	Điều thứ hai: “Không vượt qua lời Thầy”	281
7.2.3	Điều thứ ba: “Không chung cùng kẻ xấu”	290
7.2.4	Điều thứ tư: “Không giữ họ tên riêng”	293
7.2.5	Điều thứ năm: “Không voi đây Tịnh giới”	295

7.2.6	Điều thứ sáu: “Chỉ có vị Giải Thoát”	296
7.2.7	Điều thứ bảy: “Ba Bảy Pháp Thần Diệu”	299
7.2.8	Điều thứ tám: “Nhiều bậc chứng Thánh quả”	308
7.3	Rường cột của đạo Phật.....	308
7.4	Bài kệ “Tám Vi Diệu Đạo Phật”	317
8	CÓT TỦY KINH NIKĀYA	320
8.1	Đức Phật đã chứng ngộ và giảng nói điều gì?	320
8.2	Trí về Ngũ uẩn và Trí về Thế giới là một hay là khác?.....	322
8.3	Trí về Ngũ uẩn liên hệ thế nào với toàn bộ tinh thần kinh Nikāya?.....	328
8.4	Vì sao Tinh thần Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn?.....	330
8.5	Vì sao Đức Phật khai thị Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh?	332
8.6	Cốt tủy của Nikāya	334

8.6.1	Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn.....	335
8.6.2	Thánh Trí thứ nhất.....	337
8.6.2.1	Thế nào là “Sự chấp thủ Ngũ uẩn”? ..	338
8.6.2.2	Thế nào là “Phiền não và khổ đau”? ..	339
8.6.3	Thánh Trí thứ hai.....	341
8.6.4	Thánh Trí thứ ba.....	342
8.6.5	Thánh Trí thứ tư	342
8.7	Chiếc chìa khóa vàng.....	344
8.8	Chiếc bè qua sông.....	348
8.9	Pháp còn phải bỏ, hà hưởng Phi pháp.....	349
8.9.1	Kinh Ví Dụ Con Rắn (<i>Trung</i> , bài 22)	349
8.9.2	Có thể hưởng dục mà không dính mắc không?	356
8.9.3	Khi nào “Pháp còn phải bỏ”	365
8.9.4	Kinh Kaccàyanagotta (<i>Tương II</i> , 36)	367
8.9.5	Chấp không và Vô thường là khác nhau	368
8.9.6	Chưa qua sông, bỏ thuyền, giậm chân tại chỗ	371

8.10 Tiến trình sanh khởi Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến.....	374
8.11 Tâm Giải Thoát – Tuệ Giải Thoát	380
8.12 Vô Chấp Thủ Giải Thoát	382
8.13 Qua sông rồi mới bỏ thuyền	383
8.14 Cần trọng trong thấy nghe	385
8.15 Hãy dẫn thân và thực chứng	389
HÒI HƯỚNG	392

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả của tập sách, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy ở các trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikāya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học giáo lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là do không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya; khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ được thêm một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Kinh Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận Năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực đó là khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn Niệm Xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch Chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực tập hành trì. Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập; đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Bởi vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã từng bước phân tích, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thể nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hànhgiả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với một vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả. Với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tân, Sài Gòn, mùa An Cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 DẪN NHẬP

1.1 Cảnh quan của thế giới

Chúng sanh đang chìm đắm trong tham sân si, bản ngã và vô minh. Con người chạy theo dục lạc, chạy theo bề ngoài, chạy theo vật chất, chạy theo danh lợi, chức quyền, địa vị, sắc tài. Bức tranh của cuộc sống thay đổi liên tục, lúc xinh tươi, sống động, lúc đen tối, âm u. Cuộc sống lúc thực, lúc hư ảo, biến đổi không ngừng, có đó rồi không đó, được đó rồi mất đó, thương đó rồi ghét đó, vui đó rồi buồn đó, khỏe đó rồi bệnh đó, giàu đó rồi nghèo đó, sống đó rồi chết đó. Sống thì tranh giành danh lợi, tranh giành được mất, tranh giành hơn thua, chạy theo dục, chạy theo ái, chạy theo tham sân si, chạy theo bản ngã. Chết thì ra đi trong cô độc, ra đi trong cô đơn, ra đi trong cay đắng, ra đi trong bóng đêm mù mịt tăm tối của vô minh và nghiệp lực.

Cuộc sống như màn ảo thuật, như trò hư ảo. Sáng còn chiều mất, sáng có chiều không. Thực rồi lại hư, thực thực hư hư, ngắn ngủi, mong manh, biến đổi không lường. Chuyện tình cảm ái luyến trên cuộc đời này cũng thật vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan. Ngày nào yêu thương nhau, tay trong tay với nhau trong sự say đắm, nồng nàn, sống chết bên nhau, bây giờ nhìn mặt nhau cũng không muốn nhìn, bên nhau chỉ còn là sự chán ngán, mệt mỏi, thù hận, tức giận, chỉ trích nhau, phiền trách nhau, ráng sống bên

nhau, ráng chịu đựng nhau, sống vật vờ, phỉnh phờ nhau cho qua ngày, qua tháng, qua năm. Đôi khi nảy sinh tình cảm với người mới rồi sanh khởi ý định giết hại người đã cùng mình “đầu ấp tay gối” thuở xưa. Bao nhiêu tình cảm yêu thương mặn nồng với nhau trước đây, giờ đã trở thành khói mây, trở thành cát bụi, trở thành hư ảo, giống như nó chưa từng có mặt trên cuộc đời này. Thực mà hư, hư mà thực. Thật là đau đớn và đắng cay. Thật là vô thường, tạm bợ. Thật là mong lung, bấp bênh, bất an và ảo mộng là cuộc sống này, là những tình cảm trong cuộc sống này.

1.2 Nguyên nhân của khổ đau

Bao nhiêu chuyện dở khóc, dở cười trong cuộc đời này, bao nhiêu chuyện cay đắng, xót xa, đau lòng, nát ruột trong cuộc đời này, tất cả cũng chỉ vì những dục, ái, tham, sân si trong thân tâm này thay đổi liên tục, biến đổi liên tục, sanh diệt liên tục. Nhưng những dục, ái, tham, sân, si trong thân tâm này thay đổi liên tục, biến đổi liên tục là vì sự vô thường, tạm bợ của những tình cảm, cảm xúc, cảm thọ, cảm giác trong thân tâm này; sự vô thường tạm bợ của những suy nghĩ, tư tưởng, sự hay biết, rõ biết trong thân tâm và sự vô thường của những xác thân này. Những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thân tâm này thay đổi liên tục, sanh diệt liên tục, biến đổi liên tục. Cuộc sống như một trò ảo thuật giữa có và không. Nhưng đáng tiếc thay, chúng

sanh không nhìn thấy rõ trò ảo thuật này của cuộc sống, chúng sanh không thấy rõ sự vô thường, tạm bợ của cuộc sống, chúng sanh không thấy rõ những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân và trong cuộc sống.

Do không nhìn thấy rõ, không thấy biết rõ sự thật và bản chất của những gì đang có mặt trong thân tâm và những gì đang có mặt trong cuộc sống này nên chúng sanh đã mê mãi, điên đảo chạy theo những thứ vô thường, tạm bợ này, chạy theo những cảm giác, cảm xúc của dục, ái, tham lam, sân hận, và si mê đối với thân tâm tạm bợ này và cuộc sống vô thường này để rồi chúng sanh chuốc lấy cho mình những lo sợ, bất an, những tai họa, tai ương, ách nạn, phiền não và đau khổ.

1.3 Sự ra đời của đạo Phật

Đức Phật, Ngài đã nhìn thấy được bản chất vô thường, tạm bợ của thân tâm và cuộc sống, Ngài đã nhìn ra được những dục, ái, tham, sân, si. Và Ngài đã nhiếp phục được lòng tham, lòng sân, lòng si đối với thân tâm và cuộc sống. Ngài đã có một đời sống hoàn toàn tự do, tự tại, không làm nô lệ cho dục, ái, tham, sân, si, không phụ thuộc vào những thứ vô thường, tạm bợ trong thân tâm và cuộc sống. Ngài đã đạt được tâm hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn không dính mắc, không trói buộc với bất cứ thứ gì trên đời này. Ngài đạt được tâm hoàn toàn giải thoát. Ngài đã giải

thoát khỏi tất cả những thứ vô thường, tạm bợ, mong manh, giải thoát khỏi tham sân si, dục, ái, giải thoát khỏi phiền não và khổ đau. Và Ngài đã chỉ dẫn lại cho chúng sanh con đường đưa đến sự thoát khỏi tất cả những phiền phức, phiền não trong cuộc sống này. Từ đó, đạo Phật ra đời, đạo Phật xuất hiện trên thế gian này.

Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của sự giác ngộ, sự có mặt của ánh sáng trí tuệ, sự có mặt của con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau. Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của ánh bình minh xua tan màn đêm đen tối của vô minh và si ám. Sự có mặt của đạo Phật là sự có mặt của tuệ giác, sự có mặt của trí tuệ chiếu soi sự thật của cuộc đời, vén lên màn đêm đen tối của cuộc đời, vén lên sự thật về cuộc đời.

1.4 Bối cảnh đạo Phật ngày nay

Cũng vậy, tập sách này ra đời nhằm mục đích làm sáng tỏ lại những lời dạy chân chánh của Đức Phật vốn đã bị mai một khá nhiều cùng với khoảng thời gian lịch sử khá dài trên hai ngàn năm trăm năm. Với một quá trình lịch sử chìm nổi, đầy biến động trong Phật giáo trên hai ngàn năm trăm năm qua; với những cuộc thẩm sát, tàn sát, hủy diệt của Hồi giáo đối với Phật giáo; với sự thêm bớt của người đời sau về những lời dạy của Đức Phật; với sự phát triển tràn lan của những tư tưởng cá nhân được đưa vào trong

đạo Phật; với sự chia rẽ tông phái, môn phái, trường phái trong Tăng chúng, thì đạo Phật ngày nay ví như một chén mật ong đã bị pha tạp thành một hồ nước lớn. Do đó, một hành giả chân chánh trong đạo Phật khó lòng tìm thấy được hương vị ngọt dịu, vi diệu, thần diệu và giải thoát của những lời dạy nguyên chất của Đức Phật ngày xưa. Đây là chỗ khó khăn, là chỗ khốn đốn, khốn khổ cho những hành giả muốn dẫn thân vào trong đạo Phật, muốn đi sâu vào đạo Phật, muốn tìm hiểu những lời dạy chân thật nguyên gốc của Đức Phật, muốn thực hành và thể nhập thâm sâu vào giáo pháp, vào sự thật, vào pháp hành mà Đức Phật đã chỉ dạy.

1.5 Nhân duyên hình thành tập sách

Với những thuận duyên hiền thiện, tốt lành của đời trước và đời này, chúng tôi đã tiếp cận được với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, chúng tôi lại có cơ duyên thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya, phân loại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật và chúng tôi lại được duyên lành trong thời gian vừa làm công tác phân loại kinh, vừa tu tập, thiền tập theo những lời dạy của Đức Phật trong bộ kinh sách này. Nhờ vậy, chúng tôi đã thể nhập được đôi phần trong những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, chúng tôi đã phát hiện ra cốt tủy trong những lời dạy của Ngài, chúng tôi thấy rõ con đường đi của mình, thấy

được con đường trực chỉ đi đến sự thanh tịnh thân tâm, chấm dứt sanh tử.

Tập sách này được chúng tôi viết ra với lòng từ mẫn, với tâm chân thành, với lòng tha thiết, tha thiết mong cầu, tha thiết trao gửi, tha thiết mong muốn đưa hành giả trở về với cội nguồn của Phật pháp, đi đến gần với lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Qua đây, hành giả được thấy, được nghe và được hành trì theo những lời dạy vi diệu, tuyệt vời của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thuở xưa để hành giả không bị tiền mất, tật mang, uổng công, vô ích khi đi theo những lối rẽ, ngõ cụt trong Phật giáo ngày nay, đi theo những cành lá trong đạo Phật ngày nay, không đạt được trítuệ chân thật về tự thân và cuộc sống, không nhìn ra được những hoạt động của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân và không đào thải hoàn toàn khỏi thân tâm tất cả những cấu uế, những rác bần này.

1.6 Mục đích của tập sách

Chúng sanh đang phải chịu đựng những nỗi khổ vì thân xác này bị sự vô thường, biến đổi, hoại diệt; phải chịu những nỗi khổ về già nua, bệnh tật, chết chóc; phải chịu những nỗi khổ về thương yêu nhau nhưng lại phải chia ly, chia lìa, xa cách, biệt ly nhau; phải chịu những nỗi khổ về thù hận, thù ghét, căm ghét nhau nhưng lại phải gặp gỡ, gặp mặt, đối mặt, đối diện nhau mỗi ngày; những nỗi khổ

về sinh nhai, kiếm sống, những nỗi khổ về sinh tồn... Chúng sanh đang quần quai trong sự khống chế và áp bức của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, ích kỷ, ganh tỵ, tật đố, hẹp hòi, hơn thua, tranh giành, đấu đá, gian xảo, lừa dối, trá trở, phản bội... Chúng sanh đang chết gục trong những lòng tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài... Chúng sanh đang bị thiêu đốt bởi những tâm sân hận, thù hận, tức giận, hiềm hận, oán hận, oán thù... Chúng sanh đang mê mờ trong những tâm dật dờ, buông lung, phóng dật, sống chìm nổi theo những cảm giác, cảm xúc tri tri, u mê, si mê, si ám trong nội tâm.

Tóm lại, chúng sanh đang bị chìm đắm trong tham sân si, chúng sanh đang bị tham sân si hành hạ, bị tham sân si dẫn dắt, bị tham sân si chi phối, bị tham sân si làm cho khổ đau. Mục đích của đạo Phật là nhằm tháo gỡ, nhằm giải tỏa những tham sân si này cho chúng sanh, giúp chúng sanh nhìn rõ được chân tướng của dục, ái, tham, sân, si, nhìn rõ chân tướng của cuộc đời và có một thái độ đúng đắn đối với cuộc đời, không mê đắm cuộc đời, không lệ thuộc cuộc đời, không bị cuộc đời chi phối, khống chế, áp bức và thống trị. Mục đích của đạo Phật là giải thoát chúng sanh khỏi tất cả những sanh tử, phiền não và khổ đau. Mục đích của đạo Phật là chỉ cho chúng sanh nhìn thấy rõ thân tâm đầy cạn bã, đầy rác bẩn, đầy sâu bọ, đầy nhiễm ô của mình và chỉ cho chúng sanh một phương pháp chân chánh

để đào thải, để thanh lọc khỏi thân tâm tất cả những cấu uế trong thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, an lạc, tự tại, giải thoát.

Như vậy, với mục đích làm sáng tỏ lại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, đưa người con Phật đến gần với những lời dạy nguyên gốc của Ngài, khơi gợi lại cho người con Phật nhớ về mục đích của đạo Phật cội nguồn thuở xưa và phương pháp tu tập chân chánh để đạt được mục đích này. Vì thế, chúng tôi đã thực hiện tập sách này.

1.7 Tâm nguyện của tác giả

Tóm lại, vì muốn làm cho sáng tỏ lại mục đích của đạo Phật; muốn dựng đứng lại một Chánh pháp đã bị quăng ngã xuống vì thời gian và không gian; muốn phơi bày ra trước ánh sáng những sự thật về thân tâm đã bị những thấy biết sai lầm che kín; muốn chỉ đường cho những người con Phật đang lạc lối trong những cành lá của Phật giáo ngày nay, không tìm về được cốt lõi của đạo Phật; muốn đem đèn sáng trí tuệ vào trong bóng tối của vô minh đang che phủ thế gian này để cho những ai có mắt có thể thấy được Sự thật của giáo pháp, Sự thật của những lời dạy của Đức Phật, Sự thật của thân tâm và Sự thật của cuộc sống nên chúng tôi đã chân thành, tha thiết viết nên tập sách này.

Mong rằng tấm lòng chân thành tha thiết vì Phật pháp, vì chúng sanh của chúng tôi sẽ cảm động được tất

trời, cảm động được lòng người, cảm động được những độc giả, học giả, hành giả đang dần thân, đang tìm cầu, đang tìm đến giáo pháp chân thật của Đức Thế Tôn. Và với sự cảm động này, với sự xúc động này, chúng tôi chân thành cầu chúc quý thiện hữu tri thức, quý độc giả, học giả, hành giả sẽ tìm được cho mình một chân đứng vững vàng, thâm sâu trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn.

1.8 Lời xin lỗi

Với cái nhìn còn giới hạn của bậc hữu học, chúng tôi chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sơ sót khi thực hiện tập sách này. Nếu có những sơ sót nào trong tập sách này làm phiền lòng quý thiện hữu tri thức, chúng tôi xin chân thành xin lỗi, xin quý thiện hữu hoan hỷ chỉ dẫn lại hoặc xả bỏ cho vì người viết đã không viết tập sách này với tâm bất thiện. Chúng tôi đã viết tập sách này bằng một tâm chân thành, hiền thiện, một lòng từ mẫn, cảm thương, một trách nhiệm đối với đạo Phật, một bổn phận đối với đời. Vì vậy, nếu có điều gì trong tập sách này không làm hài lòng quý thiện hữu, chúng tôi xin chân thành xin lỗi, xin quý thiện hữu hỷ xả cho.

1.9 Lòng tri ân

Tuy rằng còn trong trí tuệ hữu học nhưng để thành tựu được đôi phần trí tuệ này chúng tôi đã trải qua quá trình tìm cầu, học hỏi trong đạo Phật trong hơn ba mươi năm

qua - từ những năm tháng còn là những thanh thiếu niên mười mấy tuổi cho đến ngày giờ này đã gần năm mươi tuổi. Trong suốt hơn ba mươi năm đến với đạo Phật và tìm câu học hỏi trong đạo Phật, chúng tôi đã có hơn mười lăm năm tu học theo Phật giáo Bắc truyền, và mười lăm năm tu học theo Phật giáo Nam truyền. Sau mười mấy năm tu học theo Phật giáo Bắc truyền, chúng tôi đã chuyển sang tu học theo Phật giáo Nam truyền và tự tìm được chân đứng cho mình trong dòng kinh sách Nikāya nguyên chất của Đức Phật.

Trong sự đâm chồi nảy lộc của cây Bồ Đề có nhiều nhân duyên hiền thiện được kết hợp trong đó, nhưng chắc chắn rằng: Duyên quyết định trong tất cả các nhân duyên này chính là hạt giống Bồ Đề phải có mặt trong những nhân duyên đó. Nếu trong những nhân duyên, những thuận duyên đó không có hạt giống Bồ Đề thì chắc chắn rằng sẽ không có sự đâm chồi nảy lộc của cây Bồ Đề. Đôi chút trí tuệ chúng tôi thành tựu được trong dòng kinh Nikāya này là cả một khối nhân duyên dài từ đời sống quá khứ cho đến đời sống hiện tại hôm nay. Dù vậy, chúng tôi vẫn xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả những nhân duyên chúng tôi đã gặp trên con đường đi đến với giáo pháp chân truyền chân chánh nguyên gốc của Đức Phật.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân Cố Hòa thượng thượng Minh hạ Châu, người đã thành công trong việc phiên dịch sang Việt ngữ những lời dạy chân chánh,

nguyên gốc của Đức Phật, đưa chúng con đến gần với những lời dạy nguyên chất của Đức Thế Tôn trong kinh tạng Nikāya, mở mắt cho chúng con thấy được Chánh pháp thần diệu mà Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao. Chúng con xin vô lượng cung kính tri ân Ngài.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân Chư tôn hiền đức Tăng Ni đã nỗ lực gìn giữ và trao truyền Thánh tạng Nikāya này cho đến ngày hôm nay.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân cha mẹ, tri ân người anh trai đã theo sát chúng con trong thời gian chúng con còn tu học trong dòng pháp của Phật giáo Bắc truyền.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân cư sĩ Tâm Minh Anh, Thiện Trí, Mỹ Vân - Những người đã luôn hỗ trợ chúng con trong suốt quá trình thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya và thực hiện tập sách này.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân chư vị thiện hữu tri thức đã trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ chúng con trong việc in ấn tập sách này.

Chúng con xin cúi đầu cung kính tri ân tất cả.

Canh Tý, PL.2564 – DL.12-2020

Chơn Tín Toàn Kính Lễ

2 TỔNG QUAN KINH NIKĀYA

2.1 Lời mở đầu

Sau gần mười lăm năm tiếp xúc, làm việc, học hỏi và tu tập theo sự hướng dẫn của Đức Phật trong năm bộ kinh Nikāya, đó là Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh. Chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những trí tuệ vi diệu, thâm sâu, thực tế, gần gũi và rất sống động trong cuộc sống, nếu không được đem phổ biến rộng rãi cho cộng đồng Phật giáo trong nước và ngoài nước thì thật là một đáng tiếc vô cùng.

Thế nên, tập sách “Tinh Hoa Nikāya” này nhằm giới thiệu bộ kinh Nikāya đến với cộng đồng Phật giáo người Việt ở khắp nơi trên thế giới, nhằm đưa những người con Phật đến gần với lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Chúng tôi xin mạn phép được trình bày những tinh hoa, cốt tủy trong kinh Nikāya, pháp hành truyền thống trong kinh Nikāya, tầm quan trọng và lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh Nikāya và một số những vấn đề khác. Những phần được chia sẻ trong tập sách này sẽ giúp ích rất nhiều cho những đạo hữu đang muốn tìm hiểu pháp học và pháp hành trong kinh Nikāya, đang muốn dần thân sâu vào dòng pháp này, và đang muốn thể nhập vào giáo pháp này. Tập sách này là sự đúc kết của gần mười lăm năm chúng

tôi dẫn thân trong việc nghiên cứu, học hỏi, thẩm sát, thực tập và làm công trình phân loại kinh Nikāya.

Với tấm lòng chân thành tha thiết hướng về những người con chân chánh của Đức Phật đang khao khát tìm kiếm một đạo lộ tu tập chân chánh mà Đức Phật đã trao truyền lại trên hai ngàn năm trăm năm qua, chúng tôi đã tâm huyết hoàn thành tập sách này. Mong rằng tập sách này sẽ giúp quý hành giả đến gần với một đạo Phật đã trải qua quá nhiều những thăng trầm của thời gian, không gian, sự thêm bớt và sự vô thường.

2.2 Kinh Nikāya là gì?

Nikāya là tiếng Pāli, theo tiếng Việt thì Nikāya có nghĩa là sự thu thập lại, gom lại, thu góp lại, tập hợp lại, sưu tập lại, đúc kết lại. Bộ Kinh Nikāya có nghĩa là bộ sách đúc kết lại, tổng kết lại, tổng hợp lại, kết tập lại, khẳng định lại rõ ràng những lời dạy của Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế (có ý kiến cho rằng Nikāya có nghĩa là Kinh, nên khi nói thì chỉ cần nói là 5 bộ Nikāya).

Kinh Nikāya gồm có 5 bộ kinh:

1. Trường Bộ Kinh
2. Trung Bộ Kinh
3. Tương Ưng Bộ Kinh
4. Tăng Chi Bộ Kinh
5. Tiểu Bộ Kinh

2.3 Nguồn gốc bộ Nikāya được đề cập ở đây

Bộ Nikāya được đề cập và trích dẫn trong tập sách này là bộ Nikāya trong Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pāli tạng, xuất bản năm 1992, nhà xuất bản Tôn Giáo.

2.4 Đôi nét về 5 bộ kinh Nikāya

- Trường Bộ Kinh: gồm 2 tập sách, với 34 bài kinh.
- Trung Bộ Kinh: gồm 3 tập sách, với 152 bài kinh.
- Tương Ứng Bộ Kinh: gồm 5 tập sách, với khoảng gần 1.800 bài kinh ngắn.
- Tăng Chi Bộ Kinh: gồm 4 tập sách, được sắp xếp từ Tăng chi một pháp cho đến Tăng chi mười một pháp, với khoảng gần 1.200 bài kinh ngắn.
- Tiểu Bộ Kinh: là bộ sách 10 quyển. Bộ kinh này gồm những bài kinh lẻ và một số câu chuyện tiền thân về Đức Phật và tiền thân về chư Tăng được từ từ đưa vào sau này trong tạng kinh từ lần kết tập kinh điển lần 2 cho đến lần kết tập kinh điển lần 3. Trong phần này chúng tôi xin được phép không đề cập đến bộ kinh này.

2.5 Đôi nét về A-hàm (Āgama) và Nikāya

Trong lần kết tập kinh điển thứ 3, tức là khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, một số bất đồng xảy ra trong Tăng đoàn. Sau lần kết tập này, một số Tỳ-kheo bỏ đi về miền Bắc Ấn Độ, từ đây thành lập khái niệm Phật giáo Bắc

truyền (hay Bắc tông). Một thời gian sau đó, các vị này tổ chức kết tập kinh điển lần 4, phần kinh được kết tập lần này gọi là kinh A-hàm, và đây cũng là lần kết tập duy nhất của Phật giáo Bắc truyền. Cũng sau lần kết tập kinh điển lần 3, vua A-dục cho người đi về miền Nam Ấn Độ để truyền dạy Phật pháp, từ đây thành lập khái niệm Phật giáo Nam truyền (hay Nam Tông).

- Bắc Truyền có 4 bộ kinh A-hàm: Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm.
- Nam Truyền có 5 bộ kinh Nikāya: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh.
- Bộ A-hàm được truyền tụng bằng tiếng Sanskrit (tiếng Phạn).
- Bộ Nikāya được truyền tụng bằng tiếng Pāli.
- Bộ A-hàm bằng tiếng Sanskrit đã được dịch sang tiếng Trung Hoa, và lại dịch tiếp từ Trung Hoa sang Trung Hoa, và từ Trung Hoa sang Việt ngữ. Tính đến năm 1936 thì bộ kinh A-hàm, Đại Tạng Kinh Bắc Truyền bên Trung Hoa đã được sao dịch mười mấy lần, từ đó đến nay không biết có thêm lần phiên dịch nào nữa hay không.
- Bộ Nikāya được giữ nguyên ngôn ngữ tiếng Pāli từ trước đến nay nên không bị tình trạng “tam sao thất bản”. Bộ Đại Tạng Kinh Việt Nam được chúng tôi nói

đến trong bài viết này là bộ kinh do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ bộ Nikāya bằng tiếng Pāli sang Việt ngữ. Vì vậy, xét về nội dung, xét về độ xác thực theo sát lời Phật dạy thì đây là bộ kinh có độ xác thực gần gũi nhất với lời dạy nguyên gốc của Đức Phật.

• ***So sánh Nikāya và A-hàm:***

Dưới đây là bảng so sánh của Hòa thượng thượng Minh hạ Châu.

- Kinh Trường bộ: 34 bài, Trường A-hàm: 30 bài, giống nhau 27 bài.
- Kinh Trung bộ: 152 bài, Trung A-hàm: 222 bài, giống nhau 97 bài.
- Kinh Tương ưng bộ tương đương với Tạp A-hàm.
- Kinh Tăng chi bộ tương đương với Kinh Tăng nhất.
- Riêng Kinh Tiểu bộ thì tạng Pāli mới có.

2.6 Bộ Nikāya này được các vị Thánh Tăng thời Đức Phật sắp xếp thế nào?

- Những bài kinh khá dài được sắp xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Trường Bộ*.
- Những bài kinh dài vừa vừa được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Trung Bộ*.
- Những bài kinh ngắn có cùng một vấn đề, những bài kinh này được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Tương Ưng Bộ*.

- Những bài kinh ngắn được sắp xếp theo số lượng vấn đề được đề cập đến từ ít tới nhiều, những bài kinh này được xếp chung với nhau, gọi là *Kinh Tăng Chi Bộ*.

Ngoài ra, các bài kinh được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần hai và lần ba được gọi là *Kinh Tiểu bộ*.

2.7 Lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya

2.7.1 Kinh Nghe Với Tai (*Tăng II, 172*)

(Trích đoạn)

1.- *Này các Tỷ-kheo, các pháp do được **nghe** bằng tai, do **tụng** đọc bằng lời, do ý quan sát, do **kiến** khéo thể nhập, có **bốn** lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như Kinh Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh công trú với một loại Thiên nhân. Tại đấy, các vị sống an lạc đọc các pháp cú cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo, **chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.***

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống. Người ấy đi đến kết luận: “Đây là tiếng trống”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhưng có Tỷ-kheo có thần thông, đã đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh”. Này các Tỷ-kheo, chặm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng tù và. Người ấy

không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: “Đây là tiếng tù và”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy, không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; nhưng có **một Thiên tử** thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh”. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo...

Ví như, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn, hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: “Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này không?”. Người ấy có thể trả lời: “Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo... Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây,

các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy, không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể **có người được hóa sanh**: “Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?”. Vị ấy trả lời: “Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ”. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, có bốn lợi ích này được chờ đợi.

(Hết trích kinh)

2.7.2 Chiếu vé an toàn

Như vậy, nhờ ý khéo quán sát ý nghĩa các pháp, nhờ trí tuệ khéo thể nhập sự thật của các pháp trong khi nghiên cứu, nghe, học, đọc, tụng các pháp trong lời Phật dạy trong Nikāya, khi mạng chung, nếu hành giả bị thất niệm thì một trong bốn sự kiện sau đây sẽ xảy ra:

- Trường hợp thứ nhất: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc và đọc lại, nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật cho hành giả nghe. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ nhất, lợi ích thứ nhất khi hành giả tu học theo dòng pháp này.
- Trường hợp thứ hai: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc lại, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng sẽ có *“một Người tu có thần thông”*, vị này tu học theo đúng Chánh pháp, đạt được tâm tự tại, đến thuyết giảng Chánh pháp cho hội chúng chư Thiên này. *Ví như, có một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống, người ấy mau chóng đi đến kết luận: “Đây là tiếng trống”*. Cũng vậy, khi được nghe vị tu có thần thông này thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: *“Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta*

đã sống, đã tu tập”. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ hai, lợi ích thứ hai khi hành giả tu học theo dòng pháp này.

- Trường hợp thứ ba: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc tụng, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng có *“một Thiên tử đến thuyết giảng Chánh pháp”* cho hội chúng chư Thiên ấy. *Ví như có một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường nghe được tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy mau chóng đi đến kết luận: “Đây là tiếng tù và”.* Cũng vậy, khi được nghe vị Thiên tử này thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: *“Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống, đã tu tập”*. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ ba, lợi ích thứ ba khi hành giả tu học theo dòng pháp này.

- Trường hợp thứ tư: Sau khi bị thất niệm khi mạng chung, hành giả được sanh chung với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị Thiên nhân này sống an lạc nhưng không đọc tụng, không nhắc nhở lại những lời dạy của Đức Phật, nhưng có *“người trước đây là bạn đạo với hành giả”*, giờ hóa sanh tại cảnh giới chư Thiên cùng nơi với hành giả, vị này nhắc hành giả nhớ lại đời sống trước, nhớ lại pháp tu trước mà hành giả đã tu tập cùng với vị ấy. *Ví như, có hai người bạn nhỏ cùng chơi trò chơi đất bùn. Sau này lớn lên, hai người này gặp lại nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: “Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ trò chơi này không?”. Người ấy trả lời: “Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!”*. Cũng vậy, khi được nghe người bạn đạo trước đây nhắc nhở và thuyết giảng Chánh pháp, hành giả tư duy, quán sát và thấy rõ: *“Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống, đã tu tập”*. Chậm chạp hành giả khởi lên trí nhớ về các pháp mà mình đã học, sau đó, hành giả mau chóng đi đến thù thắng, mau chóng đi đến thành tựu các pháp mà hành giả cần phải thành tựu tiếp theo. Đó là trường hợp thứ tư, lợi ích thứ tư khi hành giả tu học theo dòng pháp này.

Tóm lại, khi hành giả tu tập và thể nhập vào dòng pháp này, đến lúc mạng chung, nếu hành giả bị thất niệm thì bốn trường hợp, bốn lợi ích sau đây sẽ đến với hành giả:

1. Hành giả được sanh tại một Thiên giới và các chư thiên ở đấy sẽ nhắc nhở hành giả tu học tiếp tục.
2. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một người bậc có thần thông, tu theo Chánh pháp, đến giảng pháp, nhắc hành giả tu học tiếp tục.
3. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một Thiên tử đến giảng Chánh pháp, nhắc hành giả tu học tiếp tục.
4. Hoặc tại thiên giới ấy, hành giả được một bạn đạo ở đời trước, giờ hóa sanh cùng chỗ với hành giả, nhắc hành giả tu học tiếp tục.

Đó là bốn trường hợp, bốn lợi ích, bốn sự kiện xảy ra với hành giả khi hành giả mạng chung bị thất niệm, nhưng nhờ trước đó hành giả đã tu học theo dòng pháp này với trí tuệ khéo quán sát và khéo thể nhập ý nghĩa và sự thật của các pháp nên có được lợi ích đó.

Như vậy, khi tu học theo con đường này, khi tu học theo dòng pháp này, hành giả sẽ có được sự an toàn, sự bảo đảm, sự chắc chắn cho mình *một chiếc vé an toàn, một chỗ ngồi an toàn*, vững chắc trên chiếc Thuyền Bát Nhã với Tám sự chân chánh, vĩ đại, thần diệu và hoàn hảo mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao để vượt biển sanh tử, vượt thoát khỏi sanh già bệnh chết, vượt thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vượt thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vô thường và phiền não.

Hành giả hãy hoan hỷ lên, hãy hân hoan lên, hãy vui cười lên khi hơn hai ngàn năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, chúng ta còn được thấy, còn được nghe, còn được đọc, còn được học, và còn được thực hành theo những lời nói, lời dạy, lời chỉ bảo, lời phơi bày những sự thật, những điều chân chánh, hy hữu, và thần diệu từ kim khẩu của Đức Thế Tôn. Hãy hạnh phúc lên, hãy hoan hỷ lên, hãy rạng ngời niềm vui, niềm an lạc và trí tuệ khi tu học theo dòng Thánh pháp này.

2.7.3 Mười lợi ích khi học và hành theo Nikāya

1. Trục chi Phật ngôn.
2. Biết được thực tế đời sống và xã hội thời Đức Phật.
3. Được tiếp xúc với trí tuệ tuyệt vời của Đức Phật.
4. Pháp học, pháp hành được rộng mở, không bị gò bó.
5. Tâm nguyện tu học chân chánh có khả năng được thành tựu.
6. Biết rõ điều cần tu tập.
7. Tâm được an trú trong trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác.
8. Được gieo duyên với Chánh pháp, Chánh đạo.
9. Thực tu theo Nikāya sẽ thực chứng sự chấm dứt sanh tử.
10. Tuệ đã khai mở, đạo sẽ thành tựu.

❖ Giải thích mười lợi ích

1. *Trực chỉ Phật ngôn*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
2. *Biết được thực tế đời sống và xã hội thời Đức Phật*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả biết được với những sự kiện thực tế đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh pháp của Ngài.
3. *Được tiếp xúc với trí tuệ tuyệt vời của Đức Phật*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, trí tuệ của hành giả được mở rộng, hành giả được nghe biết đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật thông qua các bài thuyết giảng của Ngài, và cách đối diện, cách xử trí của Ngài trước các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.
4. *Pháp học, pháp hành được rộng mở, không bị gò bó*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả thấy biết được pháp học và pháp hành đã được Đức Phật trình bày đa dạng dưới nhiều hình thức, nhiều góc độ,

nhiều khía cạnh. Hành giả học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một cá nhân, một tông phái nào.

5. *Tâm nguyện tu học chân chánh có khả năng được thành tựu*: Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh pháp, giúp hành giả không đi lệch ra ngoài con đường chân chánh đưa đến sự thoát ly khổ, thoát ly sanh tử, không làm uổng phí thời gian và công sức mà hành giả đã bỏ ra để nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi và thực hành theo giáo pháp của Đức Phật, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện chân chánh của người tu được thành đạt, được kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.
6. *Biết rõ điều cần tu tập*: Khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, hành giả có đầy đủ những phương tiện để thực hiện pháp học và pháp hành cho tự thân, hành giả biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử.
7. *Tâm được an trú trong trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác*: Trong khi học, đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bài kinh Nikāya thì tâm của hành giả được an trú

vào trong Chánh tri kiến, trong lúc ấy tham sân si vắng mặt, tâm được an trú vào trong Chánh pháp.

8. *Được gieo duyên với Chánh pháp, Chánh đạo:* Khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, ngay trong hiện tại hành giả gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại, chứng đạt quả A-la-hán. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự chấm dứt sanh tử thì những thiện duyên này sẽ giúp cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm của hành giả luôn hướng về sự tìm cầu Chánh pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà pháp, tà nhân, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
9. *Thực tu theo Nikāya sẽ thực chứng sự chấm dứt sanh tử:* Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bài kinh Nikāya thì chánh tri kiến đi đến thành tựu, giới hạnh đi đến thành tựu, tối thiểu cũng là bậc hướng đến Dự lưu, hoặc chứng được Dự lưu quả, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục,

súc sanh, ngã quý. Nếu hành giả dần thân sâu hơn trong dòng pháp này, vượt qua cửa chánh kiến, thành tựu các pháp chánh còn lại, làm giảm thiểu dục tham và sân, hoặc diệt tận dục tham và sân, diệt tận những tàn dư lậu hoặc, tùy theo mức độ tẩy sạch những rác bẩn, cấu uế trong tâm, hành giả có thể thành tựu Nhất lai quả, Bất lai quả, hay A-la-hán quả.

10. *Tuệ đã khai mở, đạo sẽ thành tựu:* Trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya, ngay giờ phút thân hoại mạng chung, nếu chẳng may do bệnh tật hay do duyên nghiệp cũ trước khi tu đã tạo, hay do tâm chưa thành tựu trong thiền định, hành giả bị thất niệm, tâm không tỉnh giác trong lúc ra đi, thì lúc đó nhờ vào các thiện duyên đã kết gieo đối với kinh Nikāya trước đây, tâm của hành giả đã nghiêng nhiều vào trong việc học hỏi và hành trì theo lời Phật dạy trong Nikāya, chánh tri kiến được đầy đủ, giới đức giới hạnh được đầy đủ, nên khi tái sanh đời sau, lúc đầu không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại đạo pháp, hành giả tiếp tục tu tập, tối đa bảy lần sanh tử là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng, giải thoát khỏi mọi khổ đau, phiền não, mệt mỏi, ràng buộc và dính mắc với Năm thủ uẩn (xem Kinh Nghe Với Tai (*Tăng II*, 172), Kinh Đế Thích Sở vấn (*Trường II*, bài 2).

Đó là những lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi và thực hành theo lời Phật dạy trong kinh Nikāya. Có thể còn có thêm nhiều lợi ích nữa trong việc nghiên cứu học hỏi Nikāya, nhưng trong phần này chúng tôi xin chỉ giới thiệu các lợi ích này. Mong rằng với những lợi ích được trình bày trên đây, hành giả sẽ tự biết điều mình cần phải làm trên con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau.

2.8 Điều nên tránh, nên làm khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya

2.8.1 Điều nên tránh

1. Tránh sân hận khi thấy nhiều sai lệch trong đạo Phật ngày nay: Người tu học nên tránh sự phản kháng, đả phá, công kích, sân hận, bực tức khi phát hiện tình trạng sai lệch trong đạo Phật hiện nay so với những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật. Vì sao? – Vì sự công kích, sân hận, phẫn nộ không mang đến lợi ích cho mình hay cho người, không đem lại an lạc cho mình và người, không giúp người thấy được thực pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, và chỉ đem lại mệt mỏi, phiền não cho mình và người mà thôi. Hiểu biết và chấp trước sự hiểu biết thì đó không phải là lời dạy của Đức Phật. Chánh kiến và hành trì theo chánh kiến, mang đến lợi ích và an lạc cho mình và cho người, đi đến sự phá sạch phiền não, diệt

tận vô minh, chấm dứt luân hồi sanh tử, đó mới là điều mà Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta.

2. **Tránh học pháp chỉ để khoái khẩu biện luận:** Người tu học cần tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya chỉ để đem ra khoái khẩu biện luận, tranh luận, ta đây, hơn thua với đời. Cách học pháp này chỉ làm tăng trưởng bản ngã, tăng trưởng kiến chấp, tăng trưởng tánh hơn thua, làm giảm thiện pháp trong mình và tăng trưởng bất thiện pháp trong tự thân, làm những người chưa biết Chánh pháp mất cảm tình, cảm hứng, cảm xúc và lòng tin với kinh Nikāya. Cách học pháp này là vô minh, là hại mình và hại người.
3. **Tránh học pháp chỉ để giảng nói, không phải để tu:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya chỉ để đem ra giảng dạy cho người nhưng xao lãng việc tu học của tự thân. Ví như việc chăn bò người, giúp người chăn con bò của họ nhưng lại không chăm sóc con bò của mình. Ví như muống với vị canh, vị này không thường thức được hương vị thực sự của giáo pháp. Cách học pháp này là vô minh, chỉ mang lại lợi ích cho người, nhưng không đem lại lợi ích cho tự thân, Đức Phật không khuyến khích cách học pháp này.
4. **Tránh mê học pháp, xao lãng thiền định:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng suốt ngày chỉ thích miệt mài vào trong các bài

kinh, không tu tập thiền định, không làm cho tâm an tịnh, tịnh chỉ, không nhiếp phục trạng thái vọng động hữu lậu trong tâm. Cách học pháp này là không đúng pháp, Đức Phật nói đó là không sống đúng pháp.

5. Tránh học pháp nhưng không áp dụng trong thực tế cuộc sống: Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng suốt ngày chỉ thích nghe, thích đọc Nikāya, không đem những ý nghĩa đã nghe, đã học áp dụng quán sát xem xét tự thân, phát hiện Ngũ uẩn trong tự thân, phát hiện tham sân si, vô minh, bản ngã, điều chỉnh tự thân, nhiếp phục tự ngã. Cách học pháp này là cạn cợt, hời hợt, không thể đi sâu vào dòng pháp, không thể nhập thâm sâu ý nghĩa các pháp trong lời Phật dạy.

6. Tránh diễn dịch câu kinh quá xa so với ý nghĩa thực tế của câu kinh: Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng diễn dịch ý nghĩa câu kinh đi quá xa so với ý nghĩa thực tế của câu kinh. Các pháp trong kinh Nikāya có ý nghĩa luôn minh bạch, xác thực, rõ ràng. Vì vậy, học giả hay hành giả cố gắng theo sát ý nghĩa thực tế của bài kinh, đừng diễn dịch xa vời hư ảo, làm nhiều loạn pháp, góp phần làm diệt tận Chánh pháp. Cách học pháp này là mang tội phỉ báng Phật pháp, xuyên tạc Phật pháp, góp phần làm Chánh pháp sớm ngày diệt vong.

7. **Tránh học hiểu sơ sài, thực hành sơ sài:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng đọc bài kinh, đọc câu kinh một cách sơ sài rồi nắm hiểu ý nghĩa một cách sơ sài, thực hành một cách sơ sài, làm lệch lạc ý nghĩa thâm sâu lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Cách học pháp này là vô minh, không nắm được cốt tủy lời dạy của Đức Phật, không đạt được lợi ích của người học pháp.
8. **Tránh học hiểu hời hợt rồi diễn giảng lại theo vô minh và bản ngã:** Người tu học nên tránh việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya nhưng đọc bài kinh, đọc câu kinh một cách hời hợt, không để tâm vào câu kinh, không để tâm vào pháp, rồi lại diễn giảng câu kinh theo hiểu biết trong vô minh và ngã mạn của bản thân, mang tội xuyên tạc Phật pháp. Cách học pháp này là vô minh và rất tai hại, đưa đến hại mình, hại người, làm tiêu diệt Chánh pháp, mở cửa vào ba đường ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

2.8.2 Điều nên làm

1. **Nên cẩn trọng tìm hiểu đạo Phật:** Người tu học cần tìm hiểu cẩn trọng về nguồn gốc hình thành kinh Nikāya, cốt tủy của Nikāya, lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi Nikāya, tầm quan trọng và vị trí của kinh Nikāya trong Đạo Phật.

2. **Nên nắm vững cốt tủy Nikāya:** Người tu học cần nắm vững tinh thần cốt tủy của Nikāya là gì, rồi sau đó bám sát tinh thần này để xem xét ý nghĩa các bài kinh. Sau khi thấy biết rõ ý nghĩa của bài kinh thì liên hệ ý nghĩa này với thực tế cuộc sống, thực tế bản thân để thực thấy, thực biết, thực chứng các pháp này.
3. **Nên gom ý nghĩa các bài kinh về một mối:** Người tu học nên nắm vững cốt tủy của Nikāya rồi tìm hiểu các bài kinh trong đó thì sẽ không bị lan man tri kiến trong rừng kinh Nikāya, sự thấy biết các pháp được gom về một mối, trí tuệ sẽ được xác quyết một cách rõ ràng trong sáng, rạch ròi, làm sanh khởi trạch pháp giác chi.
4. **Nên đọc hiểu cẩn trọng từng câu kinh:** Người tu học nên trân trọng từng bài kinh, đọc cẩn trọng từng lời, từng chữ trong câu kinh, để tâm vào từng lời từng chữ trong câu kinh, để tâm vào pháp, quán sát kỹ ý nghĩa các câu kinh và các pháp để nắm hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu kinh. Không đọc sơ sài, nắm hiểu sơ sài cạn cợt ý nghĩa của bài kinh.
5. **Nên bám sát các ví dụ trong bài kinh:** Người tu học nên để ý cẩn trọng, bám sát cẩn trọng những ví dụ trong bài kinh để nắm hiểu sâu sắc ý nghĩa của những điều mà Đức Phật muốn chỉ dẫn.
6. **Nên kham nhẫn cách nói lặp lại trong kinh:** Người tu học nên kham nhẫn cách nói lặp lại trong các bài kinh,

không để những cảm giác bức xúc, thúc giục, gấp gáp đọc nhanh đọc lẹ chi phối, tập kiểm chế cảm giác thúc giục này và đọc cẩn trọng bài kinh.

- 7. Nên quán sát lời kinh vào trong thực tế cuộc sống:** Người tu học nên áp dụng các thiện pháp đã được học, được nghe trong Nikāya vào trong đời sống của tự thân để thường thức được lợi ích khi gặp được Chánh pháp cao quý này, không uổng phí thời gian và công sức học pháp và tu tập của mình, thường thức được hương vị Pháp bảo tối thượng thần diệu này.
- 8. Nên học thuộc một số bài kinh căn bản rồi áp dụng thực hành:** Người tu học nên nắm vững một số bài kinh căn bản trong pháp hành, học thuộc những bài kinh này rồi vận dụng tu tập cho tự thân. Không nên học nhiều, đọc nhiều kinh nhưng tri kiến lan man, không rõ đường vào, không biết chỗ vào, không biết chỗ nào để nắm bắt để tu học theo Nikāya. (Những bài kinh căn bản cần học thuộc lòng đã được chúng tôi giới thiệu trong tập sách TÓM TẮT NGŨ UẨN, đó là những bài: Kinh Thủ Chuyển, Kinh Đấng Được Ăn, Kinh Trăng Rằm, Kinh Bảy Xứ, Kinh Niệm Xứ, Kinh Bọt Nước, Kinh Học Giới, Kinh Sa-môn, Kinh Hữu Học, Kinh Sona, Kinh Bạc Dự Lưu, Kinh Bạc A-la-hán, Kinh Các Hạng Sa-môn).

Đó là những điều nên tránh và nên làm trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya. Có thể còn có nhiều điều nên tránh và nên làm khác nữa, nhưng trong bài viết này chúng tôi chỉ xin giới thiệu các điều ngắn gọn, đơn giản ở trên.

Vào Nikāya là vào trong rừng kinh điển lời dạy của Đức Phật, thật không dễ nắm bắt được xương tủy lời dạy của Đức Phật trong các bài kinh; lại càng không dễ xâu chuỗi ý nghĩa của các bài kinh lại với nhau. Nếu không xâu chuỗi được ý nghĩa của các bài kinh và không xâu chuỗi được các pháp hành trong Nikāya thì bước vào Nikāya chẳng khác gì hành giả bước vào khu rừng mà không tìm được lối ra, hành giả vẫn bị lạc lối trong Nikāya, hoặc bị rơi vào một “*tri kiến ngỗ cụt*” nào đó khi đọc một vài bài kinh trong Nikāya. Ngay cả khi đọc hết bộ Nikāya cũng chưa chắc là hành giả đã nắm được xương tủy của Nikāya nếu hành giả không xâu chuỗi lại được cốt tủy của ý nghĩa và pháp hành trong Nikāya. Vì vậy, đến với Nikāya là điều hoàn toàn không phải dễ. Nếu không nắm được cốt tủy của Nikāya mà bước vào Nikāya thì khó mà tìm được chân đứng trong sự tu học của tự thân, và khó đạt được lợi ích cho tự thân trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.

Những điều nên tránh và nên làm trong khi nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya được chúng tôi trình bày trên đây là những kinh nghiệm được đúc kết lại sau gần mười lăm năm tiếp xúc với kinh Nikāya, trong đó có chín năm làm công việc

phân loại năm bộ Nikāya này. Chín năm ngồi đọc từng bài kinh một, đọc từng lời từng chữ trong từng bài kinh, đọc tới đọc lui một bài kinh, không những chỉ đọc một lần mà chúng tôi đã đọc nhiều lần, nghe nhiều lần năm bộ Nikāya này. Chúng tôi viết ra những lời khuyên nên tránh và nên làm này là vì lòng thương tưởng đối với đời, lòng thương tưởng đối với những hành giả đã và đang dần thân vào Nikāya nhưng không tìm được chân đứng trong Nikāya, không tìm được lối ra trong Nikāya, không nắm được cốt tủy trong pháp học và pháp hành trong Nikāya.

2.9 Nhân duyên hình thành Kinh Nikāya

Khi Thế Tôn nhập diệt, lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: *“Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm”*. Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: *“Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy?”*. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo được xuất gia khi đã lớn tuổi trong Tăng đoàn tên là Subhadda đã nói như sau: *Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: “Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi”*. Nay những

gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Khi nghe những manh nha loạn động này khởi lên trong Tăng chúng, Tôn giả Đại Ca Diếp quyết định tập hợp các vị A-la-hán đương thời để trùng tuyên lại, xác quyết lại những lời dạy của Đức Phật, xác quyết đường lối tu hành mà Đức Phật đã truyền trao và những giới luật mà Đức Phật đã ban hành. Ba tháng sau khi Đức Phật nhập diệt, đại hội kết tập kinh điển đầu tiên được tiến hành.

Trong lần kết tập kinh điển này, các Ngài Mahākassapa (Đại Ca Diếp), Ānanda, Upāli, Anuruddhā (A-na-luật)... Tất cả là 500 vị, phần nhiều các vị này đã được chính Đức Phật xác chứng là đã chứng đắc Thánh quả A-la-hán. Các vị A-la-hán này đã cùng nhau hội họp lại để thu góp lại, tập hợp lại, đúc kết lại những lời dạy của Đức Phật. Các Ngài cùng nhau xác định lại những điều mà Đức Phật đã chỉ dạy. Sau khi đã cùng nhau khẳng định lại, xác quyết lại tất cả những lời dạy, những bài giảng của Đức Phật, các Ngài đã kết tập, tập hợp những bài pháp này lại để cùng nhau tụng đọc, tu học và truyền trao cho các thế hệ Tăng Ni tiếp nối. Và bộ đúc kết những bài giảng của Đức Phật được gọi là Kinh, hay là Nikāya (Nikāya là bộ sách đúc kết lại những lời dạy nguyên chất của Đức Phật).

Các vị Thánh đệ tử đã tiến hành việc sắp xếp lại các bài giảng này theo các mức độ dài ngắn của bài giảng, theo chủ đề ý nghĩa của bài giảng, theo số lượng pháp được đề cập đến trong bài giảng. Năm trăm vị A-la-hán này đã công nhận bốn bộ kinh Nikāya là tất cả những lời dạy, những bài giảng của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, hay đó chính là toàn bộ phần Kinh tạng trong giáo pháp của đạo Phật. Mục đích của việc làm này là nhằm để ngăn chặn sự thêm bớt, bịa đặt, ngụy ngôn, ngụy tạo, giả mạo, bôi nhọ, xuyên tạc, trá hình lời dạy của Đức Phật. Đây là nguyên nhân đưa đến sự hình thành bộ kinh Nikāya.

Trong lần đầu tiên kết tập kinh điển này, 500 vị A-la-hán đã công nhận sự hình thành chính thức của Tạng Kinh và Tạng Luật trong đạo Phật. Trong Tạng Kinh lúc này chính thức gồm có Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ứng Bộ Kinh và Tăng Chi Bộ Kinh, không có Kinh Tiểu Bộ và không có Tạng Luận.

Kinh Tiểu Bộ là những bài kinh được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần thứ hai và thứ ba. Như vậy, các bản kinh được đưa vào trong tạng kinh, thành lập bộ Tiểu Bộ Kinh đã không được năm trăm vị A-la-hán chính thống thời Đức Phật xác chứng. Nếu xét về nội dung và ý nghĩa của các bài kinh trong Tiểu Bộ Kinh thì một số bài kinh trong Tiểu bộ trùng lặp trong bốn bộ kinh trước, còn các bài kinh còn lại thì tương đối phù hợp với ý nghĩa của bốn bộ

kinh Nikāya đầu tiên. Nhưng, để đảm bảo tính nguyên chất lời Phật dạy, khi làm công trình phân loại kinh Nikāya chúng tôi đã tách phần Kinh Tiểu Bộ ra để làm phân loại riêng. Kinh Tiểu Bộ còn được kết tập thêm trong lần kết tập kinh điển lần thứ ba.

Tạng Luận được xuất hiện rải rác từ kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai đến kỳ kết tập kinh điển lần thứ ba. Giai đoạn này là giai đoạn Tăng đoàn rơi vào tình trạng tranh luận gay gắt, lý luận nhiều kiểu, chia rẽ tả tơi, không phải là chia năm xẻ bảy mà là chia rẽ ra tới hơn hai mươi bộ phái. Sau này, một số ý kiến cho rằng: Nếu không hiểu biết về Tạng Luận thì sẽ không hiểu được Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Nếu nghĩ như vậy, thì chúng ta nên biết rằng, trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất thì khi ấy Tạng Luận chưa hình thành, mãi đến lần kết tập kinh điển lần ba thì Tạng Luận mới chính thức xuất hiện. Như vậy, các vị chứng Dự lưu, Nhất lai, Bất lai và A-la-hán trong thời Phật còn tại thế và sau khi Phật nhập diệt cho đến khi Tạng Luận xuất hiện thì sự chứng đắc Thánh quả của các vị này không chịu sự ảnh hưởng nào của các Tạng Luận sau này. Rõ ràng, sự chứng đắc này chính là do học hỏi trực tiếp từ tinh thần Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế), Phương Pháp Tám Đúng (Bát Chánh Đạo), Bốn Chỗ Cần Quán Sát (Tứ Niệm Xứ). Thế nên, trong sự tu tập này không nhất thiết phải hiểu biết về Luận tạng thì mới tu tập được.

2.10 Có gì mâu thuẫn, đáng nghi là “kinh giả sau này thêm vào” trong bộ Nikāya này không?

Thời gian xuất hiện của Tiểu Bộ Kinh là khoảng một trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt đến khoảng trên hai trăm ba mươi năm sau khi Đức Phật diệt độ, tức là Tiểu Bộ Kinh xuất hiện từ lần kết tập kinh điển lần thứ 2 và được kết tập thêm từ từ cho đến lần kết tập kinh điển lần 3, như vậy có sự thêm vào từ từ sau này. Một vài ý kiến chia sẻ với chúng tôi đã tỏ lộ sự nghi ngờ trong một vài bài kinh trong Tiểu Bộ Kinh như: kinh Hôi Thối (*Tiểu I*, 542) nói về vấn đề ăn thịt, một số bài kinh thuộc về tiền thân trong Tiểu Bộ, những bài kinh nói về trạng thái Niết-bàn trong Tiểu Bộ... Đó là một vài vấn đề bất cập trong Tiểu Bộ Kinh. Nhưng nếu xét về tinh thần chung thì Tiểu Bộ Kinh vẫn không đi ra ngoài tinh thần của Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo. Đọc lại cẩn thận, chúng tôi thấy một số bài kinh trong Tiểu Bộ đã trùng lặp với các bài kinh có trong bốn bộ kinh chính.

Nhưng để cẩn trọng trong việc tu học, trong phần này và trong tập sách này, chúng tôi xin không đề cập đến Tiểu Bộ Kinh mà chỉ xin trình bày tinh thần chung của bốn bộ Nikāya chính thống được công nhận bởi các vị Thánh tăng chân chánh thời Đức Phật còn tại thế. Như vậy, có gì mâu thuẫn và đáng nghi ngờ là kinh giả sau này thêm vào trong bốn bộ kinh chính của Nikāya không? Pháp hành thống nhất trong Nikāya là gì?

Nếu xét về tinh thần giáo pháp chủ đạo trong Nikāya thì tất cả các bài kinh có trong bốn bộ kinh Nikāya chánh thống lời Phật dạy đều hướng về sự trình bày và làm tỏ lộ tinh thần của Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuệ và Ba Mươi Bảy Bồ-đề Phần. Nội dung của các bài kinh này không có gì mâu thuẫn nhau, chống trái nhau, đối nghịch nhau. Tất cả các bài kinh trong bốn bộ Nikāya chính này có nội dung và ý nghĩa tương đồng với nhau, tất cả đều hướng về làm sáng tỏ Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn (Bốn Thánh Đế), Bốn Chỗ Cần Quán Sát của người tu (Bốn Niệm Xứ), Bốn Việc Chân Chánh Cần Làm của người tu (Bốn Chánh Cần), Bốn Pháp Giúp Định Tâm của người tu (Bốn Như Ý Túc), Năm Nền Tảng Tu Tập của người tu (Năm Căn), Năm Sức Mạnh Cần Có của người tu (Năm Lực), Bảy Pháp Đưa Đến Giác Ngộ cho người tu (Bảy Giác Chi), Phương Pháp với Tám Sự Chân Chánh trong đời sống của người tu (Bát Chánh Đạo), Giới Định Tuệ của một người tu và Bốn Vô Lượng Tâm mà một người tu cần tu tập để hỗ trợ tâm đi đến sự nhiếp phục tham sân si đối với Ngũ uẩn.

Lại nữa, sau mười lăm năm tìm hiểu, học hỏi, tu tập, thực hành, làm việc và xem xét từng bài kinh, từng câu kinh trong Nikāya, chúng tôi nhận thấy rằng tất cả các bài kinh trong bốn bộ Nikāya đều hướng về một mục đích là chỉ rõ những hành tướng của Ngũ uẩn, chỉ rõ những sự vô thường,

mông lung, đau khổ, bấp bênh của đời sống Ngũ uẩn, và những phương pháp hành trì, phương pháp tu tập, phương pháp thực hành để đi đến sự diệt tận vô minh, chặt đứt khát ái, chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau do tâm chấp thủ Ngũ uẩn đem lại. Và tất cả những điều này không ra ngoài Tứ Thánh Đế và Bát Chánh Đạo. Vì vậy, nội dung xuyên suốt và ý nghĩa xuyên suốt trong bốn bộ Nikāya chính là sự phơi bày, sự làm sáng tỏ, sự khai thị, khai mở, mở rộng Thánh trí về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế) cho cuộc đời này.

Như vậy, nếu xét trên tinh thần chung của bốn bộ Nikāya thì tất cả các bài kinh trong bốn bộ này không có gì là mâu thuẫn và đáng nghi ngờ là kinh giả sau này thêm vào. (Có ý kiến nghi ngờ về Thiên vô sắc giới trong Nikāya là do sau này thêm vào, phần này chúng tôi sẽ đề cập đến trong chương thiên sắc giới và thiên vô sắc giới trong tập sách).

3 TRUYỀN THÔNG TU TẬP TRONG NIKĀYA

3.1 Kinh Makhādeva (Trung II, bài 83)

Trong bài kinh này, Đức Phật đã tuyên bố như sau:

“Và này Ānanda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn?”

- Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Nay Ānanda, đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Ānanda, về vấn đề này, Ta nói như sau: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”.

Này Ānanda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Ānanda, Ta nói với Ông: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”.

(Hết trích kinh)

3.2 Truyền thông tu tập tốt đẹp mà Đức Phật đã truyền trao là gì?

Thánh đạo Tám ngành hay Pháp Tám Chánh gồm có: *thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh, định tâm chân chánh*. Đây là một đường lối tu tập, một phương pháp tu tập chân chánh, chân thiện, hoàn hảo và thiện xảo mà Đức Phật đã tự mình thấy biết, tự mình giác ngộ, tự mình phát giác phát hiện ra. Ngài đã tìm thấy một đường lối tu hành chân chánh hoàn hảo để giúp chúng sanh đi đến sự diệt tận khổ, chấm dứt sanh tử.

Trước đó và trong thời điểm Đức Phật thành đạo, tại Ấn Độ chưa có một ai khai mở, khai thị, hiển lộ một đạo lộ tu tập hoàn hảo và thiện lành đến như vậy. Chỉ cho đến khi Đức Phật với trí tuệ tròn đầy, với đôi mắt tâm sáng tỏ, Ngài đã nhìn thấy rõ Tám Chánh là một đạo lộ tu tập chân chánh, tuần tự và hoàn hảo đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau cho các chúng sanh. Ngài đã tu tập theo đạo lộ này, theo pháp hành này và Ngài đã đạt được sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Sau đó, Ngài đã trình bày, đã giới thiệu, đã xác lập cho chúng sanh đạo lộ đưa đến thoát khổ này. Vì vậy, Đức Phật nói rằng: Thánh Đạo Tám Ngành là truyền thông tu tập tốt đẹp mà Ngài đã thiết lập

cho cuộc đời này, tức là truyền thống tu tập với Tám sự chân chánh.

Tóm lại, Đức Phật đã thiết lập một truyền thống tu tập tốt đẹp, một đường lối tu hành chân chánh, hoàn hảo, thiện lành, đúng pháp mà bất cứ một người tu chân chánh nào muốn tu tập nhiếp phục những cấu uế trong thân tâm này cũng cần phải tu tập, cần phải dần thân, cần phải thực hành, cần phải thể nhập. Và truyền thống tốt đẹp đó chính là sự tu tập với Tám Điều Chân Chánh.

Sự tu tập Tám Điều Chân Chánh, cũng được gọi là Pháp Tám Chánh hay **Pháp Tám Đúng** với “Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng và Định đúng”.

Pháp Tám Đúng này, hay Pháp Tám Chánh này là pháp hành truyền thống tốt đẹp mà Đức Phật đã thiết lập và hướng dẫn cho chúng sanh. Ngài còn căn dặn những hàng hậu học trong đạo trí tuệ và giải thoát này phải nỗ lực học hỏi, thể nhập và truyền trao Thánh pháp này, chớ để cho Thánh pháp này bị diệt vong.

Đoạn kinh trên đã xác định, đã làm sáng tỏ pháp hành truyền thống, Chánh pháp truyền thống trong đạo Phật chính là Bát Chánh Đạo, hay Phương Pháp Tám Đúng.

3.3 Người tu chân chánh nào cũng phải có Tám Sự Chân Chánh này

Thánh đạo Tám ngành, hay Phương Pháp Tám Đúng, là một phương pháp tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật Thích Ca đã thiết lập để cho những ai muốn có một đời sống chân chánh, muốn có một sự tu hành chân chánh, muốn có một pháp hành chân chánh đúng pháp đưa đến sự thành tựu một thân tâm cao thượng, trong sạch, thanh tịnh, không cấu uế, những vị này có thể nghiên cứu học hỏi và áp dụng thực hành để đạt được mục đích cao thượng, tốt đẹp này.

Tám Đúng hay Tám Điều Chân Chánh là những điều mà bất cứ một người tu chân chánh nào cũng cần phải biết, cần phải tu tập, cần phải dẫn thân, cần phải thực hành trong đời sống của mình. Một sự tu hành mà có tu tập, có thực hành Tám điều chân chánh này thì đó chính là một sự tu hành chân chánh, một người tu chân chánh. Một sự tu nhưng không có tu tập, không có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì không được gọi là một sự tu hành chân chánh, không được xem là một người tu chân chánh.

Vì vậy, người tu cần phải biết rõ những điều mà mình cần phải có, cần phải tu tập, cần phải thực hành để trở thành một con người chân chánh thiện lành trong cuộc sống, trong xã hội và trong đạo pháp. Có Tám điều chân chánh, có Tám Pháp chân chánh mà một người tu cần phải biết và

cần phải tu tập thực hành để trở thành một người tu chân chánh.

Thế nào là Tám điều chân chánh mà một người tu cần phải biết, cần phải tu tập thực hành thì mới được gọi là một người tu chân chánh?

- Người tu chân chánh nào cũng cần có sự thấy biết đúng, thấy biết rõ ràng, thấy biết chân chánh về thân tâm, về thế giới. Vị này cần thấy biết rõ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang hoạt động thế nào trong thân tâm, chúng đang áp bức, khống chế thân tâm như thế nào. Vị này cần thấy biết rõ những căn bã, những rác bần, những cấu uế lậu hoặc đang có mặt trong Ngũ uẩn trong tự thân. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tri Kiến*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những suy nghĩ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã và cần nuôi dưỡng những suy nghĩ về ly dục, ly sân, ly ngu si. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tư Duy*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những cách nói bất thiện, những lời nói bất chánh như: từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời nhảm nhí và cần thành tựu những lời nói

hiền thiện, thiện lành, ái ngữ. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Ngữ*.

- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những hành động bất thiện, bất chánh, bất nhân như: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, dâm dục và cần thành tựu những hành động hiền thiện cao đẹp. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Nghiệp*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những hình thức nuôi mạng bất chánh, bất thiện, không đúng pháp, và cần thành tựu sự nuôi mạng sống một cách chân chánh, đúng pháp. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Mạng*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những siêng năng sai lầm, không đúng pháp; từ bỏ những sự nỗ lực tinh cần nhưng không có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái. Vị này cần phải có những nỗ lực tinh tấn đối với những việc chân chánh cần phải làm của một người tu như: tinh cần chế ngự các căn, tinh cần đoạn tận những tà tâm ý, tinh cần tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, tinh cần hộ trì những thiện pháp đã thành tựu. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có *Chánh Tinh Tấn*.

- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những tà niệm, từ bỏ những tâm niệm, những quán niệm sai lầm và cần tu tập thành tựu những tâm niệm, những quán niệm chân chánh, đúng pháp, có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết rõ những cấu uế trong thân tâm và nhiếp phục được những cấu uế này. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự tu tập và thành tựu *Chánh Niệm*.
- Người tu chân chánh nào cũng cần phải từ bỏ những cách định tâm sai, từ bỏ những lỗi thiền định không đúng pháp, không có khả năng đưa đến diệt tận tham sân si, và cần tu tập thành tựu cách thiền định chân chánh đúng pháp mà Đức Phật chỉ dạy, có khả năng đưa đến lậu tận, đưa đến diệt tận tất cả mọi tham ái, chấp thủ, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm. Như vậy, người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự tu tập và thành tựu *Chánh Định*.

Như vậy, bất cứ một người tu chân chánh nào cũng cần phải có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Tức là, một người tu nào cũng cần phải có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh

định. Tóm lại, sự tu hành nào cũng cần phải có sự thấy biết, có sự tu tập và thực hành Tám Pháp Chân Chánh này thì đó mới gọi là một sự tu chân chánh, một người tu chân chánh.

Nếu tu mà không có thấy biết, không có tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì đó không phải là một sự tu tập chân chánh, không phải là một pháp hành chân chánh, không phải là một đường lối tu chân chánh đúng pháp mà Đức Phật đã thiết lập, đã truyền trao.

3.4 Tu mà không có Tám Sự Chân Chánh này thì tu cái gì?

- Tu mà không có sự thấy biết chân chánh, không có sự thấy biết rõ ràng về những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang thúc giục, đang chi phối thân tâm này và cuộc sống này... Tu nhưng không thấy biết rõ thân tâm và cuộc sống, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không từ bỏ những suy nghĩ hướng về dục, ái, tham, sân, si và không tu tập những suy nghĩ về ly dục, ly ái, ly tham, ly sân, ly si... Tu nhưng không từ bỏ những suy nghĩ bất chánh, bất thiện như vậy và không tu tập những suy nghĩ chân chánh thiện lành, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không từ bỏ những lời nói bất thiện, không từ bỏ những cách nói bất thiện như: nói dối, nói hai lưỡi, nói

lời độc ác, nói lời nhắm nhí, linh tinh, nói trên đầu trên cổ người, nói lời hơn thua, nói móc người, nói la hét, nói chửi bới... Tu nhưng không từ bỏ những lỗi nói bất chánh, bất thiện, tu như vậy thì tu cái gì?

- Tu mà không từ bỏ những hành động bất chánh, không từ bỏ những hành động sát hại chúng sanh, không từ bỏ lấy của không cho, đối với cư sĩ thì không từ bỏ tà dâm, đối với tu sĩ thì không từ bỏ dâm dục... Tu nhưng không từ bỏ những thân hành bất chánh, bất thiện, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu nhưng nuôi mạng không chân chánh, cách kiếm sống không chân chánh, không từ bỏ những cách nuôi mạng bất chánh, bất thiện... Tu mà nuôi mạng sống của mình một cách bất chánh, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà không nỗ lực tinh cần chế ngự các căn, không nỗ lực tinh cần đoạn tận những tà tâm ý, không nỗ lực tinh cần tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, không nỗ lực tinh cần gìn giữ những thiện pháp đã hình thành... Tu mà không siêng năng, không nỗ lực tu tập bốn sự tinh cần này, tu như vậy thì tu cái gì?
- Tu mà để tâm không đúng chỗ, an trú tâm không đúng pháp, không khéo an trú tâm, không khéo quán sát thân, không khéo quán sát những cảm giác trong thân tâm, không khéo quán sát những hành tướng của nội tâm, không khéo quán sát những gì đang có mặt trong thân

tâm để phát giác, phát hiện những tham, sân, si, dục, ái, bản ngã đang sanh khởi, hoạt động và chi phối thân tâm... Tu mà không khéo quán sát thân tâm để thành tựu trí tuệ về thân tâm, không nhiếp phục những pháp bất thiện trong thân tâm, tu như vậy thì tu cái gì?

- Tu mà tâm định không đúng cách, cách định tâm không đưa đến trí tuệ, không thấy biết rõ hành tướng của vọng tưởng, hôn trầm, vô minh, lậu hoặc, không khéo nhiếp phục những dao động này trong tâm, không khéo diệt tận những cấu uế trong tâm... Tu mà định tâm không đúng cách, định tâm sai, cách định tâm không đưa đến diệt tận được những lậu hoặc trong nội tâm, tu như vậy thì tu cái gì?

Tóm lại, tu nhưng không có sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách, tu như vậy thì tu cái gì?

Như vậy, tu chính là tu tập Tám Điều Chân Chánh để hướng dẫn thân khẩu ý đi vào một đời sống chân chánh thiện lành, tốt đẹp, cao thượng, trong sạch, thanh cao, diệt tận được tham sân si, bản ngã, lậu hoặc, vô minh, khát ái. Tu là dẫn thân tu tập Tám Pháp Chân Chánh, thanh cao mà Đức Phật đã tu tập, đã thực hành, đã thành tựu và đã truyền trao. Nhờ sự tu tập thành tựu Tám Pháp Chân Chánh này mà Đức Phật đã thành tựu mục đích xuất gia của Ngài và

Ngài đã chứng đạt Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu tu mà không tu tập Tám Pháp Chân Chánh như vậy thì tu cái gì? Và một sự tu hành không có những điều chân chánh như vậy có mang đến lợi ích tốt đẹp, chân chánh gì cho người tu hay không? Đây là chỗ mà người con Phật ngày nay cần nên suy ngẫm, suy tư, cân nhắc.

3.5 Tám Chánh làm thỏa mãn những ước nguyện chân chánh

Phương Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo là sự tu tập Tám Điều Chân Chánh hay tu tập Tám cái đúng trong đời sống của một người tu, đó là “*thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách*”. Tu tập một đời sống với Tám cái đúng này hành giả sẽ có thể thành tựu được những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh.

Thế nào là những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh?

Người con Phật chân chánh là người đến với đạo Phật với những ước nguyện và những mong cầu chân chánh như sau:

- Mong rằng con sẽ tìm được trong đạo Phật một đạo lộ chân chánh, một con đường chân chánh, một pháp

hành chân chánh để diệt tận khổ, để chấm dứt khổ, chấm dứt phiền não và nước mắt.

- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một pháp tu chân chánh để thấy biết rõ tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân và nhiếp phục được chúng, chế ngự được chúng và diệt tận được chúng.
- Mong rằng con sẽ tìm được trong đạo Phật một con đường chân chánh để hoàn thiện thân tâm, để trong sạch thân tâm, để thanh tịnh thân tâm.
- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một lối tu chân chánh đưa đến thoát khỏi luân hồi, thoát khỏi biển trầm luân sanh tử, thoát địa ngục, thoát súc sanh, thoát ngạ quỷ, thoát những kiếp người tạm bợ, mong manh, bất an, rỗng không, vô nghĩa.
- Mong rằng con sẽ tìm thấy được trong đạo Phật một đường lối tu chân chánh, trong sạch, thiện lành, đúng pháp và con có thể sống một đời sống chân chánh, thiện lành, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả hai, an lạc, tự tại, giảithoát giữa cuộc đời đầy triền phược, rối ren này.
- Mong rằng con sống giữa cuộc đời này với tâm không tham, không sân, không si, không bị dục quấy rối, không bị ái trói buộc, không bị sân hành hạ, không bị vô minh chi phối, không bị bản ngã làm

mờ tối tâm tư, không phiền não, không dao động, không dính mắc, không giận hờn, không buồn vui, thương ghét, không được mất, có không trước những thứ vô thường, vô nghĩa và vô ngã trên cuộc đời.

Đó là những ước nguyện chân chánh của một người tu chân chánh. Đó cũng là những ước nguyện chân chánh của một người con Phật chân chánh. Và với những ai có những ước nguyện chân chánh như vậy khi đến với đạo Phật thì Thánh Pháp Tám Chánh thần diệu sẽ làm cho những ước nguyện chân chánh này đi đến sự thành tựu trọn vẹn, thành tựu mỹ mãn.

Pháp Tám Chánh là thần dược để điều trị những căn bệnh sanh tử, bệnh tật, chết chóc cho chúng sanh.

Pháp Tám Chánh là thần dược để giải tỏa tất cả những ưu buồn, phiền não trên cuộc đời này.

Pháp Tám Chánh là chiếc thuyền bát nhã đưa chúng sanh từ bến bờ của khổ đau đi đến bến bờ của an lạc, bình an, giải thoát chúng sanh khỏi cuộc đời mệt mỏi, trống rỗng này.

Tóm lại, Pháp Tám Chánh là một pháp tu chân chánh tối thượng, có thể làm thỏa mãn tất cả những ước muốn chân chánh của một người tu chân chánh.

3.6 Tiến trình sanh khởi Tám Chánh

Sau khi “nghe tiếng nói của người khác và như lý tác ý” được thành tựu, hành giả thành tựu *Chánh Tri Kiến*.

Với người có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng sự thật về thân tâm, về cuộc sống được thành tựu, thì những dòng suy nghĩ chân chánh trong người này sẽ bắt đầu sanh khởi và đi đến thành tựu, đó là *Chánh Tư Duy* sanh khởi.

Với người có những dòng suy nghĩ chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì người này dần kiểm soát được lời nói của mình. Mỗi lần lỡ thốt ra những lời nói bất chánh, không hiền thiện, không đúng pháp, hành giả cảm thấy tầm quý, cảm thấy xấu hổ, mắc cỡ và không muốn tiếp tục nói những lời không đẹp, không đúng pháp. Hành giả dần từ bỏ những lời nói bất chánh, không hiền thiện và tu tập nói những lời chân chánh, hiền thiện, đúng pháp. Như vậy, khẩu hành, cách nói chuyện chân chánh, đúng pháp ở người này sẽ sanh khởi và đi đến thành tựu, đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Ngữ*.

Với người có khẩu hành chân chánh, đúng pháp được thành tựu, vị này sẽ khởi lên mong muốn thân hành của mình cũng được trong sạch, hiền thiện, đúng pháp như khẩu hành, nên những thân hành, những hành động bất thiện, không chân chánh, không đúng pháp sẽ được người này nhiếp phục, từ bỏ, lánh xa. Người này hướng đến thực

hành những điều chân chánh, làm những việc hiền thiện, chân chánh, đúng pháp, thích ứng với một người có một sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh và lời nói chân chánh. Như vậy, thân hành chân chánh của người này được sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Nghiệp*.

Với người có thân hành chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì việc kiếm miếng ăn để nuôi thân mạng của người này sẽ được chuyển hướng đi vào quỹ đạo của việc kiếm sống một cách chân chánh, đúng pháp. Người này không muốn nuôi mạng sống của mình bằng những lời nói, những hành động bất chánh, không hiền thiện, không đúng pháp. Người này từ bỏ việc kiếm sống một cách bất chánh, bất minh, an trú sự mưu sinh trong đời sống giới đức, giới hạnh mà Đức Phật đã chỉ dạy. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Mạng*.

Với người có sự nuôi thân mạng một cách chân chánh đúng pháp được thành tựu thì những nỗ lực, tích cực, tinh cần, siêng năng, tinh tấn của người này sẽ đi đến sự chân chánh đúng pháp. Với sự chiếu soi của chánh tri kiến, với pháp Bốn Chánh Cần và Bốn Tinh Cần mà Đức Phật đã chỉ dạy, người này khéo kiểm soát, khéo chế ngự thân tâm (chế ngự căn), khéo nhiếp phục những tâm ý có dục, ái, tham, sân, si (đoạn tận tà tư duy), khéo tu tập chánh niệm tỉnh giác (tu tập Bảy Giác Chi), khéo duy trì, khéo hộ trì những pháp

hiền thiện đã sanh khởi trong nội tâm (hộ trì các thiện pháp đã sanh khởi như hộ trì các tướng xác chết, tướng bộ xương, tướng thân trương phình, tướng thân bị dòi ăn...). Như vậy, với người có sự nuôi mạng chân chánh thì những nỗ lực chân chánh, những siêng năng tinh cần chân chánh sẽ sanh khởi và thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Tinh Tấn*.

Với người có những nỗ lực chân chánh, đúng pháp được thành tựu thì tâm vị này dần an trú nhiều trên thân, vị này nhớ biết thân tâm nhiều hơn; sự thất niệm, hướng ngoại được giảm dần; vị này thường quay về an trú tâm trên thân, thường quán sát những sự thật đang có mặt trong thân, thọ, tâm và các pháp theo lời dạy của Đức Phật trong Kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10). Khi vị này quay về quán sát thân, thọ, tâm, pháp theo lời Kinh Niệm Xứ thì trí tuệ về thân, thọ, tâm, pháp trong vị này dần đi đến thành tựu. Vị này thành tựu trí tuệ về thân, thành tựu trí tuệ về các cảm thọ đang có mặt trong thân tâm, thành tựu trí tuệ về các hành tướng của tâm, thành tựu trí tuệ về các pháp cần phải nhiếp phục hay cần phải cho tăng trưởng, phát triển trong thân tâm. Như vậy, trí tuệ của hành giả tăng trưởng, phát triển và thành tựu khi hành giả có tâm được an trú trên thân.

Như vậy, khi Chánh Tinh Tấn được thành tựu, khi những siêng năng, những nỗ lực tinh cần chân chánh của một người tu được thành tựu thì tâm được kiểm soát nhiều hơn,

tâm được quán sát nhiều hơn, tâm được thấy biết nhiều hơn, tâm không còn lang thang, lơ mơ, mơ mộng, buông lung, phóng dật, chìm nổi, hướng ngoại như trước, mà tâm được đưa về an trú trên thân, tâm bắt đầu định trên thân, tâm bắt đầu nhớ biết thân, quán sát thân ngày một nhiều hơn và tâm dần đi đến sự định tâm trên thân một cách hoàn toàn, tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm, đang sanh diệt trong thân, thọ, tâm, pháp được hành giả thấy biết trọn vẹn, thấy biết hoàn toàn. Và với những pháp bất thiện được thấy biết, được phát hiện trong thân, thọ, tâm, pháp, hành giả vận dụng như lý tác ý, vận dụng chánh tri kiến, vận dụng chánh tinh tấn để nhiếp phục, để chế ngự, để diệt tận chúng. Như vậy, sự nhớ biết chân chánh, sự quán niệm chân chánh trong hành giả được sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Niệm*.

Với người có tâm niệm được an trú đúng chỗ, có tâm được an trú trên thân, có chánh niệm tỉnh giác chân chánh được thành tựu thì những lậu hoặc cấu uế trong tâm được thấy biết, được phát giác phát hiện và được nhiếp phục. Những pháp ác, pháp bất thiện trong vị này được đào thải, những pháp hiền thiện, chân chánh trong vị này được tu tập và đi đến thành tựu, tâm của vị này dần đi đến sự lắng dịu, dễ chịu. Vị này an trú tâm trong sự hoan hỷ với những pháp bất thiện được từ bỏ và những pháp thiện lành được thành tựu để tu tập và thể nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền,

Tứ thiền. Vị này tuân tự tu tập và thể nhập vào các tầng thiền định, thể nhập các trạng thái nhất tâm theo Thánh Chánh Định mà Đức Phật đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy. Như vậy, khi tâm niệm chân chánh được thành tựu thì sự định tâm chân chánh sanh khởi và đi đến thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Định*.

Với người có tâm an tịnh, định tĩnh một cách chân chánh đúng pháp thì người này sẽ có sự thấy biết chân chánh, chính xác tình trạng thân tâm của mình. Khi tâm còn có chút tàn dư cấu uế, lậu hoặc, vô minh nào thì vị này rõ biết tâm mình vẫn còn chút tàn dư cấu uế lậu hoặc, vô minh. Khi tâm không còn bất cứ một sự dao động, dính mắc, trói buộc nào đối trước nội trần và ngoại trần, không còn bất cứ một tàn dư nào của vô minh, lậu hoặc, người này thấy biết rõ điều đó. Trí tuệ chân chánh chính xác về tự thân được trong sáng và xác thực với thực tế của thân tâm. Như vậy, khi tâm có sự định tĩnh chân chánh, trong sáng, đúng pháp thì trí tuệ chân chánh, trong sáng, chính xác về tự thân được sanh khởi và thành tựu. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Trí*.

Với người có trí tuệ chân chánh, chính xác về thực tế thân tâm đã thực sự không còn dao động, không còn uế nhiễm lậu hoặc thì sự chân chánh giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não, khổ đau trong người này sẽ đi đến thành tựu viên mãn. Người này không còn bị vô minh, lậu

hoặc lén lút dẫn đi trong sanh tử. Người này không bị rơi vào trường hợp “vô minh còn, lậu hoặc còn mà tưởng là đã hết vô minh, tưởng là đã hết lậu hoặc, rồi tuyên bố là việc đã làm xong, tuyên bố là đã đến đích, tuyên bố là đã giải thoát, nhưng khi thân hoại mạng chung thì vẫn tiếp tục đi trong sanh tử mà tâm không hay, không biết”. Người này không bị rơi vào hoang tưởng, không bị rơi vào lầm tưởng rằng mình đã giải thoát trong khi tâm vẫn còn vô minh và lậu hoặc. Như vậy, khi trí tuệ chân chánh, chính xác về tự thân đã hết sạch lậu hoặc được thành tựu thì sự giải thoát chân chánh thật sự mới diễn ra. Đó là sự sanh khởi và thành tựu *Chánh Giải Thoát*.

Tóm lại,

- Với người có *chánh tri kiến*, thì *chánh tư duy* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh tư duy*, thì *chánh ngữ* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh ngữ*, thì *chánh nghiệp* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh nghiệp*, thì *chánh mạng* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có *chánh mạng*, thì *chánh tinh tấn* được sanh khởi và đi đến thành tựu.

- Với người có chánh tinh tấn, thì *chánh niệm* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh niệm, thì *chánh định* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh định, thì *chánh trí* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh trí, thì *chánh giải thoát* được sanh khởi và đi đến thành tựu.
- Với người có chánh giải thoát, có sự giải thoát chân chánh khỏi các cấu uế, lậu hoặc trong nội tâm thì sanh tử được chấm dứt, phiền não được chấm dứt, dục, ái, bản ngã, tham, sân được chấm dứt, được diệt tận một cách hoàn toàn trong nội tâm.

Đó là tiến trình sanh khởi và thành tựu Tám Pháp Chân Chánh của bậc hữu học và Mười Pháp Chân Chánh của bậc vô học.

3.7 Tầm quan trọng của Pháp Tám Chánh

Sự tu hành với một đường lối tu tập chân chánh, tốt đẹp và hoàn thiện với Tám Sự Chân Chánh như vậy chỉ có thể có dưới sự dẫn dắt, dưới sự hướng dẫn của một bậc đã khai mở được tuệ nhãn, đã thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể hướng dẫn một đường lối tu tập hoàn thiện như vậy, một đạo lộ tu tập

hoàn hảo cao đẹp đến vậy. Điều này đã được nêu rõ trong các kinh như: Kinh Các Pháp Thanh Tịnh (*Tăng IV*, 564), Kinh Pháp Chư Khởi (*Tăng IV*, 564), Kinh Sanh Khởi 1 (*Tương V*, 28), Kinh Sanh Khởi 2 (*Tương V*, 29).

- Vì Pháp Tám Đúng đưa người thực hành đi đến một đời sống tối thượng cao đẹp, tối thượng hiền thiện, tối thượng chân chánh trong xã hội, trong đạo đức làm người và đạo đức của bậc Thánh nhân, nên Pháp Tám Đúng có vi trí tối thượng trong cuộc sống, có tầm quan trọng tối thượng trong đạo Phật.
- Vì Pháp Tám Đúng đưa người thực hành đi đến sự thoát khỏi tất cả những phiền não khổ đau trong cuộc sống nên Pháp Tám Đúng có lợi ích tối thượng trong cuộc sống.

Như vậy, Pháp hành Tám Đúng là châu báu của đạo Phật, là châu báu của thế giới, là tài sản vô giá của thế giới, là tinh hoa trí tuệ vô giá của thế giới, là ánh sáng trí tuệ tối thượng của cuộc sống. Thế giới nhờ có ánh sáng trí tuệ thần diệu này mà các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh, các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết, các chúng sanh bị ô nhiễm được giải thoát khỏi ô nhiễm, các chúng sanh bị sầu bi khổ ưu não được giải thoát khỏi sầu bi khổ

ưu não. Do đó, giá trị của Pháp Tám Đúng là vô giá, là vô thượng, là tối thượng cao đẹp trên cuộc đời này.

Khi Pháp Tám Đúng còn được tu tập, còn được thành tựu, còn được trao truyền thì đạo Phật còn, Chánh pháp còn, lời dạy nguyên gốc của Đức Phật còn, còn có người tu hành chân chánh và còn có người đạt được sự giải thoát chân chánh khỏi sanh tử.

Khi Pháp Tám Đúng không còn được tu tập, không có người thành tựu, không có người truyền trao thì khi đó là đạo Phật bị mất gốc, Chánh pháp bị diệt tận, những lời dạy nguyên chất của Đức Phật bị thất truyền, không có người tu hành chân chánh và không có người chân chánh đạt được sự chấm dứt sanh tử và khổ đau. Khi đó, sự tu đạo của chúng sanh rơi vào trong tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Tức là khi đó, chúng sanh tu tập trong sự thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, nuôi mạng sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách. Với một sự thấy biết sai lầm và một đường lối tu tập sai lầm như vậy, chúng sanh sẽ không thể đạt đến chánh trí và chánh giải thoát, tức là chúng sanh sẽ không thể thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân và không thể thành tựu sự giải thoát chân chánh. Chúng sanh sẽ đi đến thành tựu tà trí và tà giải thoát.

Tà trí là trí tuệ sai lầm về tự thân. Tâm còn vô minh, còn lậu hoặc mà lại tưởng rằng tâm mình đã hết vô minh, hết lậu hoặc. Đó gọi là *Tà trí*.

Tà giải thoát là sự giải thoát không chân chánh, không thật sự giải thoát. Cho rằng mình đã giải thoát khỏi sanh tử, mình đã hết sạch những cấu uế trong nội tâm, nhưng trên thực tế thì vị này vẫn chưa được giải thoát khỏi sanh tử, chưa hết sạch những cấu uế lậu hoặc trong tâm. Đó gọi là *Tà giải thoát*.

Như vậy, khi phương pháp tu tập với Tám sự chân chánh đưa đến sự thoát khỏi phiền não và khổ đau mà Đức Phật đã truyền trao bị thất truyền, bị biến mất, thì thế giới chìm vào trong bóng tối, rơi vào trong màn đêm của vô minh, chúng sanh tu tập trong sự quờ quạng, tăm tối, không có lối thoát khỏi sanh tử, không có lối thoát khỏi khổ đau.

Vì vậy, Đức Phật đã nói: *Này Ānanda, Ta nói với Ông: “Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta”*. Như vậy, điều mà người con Phật chân chánh cần ghi khắc trong tim, đó là: Pháp hành chân chánh, pháp hành truyền thống mà Đức Phật đã truyền trao lại cho chúng sanh đó chính là Phương Pháp Tám Đúng, là đường lối tu hành với Tám Sự Chân Chánh. Bốn phận của người con Phật là phải tiếp nối, phải duy trì, phải thực hành và phải

trao truyền lại đường lối tu hành chân chánh này cho người đời sau. Chớ làm người tối hậu sau Đức Phật. Chớ làm cho dòng pháp hiền thiện, chân chánh này bị đứt đoạn ở đời sau. Đây là bổn phận, là trách nhiệm của những người con Phật chân chánh. Người con Phật ngày nay cần ghi khắc kỹ trong tâm bổn phận và trách nhiệm này.

3.8 Không tu tập Tám Chánh, không thể chứng Thánh quả

3.8.1 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần IV)

(Trích đoạn)

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigaṇṭha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tư cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác

ngô?

- *Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: “Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ”. Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn!*

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. - *Này Subhadda,*

- *Trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo, thời ở đây không có (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- *Trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo thời ở đây có (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- *Chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.*

- *Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu **Trí**, tu **Đức**.*

- *Ngoài lĩnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhất), cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.*

28. *Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:*

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con

xin thọ đại giới.

(Hết trích kinh)

3.8.2 Thánh chuông đánh thức tâm mê

Như vậy, với đoạn kinh trên, Đức Phật đã xác quyết rõ năm điều sau đây:

- Nơi nào không có tu tập, không có thực hành Tám Pháp Chân Chánh, tức là không có tu tập sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và thiền định chân chánh, thì nơi đó không có người chân chánh thể nhập các Thánh quả từ Dự lưu đến A-la-hán quả.
- Nơi nào có tu tập, có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì nơi đó có người chân chánh thể nhập các Thánh quả từ Dự lưu đến A-la-hán quả.
- Ngay trong đạo Phật, những nơi có tu tập, có thực hành Tám Pháp Chân Chánh thì nơi đó có những vị chứng Bốn Thánh quả. Còn những hệ thống ngoại đạo khác đều không có người chứng các Thánh quả.
- Nếu những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật sống tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì đời này sẽ không vắng những vị A-la-hán, những vị với tâm thuần thiện, thuần lương, hết sạch tham sân si, hết sạch tất cả những

cầu uế, lậu hoặc, rác bần trong nội tâm, tâm được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, giải thoát.

- Ngoài lĩnh vực này, ngoài sự tu tập Tám Pháp Chân Chánh này thì những hệ thống tu tập khác không có những vị chứng các Thánh quả tối thượng, cao đẹp nhất trên đời.

Lời nói này, lời tuyên bố này của Đức Phật là một hồi Thánh chuông đánh thức tâm mê, đánh thức cuộc đời vô minh tăm tối này rằng: Dù là ai, dù ở đâu, dù bất cứ nơi nào trên thế giới này nếu không có sự tu tập thân tâm với Tám Pháp Chân Chánh, không đưa thân tâm vào trong một đời sống chân chánh như vậy thì khó mà vượt phạm chứng Thánh, khó mà tẩy sạch hết tất cả những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm, khó mà đi đến sự đoạn diệt sanh tử và chấm dứt khổ đau.

3.9 Tầm vóc giá trị của Pháp Tám Chánh

Pháp Tám Đúng, hay Pháp Tám Chánh, hay Bát Chánh Đạo là đạo lộ duy nhất (Kinh Magandiya – *Trung* II, bài 75), pháp hành duy nhất để tác thành sự giải thoát sanh tử, sự chấm dứt khổ đau. Nếu không thực hành, không tu tập theo đường lối này thì việc diệt tận lậu hoặc và giải thoát sanh tử là điều không thể xảy ra.

Đức Phật, Ngài được gọi là Phật, được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chính nhờ vào việc Ngài đã phát minh,

phát giác, phát hiện và khám phá ra một con đường hoàn hảo, một đạo lộ chu toàn, một đường lối tu tập thiện xảo đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử. Và con đường hoàn hảo đó, đạo lộ chu toàn đó, đường lối tu tập thiện xảo đó chính là đường lối tu tập với Pháp Tám Đúng hay Tám Sự Chân Chánh, đó là *Thấy biết đúng hay Thấy biết chân chánh, Suy nghĩ đúng hay Suy nghĩ chân chánh, Nói lời đúng hay Nói lời chân chánh, Hành động đúng hay Hành động chân chánh, Nuôi mạng đúng hay Nuôi mạng chân chánh, Siêng đúng việc hay Siêng năng chân chánh, Quán đúng chỗ hay Quán niệm chân chánh, Định đúng cách hay Định tâm chân chánh.*

Với đường lối tu tập hoàn hảo, chu toàn, tuyệt diệu, thiện xảo với Tám cái đúng, Tám sự chân chánh này, hành giả có thể đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận mọi sự si ám trong nội tâm, lật tẩy hết tất cả những sâu bọ, những rác bần, những cấu uế trong nội tâm, đưa thân tâm đi đến sự thuần thiện, trong sạch, cao thượng, giải thoát.

Pháp Tám Đúng là một đường lối tu tập hoàn hảo, thiện xảo trong sự nhiếp phục và đào thải hết tất cả những rác bần trong nội tâm. Bất luận là ai ở trên đời, bất luận nơi nào ở trên đời nếu nơi đó có tu tập Tám Sự Chân Chánh này thì nơi đó có những người đã và đang trên con đường đi đến sự phá trừ phiền não, diệt tận tham sân si và chấm dứt khổ đau do luân hồi sanh tử mang lại.

Pháp Tám Đúng là một phương pháp tu tập hợp lý, hoàn hảo, chu toàn trong việc diệt trừ phiền não và diệt tận tham sân si.

Vì vậy, Pháp Tám Đúng có vị trí tối thượng trong đạo Phật, có tầm vóc tối thượng trong đạo Phật, có giá trị tối thượng trong đạo Phật. Và Pháp Tám Đúng chính là độc đạo, là con đường độc nhất, con đường duy nhất đưa đến sự diệt trừ phiền não, chấm dứt sanh tử cho các chúng sanh. Đây là điều đã được Đức Phật nói rõ trong kinh Magandiya (*Trung II*, bài 75).

4 CHÁNH KIẾN TRONG NIKĀYA

4.1 Thế nào là vị thành tựu Chánh Kiến?

4.1.1 Kinh Chánh Tri Kiến (*Trung I, bài 9*)

(Sammādiṭṭhi Suttam)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvathī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) gọi các Tỷ-kheo... Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– *Chư Hiền, chánh tri kiến, chánh tri kiến, được gọi là như vậy. Chư Hiền, cho đến như thế nào, một Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?*

– *Chúng tôi từ xa đến để được hiểu ý nghĩa lời nói ấy từ Tôn giả Sāriputta. Thật lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta giảng cho ý nghĩa lời nói ấy. Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.*

– *Chư Hiền, vậy hãy nghe, hãy khéo tác ý. Ta sẽ giảng.*

– *Thưa vâng, Hiền giả...*

• **Tuệ tri THIỆN, BÁT THIỆN**

Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được **Bất thiện** và tuệ tri được **Căn bản bất thiện**, tuệ tri được **Thiện** và tuệ tri được **Căn bản thiện**. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là Bất thiện? Thế nào là Căn bản bất thiện? Thế nào là Thiện? Thế nào là Căn bản thiện?

1. Chư Hiền, sát sanh là bất thiện
2. Lấy của không cho là bất thiện
3. Tà hạnh trong các dục là bất thiện
4. Nói láo là bất thiện
5. Nói hai lưỡi là bất thiện
6. Ác khẩu là bất thiện
7. Nói phù phiếm là bất thiện
8. Tham dục là bất thiện
9. Sân là bất thiện
10. Tà kiến là bất thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

*Và chư Hiền, thế nào là **căn bản bất thiện**?*

- **Tham** là căn bản bất thiện
- **Sân** là căn bản bất thiện

- *Si* là căn bốn bất thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn bất thiện.

Và này *chư Hiền*, thế nào là **thiện**?

1. Từ bỏ sát sanh là thiện
2. Từ bỏ lấy của không cho là thiện
3. Từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện
4. Từ bỏ nói láo là thiện
5. Từ bỏ nói hai lưỡi là thiện
6. Từ bỏ ác khẩu là thiện
7. Từ bỏ nói phù phiếm là thiện
8. Không tham dục là thiện
9. Không sân là thiện
10. Chánh tri kiến là thiện

Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là **căn bốn thiện**?

- **Không tham** là căn bốn thiện
- **Không sân** là căn bốn thiện
- **Không si** là căn bốn thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bốn bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bốn thiện như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả **tham**

tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta và hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

• **Tuệ tri BỐN THỨC ĂN**

– Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn, tuệ tri tập khởi của thức ăn, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn, và tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là **thức ăn**? Thế nào là tập khởi của thức ăn? Thế nào là đoạn diệt của thức ăn? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn?

- Chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến các loài

chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hỗ trợ cho sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực, loại thô hay loại tế, xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư.

- Từ tập khởi của **ái** có tập khởi của thức ăn.
- Từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn.
- **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi của thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sāriputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sāriputta câu hỏi như sau:

• **Tuệ tri KHỔ**

– Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này

Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ, tuệ tri Tập khởi của khổ, tuệ tri Đoạn diệt của khổ, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là Khổ? Thế nào là Tập khởi của khổ? Thế nào là Đoạn diệt của khổ? Thế nào là Con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ?

- *Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại Năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là Khổ.*
- *Chư Hiền, thế nào là Tập khởi của khổ? Chính là ái đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hưởng đến tái sanh, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Chư Hiền, như vậy gọi là Tập khởi của khổ.*
- *Chư Hiền, thế nào là Đoạn diệt của khổ? Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quăng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát ái ấy.*
- *Chư Hiền, thế nào là Con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Chính là Thánh Đạo Tám Ngành đưa đến*

khổ diệt, tức là Chánh tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ như vậy, tuệ tri Tập khởi của khổ như vậy, tuệ tri Đoạn diệt của khổ như vậy, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri GIÀ CHẾT**

– *Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?*

– *Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **già chết**, tuệ tri tập khởi của già chết, tuệ tri đoạn diệt của già chết, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...*

Chư Hiền, thế nào là già chết? Thế nào là tập khởi của già chết? Thế nào là đoạn diệt của già chết? Thế nào là con

đường đưa đến đoạn diệt của già chết?

- *Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chư Hiền, như vậy gọi là **già**.*
- *Chư Hiền thế nào là chết? - Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài; chư Hiền, như vậy gọi là **chết**. Già như vậy và chết như vậy, chư Hiền, như vậy gọi là già chết.*
- *Từ sự tập khởi của sanh, có sự tập khởi của già chết.*
- *Từ sự đoạn diệt của sanh, có sự đoạn diệt của già chết.*
- *Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết như vậy, tuệ tri tập khởi của già chết như vậy, tuệ tri đoạn diệt của già chết như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhờ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri

kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri SANH**

– Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sanh, tuệ tri tập khởi của sanh, tuệ tri đoạn diệt của sanh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sanh. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là sanh? Thế nào là tập khởi của sanh? Thế nào là đoạn diệt của sanh? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh?

- Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đăc các xứ; Chư Hiền, như vậy gọi là sanh.
- Từ sự tập khởi của hữu, có sự tập khởi của sanh.
- Từ sự đoạn diệt của hữu, có sự đoạn diệt của sanh.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri được sanh như vậy, tuệ tri được tập khởi của sanh như vậy, tuệ tri được đoạn diệt của sanh như vậy, tuệ tri được con đường đưa đến đoạn diệt của sanh như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả! ...

• **Tuệ tri HỮU**

– *Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?*

– *Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hữu**, tuệ tri tập khởi của hữu, tuệ tri đoạn diệt của hữu, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...*

Chư Hiền, thế nào là hữu? Thế nào là tập khởi của hữu? Thế nào là đoạn diệt của hữu? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu?

- *Chư Hiền, có ba hữu này: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.*

- Từ tập khởi của **thủ**, có tập khởi của hữu.
- Từ đoạn diệt của thủ có đoạn diệt của hữu.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu như vậy, tuệ tri tập khởi của hữu như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hữu như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri THỦ**

*... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri tập khởi của **thủ**, tuệ tri đoạn diệt của thủ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...*

Chư Hiền, thế nào là thủ? Thế nào là tập khởi của thủ? Thế nào là đoạn diệt của thủ? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ?

- Chư Hiền, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ.
- Từ tập khởi của **ái**, có tập khởi của thủ.
- Từ đoạn diệt của ái, có đoạn diệt của thủ.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ như vậy, tuệ tri tập khởi của thủ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thủ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri ÁI**

... Chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **ái**, tuệ tri tập khởi của ái, tuệ tri đoạn diệt của ái, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là ái? Thế nào là tập khởi của ái? Thế

nào là đoạn diệt của ái? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của ái?

- Chư Hiền, có sáu loại ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.
- Từ tập khởi của **tho**, có tập khởi của ái.
- Từ đoạn diệt của thọ, có đoạn diệt của ái.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của ái, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái như vậy, tuệ tri tập khởi của ái như vậy, tuệ tri đoạn diệt của ái như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• Tuệ tri THỌ

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **tho**, tuệ tri tập khởi của thọ, tuệ tri đoạn diệt của thọ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là thọ? Thế nào là tập khởi của thọ? Thế nào là đoạn diệt của thọ? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ?

- *Chư Hiền, có sáu loại thọ này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh.*
- *Từ tập khởi của **xúc**, có tập khởi của thọ.*
- *Từ đoạn diệt của xúc, có đoạn diệt của thọ.*
- *Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ như vậy, tuệ tri tập khởi của thọ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thọ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri XÚC**

*... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **xúc**, tuệ tri tập khởi của xúc, tuệ tri đoạn diệt của xúc, tuệ tri con đường*

đưa đến đoạn diệt của xúc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là xúc? Thế nào là tập khởi của xúc? Thế nào là đoạn diệt của xúc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc?

- Chư Hiền, có sáu loại xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.
- Từ tập khởi của **sáu nhập**, có tập khởi của xúc.
- Từ đoạn diệt của sáu nhập, có đoạn diệt của xúc.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc như vậy, tuệ tri tập khởi của xúc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của xúc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri SÁU NHẬP**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **sáu nhập**, tuệ tri tập khởi của sáu nhập, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là sáu nhập? Thế nào là tập khởi của sáu nhập? Thế nào là đoạn diệt của sáu nhập? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập?

- Chư Hiền, có sáu nhập này: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.
- Từ tập khởi của **danh sắc** có tập khởi của sáu nhập.
- Từ đoạn diệt của danh sắc có đoạn diệt của sáu nhập.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, chỉ khi nào vị Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập như vậy, tuệ tri tập khởi của sáu nhập như vậy, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri DANH SẮC**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **danh sắc**, tuệ tri tập khởi của danh sắc, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là danh sắc? Thế nào là tập khởi của danh sắc? Thế nào là đoạn diệt của danh sắc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc?

- Thọ, tướng, tư, xúc, tác ý, như vậy gọi là danh. Bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, như vậy gọi là sắc. Như vậy, đây là danh và đây là sắc, Chư Hiền, như vậy gọi là danh sắc.
- Từ tập khởi của **thức**, có tập khởi của danh sắc.
- Từ đoạn diệt của thức, có đoạn diệt của danh sắc.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc như vậy, tuệ tri tập khởi của danh sắc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tỳ sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên

“Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tâm khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• Tuệ tri THỨC

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **thức**, tuệ tri tập khởi của thức, tuệ tri đoạn diệt của thức, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là thức? Thế nào là tập khởi của thức? Thế nào là đoạn diệt của thức? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức?

- Chư Hiền, có sáu loại thức này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.
- Từ tập khởi của **hành**, có tập khởi của thức.
- Từ đoạn diệt của hành, có đoạn diệt của thức.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức như vậy, tuệ tri tập khởi của thức như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức như vậy,

khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến man tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri HÀNH**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hành**, tuệ tri tập khởi của hành, tuệ tri đoạn diệt của hành, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là hành? Thế nào là tập khởi của hành? Thế nào là đoạn diệt của hành? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hành?

- Chư Hiền, có ba loại hành này: thân hành, ngữ hành, tâm hành.
- Từ tập khởi của **vô minh**, có tập khởi của hành.
- Từ đoạn diệt của vô minh, có đoạn diệt của hành.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hành, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành như vậy, tuệ

tri tập khởi của hành như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hành như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri VÔ MINH**

... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh, tuệ tri tập khởi của vô minh, tuệ tri đoạn diệt của vô minh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực...

Chư Hiền, thế nào là vô minh? Thế nào là tập khởi của vô minh? Thế nào là đoạn diệt của vô minh? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh?

- Sự không tuệ tri về khổ, không tuệ tri về khổ tập, không tuệ tri về khổ diệt, không tuệ tri về con đường đưa đến khổ diệt, Chư Hiền, như vậy gọi là vô minh.
- Từ tập khởi của **lậu hoặc**, có tập khởi của vô minh.
- Từ đoạn diệt của lậu hoặc, có đoạn diệt của vô minh.
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa

*đến đoạn diệt của vô minh, tức là: Chánh Tri kiến...
Chánh Định.*

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh như vậy, tuệ tri tập khởi của vô minh như vậy, tuệ tri đoạn diệt của vô minh như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...

• **Tuệ tri LẬU HOẶC**

*... Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **lậu hoặc**, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc. Khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.*

Chư Hiền, thế nào là lậu hoặc? Thế nào là tập khởi của lậu hoặc? Thế nào là đoạn diệt của lậu hoặc? Thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc?

- *Chư Hiền, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.*

- Từ tập khởi của **vô minh** có tập khởi của lậu hoặc.
- Từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của lậu hoặc.
- Và **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc như vậy, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, khi ấy, vì ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tủy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Như vậy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

(Hết trích kinh)

4.1.2 Chánh kiến và làm tướng Chánh kiến

- Tà kiến là cái nhìn sai lầm, sự thấy biết sai lầm về thân tâm và cuộc sống.

- Chánh kiến là cái nhìn đúng đắn, sự thấy biết đúng pháp, thấy biết đúng sự thật về thân tâm và cuộc sống.

Thông qua bài kinh trên chúng ta thấy rằng: Người thành tựu chánh tri kiến là người thành tựu trí tuệ thấy biết rõ, phân biệt rõ giữa thiện và căn bản của thiện, bất thiện và căn bản của bất thiện, thành tựu trí tuệ về bốn loại thức ăn, về khổ, về già chết, về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh, lậu hoặc. Sự thành tựu trí tuệ về các pháp này, chính là sự thành tựu trí tuệ về thân tâm, thành tựu trí tuệ về sanh tử, thành tựu trí tuệ về tham sân si, bản ngã, vô minh, thành tựu trí tuệ về khổ.

- Với người thành tựu trí tuệ về tự thân thì chắc chắn vị ấy sẽ nhiếp phục được tự thân.
- Với người thành tựu trí tuệ về sanh tử thì chắc chắn sẽ sớm thoát khỏi sanh tử.
- Với người thành tựu trí tuệ về tham, sân, si, bản ngã, vô minh thì chắc chắn sẽ đào thải sạch, sẽ nhổ bật gốc rễ của tham, sân, si, bản ngã và vô minh.
- Với người thành tựu trí tuệ về khổ thì chắc chắn sẽ đi đến sự diệt trừ, sự chấm dứt hoàn toàn mọi phiền não và khổ đau.

Đó là ý nghĩa của bài kinh trên. Nhưng không phải khi đọc xong bài kinh này, không phải khi nghe xong lời giảng dạy, lời giải thích về bài kinh là hành giả được gọi là có chánh kiến. Không phải học thuộc bài kinh này là hành giả có chánh tri kiến. Không phải đem bài kinh này ra giảng giải ý nghĩa cho người khác nghe, là hành giả có chánh tri kiến.

Để thực sự là vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, để thực sự là vị có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Chánh pháp này, hành giả phải tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng cái gọi là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu trong nội tâm. Hành giả phải thực sự bằng đôi mắt trí tuệ của mình nhìn thấy rõ vô minh, thấy rõ khổ, thấy rõ Ngũ uẩn đang vận hành, đang hoạt động thế nào trong tự thân của hành giả, thấy rõ tham, sân, si, bản ngã và những pháp bất thiện đang lộng hành, đang hoạt động trong hành giả như thế nào. Hành giả phải thực sự thấy biết những vấn đề này bằng tuệ nhãn, bằng đôi mắt trí tuệ trong nội tâm của mình, chứ không phải chỉ thấy qua ngôn ngữ, thấy qua chữ nghĩa, thấy qua suy luận, suy tư, qua tưởng tượng, nếu chỉ thấy vấn đề như vậy thì đó gọi là *tưởng tri*.

Tưởng tri là hành giả tưởng tượng về lậu hoặc và vô minh, chứ hành giả không thực sự thấy biết rõ lậu hoặc và vô minh. Khi hành giả thực sự nhìn thấy ba lậu hoặc trong chính tự thân này, thực sự nhìn thấy trạng thái vô minh, si

ám trong mình, thật sự nhìn thấy những gì đang vận hành trong trạng thái tâm vô minh, khi ấy, hành giả mới thật sự là *tuệ tri*, là thấy biết với trí tuệ. Tuệ tri hay thấy biết với trí tuệ chính là thực thấy, thực biết về điều đó, chứ không phải tưởng tượng về điều đó, liên tưởng về điều đó, mừng tượng về điều đó.

Như vậy, thông qua bài kinh này, chúng ta học được bài học như sau: Người có chánh tri kiến, có sự thấy biết chân chánh, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, đó chính là người thành tựu trí tuệ, thành tựu sự thực thấy, thực biết về lậu hoặc, vô minh, mười hai nhân duyên, tứ thực, thiện và bất thiện.

Nếu hành giả quán xét tự thân và nhận thấy mình vẫn chưa thành tựu trí tuệ về những pháp này thì nên biết rằng, hành giả vẫn chưa thành tựu chánh tri kiến, chưa có tri kiến chánh trực, lòng tin của hành giả đối với dòng pháp này vẫn chưa tuyệt đối, Thánh pháp này vẫn chưa bám rễ sâu sắc, vững chắc trong lòng của hành giả, hành giả còn có thể bị chao đảo, bị dẫn dụ, bị dẫn dắt bởi những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà nhân; hành giả vẫn chưa có chân đứng vững vàng trong Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, hành giả vẫn còn có thể gặp sự nguy hiểm, vẫn còn có thể bị lôi kéo ra khỏi Chánh pháp thân diệu này và dòng sanh tử của

hành giả sẽ vẫn còn tiếp tục triền miên, triền miên, triền miên trong vô thường, phiền não và nước mắt.

Vì vậy, nếu xét thấy mình vẫn chưa thành tựu chánh tri kiến, chưa thành tựu tri kiến chánh trực, chưa thành tựu lòng tin tuyệt đối trong dòng pháp này thì hành giả cần phải nỗ lực, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng nhiều hơn trong sự tu học này để thành tựu những trí tuệ chân chánh cho tự thân, trước là để tự thân được giải thoát khỏi phiền não và nước mắt, sau là mang lại trí tuệ và an lạc cho những người hữu duyên với mình, và sau cùng là đền ơn tám lòng, sự hy sinh, sự khó nhọc của Đức Phật để tìm ra con đường tu học hoàn hảo này. Đây gọi là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

4.1.3 Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về thân?

- Thân này là tứ đại, là đất nước gió lửa phối hợp với nhau mà hình thành. Sắc diện hay ngoại hình của thân chính là sắc diện hay ngoại hình của tứ đại.
- Thân này sanh khởi do tâm vô minh, vô trí, không thấy biết đúng về thân, không thấy biết rõ bốn loại thức ăn làm cho thân sanh khởi, do tâm khao khát ái luyến đối với thân.
- Thân này sẽ không sanh khởi nữa khi tâm hết vô minh đối với thân, tâm thấy biết rõ bốn loại thức ăn

làm thân sanh khởi, tâm diệt tận sự khao khát ái luyến đối với thân.

- Vì thân này là do duyên sanh, do duyên tứ đại, do duyên thức ăn, do duyên tham ái, do duyên vô minh, do các nhân duyên trên mà hình thành nên thân này không phải là mình, không phải là của mình, không phải là cái ta, cái tôi gì của mình.
- Vì thân này được sanh khởi do những nhân duyên trên nên bản chất của thân là tạm bợ, vô thường, rỗng không, vô ngã, thay đổi, biến đổi, hoại diệt.
- Vì thân này là do duyên sanh nên thân không trường cửu, không vững bền, dễ tan rã, dễ diệt vong, dễ tham đắm, dính mắc đối với thân thì sẽ phiền não, khổ đau và nước mắt.

Đó là những sự thật về thân. Đó là cái nhìn, cái thấy chân chánh, đúng pháp về thân. Người có cái nhìn, cái thấy chân chánh đúng pháp về thân như vậy, đó gọi là người có chánh kiến đối với thân, có sự thấy biết chân chánh đối với thân. Với người có chánh kiến đối với thân thì hành xử của người này đối với thân sẽ chừng mực, vừa phải, không quá chăm chú, không bị tham ái và vô minh đối với thân che mờ tâm. Khi không thấy biết rõ sự thật về thân như trên, rồi lại cho thân này là mình, là của mình, là cái ta, cái tôi của mình,

đó gọi là sự vô minh, vô trí đối với thân, sự thấy biết sai lầm về thân, hay còn gọi là tà kiến đối với thân.

Với người có tà kiến về thân, với người có sự thấy biết sai lầm về thân, cho thân này là mình, là của mình, không thấy tánh duyên sanh, vô thường, tạm bợ của thân, chăm lo, cung phụng cho thân đủ điều, trau chuốt bề ngoài cho thân một cách si mê, si ám. Nỗ lực tìm danh, tìm lợi, tìm chức, tìm quyền cho thân. Làm tội đời, làm nô lệ cho thân suốt cả cuộc đời. Không cho ai nói đụng đến thân. Dùng mọi lời ngụy biện, xảo trá để bênh vực thân. Sẵn sàng làm mọi ác nghiệp về thân, về lời, về ý để bảo vệ thân, để che lấp tội lỗi mà thân đã làm. Một lòng che chở và nâng niu thân như vậy nhưng khi tử thân đến, tử thân kêu đi là thân lập tức vội vã ra đi, thân không màng gì đến cái tâm hôn mê còn đang luyến tiếc nhìn theo thân này. Tâm si mê đối với thân như vậy, được gọi là tâm vô minh, vô trí đối với thân.

4.1.4 Thế nào là Chánh kiến và Tà kiến về tâm?

Thân này được gọi là thân Ngũ uẩn. Trong thân này có thọ, tưởng, hành, thức. Thọ là những cảm giác trong thân tâm. Tưởng là những bóng dáng trong tâm. Hành là những suy nghĩ trong tâm. Thức là những sự hay biết, rõ biết trong ngoài thân tâm. Thọ, tưởng, hành sanh khởi là do duyên Xúc. Thức sanh khởi là do duyên Danh sắc. Khi không có các duyên này thì thọ, tưởng, hành, thức không có mặt.

Khi không thấy biết rõ hành tướng của những cảm giác, hình bóng, suy nghĩ, sự hay biết rõ biết trong nội tâm và không thấy biết rõ những nhân duyên đã sanh khởi ra chúng thì chúng sanh lầm tưởng cho rằng những cảm giác, hình bóng, suy nghĩ, sự hay biết rõ biết trong tâm này là mình, là của mình, là tâm của mình. Sự lầm tưởng như vậy, sự sai lầm như vậy, quan điểm hay cái nhìn cái thấy về tâm sai lầm như vậy đó gọi là tà tri kiến, hay sự thấy biết sai lầm về nội tâm.

Khi thấy biết rõ hành tướng của thọ, tưởng, hành, thức và thấy biết rõ những nhân duyên đã sanh khởi ra chúng thì chúng sanh sẽ không lầm tưởng về chúng, sẽ không cho các pháp duyên sanh này là mình, là của mình, là tâm của mình mà vị này biết rõ những thọ, tưởng, hành, thức này là những pháp duyên sanh, bản chất của nó là tạm bợ, vô thường, thay đổi, biến diệt. Sự thấy biết rõ về thọ, tưởng, hành, thức như vậy trong nội tâm và không lầm nhận nó là tâm mình, đây gọi là hành giả có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn cái thấy biết chân chánh, đúng đắn về nội tâm.

4.1.5 Thế nào là Chánh kiến về đời sống này?

Sắc thân tứ đại này và những thọ, tưởng, hành, thức này được gọi là Ngũ uẩn. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là do tâm mê, tâm vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn. Thân Ngũ

uẩn này sanh khởi là do nhân duyên, nên bản chất của nó là tạm bợ, vô thường, vô ngã, rỗng không, biến đổi, hoại diệt.

Thân Ngũ uẩn này sanh khởi chính là sự sanh khởi của hàng loạt những mệt mỏi, phiền não, bất an, lo sợ, mong manh, dễ tan, dễ vỡ. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là sự sanh khởi của già nua, bệnh tật và chết chóc. Thân Ngũ uẩn này sanh khởi là sự sanh khởi của khổ và nước mắt.

Cả một đời chăm sóc, chăm lo, chăm chút cho thân Ngũ uẩn để rồi thân Ngũ uẩn này đi đến biến đổi, hoại diệt, diệt vong, không còn gì cả, chỉ có nghiệp là đi theo mình cùng với một tâm hôn mê, khao khát, yêu mến, quyến luyến thân Ngũ uẩn này. Và rồi “tâm mê thân Ngũ uẩn này” lại bị những nghiệp đã tạo vì “thân Ngũ uẩn vừa hoại diệt” đẩy đi đến với những thân Ngũ uẩn mới, tạo ra những đời sống vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan tiếp theo.

Nay mang mặt người, mai mang mặt thú. Nay đội lột người, mai đội lột thú, mai đội lột của súc vật, súc sanh, đội lột của quỷ ma, của cô hồn, của những vong linh vất vờ, vất vưởng, những nợ quỷ đói rách, đói khát, khổ đau, bơ vơ... “Đây là khổ... Đây là khổ...” - Đó là lời mà Đức Phật đã thốt ra khi Ngài giác ngộ ra chân tướng của thân tâm, chân tướng của cuộc đời. Trước đôi mắt tâm trong sạch, thanh tịnh, định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác thì bản chất của cuộc đời, bản chất của cuộc sống, sự thật về cuộc sống đã hoàn toàn bị vạch trần, bị hiển lộ.

Sự thật của cuộc sống đã bị phơi bày trong sự đấng cay, rỗng không và vô nghĩa. Chúng sanh đã chịu biết bao nhiêu sự đau khổ với vô lượng lần sanh tử trong cuộc đời này để rồi vô lượng cái kết của vô lượng lần sanh tử đó là sự trắng tay, là sự đấng cay, là khói mây, là hư ảo. Như những con dã tràng xe cát biển đông... Chúng sanh đã không biết bao nhiêu lần, đã vô lượng lần nỗ lực, phấn đấu, cố gắng xây dựng, tranh giành, gìn giữ những sắc tài danh lợi trên cuộc đời để rồi tất cả vẫn là sự trắng tay, sự rỗng không, sự trống không và vô nghĩa. Chúng sanh phải làm lại từ đầu cho tất cả những lần sanh tử. Mười hai năm ăn học để bắt đầu một đời người, mười hai năm ăn học này chúng ta đã phải học đi học lại mười hai năm ăn học này hằng vô lượng lần mà lần nào sanh ra chúng ta có nhớ đâu.

Lần nào sanh ra chúng ta cũng vẫn phải bắt đầu lại từ đầu với mười hai năm ăn học, với một cộng một bằng hai, cũng lại bắt đầu tập gọi cha, gọi mẹ, lại bắt đầu tham dục, tham ái, sân hận, si mê, bản ngã, tranh giành kiếm tiền, kiếm sự sống, kiếm vợ, kiếm chồng, kiếm tình nhân, kiếm con cháu, rồi già nua, bệnh tật và ngã lăn ra chết, nằm dài ra chết, tai nạn xe cộ đụng chết, bệnh tật làm chết, đói khát quá chết, lạnh nóng quá chết, thương yêu quá chết, sân hận quá

chết... Chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết. Mỗi lần sanh ra nếu được làm người là lại bắt đầu với mười hai năm ăn học, bắt đầu cho những cuộc tranh giành, tranh giành dục, tranh giành ái, tranh giành vật chất, tiền tài, danh vọng, địa vị, rồi lại bệnh, lại già, lại chết, lại trắng tay. Đó, chân tướng của cuộc sống là vậy đó.

Tất cả những gì đang có mặt, đang hiện hữu trong dòng sanh tử này chỉ là vô minh, nghiệp và nhân quả. Nhân quả của dục ái, nhân quả của sân hận, nhân quả của si mê. Tất cả chỉ là bao nhiêu đó. Tất cả chỉ luẩn quẩn trong bao nhiêu đó, luẩn quẩn trong vô minh, luẩn quẩn trong nghiệp, luẩn quẩn trong nhân quả, luẩn quẩn trong dục, luẩn quẩn trong ái, luẩn quẩn trong tham sân si... Vô nghĩa, thật là vô nghĩa. Vô nghĩa là sự sống này. Vô ngã là sự sống này. Rỗng không là sự sống này. Tạm bợ là sự sống này. Khói mây và hư ảo là sự sống này. Cay đắng, khổ đau và nước mắt là sự sống này... Bản chất của cuộc sống là như vậy đó. Chân tướng của cuộc đời này là như vậy đó. Bộ mặt thật của dòng sanh tử này là như vậy đó. Đây chính là sự thật về cuộc đời, là sự thấy biết chân chánh về cuộc đời. Khi hành giả có sự thấy biết chân chánh như vậy về cuộc sống, thấy biết rõ bản chất của cuộc sống, đó là hành giả thành tựu Chánh kiến về cuộc sống.

Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài đã nhìn thấy, đã giác ngộ, đã ngộ ra, đã phát giác phát hiện ra sự

thật của cuộc đời, bản chất của cuộc đời là khổ như vậy, là rỗng không như vậy, là vô nghĩa như vậy. Và nhờ sự giác ngộ này, nhờ sự thấy biết này mà Ngài đã hoàn toàn thức tỉnh trước cuộc sống, Ngài đã hoàn toàn từ bỏ lòng dục, lòng ái, lòng tham, lòng dính mắc đối với cuộc đời và Ngài đã hoàn toàn giải thoát khỏi cuộc đời, giải thoát khỏi dòng sanh tử oan nghiệt, cay đắng, luẩn quẩn trong bất an, lang thang, phiền não, khổ đau và nước mắt.

Và “Đây là khổ” đó chính là “Tâm hôn mê, si ám, dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với thân Ngũ uẩn này là khổ”.

4.1.6 Tâm mê chấp năm uẩn này khổ cái gì, khổ thế nào?

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì phải chịu sự bị sanh trong những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị già nua của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị bệnh tật, ốm đau của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì phải chịu sự bị chết của những cái thân Ngũ uẩn vô thường này. Khổ vì cầu nguyện cho thân Ngũ uẩn này sống hoài mà không được. Khổ vì ghét những Ngũ uẩn khác nhưng lại phải gặp mặt. Khổ vì thương những Ngũ uẩn nọ nhưng lại phải lìa xa.

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì nay mang mặt người, mai mang mặt thú. Khổ vì lúc sống đòi làm con người, lúc sống đòi làm con thú, lúc sống đòi làm quỷ ma, lúc thì phải chịu những sự thống khổ liên tục trong địa ngục.

Tâm hôn mê chấp trước Ngũ uẩn này là khổ. Khổ vì được làm người nhưng với những hình tướng dị dạng, với đôi mắt vô thần, tay chân khẳng khiu, nằm một chỗ, vô ý thức. Khổ vì nghèo khổ, bần cùng, đói khát, lo toan, vất vả, chật vật trong từng bữa ăn. Khổ vì giàu có mà chồng vợ ngoại tình, con cái hư hỏng, bất hiếu, tham lam, chiếm đoạt tài sản. Khổ vì tai nạn xe cộ, phá sản, tiền mất tật mang, tù tội. Khổ vì dục vọng, khổ vì sân hận, khổ vì si mê, khổ vì bản ngã. Khổ vì tật đố, ganh tỵ, ích kỷ, hẹp hòi, gian trá, dối trá. Khổ vì phải lãnh nhân quả của một đời sống, một lối sống vô đạo đức. Khổ vì danh lợi sắc tài. Khổ vì ăn, khổ vì ngủ. Khổ vì được mất, có không, buồn vui, thương ghét, nhục vinh, phải quấy trên cuộc đời. Khổ vì tâm dao động, tán loạn, thất thường, bất an, dễ thay đổi... Đó là những cái khổ, những nỗi khổ mà tâm hôn mê, tâm dính mắc, tâm trói buộc, tâm chấp trước, tâm bám víu, tâm kết dính với Ngũ uẩn này phải chịu đựng.

Chỉ vì mê thân Ngũ uẩn này mà chúng sanh phải chịu sự trầm luân trong sanh tử, chịu sự luân quần trong những gương mặt lúc người, lúc thú, lúc ngựa quỷ đói, lúc địa ngục,

lúc thân tiên. Luân quần trong những thân xác vô thường, trong những hình tướng vô thường rồi thương ghét, ghét thương, buồn vui, được mất với bao nhiêu đó mà cứ làm hoài, làm hoài, làm hoài, không có lối thoát. Và rồi trong cái vòng luân quần đó, bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu phiền não, bao nhiêu giọt nước mắt đã chảy xuống, đã nhỏ xuống trên cuộc đời này... Những giọt nước mắt mà chúng sanh đã nhỏ xuống trên cuộc đời này, đã nhỏ xuống vì những cái thân Ngũ uẩn vô thường này là nhiều hơn nước ở bốn biển. Đó là điều mà Đức Phật đã giác ngộ, đã thấy biết và đã tuyên bố.

Khi sự thật về thân tâm và cuộc sống được thấy biết rõ như vậy, đây gọi là hành giả có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn, cái thấy biết chân chánh về thân tâm và cuộc sống.

4.1.7 Chánh kiến Bốn Sự Thật về thân tâm và thế giới

Như vậy, có **Bốn Sự Thật** về thân tâm và thế giới cần được thấy biết rõ, thấy biết đúng, thấy biết chân chánh:

- *Sự thật thứ nhất*: Tâm nắm giữ, bám víu vào các sắc thân tứ đại này (Sắc), những cảm giác trong thân tâm (Thọ), những hình bóng trong tâm (Tướng), những tư duy suy nghĩ trong tâm (Hành), những sự hay biết trong tâm (Thức), đây gọi là Năm thủ uẩn. Tâm bám

vúi vào năm uẩn này là phiền não, mệt mỏi và khổ đau.

- *Sự thật thứ hai*: Do vô minh, tức là do sự không thấy biết rõ về Năm uẩn nên tâm mới tham ái, dính mắc và thèm khát đối với Năm uẩn.
- *Sự thật thứ ba*: Khi vô minh diệt, tức là khi tâm đã thấy biết rõ bản chất của Ngũ uẩn thì tâm sẽ diệt tận được tham ái, dính mắc và thèm khát đối với Năm uẩn.
- *Sự thật thứ tư*: Phương Pháp Tám Đúng là “thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, định đúng” là một phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với những thân xác Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, đầy phiền não và đầy khổ này.

Tóm lại, sự thấy biết đúng, thấy biết rõ Bốn sự thật về thân tâm và thế giới như vậy, đây gọi là Chánh tri kiến. Tác dụng của *Chánh tri kiến* là dùng để tẩy trừ *Tà tri kiến*. Sự thấy biết đúng dùng để đào thải sự thấy biết sai của người tu về thân tâm và thế giới, giúp người tu định hướng cái nhìn cái thấy của mình, từ bỏ những quan điểm thấy biết không chân chánh, không đúng pháp về thân tâm, về thế giới, đưa tâm về an trú trong sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp về thân tâm và thế giới.

4.2 Duyên sanh khởi Chánh kiến, Tà kiến

4.2.1 Kinh Hy Vọng (Tăng I, 160)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, có hai duyên này, khiến Tà kiến sanh khởi. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, có hai duyên này, khiến Chánh kiến sanh khởi. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến chánh kiến sanh khởi.

(Hết trích kinh)

Như vậy, chánh kiến hay tà kiến sanh khởi chính là tiếng nói của người khác và như lý tác ý, hay phi như lý tác ý.

“Tiếng nói của người khác” tức là nghe tiếng nói, nghe lời nói, nghe người khác nói, nghe người khác giảng, nghe người khác thuyết hoặc đọc sách này, sách kia và tin theo những quan điểm, những tư tưởng, những chỉ dạy được nói

trong tập sách. Trong Nikāya gọi là “tiếng nói của người khác”, hay “nghe tiếng của người khác”.

4.2.2 Duyên sanh khởi Tà kiến

Khi nghe tiếng nói của người khác, nếu người nói đó, người thuyết giảng đó, hoặc người viết tập sách đó không phải là bậc chân nhân, không phải là bậc có chánh kiến, không phải là bậc thực hành và thuyết giảng đúng pháp nhưng người nghe, người đọc lại có cảm hứng, cảm tình, cảm xúc với lời nói đó, có sự đồng ý với lời nói đó; không cần trọng tư duy theo nhân quả; không cần trọng quán sát vấn đề dựa trên thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm; dễ dàng chấp nhận một quan điểm, một tư tưởng, một lời chỉ dạy; dễ dàng sanh khởi một niềm tin không cơ sở, không hợp với nhân quả, không hợp lý, không hợp logic của cuộc sống. Những dòng suy nghĩ của người này nghiêng theo những lời nói đó, tập sách đó.

Vị này chấp nhận dòng suy nghĩ, dòng tư tưởng, lời chỉ dạy của người đó, của tập sách đó; định hướng trí tuệ của người này nghiêng theo lời nói, tư tưởng đó. Do nhân duyên này mà sự thấy biết sai lầm sanh khởi, định hướng sai lầm trong trí tuệ sanh khởi, niềm tin sai lầm sanh khởi, đường hướng tu tập sai lầm sanh khởi. Đây gọi là Tà kiến sanh khởi. Tà kiến là sự thấy biết sai lầm, sự hiểu biết sai lầm về thân tâm và cuộc sống.

Đường lối tu tập sai lầm, không làm khai mở được trí tuệ, không đưa đến sự thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về thân tâm và cuộc sống; không giải quyết, không giải tỏa được những vấn đề dục, ái, tham, sân, si trong tự thân; không nhìn ra được bản ngã trong tự thân; không đưa đến sự hoàn toàn thanh tịnh thân tâm; không làm cho tâm thật sự được giải thoát khỏi tất cả những phiền não, khổ đau trong cuộc sống. Đường lối tu tập sai lầm như vậy, được gọi là Tà pháp hay Tà đạo.

Lòng tin sai lầm, lệch lạc, tin vào điều không thật có trong cuộc sống, tin vào điều hư ảo, trừu tượng, viển vông, tin vào những lời hứa hẹn mơ hồ, mộng lung, không hợp với nhân quả, không hợp lý, đó gọi là Tà tín.

4.2.3 Dòng chảy của Tà kiến

- Với người có tà kiến, tức là, với người có sự thấy biết sai lầm về thân tâm, xác định sai lầm về đường hướng tu tập đưa đến nhiếp phục thân tâm, an tịnh thân tâm, trong sạch thân tâm, thì những dòng suy nghĩ sai lầm sanh khởi.
- Với người có những suy nghĩ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì lời nói sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.

- Với người có lời nói không chân chánh, không đúng pháp thì hành động sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có hành động sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì cách nuôi mạng, cách kiếm sống sẽ có những sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có sự nuôi mạng, sự kiếm sống không chân chánh, không đúng pháp thì những nỗ lực, siêng năng, tinh cần, cố gắng sẽ sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có những nỗ lực, siêng năng, tinh cần sai việc, sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp thì tâm niệm của vị này sẽ trú không đúng chỗ, không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có tâm niệm an trú không đúng chỗ, không chân chánh, không đúng pháp thì sự định tĩnh trong nội tâm của vị này sẽ không chân chánh, không đúng pháp.
- Với người có nội tâm định tĩnh không đúng cách, không chân chánh, không đúng pháp thì trí tuệ về tự thân, sự thấy biết về tự thân sẽ không chính xác, không xác định đúng tình trạng thân tâm của mình, nhìn nhận sai lầm về tình trạng thanh tịnh trong sạch trong thân tâm, sanh

khởi trí tuệ sai lầm về thân tâm, tâm chưa hoàn toàn trong sạch lại cho rằng tâm đã hoàn toàn trong sạch, tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh lại cho rằng tâm đã hoàn toàn thanh tịnh.

- Với người có trí tuệ sai lầm, trí tuệ không chân chánh, không chính xác về thân tâm thì tâm chưa chấm dứt được sanh tử lại tưởng rằng tâm đã chấm dứt được sanh tử, tâm chưa thật sự giải thoát lại tưởng rằng tâm đã thật sự giải thoát.

Tóm lại,

Với người có tà tri kiến, thì tà tư duy sanh khởi.

Với người có tà tư duy, thì tà ngữ sanh khởi.

Với người có tà ngữ, thì tà nghiệp sanh khởi.

Với người có tà nghiệp, thì tà mạng sanh khởi.

Với người có tà mạng, thì tà tinh tấn sanh khởi.

Với người có tà tinh tấn, thì tà niệm sanh khởi.

Với người có tà niệm, thì tà định sanh khởi.

Với người có tà định, thì tà trí sanh khởi.

Với người có tà trí, thì tà giải thoát sanh khởi.

Với người có tà giải thoát, tức là không có sự giải thoát chân chánh thì không chấm dứt được sanh tử, không chấm

dứt được phiền não, không diệt tận được bản ngã, vô minh, lậu hoặc, cấu uế, rác bần trong nội tâm.

Đó là sự sanh khởi và thành tựu một loạt những tà pháp sau khi tà tri kiến sanh khởi và thành tựu.

4.2.4 Tác hại của Tà kiến

Khi sự thật về thân tâm và thế giới không được thấy biết đúng thì chúng sanh sẽ bám chặt vào thân tâm Ngũ uẩn và thế giới Ngũ uẩn này, cho rằng thân tâm và thế giới Ngũ uẩn này là những thứ trường cửu, vững bền, rồi dính mắc, tham ái đối với chúng.

Do vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn nên khởi lên những tri kiến sai lầm, những tà kiến sai lầm về thân tâm, về thế giới, để rồi bản thân vướng mắc vào những tri kiến sai lầm và lại còn dẫn dắt người khác thực hành theo những tà kiến đó. Làm việc vô ích, bất lợi cho tự thân và lại còn dẫn dắt người khác làm những việc vô ích bất lợi đó.

Do dính mắc, trói buộc đối với thân tâm và cuộc sống nên khi thân tâm và cuộc sống thay đổi, biến đổi, hoại diệt thì tâm sanh luyến tiếc, bám víu, ám ảnh, khao khát, phiền não và khổ đau.

Với tâm có ám ảnh, có khao khát về thế giới Ngũ uẩn nên khi thân hoại mạng chung tâm này lại tiếp tục tìm đến thế giới Ngũ uẩn để tiếp tục chịu sự tạm bợ, vô thường, rỗng

không và vô nghĩa, làm cho sự đau khổ, phiền não và nước mắt không có điểm dừng. Đó là sự nguy hại của tâm có *Tà tri kiến*.

4.2.5 Duyên sanh khởi Chánh kiến

Có hai duyên làm chánh kiến sanh khởi, đó là: tiếng nói của người khác và như lý tác ý.

Khi nghe tiếng nói của người khác, nếu người nói đó hoặc người viết tập sách đó, người đề ra chủ trương đó là bậc chân nhân, bậc có chánh kiến, bậc thực hành và thuyết giảng đúng pháp, và người đọc, người nghe có cảm hứng, cảm tình, cảm xúc với lời nói đó, có sự đồng ý hoan hỷ với lời nói đó sau khi đã cẩn trọng tư duy theo nhân quả, cẩn trọng quán sát vấn đề dựa trên thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm. Vị này chấp nhận vấn đề đã được nghe dựa trên cơ sở thực tế, khách quan, hợp với nhân quả, hợp lý, logic. Những dòng suy nghĩ của người này hướng vào việc tác ý để thể nhập chân lý, thể nhập sự thật của những điều đã được thấy, đã được nghe, đã được trình bày.

Do nhân duyên này mà sự hiểu biết chân chánh sanh khởi, trí tuệ chân chánh sanh khởi, niềm tin chân chánh sanh khởi, đường hướng tu tập chân chánh sanh khởi. Đây là sự sanh khởi của Chánh tri kiến.

4.2.6 Dòng chảy của Chánh kiến

- Với người có chánh kiến, có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp, đúng sự thật về thân tâm và cuộc sống thì những dòng suy nghĩ chân chánh, suy nghĩ đúng pháp được sanh khởi.
- Với người có những suy nghĩ chân chánh, đúng pháp thì những lời nói của vị này đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có lời nói chân chánh, đúng pháp thì hành động cũng sẽ dần đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có hành động chân chánh, đúng pháp thì việc nuôi mạng, sự kiếm sống của người này sẽ đi đến sự chân chánh, đúng pháp.
- Với người có sự nuôi mạng, sự kiếm sống một cách chân chánh, đúng pháp thì những nỗ lực, tinh tấn của vị này đi đến sự chân chánh, đúng việc.
- Với người có những nỗ lực, siêng năng chân chánh, đúng pháp thì tâm niệm của vị này được an trú trong sự chân chánh, đúng chỗ.
- Với người có tâm niệm được an trú chân chánh, đúng chỗ thì tâm dần đi đến sự định tĩnh chân chánh, đúng cách.

- Với người có tâm được định tĩnh một cách chân chánh, đúng cách thì sự thấy biết về tự thân được trong sáng, trong sạch, rõ ràng, chính xác. Tâm còn rác bần thì biết rõ tâm còn rác bần, tâm hết rác bần thì biết rõ tâm hết rác bần. Trí tuệ chân chánh, trí tuệ chính xác, xác thực về tự thân sanh khởi.
- Với người có trí tuệ chân chánh, chính xác về tự thân thì khi tâm vị này còn vô minh, lậu hoặc thì biết rõ tâm còn vô minh, lậu hoặc; khi tâm hết vô minh, lậu hoặc thì biết rõ tâm hết vô minh, lậu hoặc. Vị này không bị sai lầm trong khi xác định sự còn hay hết của vô minh và lậu hoặc trong tự thân. Khi vị này tuyên bố đạt lậu tận thì vị này thật sự đạt lậu tận. Khi vị này tuyên bố đã chấm dứt được sanh tử thì vị này thật sự đạt được sự chấm dứt sanh tử. Vị này không bị rơi vào trường hợp: cho rằng mình đã giải thoát nhưng trên thực tế khi thân hoại mạng chung thì vẫn tiếp tục bị dẫn đi trong sanh tử mà không hay không biết. Tóm lại, với vị có Chánh tri kiến được thành tựu thì sẽ đi đến sự thành tựu Chánh giải thoát, sẽ thật sự đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, giải thoát hoàn toàn khỏi những thống khổ do sanh tử mang lại.

Đó là sự sanh khởi và thành tựu một loạt những pháp chân chánh sau khi Chánh tri kiến sanh khởi và thành tựu.

4.2.7 Lợi ích của Chánh kiến

Sự thấy biết đúng về thân tâm và cuộc sống sẽ giúp cho tâm thức tỉnh trước cái gọi là thân tâm và cuộc sống.

Do tự thân thấy biết rõ về thân tâm và cuộc sống nên dẫn dắt người khác cũng thấy biết rõ tự thân và cuộc sống của họ. Làm việc có lợi ích cho tự thân và lại còn dẫn dắt người khác làm việc có lợi ích cho bản thân họ.

Từ sự thức tỉnh này, tâm sẽ không còn tham đắm, dính mắc, trôi buộc với những tà kiến, những tri kiến sai lầm về thân tâm và cuộc sống, tâm đạt được sự hoàn toàn giải thoát khỏi những thứ có bản chất là tạm bợ, vô thường, biến đổi, hoại diệt, phiền não và khổ đau. Đó là lợi ích của tâm có *Chánh tri kiến*.

5 CHÁNH KIẾN SỰ CHUYỂN PHÁP LUÂN CỦA ĐỨC PHẬT

5.1 Xác định sự Chuyển Pháp Luân của Đức Phật

5.1.1 Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (*Trung III*, bài 141)

(Saccavibhangacitta Suttam)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chỗ chur Tiên đạo), tại Migadāya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- “Này các Tỷ-kheo”.

- “*Bạch Thế Tôn*”. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- ***Vô thượng Pháp luân*** đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chur Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là ***sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế***.

Thế nào là bốn?

- *Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng,*

phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế.

- *Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Tập Thánh đế.*
- *Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Diệt Thánh đế.*
- *Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ Diệt Đạo Thánh đế.*

Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế.

Này các Tỷ-kheo,

- *Hãy thân cận Sāriputta và Moggallāna.*
- *Hãy gần gũi Sāriputta và Moggallāna.*
- *Các vị ấy là những Tỷ-kheo hiền trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh.*
- *Như một sanh mẫu, như vậy là Sāriputta!*
- *Như một duỡng mẫu, như vậy là Moggallāna!*
- *Sāriputta hướng dẫn đến quả **Dự lưu**,*
- *Còn Moggallāna hướng dẫn đến **tối thượng nghĩa**.*

- *Này Tỷ-kheo, Sāriputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi Bốn Thánh Đế.*

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo:

- *“Này chư Hiền”.*
- *“Thưa vâng, Hiền giả”.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

- *Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế...*

- *Và này chư Hiền, thế nào là **Khổ Thánh đế**?*

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ. Tóm lại Năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh?

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sanh.*

Này chư Hiền, thế nào là già?

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủy hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Nay chư Hiền, như vậy gọi là già.*

Này chư Hiền, thế nào là chết?

- *Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chết.*

Này chư Hiền, thế nào là sâu?

- *Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sâu của người ấy. Nay chư Hiền, như vậy gọi là sâu.*

Này chư Hiền, thế nào là bi?

- *Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay*

sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là bi.

*Này chư Hiền, thế nào là **khổ**?*

- *Này chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là khổ.*

*Này chư Hiền, thế nào là **uru**?*

- *Này chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là uru.*

*Này chư Hiền, thế nào là **não**?*

- *Này chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự ảo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là não.*

*Này chư Hiền, thế nào là **câu bất đắc khổ**?*

- *Này chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu: “Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối!” “Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh”. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là câu bất đắc*

khổ.

- *Này chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: “Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối!” Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy, gọi là cầu bất đắc khổ.*

*Này chư Hiền, như thế nào là **“Tóm lại, Năm thủ uẩn là khổ”**?*

- *Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy “tóm lại, Năm thủ uẩn là khổ”.*
- *Này chư Hiền, thế nào là **Khổ tập Thánh đế**?*
 - *Sự tham ái đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.*
- *Này chư Hiền, và thế nào là **Khổ diệt Thánh đế**?*
 - *Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.*
- *Này chư Hiền, thế nào là **Khổ diệt đạo Thánh đế**?*
 - *Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng,*

chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Tri Kiến?

- *Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Tư Duy?

- *Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Ngữ?

- *Tư chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Nghiệp?

- *Tư chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Mạng?

- *Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.*

Này chư Hiền, và thế nào là Chánh Tinh Tấn?

- *Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.*
- *Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.*

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Niệm?

- *Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán tâm trên các tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.*
- *Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác,*

chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là Chánh Định?

- *Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.*
- *Diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
- *Ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.*
- *Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định. Đây chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.*

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

(Hết trích kinh)

5.1.2 Đức Phật đã chuyển Vô Thượng Pháp Luân gì?

Thượng là trên. Vô là không. Vô thượng là không có cái trên cái này, không có điều hơn điều này.

Vô thượng pháp là không có pháp nào cao hơn pháp này, không có điều gì cao quý hơn, tốt đẹp hơn điều này.

Luân là luân chuyển, lưu chuyển, lưu thông, vận hành, phổ biến, ban bố rộng rãi.

Vô Thượng Pháp Luân là những điều mà không có cái gì hơn đã được luân chuyển, lưu thông, công bố, ban bố rộng rãi cho cuộc đời này.

Chuyển Pháp Luân là sự trao truyền trí tuệ, sự chuyển giao trí tuệ, sự khai mở trí tuệ mà Đức Phật đã giác ngộ đến cho chúng sanh trong thế giới này.

Và bài kinh trên đã làm sáng tỏ: Điều mà không có gì có thể hơn được trong cuộc đời này đã được Đức Phật khai thị, được Đức Phật đem đến cho cuộc đời này chính là “*Sự Thật về Cuộc đời, Sự thật về Cuộc sống*”, tức là **Bốn Thánh Đế**. Sự khai thị, khai mở, trình bày, thuyết giảng, khai minh, hiển lộ Bốn Thánh Đế cho cuộc đời này được

gọi là Chuyên Pháp Luân.

Bốn Thánh Đế chính là Bốn Sự Thật về Khổ mà bậc Thánh đã giác ngộ, đã thấy biết.

Bốn Thánh Đế cũng là Bốn Sự Thật về Cuộc sống đã được Đức Phật phơi bày, vạch trần, làm sáng tỏ.

Bốn Thánh Đế cũng được Đức Phật gọi là Thánh pháp vô thượng trên cuộc đời này.

Tóm lại, Vô Thượng Pháp Luân mà Đức Phật đã khai thị, đã trao truyền cho cuộc đời này chính là Bốn Thánh Đế. Đây là điều mà người con Phật cần đặc biệt lưu tâm, cần có sự tìm hiểu học hỏi cẩn trọng và cần có sự tôn trọng cung kính đúng pháp.

5.2 Pháp Vô Thượng trong đạo Phật

5.2.1 Vì sao Bốn Thánh Đế được gọi là Pháp Vô Thượng?

- *“Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Bốn Thánh Đế”*.

Vì sao Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Cuộc sống được Đức Phật nói là Pháp vô thượng, điều tối thượng trên đời? Bốn Thánh Đế chính là Bốn Sự Thật về Khổ. Bốn Sự Thật về Khổ chính là Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn. Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn chính là Bốn Trí về Ngũ uẩn, mà sự vận hành của Ngũ uẩn chính là sự vận hành của cuộc sống, sự vận hành của thế giới; sự hiện hữu của Ngũ uẩn là sự hiện hữu của cuộc sống, sự hiện hữu của thế giới. Cho nên, thành tựu Trí về Ngũ uẩn cũng chính là khi thành tựu Trí về Thế giới, Trí về Cuộc sống.

Thế giới này được Đức Phật gọi là thế giới của Ngũ uẩn. Cuộc sống này chính là cuộc sống của Ngũ uẩn. Khi thông hiểu mọi hành tướng của Ngũ uẩn, thông hiểu tất cả những khía cạnh thô tế của Ngũ uẩn, thông hiểu tất cả những duyên sanh diệt của Ngũ uẩn, thông hiểu bản tánh của Ngũ uẩn, thông hiểu phương pháp tu tập đưa đến diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong Ngũ uẩn, - Đó được gọi là thông hiểu Ngũ uẩn, thành tựu Trí về Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được thông hiểu thì thế giới được thông hiểu. Khi Ngũ uẩn được giải mã thì thế giới được giải mã. Khi Ngũ uẩn được thấy biết trọn vẹn thì thế giới được thấy biết trọn vẹn. Khi không một hoạt động nào của Ngũ uẩn mà không được tâm này thấy biết thì không một cái gì, không

một điều gì trong thế giới này vận hành, hoạt động mà tâm này không thấy không biết. Tóm lại, khi Trí về Ngũ uẩn được thành tựu tức là Trí về thế giới được thành tựu.

Khi Trí tuệ về thế giới được thành tựu trọn vẹn thì Trí tuệ này là tối thượng ở trên đời, không còn có một trí tuệ nào có thể cao hơn trí tuệ này. Vì vậy, Đức Phật gọi Bốn Thánh Đế là Vô Thượng Pháp, là Tối Thượng Pháp ở trên đời và không một ai có thể xuyên tạc, phỉ báng, nói ngược lại những điều này. Đó là ý nghĩa của câu: *“Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại”*.

Lời nói của Đức Phật thật không sai, giai đoạn Đức Phật còn tại thế và các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật còn tại thế thì không ai có thể chặn đứng được sự thật này, không ai có thể chuyển vận ngược lại các sự thật này, không ai có thể xuyên tạc, phỉ báng, chê bai, xem thường Thánh pháp tối thượng này. Vì có sao? Vì trước ánh sáng trí tuệ của Đức Phật và trước ánh sáng trí tuệ của các bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ thời Đức Phật thì mọi tà thuyết, mọi âm mưu phá hoại đạo Phật, mọi âm mưu làm lu mờ Bốn Thánh Đế, làm lu mờ Bốn Sự Thật về cuộc sống, tất cả những lập luận gian tà, xảo trá, ngụy biện, lừa dối, vô minh của ngoại đạo thời đó đều bị Đức Phật và các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật phát giác, phát hiện, vạch trần, phơi bày và đập tan. Vì vậy, Đức Phật đã nói rằng: “không một

ai ở đời có thể chặn đứng, xuyên tạc, phỉ báng hoặc làm cho người khác xem thường Bốn Thánh Đế, xem thường các Sự Thật, các Thánh pháp với Thánh Trí tối thượng này”.

Nhưng đáng tiếc thay, sau khi Đức Phật nhập diệt, sau khi các bậc Thánh đệ tử thời Đức Phật nhập diệt thì Thánh Pháp Vô Thượng này, Thánh Trí Tối Thượng này đã bị xuyên tạc, bị xem thường, bị để qua một bên và bị đưa vào quên lãng. Vì vậy, bổn phận của người con Phật ngày nay cần lật lại trang sử của đạo Phật ngày xưa một cách cẩn trọng, cần làm sáng tỏ trang hùng sử của đạo Phật và cần làm cho trang hùng sử này rực sáng và chói sáng lại giữa cuộc đời đầy vô minh tăm tối này. Bổn phận của người con Phật ngày nay cần nghiên cứu, học hỏi cẩn trọng Bốn Thánh Đế để làm sáng tỏ Thánh pháp tối thượng cao quý mà ngày xưa Đức Phật đã tuyên bố, đã truyền trao. Người con Phật ngày nay cần làm rực sáng Thánh trí tối thượng thân diệu này. Đừng đến với đạo Phật một cách hời hợt. Đừng tìm hiểu đạo Phật một cách sơ sài với những tài liệu không chân chánh, không chính xác về đạo Phật, không chính xác về lời Phật dạy để rồi tiền mất, tật mang, không thoát khỏi khổ, luân hồi, phiền não và nước mắt.

5.2.2 Đức Phật, bậc Vô Thượng Sĩ thuyết giảng Vô Thượng Pháp

Trong bài kinh Thủ Chuyển, Đức Phật nói rõ rằng khi Ngài

chưa thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn thì khi đó Ngài chưa tuyên bố Ngài đã chứng Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho đến khi Ngài thành tựu Trí về Ngũ uẩn thì khi đó Ngài mới tuyên bố là đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Ngài đã thành tựu trí tuệ tối thượng, trí tuệ thấy biết trọn vẹn, thấy biết đầy đủ tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh của cuộc sống. Tất cả sự vận hành và sự sanh diệt của Thế Giới được Ngài thấy biết trọn vẹn, thấy biết đầy đủ, thấy biết hoàn hảo, đó là ý nghĩa của danh từ Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như vậy, Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Khổ, hay Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về Thế Giới, đó chính là Bốn Trí Tuệ về Thế Giới, là tất cả những gì đang có mặt, đang vận hành và đang hoạt động trong thế giới. Thông hiểu Bốn Thánh Đế là thông hiểu về Thế Giới. Thông hiểu Bốn Thánh Đế là thông hiểu cuộc sống, là giải mã cuộc sống, là giải mã Thế Giới.

Khi trí tuệ trong Bốn Thánh Đế được làm sáng tỏ, khi sự thật trong Bốn Thánh Đế được thông hiểu, được thấy biết rõ đó chính là sự thật về thế giới được phơi bày, được vạch trần, được giải mã. Thế giới không còn mờ mịt, không còn mờ mịt trước trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bản chất của thế giới đã bị lộ diện, hành tướng của thế giới đã bị phơi bày, hoạt động của thế giới đã bị nêu rõ. Thế giới đã bị Đức Phật nắm gọn trong lòng bàn tay. Ngài thấy

biết rõ bản chất của thế giới và Ngài vượt thoát khỏi thế giới, Ngài vượt thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi uest nhiệm của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi tất cả những phiền não và đau khổ của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi sự vô thường, tạm bợ, mong manh, dễ vỡ, dễ tan, vô nghĩa, vô tình, bất an, nguy hiểm của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi sự sanh, sự già, sự bệnh, sự chết của thế giới. Ngài vượt thoát khỏi tù ngục của thế giới. Ngài đã chiến thắng thế giới. Ngài là bậc đại anh hùng, bậc anh hùng vĩ đại, bậc đại hùng, đại lực đã chiến thắng thế giới, chiến thắng sự vô minh trong thế giới, chiến thắng sự chi phối, sự dẫn dắt, sự khống chế của thế giới. Ngài là bậc Đại Sĩ, bậc Vô Thượng Sĩ ở trên đời.

Đức Phật được gọi là bậc Vô Thượng Sĩ vì Ngài thành tựu trí tuệ vô thượng ở trên đời, Ngài đã thông tỏ hoàn toàn về cuộc đời, thông tỏ hoàn toàn về thế giới. Đức Phật được gọi là Bậc Đại Sĩ vì Ngài là Bậc có Trí Tuệ Vĩ Đại. Trí tuệ của Ngài đã đâm thủng vô minh, đã phá tan lớp màn vô minh sâu dày của thế giới. Trí tuệ của Ngài đã phá vỡ bức màn bí mật về dòng luân hồi sanh tử. Trí tuệ của Ngài đã vạch trần bộ mặt của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Trí tuệ của Ngài đã lật tẩy bản chất của cuộc đời, phơi bày bản chất của cuộc sống, vạch trần bản chất của thế giới.

Trí tuệ của Ngài đã phá vỡ, phá tan, phá sập tất cả những gì si ám trên cuộc đời này, phá tan tất cả những màn đêm

đen tối che ám cuộc đời, phơi bày tất cả những sự thật về cuộc đời. Trí tuệ của Ngài đã xuyên thấu thế giới, đã đâm thủng thế giới, đã vạch trần thế giới. Vì vậy, Đức Phật được gọi là bậc Vô Thượng Sĩ, bậc đã thành tựu trí tuệ vô thượng, trí tuệ tối thượng về thế giới, bậc đã chiến thắng thế giới, đã chiến thắng tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong thế giới. Ngài xứng đáng để thế gian tôn vinh, tôn sùng, tôn kính, kính lễ. Ngài xứng đáng với danh xưng là Bậc Tối Thượng ở trên đời. Như vậy, Bậc Vô Thượng Sĩ đã thuyết giảng Vô Thượng Pháp, đã khai thị Vô Thượng Trí Tuệ cho cuộc đời, tức là Ngài đã khai thị, trình bày, thuyết giảng, khai minh Bốn Thánh Đế, hay Bốn Sự Thật về Thế giới, hay Bốn Trí Tuệ Tối Thượng trên cuộc đời.

5.2.3 Vì sao không dễ nhìn ra Sự thật của cuộc sống?

Thánh pháp tối thượng đã được Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã phát giác, phát hiện ra. Nếu không có bậc Tối Thượng Nhân xuất hiện ở đời thì Tối Thượng Pháp, Vô Thượng Pháp ở trên đời sẽ không được thấy biết, không được phát hiện, không được trình bày, không được khai thị một cách minh bạch, rõ ràng, chân chánh và chính xác. Vì vậy, Đức Phật đã nói: “Khó thay nghe diệu pháp! Khó thay Phật ra đời!” (Pháp Cú 182). Diệu pháp vô thượng mà Đức Phật đã giảng dạy chính là Bốn Thánh Đế hay Bốn Thánh

Trí về Ngũ uẩn, Bốn Sự Thật về Cuộc đời. Câu Pháp Cú trên đã cho chúng ta một thông điệp rằng: Không dễ để có thể thông hiểu Bốn Thánh Đế, không dễ để có thể thông hiểu Thánh Pháp Vô Thượng, không dễ để có thể thông hiểu Sự Thật về Cuộc sống, và sự xuất hiện của Đức Phật, sự xuất hiện của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời là điều hiếm hoi, hy hữu, hiếm có.

Nhưng vì sao không dễ gì để có thể nhìn ra được sự thật của cuộc đời, không dễ gì để có thể thấy biết rõ sự thật của cuộc sống, không dễ gì để có thể thành tựu trí tuệ về thế giới nếu như Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời?

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, già chết trong đời nhưng không nhìn ra được bản chất của đời, không nhìn ra được sự thật cuộc đời nên chúng sanh hôn mê trong đời, chạy theo đời, chạy theo dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong đời, bị đời dẫn dắt, bị đời chi phối, bị đời khống chế, bị đời diệt vong, bị đời làm cho đau khổ, phiền não, khổ não, đầy nước mắt.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời rồi chết trong đời nhưng không biết rõ sự thật của đời, không biết rõ đời đang dẫn dắt mình như thế nào, không biết rõ đời đang khống chế mình như thế nào, không biết rõ đời đang giam hãm mình như thế nào, không biết rõ đời đang làm

khổ mình như thế nào.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, nhưng chúng sanh không biết rõ cái gì đang khống chế đời, cái gì đang dẫn dắt đời, cái gì đang hành hạ đời, cái gì đang lôi kéo những cuộc đời rỗng không, vô nghĩa cứ mãi tiếp nối, cứ mãi sanh sanh diệt diệt trong tạm bợ, vô thường, phiền não, bất an, mong manh, dễ tan, dễ vỡ.

Chúng sanh sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, đau khổ vì đời, chết gục trong đời nhưng không biết một chút sự thật nào về đời thì còn gì đáng thương hơn, còn gì cay đắng hơn cho các chúng sanh.

Nhưng điều cay đắng nhất trên đời, điều khó khăn nhất trên đời chính là không dễ gì để nhìn ra được sự thật của đời, không dễ gì để nhìn ra được bộ mặt thật của cuộc sống. Chỉ cho đến khi nào có một vị với đầy đủ túc duyên, đầy đủ nhân duyên hiền thiện, thiện lành, giới đức trong sạch, thanh cao, tối thượng, nội tâm đã hoàn toàn định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản. Vị này dẫn tâm, hướng tâm nhu nhuyến thuần tịnh này tìm về đời sống quá khứ của mình và đời sống của các chúng sanh. Và với thiện duyên hội đủ, vị này nhớ lại được vô số vô lượng lần sanh tử của mình và nhìn thấy được những nẻo đường sanh tử của các chúng sanh, khi đó vị này mới có thể phát giác phát

hiện ra bộ mặt thật của đời sống, bộ mặt thật của dòng sanh tử. Và những ai quen biết với vị này, được nghe sự khai thị của vị này về bộ mặt thật của đời sống thì khi đó các vị đó mới có thể thấy biết được sự thật về đời sống.

Như vậy, sự thật về đời sống là điều hoàn toàn không phải dễ để có thể nhìn ra, không phải dễ để có thể thấy biết. Nếu bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện trên cuộc đời này thì Sự Thật về Cuộc đời sẽ chìm trong bóng tối. Nếu ai không được thấy, không được nghe bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hay những vị đệ tử chân chánh của Ngài thuyết giảng thì đối với người đó Sự Thật về Cuộc đời vẫn bị chìm trong bóng đêm. Dù sự thật về cuộc đời vẫn đang hiện hữu sờ sờ ra đó, nhưng vô minh đã che lấp sự thấy biết của chúng sanh, vô minh đã phủ lên tâm của chúng sanh một màn đêm đen tối. Vì vậy, không dễ gì để chúng sanh có thể tự mình thấy biết sự thật về thân tâm, sự thật về thế giới.

5.2.4 Ai có thể tiếp nhận Thánh Pháp Vô Thượng này?

Như vậy, sự thấy biết về sự thật của cuộc sống là điều thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Sự tuyên bố, sự khai thị, sự chỉ dạy về sự thật của cuộc sống là điều thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Người có thể tự mình thấy biết sự thật của cuộc sống là người thật sự hy hữu, vi diệu, hiếm có. Do đó,

Đức Phật đã tuyên bố rằng: “Khó thay, nghe diệu pháp! Khó thay, Phật ra đời!”.

Trong kinh Nikaya, mỗi khi Đức Phật thuyết giảng Chánh pháp thì các vị thời đó đã thốt lên câu:

“Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che giấu, chỉ đường cho người bị lạc lối, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp (những điều chân thật, chân chánh, những sự thật chân chánh về cuộc đời) đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng”.

Vì sao khi nghe Đức Phật thuyết giảng, người có trí, người có mắt lại thốt lên những lời như vậy?

Vì mỗi một lời Đức Phật thốt ra là một sự thật về cuộc sống, một chân lý trong cuộc sống, một logic trong cuộc sống, một sự thật bị lãng quên trong cuộc sống. Và bất cứ ai khi nghe những lời này, nếu như đó là người không bị tâm thần, không bị thành kiến, định kiến, tà kiến chi phối, không bị ngu si đần độn thì đều công nhận, đều chấp nhận sự thật đó. Vì vậy, mà Đức Phật thường nói: “Pháp mà Ngài tuyên

thuyết là thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu”. Và “người có trí” trong câu kinh này chính là “người có mắt” trong câu kinh trên.

“Người trí” hay “người có mắt” là người với tâm trong sáng, khách quan, tâm không có thành kiến, định kiến, không có tà kiến, không có kiến thủ, tâm không phe phái, tâm không bệnh hoạn, tâm không cứng đầu, ương ngạnh, chống đối, tâm không bị vô minh che kín hoàn toàn, tâm cởi mở, biết chấp nhận những vấn đề khi được trình bày một cách minh bạch, rõ ràng, thực tế, logic, hợp nhân quả, đúng pháp. Người có tâm như vậy được gọi là “người trí” hay “người có mắt”.

Như vậy, sự thật của cuộc sống, những điều chân thực, thiết thực ở hiện tại trong cuộc sống mà Đức Phật chỉ dạy, trình bày, không phải ai cũng có thể đón nhận, không phải ai cũng có thể chấp nhận, mà chỉ có những người trí, những người có mắt mới có thể giác hiểu. Và khi đã nhận hiểu được những sự thật này thì các vị này đã thốt lên lời tán thán Đức Phật như trên.

5.3 Tác dụng Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân

Pháp Tám Chánh hay Phương Pháp Tám Đúng trong Bốn Thánh Đế hay trong Vô Thượng Pháp Luân đó là phương

pháp tu tập hoàn hảo và thiện xảo, chu toàn và chu đáo, vi diệu và thần diệu, có khả năng đánh bật mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi hình thức hoạt động ẩn hiện thô tế của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Tác dụng của Phương Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo thật siêu việt, tinh tế, tinh vi, thâm sâu, thần diệu và tuyệt vời. Điều này sẽ được trình bày rõ trong phần dưới đây.

5.3.1 Tác dụng của Thấy biết đúng

Với “Chánh tri kiến” hay “Thấy biết đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh thấy biết rõ thế nào là những tri kiến, những thấy biết chân chánh, đúng pháp về thân tâm và cuộc sống mà một người tu cần phải tu tập thực hành để thành tựu trí tuệ.

Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà chúng sanh đã thấy biết rõ thế nào là cái nhìn, cái thấy không chân chánh, không đúng pháp về thân tâm và cuộc sống. (Mời xem kỹ phần *Chánh Kiến Trong Nikāya*).

Đức Phật giúp người tu thấy biết rõ những sự thật về cuộc sống. Ngài làm sáng tỏ sự thấy biết sai lầm, cái nhìn, cái thấy sai lầm của chúng sanh, rồi từ đó chúng sanh mới từ bỏ những tri kiến sai lầm này.

Như vậy, Chánh tri kiến hay Thấy biết đúng có tác dụng làm lộ diện những tri kiến sai lầm, những thấy biết sai lầm

về cuộc sống. Nhờ có *Chánh tri kiến* mà chúng sanh mới thấy biết rõ thế nào là *Tà tri kiến*. Nhờ thấy biết rõ tà kiến mà chúng sanh mới từ bỏ tà kiến. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về chánh tri kiến, sự thấy biết đúng trong cuộc sống thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong sự thấy biết của mình, sẽ không biết được thế nào là thấy biết đúng và thấy biết sai về cuộc sống. Chúng sanh sẽ nhìn thân tâm và cuộc sống một cách méo mó, sai lầm, lệch lạc với nội tâm bị vô minh che đậy và bị khát ái trói buộc.

Tóm lại, Chánh tri kiến hay Thấy biết đúng trong Pháp Tám Đúng có tác dụng đánh bật, đánh bật gốc “*Tà tri kiến*”, tiêu diệt sự “*Thấy biết sai*” về thân tâm và thế giới, diệt tận vô minh trong khía cạnh nhân sinh quan và thế giới quan.

5.3.2 Tác dụng của Suy nghĩ đúng

Với “Chánh tư duy” hay “Suy nghĩ đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là những tư duy suy nghĩ chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành.

Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những suy nghĩ bất chánh, không đúng pháp, không tương xứng với một người tu đã bị phơi bày, bị thấy biết. Đức Phật giúp người tu thấy biết rõ những điều nên suy nghĩ và những điều không nên

suy nghĩ. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong sự suy tư suy nghĩ của mình, giúp người tu từ bỏ những dòng suy nghĩ bất chánh, từ bỏ những suy nghĩ ngu si đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, từ bỏ những suy nghĩ trong vô minh, khát ái, từ bỏ những suy nghĩ trong tham, sân, si, bản ngã. Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề suy nghĩ sai và suy nghĩ đúng, chánh tư duy và tà tư duy.

Thế nào là Tà tư duy?

- Dục tư duy
- Sân tư duy
- Hại tư duy

Dục tư duy là những suy tư, suy nghĩ tư tưởng về dục, suy nghĩ mong muốn việc này việc kia, suy nghĩ mong muốn những sắc, tài, danh, lợi trong cuộc sống, suy nghĩ tìm cách để thỏa mãn những dục vọng, thỏa mãn những mong muốn dục lạc của thế gian.

Sân tư duy là những suy tư, suy nghĩ sân hận, hờn giận, tức giận việc này việc kia, những suy nghĩ chìm lún trong sân si, hơn thua, đấu đá, trả đũa, những suy nghĩ tìm cách để thỏa mãn lòng sân của mình.

Hại tư duy là những tư duy tai hại, nguy hại, bất thiện, nghĩ việc này việc kia để làm hại người này, người kia, làm hại tự thân. Ba dòng suy nghĩ này gọi là tà tư duy.

Thế nào là Chánh tư duy?

- Ly dục tư duy
- Ly sân tư duy
- Bất hại tư duy

Ly dục tư duy là những suy tư, suy nghĩ về việc ly dục, suy nghĩ từ bỏ những dục vọng, từ bỏ những ham muốn đối với sắc, tài, danh, lợi trên đời; những suy nghĩ không thèm muốn dục lạc của thế gian; những suy nghĩ nhằm chán, ly tham, đoạn diệt đối với dục; những suy nghĩ tác ý tìm cách để từ bỏ dục, tìm cách để nhiếp phục dục, tìm cách để chế ngự dục, tìm cách để diệt tận dục và diệt tận những pháp bất thiện trong nội tâm. Đó là ly dục tư duy.

Ly sân tư duy là những suy tư, suy nghĩ về lòng từ, suy nghĩ về sự cảm thông, sự hiểu thương, sự tha thứ; suy nghĩ về lợi ích của sự không sân hận và tai hại của sân si; suy nghĩ sợ hãi lòng sân, sợ hãi tâm sân, chán ngán tâm sân, ghê sợ tâm sân; suy nghĩ cách làm sao để có thể diệt sân một cách hoàn toàn. Đó là ly sân tư duy.

Bất hại tư duy là những suy tư, suy nghĩ không làm hại mình, không làm hại người, không làm hại cả hai. Thế nào là những suy nghĩ không làm hại mình, hại người, hại cả hai? Đó là những suy nghĩ về chánh kiến, chánh tư duy... chánh định; suy nghĩ về những lời Phật dạy, suy nghĩ về

các bậc Thánh nhân, suy nghĩ về từ bi hỷ xả. Đó là bất hại tư duy.

Như vậy, “Chánh tư duy” hay “Suy nghĩ đúng” có tác dụng loại bỏ những suy nghĩ sai lầm của chúng sanh. Nhờ có chánh tư duy mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là tà tư duy. Nhờ biết rõ về tà tư duy mà chúng sanh mới từ bỏ tà tư duy. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về chánh tư duy thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong những tư duy suy nghĩ của mình, không biết được thế nào là suy nghĩ chân chánh và suy nghĩ bất chánh, bất thiện, rồi chìm đắm trong những dòng suy nghĩ bất thiện, chìm đắm trong những suy nghĩ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, đưa đến khổ cho tự thân.

Như vậy, tác dụng của Suy nghĩ đúng hay Chánh tư duy là dùng để đánh bật, đánh bật gốc Tà tư duy, diệt trừ những tư duy suy nghĩ sai quấy, diệt trừ những tư tưởng chất chứa khổ, đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh tư duy, tu tập những suy nghĩ chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.3 Tác dụng của Lời nói đúng

Với “Chánh ngữ” hay “Lời nói đúng” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết

rõ thế nào là những lời nói chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những lời nói không chân chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

Với Chánh ngữ, Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những điều nên nói và những điều không nên nói. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong khẩu hành, trong lời nói của mình, giúp người tu từ bỏ những lời nói bất chánh, bất thiện, từ bỏ những lời nói theo tập khí, nói trong vô minh, từ bỏ những lời nói trong tham, sân, si, bản ngã, không tạo những ác hạnh về lời nói, không tạo những khẩu nghiệp đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề lời nói đúng và lời nói sai, chánh ngữ và tà ngữ.

Thế nào là Tà ngữ?

- Tự mình nói dối, khuyến khích người nói dối, tùy thuận nói dối, tán thán nói dối.
- Tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người nói hai lưỡi, tùy thuận nói hai lưỡi, tán thán nói hai lưỡi.
- Tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người nói lời thô ác, tùy thuận nói lời thô ác, tán thán nói lời thô ác.

- Tự mình nói linh tinh, khuyến khích người nói chuyện linh tinh, tùy thuận nói linh tinh, tán thán nói linh tinh.

Trên đây là những lời nói đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai mình và người.

Thế nào là Chánh ngữ?

- Tự mình từ bỏ nói dối, không khuyến khích người nói dối, không tùy thuận nói dối, không tán thán nói dối, tập nói lời chân thật và khuyến khích người nói lời chân thật.
- Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, không khuyến khích người nói lời hai lưỡi, không tùy thuận nói hai lưỡi, không tán thán nói hai lưỡi, tập nói lời đưa đến hòa hợp và khuyến khích người nói lời hòa hợp.
- Tự mình từ bỏ nói lời thô ác, không khuyến khích người nói lời thô ác, không tùy thuận nói lời thô ác, không tán thán nói lời thô ác, tập nói lời từ ái hòa nhã và khuyến khích người nói lời từ ái hòa nhã.
- Tự mình từ bỏ nói linh tinh, không khuyến khích người nói linh tinh, không tùy thuận nói linh tinh, không tán thán nói linh tinh, chỉ nói đến Giới, Định, Tuệ, pháp học, pháp hành trong Chánh pháp và khuyến khích người chỉ nói đến pháp, Chánh pháp.

Trên đây là những lời nói không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Tóm lại, Chánh ngữ hay lời nói chân chánh có tác dụng làm lộ diện những lời nói, những cách nói sai lầm, bất chánh, bất thiện của chúng sanh. Nhờ có *Chánh ngữ* mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà ngữ*. Chúng sanh nhờ biết rõ tà ngữ mới từ bỏ tà ngữ. Nếu Đức Phật không chỉ dạy thế nào là lời nói chân chánh, đúng pháp thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong cách ăn nói của mình, không phân biệt chánh tà trong lời nói, để rồi phát ra những lời nói với dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, tạo ác nghiệp trong khẩu hành, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, tác dụng của Lời nói chân chánh hay Chánh ngữ là phơi bày Tà ngữ, vạch trần Tà ngữ, từ bỏ những lời nói sai quấy, những thói quen nói trong vô minh, nói không đúng tư cách của một người tu. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh ngữ mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.4 Tác dụng của Hành động đúng

Với “Hành động đúng” hay “Chánh nghiệp” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết thế nào là những thân hành chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này

của Đức Phật mà những hành động bất chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những điều nên làm và những điều không nên làm. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong thân hành, trong hành động của mình, giúp người tu từ bỏ những hành động bất chánh, bất thiện, từ bỏ những hành động theo tập khí, theo vô minh, theo bản ngã, không tạo ác hạnh về thân, không làm những thân nghiệp đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề hành động đúng và hành động sai, chánh nghiệp và tà nghiệp.

Thế nào là Tà nghiệp?

- Tự mình Sát sanh, khuyến khích người sát sanh, tùy thuận sát sanh, tán thán sát sanh.
- Tự mình Lấy của không cho, khuyến khích người lấy của không cho, tùy thuận lấy của không cho, tán thán lấy của không cho.
- Tự mình Tà dâm, khuyến khích người tà dâm, tùy thuận tà dâm, tán thán tà dâm.

Đây là những hành động sai quấy đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai.

Thế nào là Chánh nghiệp?

- Tự mình từ bỏ sát sanh, không khuyến khích người sát sanh, không tùy thuận sát sanh, không tán thán sát sanh, khuyến khích người từ bỏ sát sanh.
- Tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khuyến khích người lấy của không cho, không tùy thuận lấy của không cho, không tán thán lấy của không cho, khuyến khích người từ bỏ lấy của không cho.
- Tự mình từ bỏ tà dâm, không khuyến khích người tà dâm, không tùy thuận tà dâm, không tán thán tà dâm, khuyến khích người từ bỏ tà dâm (đối với tu sĩ là từ bỏ hoàn toàn việc hành dâm, dâm dục).

Đây là những hành động chân chánh, đúng pháp, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Như vậy, “Chánh nghiệp” hay “Hành động chân chánh” mà Đức Phật đã chỉ dạy có tác dụng làm lộ diện những hành động sai lầm, những thân hành sai lầm, bất thiện, bất chánh của chúng sanh. Nhờ sự chỉ dạy về *Chánh nghiệp* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà nghiệp*. Nhờ biết rõ tà nghiệp mà chúng sanh mới từ bỏ tà nghiệp. Nếu không có sự chỉ dạy của Đức Phật về hành động chân chánh, thân hành chân chánh, đúng pháp thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong thân hành và không biết rõ chánh tà trong thân hành, để rồi làm những thân hành với

dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, *Hành động đúng* hay *Chánh nghiệp* có tác dụng loại bỏ *Tà nghiệp*, nhiếp phục những hành động, những thân hành bất chánh, an trú trong những thân hành chân chánh, đúng pháp. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc tu tập chánh nghiệp mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.5 Tác dụng của Nuôi mạng đúng

Với “Chánh mạng” hay “Nuôi mạng chân chánh” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là cách nuôi mạng, nghề nghiệp nuôi mạng chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những sự nuôi mạng, những hành động nuôi mạng bất chánh, không đúng pháp, không tương ứng với một người tu đã bị phơi bày.

- Nghề nghiệp không chân chánh đối với cư sĩ là: bán thịt, bán rượu, bán người, bán thuốc độc, bán vũ khí. Đây là năm nghề buôn bán mà người cư sĩ không nên làm vì những hậu quả tai hại của những nghề nghiệp này ở hiện tại và tương lai.
- Đối với tu sĩ thì cần nên xem kỹ kinh Sa-môn Quả, (*Trường*, bài 2) để biết rõ những cách kiếm sống

không xứng với Thánh hạnh xuất gia của một người tu.

Tóm lại, với Chánh mạng, sự nuôi mạng chân chánh, Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ cách nuôi mạng nên thực hiện và không nên thực hiện. Ngài giúp chúng sanh sáng tỏ, trạch pháp trong cách nuôi mạng, cách kiếm sống, từ bỏ những cách nuôi mạng bất chánh, bất thiện, đưa đến quả báo khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai.

Chánh mạng hay Nuôi mạng chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy, có tác dụng loại bỏ những cách nuôi mạng sai lầm, không chân chánh của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dạy về *Chánh mạng* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà mạng*. Nhờ có sự thấy biết rõ về tà mạng nên chúng sanh mới từ bỏ tà mạng. Nếu không có sự giảng dạy trình bày của Đức Phật về sự nuôi mạng chân chánh và sự nuôi mạng bất chánh thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong việc kiếm miếng ăn nuôi mạng của mình rồi lại làm những việc bất chánh để nuôi mạng, tạo quả báo khổ ở hiện tại và tương lai, đưa đến tự thân không thoát khỏi phiền não và khổ đau.

Như vậy, Nuôi mạng đúng hay Chánh mạng có tác dụng giúp người tu loại bỏ Tà mạng khỏi đời sống của mình, nuôi thân mạng một cách chân chánh, đúng pháp của một người tu.

5.3.6 Tác dụng của Siêng đúng việc

Với “Chánh tinh tấn” hay “Siêng đúng việc” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ những điều chân chánh, đúng pháp mà một người tu cần phải nỗ lực tu tập, thực hành. Nhờ sự chỉ dạy của Đức Phật mà những nỗ lực không chân chánh, không đúng pháp đối với một người tu đã bị phơi bày.

Đức Phật đã giúp người tu thấy biết rõ những điều cần phải nỗ lực tinh tấn tu tập thực hành và những điều không cần phải nỗ lực tu tập thực hành. Ngài giúp người tu sáng tỏ, trạch pháp trong vấn đề nỗ lực tu tập và không cần phải nỗ lực tu tập đối với những pháp không có khả năng đâm thủng vô minh, diệt tận khát ái. Ngài làm sáng tỏ vấn đề siêng năng sai việc và siêng năng đúng việc, chánh tinh tấn và tà tinh tấn.

- Tà tinh tấn là những tinh tấn sai lầm, siêng năng sai lầm, cái cần phải siêng năng thực hành thì lại không siêng năng thực hành, cái không cần phải siêng năng thực hành thì lại siêng năng thực hành, đưa đến uổng công phí sức, phí thời gian nhưng không đạt được mục đích của người tu.
- Chánh tinh tấn là những tinh cần tinh tấn chân chánh, những siêng năng chân chánh đúng pháp, đúng việc. Cái cần phải tinh cần tu tập thì tinh cần tu tập, cái không

cần phải tinh cần tu tập thì không tinh cần tu tập. Nhờ siêng năng tinh cần đúng việc như vậy nên hành giả có thể đi đến thành tựu những thiện pháp, diệt tận những bất thiện pháp và đạt được mục đích của sự tu đạo.

Trong kinh Nikāya, Chánh tinh tấn hay Sự tinh cần chân chánh, sự siêng năng chân chánh được Đức Phật trình bày với Bốn Chánh Cần hay Bốn Tinh Cần.

• **Bốn Chánh Cần**

Bốn Chánh Cần là bốn việc cần làm của người tu, gồm có:

- Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được diệt trừ, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Đây là Bốn Chánh Cần.

• Bốn Tinh Cần

Bốn Tinh Cần là bốn việc cần tinh tấn thực hiện của người tu, gồm có: Tinh cần chế ngự, tinh cần đoạn tận, tinh cần tu tập và tinh cần hộ trì.

- Tinh cần chế ngự: Cần nỗ lực tinh tấn chế ngự sáu căn khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần.
- Tinh cần đoạn tận: Cần nỗ lực tinh tấn đoạn tận những tà tư duy trong nội tâm khi chúng sanh khởi trong tâm.
- Tinh cần tu tập: Cần nỗ lực tinh tấn tu tập chánh niệm tỉnh giác theo Bảy Giác Chi để hướng dẫn tâm đi đến Minh và Giải Thoát.
- Tinh cần hộ trì: Cần nỗ lực tinh tấn hộ trì những thiện pháp đã có trong nội tâm như: tướng xác chết, tướng bộ xương, tướng xác bị côn trùng ăn... để tâm hướng đến thể nhập sự thật về Ngũ uẩn.

Bốn Chánh Cần là tổng quát bốn việc cần làm của người tu. Bốn Tinh Cần là chi tiết bốn việc cần làm đó. Khi khéo học hiểu, khéo hành trì thì các pháp này là một, không có gì sai khác. Đây là bốn pháp mà một người tu chân chánh cần phải siêng năng tu tập, thực hành. Khi người tu không biết rõ bốn pháp này thì sẽ không siêng năng thực hành bốn pháp này mà siêng năng tu tập những pháp khác, những pháp không có khả năng đưa đến niêp phục và diệt tận tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Sự siêng

năng như vậy gọi là siêng năng không đúng pháp, siêng năng sai việc hay tà tinh tấn. Tà tinh tấn không có khả năng đưa đến diệt tận được những pháp bất thiện trong nội tâm.

Tóm lại, Chánh tinh tấn hay Siêng đúng việc có tác dụng làm lộ diện những siêng năng sai lầm, những điều không cần phải làm, phải tu tập của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dẫn về *Chánh tinh tấn* của Đức Phật mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là *Tà tinh tấn*. Nhờ có thấy biết rõ về tà tinh tấn mà chúng sanh mới từ bỏ tà tinh tấn. Nếu không có sự giảng dạy, sự trình bày về những pháp mà một người tu chân chánh cần phải siêng năng nỗ lực thực hành thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong sự tu hành của mình và sẽ không phân biệt rõ chánh tà, đúng sai trong sự nỗ lực tinh cần, chúng sanh sẽ tinh cần những pháp không cần phải tinh cần và không tinh cần tu tập những pháp cần phải tu tập. Vì vậy, chúng sanh không thể nhiếp phục được thân tâm, đoạn tận được tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc.

Như vậy, Siêng đúng việc hay Chánh tinh tấn có tác dụng vạch mặt Tà tinh tấn, giúp chúng sanh thấy biết rõ những tinh tấn sai lầm không có khả năng diệt tận lậu hoặc và thấy biết rõ những tinh tấn siêng năng chân chánh mà một người tu cần nỗ lực siêng năng thực hành để đi đến sự đoạn diệt tham sân si, đưa thân tâm an trú trong những siêng năng chân chánh, đúng pháp. Đó là tác dụng và lợi ích trong việc

tu tập Chánh tinh tấn mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.7 Tác dụng của Quán đúng chỗ

Với “Chánh niệm” hay “Quán niệm chân chánh”, hay “Quán đúng chỗ” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là những tư niệm chân chánh, những chỗ chân chánh đúng pháp mà một người tu cần phải hướng tâm đến đó, an trú trong đó để quán sát tự thân, để thấy biết rõ tự thân và nhiếp phục tự thân. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những tư niệm sai lầm, không chân chánh, không đúng chỗ, không đúng pháp với một người tu, không tương xứng với một người tu đã bị phơi bày.

Chánh niệm là kim chỉ nam của người tu, là chỗ để người tu an trú tâm mình vào đấy. Nhờ có pháp chánh niệm của Đức Phật chỉ dạy, người tu sẽ biết mình cần đặt tâm ở đâu, cần để tâm ở đâu cho đúng, cho chân chánh để có thể đi đến sự thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết mọi hành tướng của tham sân si. Nhờ tâm được đặt đúng chỗ, được nhớ biết đúng chỗ, được quán sát đúng chỗ mà tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc được thấy biết, được nhiếp phục và được đoạn tận một cách hoàn toàn. Đức Phật đã làm sáng tỏ vấn đề chánh niệm và tà niệm.

- *Tà niệm* là sự hướng tâm sai chỗ, sự nhớ biết sai chỗ, sự quán sát sai chỗ, sự quán sát nhớ biết này không đưa đến trí tuệ cho người tu, không giúp cho người tu nhìn thấy được tham sân si trong tự thân, không giúp nhìn thấy rõ được vô minh, không nhiếp phục được vô minh, khát ái và bản ngã.
- *Chánh niệm* là sự quán niệm chân chánh, sự nhớ biết chân chánh, sự nhớ biết đúng chỗ, sự quán sát đúng chỗ, sự quán sát này giúp người tu thành tựu trí tuệ về tự thân, thấy biết rõ tham, sân, si, vô minh, bản ngã và khát ái trong tự thân, nhiếp phục tự thân, diệt tận vô minh và khát ái, tẩy sạch các cấu uế trong tâm.

Có bốn chỗ cần chân chánh quán niệm, chân chánh quán sát, chân chánh nhớ biết, đó là: thân, các cảm giác, tâm và các pháp đang có mặt trong thân tâm cần được nhiếp phục hoặc cần được tu tập trong tự thân. Đây là bốn chỗ mà người tu cần phải chân chánh quán sát, chân chánh nhớ biết và chân chánh thành tựu trí tuệ về chúng. Bốn sự quán sát này không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai mình và người.

Bốn sự quán sát này giúp người tu không bị ngoại cảnh chi phối, không chạy theo ngoại cảnh, không bị nội trần chi phối, không chìm trong nội trần, thấy biết rõ nội trần, nhiếp phục nội trần, nhiếp phục các pháp bất thiện trong tự thân,

thành tựu trí về Ngũ uẩn, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, diệt tận bản ngã, chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tóm lại, Đức Phật đã giúp người tu xác định rõ những chỗ, những nơi mà tâm này cần phải quan tâm, chú ý, để ý và những chỗ, những điều, những việc mà tâm này không cần phải quan tâm, không cần phải chú ý, để ý. Ngài làm sáng tỏ trong vấn đề tà niệm và chánh niệm, chỗ để tâm chú ý, chỗ để tâm quán sát của người tu. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà người tu biết rõ mình cần phải để tâm quán sát điều gì và không cần phải để tâm chú ý cái gì. Đối với những điều mà một người tu chân chánh không cần phải để tâm, chú ý, quán sát, thì vị này sẽ không để tâm, chú ý, quán sát. Đối với những điều mà một người tu chân chánh cần phải để tâm, chú ý, quán sát thì vị này sẽ để tâm, chú ý, quán sát. Như vậy, Đức Phật đã giúp cho người tu xác định rõ chánh niệm và tà niệm. Sau khi biết rõ tà niệm, vị này sẽ từ bỏ tà niệm, an trú trong chánh niệm, vị này sẽ từ bỏ những tâm niệm sai lầm, những quán niệm sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến thấy biết rõ về tự thân và diệt tận những cấu uế trong tự thân.

Chánh niệm hay Quán niệm chân chánh, hay Quán đúng chỗ có tác dụng làm lộ rõ những tà niệm, những sự quán niệm sai lầm của chúng sanh. Nhờ có sự chỉ dạy của Đức

Phật về *Chánh niệm* mà chúng sanh mới thấy biết rõ *Tà niệm*. Nhờ có sự thấy biết rõ lợi ích của chánh niệm mà chúng sanh mới từ bỏ tà niệm. Nếu không có sự giảng dạy, trình bày của Đức Phật về sự quán niệm chân chánh, chỗ đặt tâm, chỗ an trú tâm chân chánh của một người tu thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong việc định hướng tâm trí của mình, không biết rõ những chỗ, những điều mà tâm cần phải quán sát, chú ý, để ý, rồi đặt tâm sai chỗ, để tâm quán niệm, quán sát sai chỗ, không đưa đến thành tựu trí tuệ về tự thân, không đưa đến thấy rõ tham sân si và không nhiếp phục được tham sân si, không chấm dứt phiền não, khổ đau.

Như vậy, Quán đúng chỗ hay Chánh niệm có tác dụng phơi bày Tà niệm, vạch trần tà niệm, làm sáng tỏ những tâm niệm sai quấy của người tu, những sự hướng tâm sai chỗ, quán sát sai chỗ, nhớ biết sai chỗ của người tu. Chỗ cần quán niệm, cần xem xét, để ý, thấy biết thì lại không quán niệm, không xem xét, không để ý, không thấy biết những chỗ đó. Chỗ không cần phải quán niệm, không cần phải xem xét, không cần phải để tâm thì lại hướng tâm quán niệm, xem xét những chỗ này, đó gọi là Tà niệm. Chuyển hướng những tà niệm, chuyển hướng những tâm niệm, những sự quán niệm sai quấy của một người tu đến với chánh niệm, đến với những điều chân chánh mà một người tu cần xem xét, cần quán niệm. Đó là tác dụng của Chánh

niệm, tác dụng của Quán đúng chỗ mà Đức Phật đã hướng dẫn trong đạo lộ đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

5.3.8 Tác dụng của Định đúng cách

Với “Chánh định” hay “Định tâm chân chánh”, “Định tâm đúng cách” trong Pháp Tám Đúng, Đức Phật đã trình bày, chỉ dạy cho chúng sanh biết rõ thế nào là phương pháp thiền định chân chánh đúng pháp mà một người tu cần phải tu tập, cần phải thực hành. Nhờ sự chỉ dạy này của Đức Phật mà những cách tu thiền định không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến diệt tận tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc đã bị phơi bày, bị thấy biết, bị vạch trần, bị nêu rõ.

Đức Phật đã giúp cho người tu thấy biết rõ những thiền định cần được tu tập, cần được thực hành và những thiền định không cần phải tu tập, không cần phải thực hành. Ngài đã làm cho người tu sáng tỏ, trạch pháp trong cách tu thiền định của mình, giúp người tu từ bỏ những lối thiền định không chân chánh, không có khả năng đưa đến lậu tận, đưa đến sự trong sạch, thanh tịnh thân tâm một cách hoàn toàn. Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề tà định và chánh định.

- *Tà định* là những cách định tâm sai, phương pháp định tâm sai, lối thiền định sai của người tu. Lối thiền định sai là đường lối tu tập thiền định không chân chánh,

không đúng pháp, không đưa đến sự thấy biết rõ về tự thân, không giúp thấy biết rõ những rác bần, lậu hoặc trong nội tâm.

- *Chánh định* là cách định tâm đúng, phương pháp định tâm đúng, lối thiền định đúng. Lối thiền định chân chánh là đường lối tu tập định tâm đúng cách đưa đến thấy biết rõ những uế nhiễm, lậu hoặc trong nội tâm và đào thải hết tất cả những uế nhiễm, lậu hoặc này, đó gọi là Chánh định.

Chánh định hay cách định tâm chân chánh có tác dụng làm lộ diện những lối thiền định sai lầm của chúng sanh. Nhờ Đức Phật chỉ dạy về chánh định mà chúng sanh mới biết rõ thế nào là tà định và từ bỏ tà định. Nếu không có sự giảng dạy của Đức Phật về cách định tâm chân chánh thì chúng sanh sẽ quờ quạng trong cách định tâm của mình và không biết được thế nào là thiền định chân chánh, thế nào là thiền định không chân chánh, không đúng pháp, để rồi mất thời gian, mất công sức tu tập thiền định nhưng dục, ái, tham, sân, si, bần ngã không diệt tận, phiền não và sanh tử không chấm dứt.

Như vậy, Định Đúng Cách hay Chánh định có tác dụng phơi bày Tà định, nêu rõ tà định để chúng sanh sáng tỏ và từ bỏ những cách tu thiền định sai lầm không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giải thoát tự thân khỏi cấu uế, lậu hoặc.

5.3.9 Đôi nét về Chánh định trong đạo Phật

Chánh định trong Bát Chánh Đạo là gồm có bốn tầng thiền, hay còn gọi là Tứ thiền. Thế nào là bốn thiền?

- **Sơ thiền** (*Thiền thứ nhất*): Ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm, có tứ.
- **Nhị thiền** (*Thiền thứ hai*): Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- **Tam thiền** (*Thiền thứ ba*): Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú thiền thứ ba.
- **Tứ thiền** (*Thiền thứ tư*): Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, “xả niệm thanh tịnh”.

Đó là tứ thiền theo ngôn ngữ Hán Việt. Nếu hiểu Tứ thiền theo nghĩa thuần Việt, thì ý nghĩa của tứ thiền như sau:

- **Thiền thứ nhất**: Sau một thời gian khéo tu tập và khéo vận dụng như lý tác ý, khéo vận dụng chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn và chánh niệm để nhiếp phục, để từ bỏ những tham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, từ bỏ các pháp ác bất thiện che ám tâm là tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối, hoài

nghi, hành giả khéo tác ý sự an lạc thoải mái của thân tâm khi không bị dục và các pháp bất thiện chi phối, làm sanh khởi cảm giác thân dễ chịu an lạc, tâm hoan hỷ vui vui khi thấy mình đã xả ly được các dục và các bất thiện pháp. Lạc hỷ này gọi là lạc hỷ do ly dục sanh, có tầm, có tứ (thân thọ lạc, tâm thọ hỷ, hỷ lạc này do sự hướng tâm tác ý về ly dục sanh khởi). Đây là sự tu tập và thể nhập Sơ thiền.

- **Thiền thứ hai:** Dừng lại trạng thái tâm tìm đến (*tầm*) tư sát (*tứ*) trạng thái an ổn của thân tâm khi không bị dục và các pháp bất thiện chi phối, dừng lại tầm tứ này, làm định tĩnh, an tịnh nội tâm và an trú trong sự định tĩnh, an tịnh này. Sau đó khéo quán sát sự an lạc, thoải mái của thân tâm khi nội tâm định tĩnh, an tịnh, làm sanh khởi cảm giác tâm hoan hỷ vui vui và thân dễ chịu an lạc khi thấy tâm được nội tĩnh nhất tâm. Lạc hỷ này là lạc hỷ do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm (thân thọ lạc, tâm thọ hỷ do định sanh). Đây là sự tu tập và thể nhập Nhị thiền.
- **Thiền thứ ba:** Chánh niệm tỉnh giác từ bỏ cảm giác hoan hỷ vui vui trong tâm, tâm trú trong thọ xả, thân vẫn còn trú trong cảm giác lạc thọ (tức là tâm từ bỏ thọ hỷ, nhưng thân vẫn còn giữ thọ lạc, thân vẫn còn cảm giác dễ chịu). Trạng thái thân tâm như vậy được các bậc

Thánh gọi là “xả niệm lạc trú” (tâm thọ xả, thân trú trong thọ lạc). Đây là sự tu tập và thể nhập Tam thiên.

- **Thiền thứ tư:** Từ bỏ những cảm giác dễ chịu, khó chịu trong thân, diệt trừ những cảm giác vui buồn mà tâm đã cảm thọ trước đó, an trú thân tâm trong thọ xả, an trú thân tâm trong sự an tịnh, thanh tịnh hoàn toàn, không có chút gì là dễ chịu hay khó chịu trong thân tâm, thân tâm thuần trong sự thanh tịnh vắng lặng. Trạng thái thân tâm như vậy được gọi là “xả niệm thanh tịnh” (tâm thọ xả, thân thọ không khổ không lạc). Đây là sự tu tập và thể nhập Tứ thiên.

Chánh định là pháp thứ tám trong Phương Pháp Tám Đúng. Không phải ngẫu nhiên mà chánh định lại nằm ở pháp cuối trong Bát Chánh Đạo. Bảy cái chánh đầu tiên trong Bát Chánh Đạo là bảy pháp tư lương để hành giả đi vào trong chánh định.

Chánh định trong Bát Chánh Đạo là một phương pháp thiền định được chuẩn bị, được sửa soạn bởi Bảy điều chân chánh trước đó. Một thiền định được dẫn dắt bởi Chánh kiến, được chuẩn bị bởi bảy pháp chân chánh như vậy, đó mới được gọi là Chánh định. **Định này là Thánh Chánh Định**, được cận duyên và tư trợ bởi Bảy chi phần trước (Đại Kinh Bốn Mươi, bài 117, Trung Bộ). Đây là lối thiền định được tu tập và được chỉ dạy bởi các Đức Phật, các bậc Thánh, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Một thiền định không được dẫn đạo bởi Chánh tri kiến, không được chuẩn bị bởi bảy sự chân chánh trong đời sống thì thiền định đó không được gọi là chánh định. Và thiền định đó không có khả năng đưa đến diệt tận vô minh, diệt tận bản ngã, diệt tận lậu hoặc, diệt tận các uế nhiễm trong nội tâm.

Cách thiền định chân chánh, hay cách định tâm đúng trong đạo Phật gồm có: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Bốn tầng thiền này còn gọi là bốn mức độ định tâm, bốn thứ tự làm an tịnh tâm từ thô đến tế. Nhưng như vậy không có nghĩa là ở tầng Sơ thiền hành giả không thành tựu được Thánh quả. Hành giả cần biết rõ rằng: Nếu là một hành giả chân chánh theo sát con đường của Bát Chánh Đạo, thì trước khi đi vào Sơ thiền trong Bát Chánh Đạo, vị này đã thành tựu chánh kiến, tâm vị này đã được sửa soạn, được chuẩn bị, được đào tạo với bảy chi phần đầu, tới giai đoạn này hành giả tiến hành tẩy sạch năm triền cái trong tâm, rồi bước vào thực tập trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền. Nếu hành giả theo đúng tuần tự tu tập như vậy trong Bát Chánh Đạo thì khi bước vào trong chánh định, khi an trú trong hỷ lạc do ly dục sanh của Sơ thiền, khi khéo an trú và làm sung mãn trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, hành giả khéo tác ý từ bỏ Năm thủ uẩn trong giai đoạn này, tẩy sạch hết các kiết sử, các trói buộc còn sót lại trong nội tâm thì hành giả có thể chứng được A-la-hán quả.

Nhưng nếu khi trú trong Sơ thiền, hành giả chưa tẩy sạch hết các lậu hoặc, nhưng hành giả diệt tận được năm hạ phần kiết sử, còn tàn dư năm thượng phần kiết sử thì hành giả thể nhập Bất lai quả. Cũng giống như vậy, đối với Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, nếu hành giả khéo an trú trong các trạng thái thiền này và sau đó khéo quán từ bỏ Năm thủ uẩn trong các tầng thiền này thì hành giả có thể chứng A-la-hán quả hoặc Bất lai quả. Điều này đã được nói rõ trong các kinh: Kinh Thiền (*Tăng IV*, 173), Kinh Hạng Người Sai Khác 2 (*Tăng II*, 57), Kinh Đại Kinh Malunkyaputta (*Trung II*, bài 64).

Như vậy, Chánh định trong Bát Chánh Đạo là Thánh Chánh Định, là một lối thiền định phải được chuẩn bị bằng bảy pháp chánh trước đó, chứ không phải là tự dung bất tay vào ngòai thiền mà không cần biết gì cả, chỉ cố gắng giữ cho tâm định, chỉ giữ một sự biết thôi, đối với tất cả những gì đang diễn ra trong nội tâm và đối với những rác bần trong nội tâm không cần phải tìm hiểu sâu về chúng, không cần thành tựu trí về Ngũ uẩn, không cần thấy rõ bản ngã, vô minh và tham sân si... Thiền định như vậy không được Đức Phật gọi là Chánh định.

Trong Bát Chánh Đạo, người đi vào trong Chánh định là người đã thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thành tựu chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, tẩy sạch năm triền cái, vị này

đi vào trong chánh định, an trú trong chánh định, và sau khi an trú trong chánh định, vị này khéo quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong các trạng thái thiên này, và quán từ bỏ Ngũ uẩn, quán từ bỏ những dục, ái đối với Ngũ uẩn, tẩy sạch dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm.

Tóm lại, tác dụng của Pháp Tám Đúng là phơi bày và đào thải tất cả những sai lầm trong đời sống của người tu. Người tu đạo giải thoát nếu không chăm mỗi ngọn đèn trí tuệ từ bậc Chánh Đẳng Giác thì với tâm vô minh, với tâm phàm phu, với trí tuệ phàm phu, với trí tuệ còn đang nằm trong vô minh và bị vô minh che phủ sẽ có những sự thấy biết sai lầm về tự thân và cuộc sống. Với sự thấy biết sai lầm, vị này sẽ có những suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, sự nuôi mạng sai lầm, sự nỗ lực sai lầm, sự quán niệm sai lầm và sự định tâm sai lầm. Với Tám sự sai lầm này, người tu hành muốn giải thoát sanh tử sẽ không thể đạt đến sự giải thoát sanh tử. Với Tám sự sai lầm này, người tu hành muốn đạt được sự thanh tịnh hoàn toàn trong nội tâm sẽ không thể đạt được sự thanh tịnh hoàn toàn trong nội tâm. Với Tám sự sai lầm này, người muốn diệt tận tham sân si, diệt tận bản ngã trong nội tâm sẽ không thể diệt tận được tham sân si và không thể diệt tận được bản ngã. Với Tám sự sai lầm này, người muốn giải thoát khỏi dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm sẽ không thể giải thoát khỏi các uế nhiễm, lậu hoặc này.

Với ánh sáng trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã khai mở, với sự đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh mà Ngài đã thành tựu, Ngài thấy được những quan điểm sai lầm, những thấy biết sai lầm của chúng sanh về tự thân và cuộc sống. Ngài giải phá, giải tỏa, phá bỏ những tri kiến sai lầm của chúng sanh. Ngài hướng dẫn cho chúng sanh một đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự thấy biết chân thật về tự thân và cuộc sống, phá bỏ những thấy biết sai lầm về tự thân và cuộc sống, phá bỏ những suy nghĩ, cách nói chuyện, hành động, sự nuôi mạng, sự quán niệm, sự định tâm sai lầm. Ngài hướng dẫn chúng sanh đi đến một đời sống tu hành chân chánh với Tám Sự Chân Chánh hay Tám Cái Đúng. Với một đời sống chân chánh, đúng pháp như vậy, chúng sanh có thể thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi phiền não và khổ do sanh tử đem lại. Tác dụng của Pháp **Tám Đúng** là để phá bỏ **Tám Tà**, tám sai lầm trong đời sống của những người tu muốn đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não, chấm dứt khổ.

5.4 Đức Phật - Người chỉ đường cho kẻ bị lạc lối

Vì sao nói: “Đức Phật như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống”?

Vì sự thật về cuộc đời, sự thật về thế giới Ngũ uẩn này trước đây đã từng được Đức Phật Kassapa trình bày sáng tỏ, nhưng rồi với thời gian, với sự vô minh, vô trí của một

số người kế thừa đời sau, với những tà ý phá hoại của ngoại đạo, những sự thật này đã bị xuyên tạc, bị phỉ báng, bị xem thường, và rồi bị lãng quên, bị quăng bỏ một bên. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca ra đời và thành tựu trí tuệ chân chánh tròn đầy, Ngài thấy lại được những sự thật này và Ngài đã dựng đứng lại những sự thật này. Vì vậy, người thời đó gọi Đức Phật là người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống.

Vì sao nói: “Đức Phật như người phơi bày ra những gì bị che giấu”?

Sự thật của cuộc sống đã bị vô minh che giấu, bị thời gian phủ mờ, bị những tà kiến, tà đạo, tà nhân chôn vùi, chôn lấp, nên không ai nhìn thấy được những sự thật này. Cho đến khi có người đầy đủ thiện duyên là Đức Phật xuất hiện, với trí tuệ tròn đầy của Ngài, thì sự thật này lại được hiển lộ, lại bị phơi bày một cách rõ ràng, trong sáng, minh bạch, chân chánh, đúng pháp. Vì vậy, người thời đó nói rằng Đức Phật là người đã phơi bày ra những gì bị che giấu.

Vì sao nói: “Đức Phật như người chỉ đường cho người bị lạc lối”?

Chúng sanh bị sanh tử chi phối, bị bệnh tật chi phối, bị chết chóc chi phối, bị phiền não khổ đau chi phối, chúng sanh muốn tìm một con đường để thoát bệnh tật, thoát sanh tử, thoát khổ đau, nhưng chúng sanh cứ lòng vòng, luẩn quẩn

trong vô minh, không tìm được lối thoát. Chúng sanh lạc lối giữa khu rừng rậm của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng sanh không phân biệt rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng sanh không thấy biết rõ vô minh, khát ái và lậu hoặc trong Ngũ uẩn. Chúng sanh không thấy biết rõ những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si nằm trong Ngũ uẩn. Vì vậy, chúng sanh cứ mãi loay hoay và lạc lối trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca xuất hiện và thành tựu tuệ giác thì con đường chân chánh, đúng pháp đưa đến sự chấm dứt khổ đau, chấm dứt sanh tử được Ngài giác ngộ và thực chứng. Và Ngài đã chỉ dẫn lại con đường này cho chúng sanh. Chúng sanh nghe theo sự chỉ dẫn, chỉ dạy này của Ngài, họ tu tập và thực hành theo, họ đạt được sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Vì vậy, người thời đó nói Đức Phật là “người chỉ đường cho những người bị lạc lối”.

Vì sao nói: “Đức Phật như người đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc”?

Chúng sanh sống trong bóng tối của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, sống trong bóng tối của sự vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn, sống trong bóng tối của luân hồi sanh tử, sống trong bóng tối nhầy nhụa của phiền não khổ đau. Vì sống trong bóng tối của vô minh nên chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về dục, ái, tham, sân, si và không nhìn thấy rõ bản chất của dục, ái, tham, sân, si. Chúng sanh không

nhìn thấy rõ sự thật về Ngũ uẩn và bản chất của Ngũ uẩn. Chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về khổ và bản chất của khổ. Chúng sanh không nhìn thấy rõ sự thật về sanh tử và bản chất của sanh tử. Mãi cho đến khi Đức Phật Thích Ca, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, Ngài thành tựu trí tuệ về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; Ngài thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn; Ngài thành tựu trí tuệ về sanh tử, phiền não và khổ đau. Ngài trình bày trí tuệ này, sự thấy biết những sự thật này lại cho cuộc đời và những ai có tâm cởi mở, không phe phái, không bảo thủ tư kiến, không u mê tâm trí, không bị phạm vào các ác nghiệp,... những vị như vậy có thể tiếp nhận được các sự thật này, các trí tuệ này. Vì vậy, người thời đó nói Đức Phật là người đã đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Đó là ý nghĩa của những lời tán thán trên khi Đức Phật tuyên bố, thuyết giảng những sự thật về cuộc đời.

5.5 Trí về Ngũ uẩn là Tối Thượng Trí

Sự thật của cuộc đời, hay những điều chân thực, thiết thực ở hiện tại mà Đức Phật đã chỉ dạy chính là Bốn Thánh Đế hay Bốn Sự Thật về Khổ.

Mà Bốn Sự Thật về Khổ cũng chính là Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn. Và Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn cũng chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn.

Trong bài kinh Phân Biệt Sự Thật nêu trên, Bốn Thánh Đế được Đức Phật nói đó là “Vô Thượng Pháp” trên đời. Như vậy, “Bốn Sự Thật về Khổ” hay “Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn” cũng chính là “**Bốn Trí Tuệ Vô Thượng**” trong cuộc sống. Người tu tập bốn trí tuệ này là người tu tập pháp vô thượng, tu tập pháp tối thượng trên đời. Không có trí tuệ nào cao siêu hơn trí tuệ này. Không có trí tuệ nào cao quý, tốt đẹp hơn trí tuệ này. Không có trí tuệ nào thâm sâu, vi diệu, hoàn hảo hơn trí tuệ này. Vì vậy, người con Phật cần tìm hiểu cẩn trọng và nỗ lực tu tập để thể nhập Thánh trí này. Đừng vội đặt lòng tin khi nghe có cái gì khác cao siêu hơn, trí tuệ hơn Bốn Thánh Trí Vô Thượng này. Đây là điều mà người con Phật cần cẩn trọng ghi nhớ.

5.6 Trí sách vở hay Trí thực chứng

Đừng nghĩ đơn giản rằng “Bốn Thánh Đế chính là khổ, tập, diệt, đạo” như vậy là xong. Đừng nói đơn giản rằng “Khổ Thánh đế chính là: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, Năm thủ uẩn này là khổ”. Nói ro ro về Bốn Thánh Đế nhưng năm uẩn là gì, thủ uẩn là gì, khổ do thủ uẩn tạo ra là gì thì lại mập mờ, lơ mơ, không nắm vững, không sáng tỏ. Hành tướng của năm uẩn không thấy biết rõ, hành tướng của thủ uẩn không thấy biết rõ, khổ do Năm thủ uẩn tạo ra không quán chiếu, không thể nhập. Nếu học Bốn Thánh Đế sơ sài như vậy thì chỉ mới học Bốn

Thánh Đế trên lý thuyết, trên chữ nghĩa, chứ chưa thật sự hiểu được Bốn Thánh Đế, chưa thật sự thấy được Bốn Thánh Đế, chưa thật sự giác ngộ được Bốn Thánh Đế.

Người con Phật cần ghi nhớ rằng Bốn Thánh Đế chính là Vô Thượng Pháp, Vô Thượng Trí trên cuộc đời này. Nếu chúng ta chỉ học hiểu Bốn Thánh Đế một cách hời hợt, sơ sài như vậy thì làm sao có thể chạm đến sự vô thượng, sự tối thượng của Bốn Thánh Đế mà chúng ta chỉ chạm được chữ nghĩa của danh từ Bốn Thánh Đế. Và như vậy, Bốn Thánh Đế đối với người học đạo mãi mãi chỉ là danh từ, chỉ là pháp học, chỉ là lý thuyết mà không thiết thực ở cuộc sống.

Học hiểu Bốn Thánh Đế chỉ trên lý thuyết, chữ nghĩa như vậy, người học Phật sẽ không bao giờ tìm thấy được pháp hành thực tế từ Bốn Thánh Đế. Khi không tìm thấy được pháp hành thực tế, pháp tu thực tế từ Bốn Thánh Đế, người học Phật sẽ cho rằng Bốn Thánh Đế là pháp học chứ không phải pháp hành, là lý thuyết chứ không phải để thực hành tu tập. Nếu cho rằng Bốn Thánh Đế là pháp học, chứ không phải là pháp hành, suy nghĩ như vậy đó là hành giả đã chưa thật sự được học, được nghe dạy, được nghe giảng một cách chân chánh, thâm sâu, đúng pháp về Bốn Thánh Đế. Và sự học hiểu về Bốn Thánh Đế của hành giả chỉ là một sự học hiểu sơ sài, qua loa từ những trí tuệ chưa trong sáng, chưa thành tựu chánh kiến, chưa thành tựu tri kiến chánh

trực trong giáo pháp này.

Học hiểu Bốn Thánh Đế trên lý thuyết, trên kinh sách, trên chữ nghĩa thì quá dễ. Nhưng để có thể học hiểu Bốn Thánh Đế trên thực tế của thân tâm, thực tế của đời sống là một điều hoàn toàn không phải dễ. Để có thể thâm nhập, để có thể thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng các sự thật trong Bốn Thánh Đế là điều hoàn toàn không phải dễ.

Để có thể đưa Bốn Thánh Đế từ trong kinh sách, từ trong chữ nghĩa, từ trong lý thuyết vào trong thực tế của cuộc sống là một điều hoàn toàn hết sức khó khăn nếu như hành giả không được tiếp dẫn, không được chỉ dạy từ những bậc đã thành tựu Thánh trí, những bậc thiện tri thức, những bậc Thánh đệ tử chân chánh của Đức Phật.

Khi không được học hiểu Bốn Thánh Đế từ những bậc có trí tuệ chân chánh đúng pháp thì Bốn Thánh Đế thật sự chỉ là pháp học, chỉ là lý thuyết, chỉ là sách vở và hành giả sẽ không thể tìm được pháp hành thực tế trong cuộc sống thông qua sự chỉ dạy của Đức Phật trong Bốn Thánh Đế.

Khi Bốn Thánh Đế được học hiểu, được chỉ dạy, được trình bày, được hiển lộ một cách sâu sắc, chân chánh, đúng pháp thì hành giả sẽ tìm thấy được pháp hành thực tế, thâm sâu, vi diệu, thần diệu trong Bốn Thánh Đế.

Người học hiểu Bốn Thánh Đế và có sự thâm nhập, có sự thực chứng các sự thật, các trí tuệ trong Bốn Thánh Đế thì

sự hướng dẫn giảng dạy Bốn Thánh Đế của vị này sẽ thâm sâu, vi diệu, thiết thực hiện tại, làm cho người tu học tìm thấy được pháp hành trong Bốn Thánh Đế và không dám xem thường, không dám tu học hời hợt Bốn Thánh Đế.

Nếu học hiểu Bốn Thánh Đế nhưng không có sự thâm nhập, không có sự thực chứng các sự thật, các trí tuệ trong Bốn Thánh Đế thì sự hướng dẫn, giảng dạy Bốn Thánh Đế sẽ khô khan, sơ sài, hời hợt, lý thuyết, sách vở, làm cho người tu học không tìm thấy được chân đứng trong lý thuyết, không tìm thấy được chân đứng trong pháp hành trong Bốn Thánh Đế. Và khi đó, vị này sẽ khởi tâm xem thường Bốn Thánh Đế, tu học sơ sài Bốn Thánh Đế.

Như vậy, sự học hiểu về Bốn Thánh Đế của mỗi người là khác nhau vì sự tu học và trí tuệ của người giảng dạy, người trình bày Bốn Thánh Đế là khác nhau. Bốn Thánh Đế được xem là lý thuyết, sách vở, tầm thường hay là thực tế, thâm sâu, vi diệu là do mức độ tu học, nhân duyên tu học của người học đạo.

5.7 Tự đào hố chôn mình

Kinh Phân Biệt Sự Thật (*Trung III*, bài 141) là bài kinh mà người con Phật cần phải cẩn trọng ghi nhớ, ghi khắc trong nội tâm. Trong bài kinh này, Bốn Thánh Đế được gọi là Vô Thượng Pháp. Khi Bốn Thánh Đế được Đức Phật khai thị,

trình bày, hiển lộ, thuyết giảng, chỉ dạy cho cuộc đời này thì đó là Vô Thượng Pháp đã được khai thị cho cuộc đời. Đó là ý nghĩa của danh từ Vô Thượng Pháp Luân.

Nhờ giác ngộ, nhờ thấy biết về Pháp Vô Thượng này, nhờ chứng ngộ trí tuệ, chứng ngộ sự thật về Bốn Thánh Đế mà Đức Phật mới tự nhận mình là Phật, tự nhận mình là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và Ngài đã hoàn toàn thoát khỏi dòng trầm luân sanh tử trong phiền não đau khổ này.

Nhờ nghe Đức Phật khai thị, nghe Đức Phật giảng dạy Bốn Thánh Đế, Bốn Sự Thật Cuộc Sống mà bao nhiêu vị Thánh đệ tử thời Đức Phật đã chứng được, đã thể nhập được các Thánh quả cao thượng, tối thượng trong cuộc đời, từ Dự lưu đến Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Các vị này đã đạt được sự an lạc, sự tự tại, sự giải thoát tối thượng trong đạo Phật. Nhờ sự thấy biết, sự tu tập và sự thể nhập trọn vẹn trí tuệ về Bốn Thánh Đế mà Đức Phật và các vị Thánh đệ tử của Ngài đạt được sự bình yên, trong sạch, thanh tịnh và giải thoát sanh tử. Vì vậy, người con Phật hãy cẩn trọng, đừng xem thường Bốn Thánh Đế.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự đóng cánh cửa của con đường đưa đến giải thoát khổ, không cho mình cơ hội thoát khổ.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự đóng cửa của trí tuệ, làm mất cơ hội khai mở trí tuệ, không thể giải mã được cuộc

sống, không thể giải mã được thế giới, không thể thấy biết chân chánh trọn vẹn về tự thân.

Xem thường Bốn Thánh Đế là bít con đường đưa đến an lạc, tự tại, giải thoát, Niết-bàn.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tiếp tục giam mình trong nhà tù của sanh già bệnh chết.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tiếp tục chìm mình trong biển khổ, biển sanh tử, biển trầm luân, biển nước mắt.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự bít đôi mắt của mình trước ánh sáng mặt trời trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự tách rời mình khỏi đạo lộ đưa đến diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc.

Xem thường Bốn Thánh Đế là tự giết mình, không cho mình đến với con đường thoát tử.

Vì vậy, thật là sai lầm, thật là đáng thương khi xem thường Bốn Thánh Đế. Xem thường Bốn Thánh Đế là “tự đào hố chôn mình”, không cho mình cơ hội an lạc, tự tại, thông dong, giải thoát giữa đất trời bao la, rộng lớn.

5.8 Tám Chánh - Sự tôn vong của Chánh pháp

Tóm lại, Thánh Pháp Vô Thượng, Sự Thật Vô Thượng, Trí Tuệ Vô Thượng đã được Đức Phật khai thị, khai mở, chỉ

rõ cho cuộc đời này. Và Pháp Tối Thượng hay Vô Thượng Pháp Luân mà Thế Tôn đã công bố, đã khai thị, đã trao truyền, trao gửi cho cuộc đời này chính là Bốn Sự Thật về những nỗi khổ trong cuộc sống và trong đó Tám Chánh là Phương Pháp Chân Chánh đưa đến sự chấm dứt tất cả những phiền não, đau khổ trong cuộc sống. Bốn Sự Thật về những nỗi khổ trong cuộc sống chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay còn gọi là Bốn Thánh Đế, tức là Bốn Sự Thật mà bậc Thánh đã thấy biết, đã giác ngộ. Đó cũng chính là Bốn Trí Tuệ Tối Thượng trên cuộc đời này.

Do đó, sự vận hành của đạo Phật trong cuộc sống chính là sự vận hành của Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn và sự vận hành của Pháp Tám Đúng, tức là sự vận hành của Bốn Thánh Đế, Bát Chánh Đạo. Khi nào Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo còn vận hành, còn có mặt trong cuộc sống, thì khi đó đạo Phật vẫn còn tồn tại trên thế gian này. Khi nào Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo không còn được thấy biết một cách chân chánh, không còn được tu tập một cách đúng pháp thì khi đó đạo Phật đi đến sự diệt tận, diệt vong và sẽ dần biến mất khỏi thế giới.

Như vậy, đạo Phật tồn tại hay diệt vong trên thế gian này chính là do những người con Phật có chân chánh tu tập và chân chánh thể nhập trí tuệ thâm sâu, vi diệu, thần diệu của Bốn Thánh Đế và Bát Chánh Đạo hay không. Đây là bài kinh tuyệt đối quan trọng, người học Phật cần hết sức

nghiêm túc, cần trọng trong việc tìm hiểu, học hỏi và tu tập để thể nhập trí tuệ chân chánh thần diệu trong Chánh pháp mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao.

*Bậc Vô Thượng Sĩ đã ra đời
Phơi bày sự thật của trần gian
Vô Thượng Phật Đạo được khai mở
Vô Thượng Pháp Luân được vận hành.*

*Bốn Thánh Trí được Ngài khai thị
Bốn Sự Thật được Ngài phơi bày
Dòng sanh tử được Ngài nêu rõ
Cửa bất tử được Ngài mở ra.*

*Năm thủ uẩn được Ngài chỉ rõ
Vô minh, dục, ái được trình bày
Để diệt tận dục, ái, vô minh
Pháp Tám Chánh được Ngài khai thị.*

*Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi trầm luân,
Thoát cảnh giới trời, người tạm bợ
Thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

*Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
Mở con đường thoát khỏi khổ đau,*

Mở con đường ra khỏi luân hồi,
 Làm dừng lại những dòng nước mắt.
 Làm dừng cảnh oan gia, trái chủ
 Làm dừng bao cay nghiệt, hận thù
 Làm chấm dứt sanh ly tử biệt
 Làm diệt tận phiền não, khổ đau.

Làm dừng sự triền miên mệt mỏi
 Trong luân hồi chìm nổi, mông lung
 Trong bất an, lo sợ, hãi hùng
 Trong mù mịt, cô đơn, cay đắng.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường thoát khỏi khổ đau,
 Nay chúng con theo dấu chân Ngài,
 Nguyên tu tập con đường Tám Chánh.

“Thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn
 Suy tư chân chánh bỏ tham, sân
 Nói lời chân chánh không tạo nghiệp
 Thân hành không tạo khổ mình, người
 Nuôi mạng chân chánh theo Thánh giới,
 Siêng năng chân chánh Bốn việc cần,
 Quán niệm chân chánh về Bốn chỗ,
 Định tâm chân chánh theo Bốn thiền”.

*“THẤY biết “Bốn Trí về Ngũ uẩn”
 NGHĨ cách từ bỏ “Dục, hại, sân”
 NÓI lời không “Dối, đâm, độc, nhảm”
 LÀM việc lành, không “Sát, trộm, dâm”
 SỐNG nuôi mạng năm nghề nên tránh
 SIÊNG hành trì “Chế, đoạn, tu, trì”
 QUÁN sát nhìn “Thân, thọ, tâm, pháp”
 ĐỊNH tâm tuần tự theo Bốn thiền”.*

*Tám pháp này gọi là Tám Chánh
 Bỏ-tát tu theo Tám Chánh này
 Ngài thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết
 Thoát luân hồi, phiền não, khổ đau.*

*Tám Chánh mở đường cho Chánh Trí
 Chánh Giải Thoát theo đó khỏi sanh,
 Hành giả bước lên Thuyền Bát Nhã,
 Nhẹ nhàng ra khỏi biển trầm luân.*

*Trầm luân sanh tử, thế đủ rồi!
 Lên Thuyền Tám Chánh thoát khổ trôi!
 Các Đức Như Lai và Thánh chúng,
 Đều nhờ Tám Chánh thoát khổ đau.*

6 ĐẶC ĐIỂM BẬC ĐẦY ĐỦ CHÁNH KIẾN

6.1 Kinh Chúng Được Đoạn Tận (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, sáu pháp này được người đầy đủ tri kiến đoạn tận. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Này các Tỷ-kheo, sáu pháp này, được người đầy đủ tri kiến đoạn tận”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến đoạn tận được thân kiến, nghi, giới cấm thủ, đoạn tận những tham sân si tội lỗi đưa đến đọa xứ. Bậc đầy đủ chánh kiến cũng chính là bậc Dự lưu. Bậc Dự lưu là bậc đã được Đức Phật tuyên bố là sanh tử tối đa bảy lần, và trong bảy lần này sẽ không sanh vào đọa xứ, ác thú, địa ngục.

6.1.1 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Thân kiến?

Thân kiến là sự thấy, sự quán, sự cho rằng thân Ngũ uẩn này là mình, cho rằng sắc thân này, những cảm giác cảm thọ trong thân tâm, những hình bóng trong nội tâm, những suy nghĩ trong nội tâm, những sự biết, sự hay biết, sự rõ

biết trong ngoài thân tâm này là mình, là của mình. Sự thấy, sự quán, sự nhìn nhận, sự suy nghĩ cho rằng những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thân tâm này là mình, là của mình, là cái tôi, cái ta của mình, sự suy nghĩ như vậy được gọi là *Thân kiến*.

Cái nhìn, cái thấy, cái suy nghĩ như vậy làm cho tâm ám ảnh, dính mắc, trói buộc với Ngũ uẩn. Do tâm ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên tâm không được giải thoát khỏi Ngũ uẩn, tâm bị chìm nổi, khổ đau, vô thường, sanh diệt theo sự sanh diệt, vô thường của Ngũ uẩn. Vì vậy, tâm không giải thoát khỏi khổ, không giải thoát khỏi vô thường, không giải thoát khỏi sanh tử.

Bậc đầy đủ chánh kiến là bậc đầy đủ trí tuệ về Ngũ uẩn, bậc đã nhìn thấy rõ trọn vẹn chân tướng của Ngũ uẩn; nhìn thấy rõ nhân duyên Ngũ uẩn sanh; nhìn thấy rõ khi nào Ngũ uẩn diệt; nhìn thấy rõ phương pháp tu tập đưa đến đoạn diệt hoàn toàn những Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, nhiều phiền não và nhiều khổ này. Vị này đầy đủ Bốn Trí về Ngũ uẩn, đầy đủ trí tuệ về thân tâm và cuộc sống.

Vị này thấy biết rõ tánh duyên sanh, tánh vô thường, tánh tạm bợ, tánh khổ, tánh rỗng không, vô ngã, vô chủ của Ngũ uẩn. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị này *đoạn tận được thân kiến*, đoạn tận được cái nhìn, cái thấy, cái cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình, là cái tôi cái ta

của mình. Do tâm không suy nghĩ, không quán, không nhìn nhận Ngũ uẩn như vậy, tâm vị này không ám ảnh, không dính mắc, không trói buộc đối với Ngũ uẩn. Do tâm không dính mắc, không trói buộc đối với Ngũ uẩn nên vị này được giải thoát khỏi những Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, đầy phiền não và đầy khổ này. Tóm lại, với vị có đầy đủ chánh kiến thì thân kiến được đoạn tận, sự chấp trước, chấp thủ, vô minh, vô trí đối với thân này sẽ được đoạn tận.

6.1.2 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Hoài nghi?

Đối với vị đoạn tận được thân kiến, không còn cho thân Ngũ uẩn này là mình, là của mình, nên vị này đoạn tận được sự hoài nghi, đoạn tận sự nghi hoặc về sự hiện hữu của mình ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Vị này không khởi lên những suy nghĩ rằng: “Trong quá khứ mình có mặt hay không có mặt, trong tương lai mình sẽ có mặt hay không có mặt, ngay trong hiện tại này mình đang có mặt hay không có mặt”. Những sự nghi hoặc, hoài nghi về cái gọi là mình ở quá khứ, hiện tại, vị lai được đoạn tận. Vì sao? Vì vị ấy biết rõ rằng: Những hiện hữu ở quá khứ hay hiện tại này đều là sự hiện hữu của Ngũ uẩn và một nội tâm si mê, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Nếu trong hiện tại này không đoạn tận sự dính mắc, ám ảnh đối với Ngũ uẩn thì sự hiện hữu trong tương lai cũng chính là

những Ngũ uẩn vô thường sanh diệt mà thôi. Vị ấy không có nghi ngờ về quá khứ, không có nghi ngờ về hiện tại, không có nghi ngờ về tương lai.

Đối với “khổ” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rằng: tất cả những phiền não, khổ đau trên cuộc đời này chính là Ngũ uẩn, là tâm hôn mê, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Vị ấy thấy biết rõ như vậy, vì sao? Vì rằng vị ấy đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, đã đầy đủ trí tuệ về Ngũ uẩn, đã thấy biết rõ thế nào là tâm hôn mê đối với Ngũ uẩn, thế nào là tâm bị ám ảnh bởi Ngũ uẩn, thế nào là tâm bị dính mắc, bị trói buộc đối với Ngũ uẩn, thế nào là sự mệt mỏi phiền não do Ngũ uẩn gây ra. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị ấy không có nghi ngờ gì về sự khổ mà Đức Phật đã tuyên thuyết.

Đối với “nguyên nhân khổ sanh khởi” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rõ vô minh, hành tướng của vô minh, sự tập khởi của vô minh, sự đoạn diệt của vô minh, những hoạt động của vô minh. Vị ấy biết rõ sự không thấy biết rõ về Ngũ uẩn và sự không trong sáng trong nội tâm, đó chính là vô minh. Vị ấy biết rõ sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn và lòng khát ái đối với Ngũ uẩn là nguyên nhân sanh ra những thân Ngũ uẩn đầy khổ và phiền não như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị ấy không có nghi ngờ gì về vấn đề này.

Đối với “nhân duyên khổ chấm dứt”, nhân duyên khổ đoạn diệt mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ, vị ấy thực thấy, thực biết rõ: khi tâm đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, tức là khi sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn không còn thì lòng tham ái, lòng khát ái đối với Ngũ uẩn được diệt tận thì khi đó những thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ này sẽ được chấm dứt. Bậc đầy đủ chánh kiến thấy biết rõ như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị ấy không có nghi ngờ gì về vấn đề này.

Đối với “phương pháp tu tập đưa đến sự chấm dứt, sự đoạn diệt khổ” mà Đức Phật đã trình bày, vị ấy không có nghi ngờ. Vị ấy thấy biết rõ Phương Pháp Tám Đúng thật sự là một phương pháp chân chánh, một con đường chân chánh, một đạo lộ chân chánh đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn. Phương Pháp Tám Đúng đó là Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, định đúng. Vị ấy không có nghi ngờ gì về phương pháp này, vì sao? Vì rằng chính vị ấy là người đã và đang dần thân vào, đang bước chân vào, đang thực nghiệm, đang trải nghiệm phương pháp này. Cho nên những vi diệu, thần diệu, kỳ diệu trong phương pháp này được vị này thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng. Vì tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những giá trị, tác dụng, lợi ích thiết thực tuyệt vời của Phương

Pháp Tám Đúng nên vị này không có nghi ngờ gì về phương pháp này.

Đối với Tam bảo, vị ấy không có nghi ngờ gì, vị ấy biết rõ: Đức Phật là ai? Giáo pháp chân chánh mà Ngài đã chỉ dạy, đã truyền trao cho cuộc đời này là gì? Người thế nào được Đức Phật công nhận là người đệ tử chân chánh của Ngài? Vị ấy biết rõ về Tam bảo, biết rõ về Đức Phật, biết rõ về Chánh pháp, biết rõ về Thánh chúng đệ tử Phật. Vị thành tựu chánh kiến thấy biết rõ như vậy. Vì thấy biết rõ như vậy nên vị ấy không có nghi ngờ gì về Tam bảo.

Đối với Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đã chỉ dạy, vị ấy không có nghi ngờ gì. Vị ấy biết rõ ý nghĩa, giá trị, lợi ích, tác dụng của Thánh giới, Thánh định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Bậc thành tựu chánh kiến thấy biết rõ như vậy, vì sao? Vì rằng chính vị ấy là người đã và đang dần thân, đang thể nhập, đang tu tập và đang thành tựu những Thánh pháp này. Vị ấy đang thưởng thức những vi diệu, kỳ diệu, tuyệt diệu của Thánh pháp. Vị ấy đang thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng Thánh pháp. Vì thấy biết rõ tác dụng và lợi ích của Thánh pháp nên vị ấy không có nghi ngờ gì đối với Thánh giới hạnh, Thánh thiên định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao.

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến sau khi đoạn tận được thân kiến, vị ấy tiếp tục đoạn tận được những nghi hoặc, hoài

nghi về thân tâm, về cuộc sống, về Tam bảo và về những giáo pháp hy hữu thần diệu, thiết thực, thực tế mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã trình bày, đã chỉ dạy, đã tuyên thuyết, đã truyền trao.

6.1.3 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến phá được Giới cấm thủ?

Người có đầy đủ chánh kiến, đoạn tận được thân kiến và hoài nghi. Vị này biết rõ rằng tất cả những hiện hữu ở ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều là sự hiện hữu của Ngũ uẩn và tâm hôn mê, ám ảnh, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên vị ấy không còn lo sợ những điều vớ vẩn, mông lung, không còn sợ hãi trong mê tín, mê muội; vị này biết rõ nhân duyên và các pháp hình thành do duyên sanh; vị này biết rõ nhân quả. Vì rõ biết nhân duyên và nhân quả nên vị này gìn giữ những giới hạnh, giới đức, đức hạnh hiền thiện đưa đến những quả hiền thiện, thiện lành, tạo điều kiện thuận lợi trong sự tu tập chế ngự và nhiếp phục một nội tâm đầy căn bã, đầy cấu uế bên trong. Những giới hạnh hiền thiện thanh cao mà vị này gìn giữ là vì biết nhân quả, sợ nhân quả; vì sự an lạc bình an cho tự thân; vì sự an lạc và bình an cho xung quanh chứ không phải vì sự sợ hãi ai quở trách, vì bị ai cấm đoán hay một quyền lực nào cấm đoán. Nhờ vậy, vị này đoạn tận được giới cấm thủ.

Giới cấm thủ là sự tuân thủ, sự thực hành, sự thực thi, sự bảo thủ, sự gìn giữ một nguyên tắc nào đó, gìn giữ một giới hạnh nào đó trong sự mơ hồ, mông lung, mê tín, theo chỉ thị của người khác, theo sự sai khiến, áp đặt, bắt buộc của một quyền lực nào đó. Người giữ giới này đã giữ giới trong sự lo sợ, bất an, cố chấp, trói buộc, bị ép buộc, khen mình chê người, giữ giới với một lòng tin và một trí tuệ mơ hồ, mông lung, viển vông, không hiểu nguyên nhân, không biết hậu quả, không biết mục đích, không thấy rõ mục đích, không xác định được mục đích, lợi ích, giá trị, tác dụng của việc giữ giới, giữ nguyên tắc mà mình đang thực hành. Vị này chỉ biết tin theo, chỉ biết nghe theo, chỉ biết thực hành theo giới luật, nguyên tắc này mà không biết rõ mình giữ giới luật, giữ nguyên tắc này để làm gì. Vị này làm vì người sai bảo, làm vì sợ người, sợ quyền lực, sợ thần quyền. Việc gìn giữ giới như vậy, việc tuân theo một nguyên tắc như vậy, đó gọi là *Giới cấm thủ*. Tức là sự tuân thủ, sự thực hành một giới hạnh, một giới luật, một nguyên tắc trong sự bị cấm đoán, bị sợ hãi, bị chấp thủ, bị mê tín, mông lung, không biết mục đích, không thực tế, không rõ ràng, không đưa đến sự an lạc, bình an cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai.

Đối với vị đầy đủ chánh kiến, vị này sẽ không thực hành những giới cấm thủ như vậy, vị này sẽ gìn giữ những giới hạnh, những đức hạnh cao thượng, hiền thiện thanh cao của

các bậc Thánh nhân trong sự tuệ tri rõ về nhân quả, biết rõ mục đích, giá trị, tác dụng, lợi ích của những giới hạnh mình gìn giữ. Vị này giữ giới vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc của mình và của người ở hiện tại và tương lai. Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến đoạn trừ được thân kiến, nghi hoặc, giới cầm thủ.

6.1.4 Vì sao Bậc đầy đủ Chánh kiến chấm dứt những hành nghiệp tham sân si nặng đưa đến đọa xứ?

Vì chánh kiến trong vị này sẽ bảo vệ vị này, che chở vị này, nhắc nhở vị này, ngăn chặn vị này, cảnh báo vị này những hậu quả đáng sợ sẽ gặp phải nếu có những tham sân si tội lỗi, xấu ác và làm những hành nghiệp tội lỗi, xấu xa. Chánh kiến trong vị này sẽ làm cho vị này ghê sợ, tránh xa những hành động tội lỗi nặng nề. Vì được chánh kiến bảo vệ, che chở, ngăn chặn như vậy nên những thân hành, khẩu hành, ý hành tội lỗi, xấu xa đưa đến sanh tại các cảnh giới xấu sẽ không được thực hiện, vị này đoạn tận những hành nghiệp xấu ác này. Do không làm những hành nghiệp trọng tội nên không sanh vào đọa xứ hay cõi giới xấu. Đó là lý do vì sao bậc Dự lưu, hay bậc có chánh kiến không thể sanh vào các cảnh giới xấu.

Như vậy, khi Đức Phật tuyên bố “Bậc Dự lưu chỉ sanh từ tối đa bảy lần, và chỉ sanh qua lại giữa chư Thiên và loài người, chứ không sanh vào đọa xứ, địa ngục, súc sanh, nga

quỷ” thì điều này có nghĩa là không phải do Đức Phật phù phép, hô biến hay dùng thần thông để làm cho các vị Dự lưu không sanh vào đọa xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà chính là do chánh kiến trong các bậc Dự lưu đã gìn giữ thân khẩu ý của các vị này, không để cho thân khẩu ý của các vị này làm những hành nghiệp đưa đến những cảnh giới xấu. Chúng ta cần hiểu biết rõ điều này để không lầm lạc, hiểu sai sự việc được Đức Phật tuyên bố.

6.2 Kinh Làm Cho Sanh Khởi (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, một người đầy đủ tri kiến không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp. Thế nào là sáu?”

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Này các Tỷ-kheo, một người đầy đủ tri kiến không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến là bậc không thể làm cho sanh khởi thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham sân si đưa đến đọa xứ. Vì sao? Vì rằng chánh kiến của vị này đã phá tung, phá sập, phá vỡ, phá nát, phá hết toàn bộ cội rễ, cội gốc của thân kiến, nghi, giới cấm thủ và những tham sân si đưa đến đọa xứ. Vì vậy, những kiết sử, những pháp ác bất

thiện này không thể sanh khởi lại trong nội tâm của bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3 Kinh Bạc Đạo Sư (Tăng III, 254)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?”

- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận học pháp.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, sáu trường hợp trên không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Vấn đề này sẽ được chúng tôi giải thích rõ trong các phần dưới đây.

6.3.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư”

Điều thứ nhất này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động bất kính, ngang ngược, ngỗ ngược, xem thường Đức Phật, không tùy hỷ, không tùy thuận theo lời dạy của Đức Phật. Vì sao?

Vì rằng vị này đã hoàn toàn biết rõ Đức Phật là bậc có *đức hạnh cao thượng*, thánh thiện; có *trí tuệ tối thượng*, thần diệu, thâm sâu; có *giải thoát vô thượng* hoàn hảo.

Vị ấy biết rõ Đức Phật là Bậc Lưu Tận tận mình Chánh Giác, trí đức Ngài thật tròn đầy, Ngài đã thiện xảo thoát khỏi trầm luân, Ngài thông giải rõ tâm nhân thế, trí tuệ Ngài đạt vô thượng, Ngài điều phục các bậc trí nhân, Ngài là Thầy của trời và người, Ngài đã thấy và thoát tất cả những cấu uế trong cuộc đời, Ngài được thế giới tôn vinh tôn kính, Ngài đạt được sự nhất như trong tâm trí, Ngài nói làm trước sau không có thay đổi, Giới Định Tuệ Ngài đã viên thành, tham sân si Ngài đã diệt tận, phiền não được Ngài phá trừ, sanh tử được Ngài chấm dứt, Ngài đã thoát khỏi mọi khổ đau.

Vì biết rõ Đức Phật là bậc đã thành tựu trí tuệ và đức hạnh như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không thể có những thân khẩu ý hành bất kính, bất chánh đối với Đức Phật. Đó

là điều thứ nhất không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp”

Điều thứ hai này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động dám qua mặt, ngụy tạo, giả mạo, thêm vào, bớt ra, dám thay đổi, chỉnh sửa, phỉ báng, xuyên tạc, khinh chê những điều mà Đức Phật đã giảng dạy. Vì sao?

Vì rằng vị này thấy biết rõ, thấy biết chân chánh, thấy biết sâu sắc, thấy biết trọn vẹn và thực giác, thực chứng những điều mà Đức Phật đã giảng dạy.

Vị này thấy được tác dụng thần diệu, lợi ích vi diệu, giá trị tuyệt diệu và mục đích cao thượng của những lời dạy của Đức Phật.

Vị này đã và đang được nếm trải, được thưởng thức những hương vị hỷ lạc trong sáng, thanh tịnh, trong sạch, cao thượng từ giáo pháp của Ngài. Vị này thể nhập những trí tuệ tối thượng, trí tuệ tuyệt vời mà Đức Phật đã hướng dẫn.

Vì vậy, vị này không thể sống mà không tôn kính, không tùy thuận theo giáo pháp chân chánh mà Ngài đã chỉ dạy. Đây là điều thứ hai không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.3 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng”

Điều thứ ba này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người có những suy nghĩ, lời nói, hành động khinh thường, chê bai, cứng đầu, chống đối với Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật, hàng Bốn đôi tám chúng. Vì sao?

Vì rằng vị này biết rõ Bốn đôi tám chúng, Thánh đệ tử của Như Lai là những vị đã và đang thực hành một đời sống chân chánh hiền thiện với tám điều chân chánh, tức là thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh.

Vị này biết rõ rằng ngoài Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật thì không một người nào, không một nơi nào có một đời sống chân chánh, một sự tu tập chân chánh hoàn hảo hoàn thiện đến như vậy.

Vị này biết rõ Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã và đang tu tập đi đến sự hoàn thiện nhân cách của con người, hoàn thiện thánh cách của Thánh nhân, hoàn thiện Thánh giới hạnh, Thánh thiên định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát tối thượng cao quý mà Đức Phật đã truyền trao.

Bậc đầy đủ chánh kiến biết rõ Bốn đôi tám chúng đệ tử Phật là những bậc đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng đánh lễ, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Vì thấy biết rõ như vậy, nên vị này không thể có lòng bất kính, chống đối Thánh chúng đệ tử Phật. Đây là điều thứ ba không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.4 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Học pháp”

Điều thứ tư này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể là một người sống không tôn kính, không kính trọng, không thực hành theo giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn. Vì sao?

Vì rằng vị này biết rõ lợi ích, giá trị, tác dụng và vị trí của Giới Định Tuệ là tối thượng trên đường đi đến sự nhiếp phục thân tâm, đoạn diệt tham sân si và chấm dứt khổ.

Vị này thấy biết rõ Giới Định Tuệ là ba Thánh pháp cao thượng, vi diệu mà chỉ có Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác mới có thể thấy biết và trình bày một cách hoàn hảo, viên mãn, không có khiếm khuyết. Ngoài Đức Phật thì không một ai ở đời có thể kiến lập một sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ hoàn hảo như Đức Phật, đầy đủ chánh kiến thấy biết rõ như vậy.

Vì thấy biết rõ như vậy, vị này không thể có lòng bất kính, chống đối, phản kháng, đả kích, xuyên tạc, xiêu vẹo, méo mó, thêm bớt trong các học pháp về Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Đây là điều thứ tư không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.5 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại”

Điều thứ năm này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể rơi trở lại những vấn đề trong những tri kiến phàm phu, tri kiến vô minh của thế gian. Vị này không thể rơi trở lại trong những pháp ác bất thiện mà vị này đã làm trước đây. Vị này không thể rơi trở lại trong những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà tín mà vị này đã có, đã theo trước đây. Vị này không thể rơi trở lại trong đời sống vô minh, mê muội, si ám, mê tín, phàm tục trước đây. Vì sao vậy?

Vì chánh kiến của vị này, trí tuệ của vị này tỏa sáng, rực sáng và chói sáng trong thế giới vô minh si ám này. Chánh kiến trong vị này làm cho vị này thấy rõ tất cả những tri kiến phàm phu, tri kiến vô minh, tri kiến ngã cụt, tri kiến hôn ám, tri kiến mộng lung, tri kiến mê tín, tri kiến hoang vu, tri kiến rừng rậm không có lối ra của chúng sanh. Trí tuệ chân chánh trong vị này làm cho vị này thấy rõ các pháp ác bất thiện, thấy rõ những tà pháp, tà đạo, tà kiến, tà tín của thế gian.

Vì nhìn thấy rõ tất cả những vô minh, hôn mê, vô trí, sai lầm, lệch lạc, hôn ám của thế gian nên chắc chắn vị này không thể nào rơi vào lại, quay trở lại trong những tà kiến, tà pháp này. Đây là điều thứ năm không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.3.6 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám”

Điều thứ sáu này có nghĩa là: Người đầy đủ chánh kiến không thể tiếp tục sanh tử khổ đau tới lần thứ tám. Vị này chỉ sanh tử tối đa bảy lần, không thể quá bảy lần. Vì sao?

Vì rằng chánh kiến trong vị này tỏa sáng, vị này nhìn thấy rõ sự đau khổ, phiền não, phiền phức, nhức nhối, thống khổ do sanh tử đem lại. Vị này nhìn thấy rõ trạng thái tâm cận bã, lậu hoặc, chấp thủ, tham ái, dính mắc, trói buộc vào Ngũ uẩn là những nhân duyên đưa đến sự đau khổ triền miên trong sanh tử của các chúng sanh.

Vì nhìn thấy rõ nỗi thống khổ của sanh tử, nhìn thấy rõ những cấu uế, những tham sân si, bản ngã, lậu hoặc trong nội tâm nên vị này sanh tâm nhằm chán, ngao ngán đối với những cấu uế lậu hoặc trong tâm và ngao ngán đối với luân hồi sanh tử. Vị này muốn ói ra, muốn mửa ra, muốn khạc nhổ ra khỏi nội tâm mình những cấu uế, lậu hoặc, vô minh, chấp thủ. Vị này không còn muốn dung túng, không còn

muốn chất chứa, không còn muốn tích lũy, nuôi dưỡng, bao che những mầm mống của sanh tử khổ đau.

Vì trạng thái tâm dưng tràn sự ngao ngán, nhàm chán, ê chề, nhục nhã, xấu hổ với một nội tâm phải chịu đựng sự sanh tử với đầy cấu bần nên vị này chắc chắn sẽ đi đến sự ly thân, ly dị, ly biệt, ly tham hoàn toàn đối với những cấu uế trong nội tâm. Vị này thực hành sự xả ly, sự diệt tận, sự đào thải hết tất cả những rác bần, lậu hoặc khỏi nội tâm trong một ngày không xa. Nhiều lắm là trong bảy lần sanh tử nữa vị này sẽ đào thải hết tất cả những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc khỏi nội tâm. Vì vậy, Đức Phật nói bậc đầy đủ chánh kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám, tức là bậc đầy đủ chánh kiến không thể tiếp tục luân hồi sanh tử khổ đau tới lần thứ tám.

Trên đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.4 Kinh Hành (Tăng III, 255)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn.*

- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm hành động vô gián.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt.*
- *Người đầy đủ tri kiến không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, sáu trường hợp trên không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Những vấn đề này sẽ được giải thích rõ trong các phần dưới đây.

6.4.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn”

Chữ “hành” trong câu kinh này cần được hiểu là sự hiện hữu, sự hiện hành của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong thế giới Ngũ uẩn này. Như vậy, câu kinh trên có nghĩa là: vị đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ một sắc, một thọ, một tưởng, một hành, một sự hay biết, rõ

biết nào là thường còn, thường hằng, thường trú, vĩnh hằng, bất biến. Vì sao vậy?

Vì vị này rõ biết rằng tất cả những sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang hiện hành, đang hiện hữu, đang có mặt trên cuộc đời này là do nhân duyên mà hình thành, do nhân duyên mà hiện hành, hiện hữu, và bản chất của những pháp do duyên sanh khởi, do duyên hình thành là tạm bợ, tạm thời, lắp ráp, nối kết, lắp ghép, kết hợp, phối hợp, hòa hợp rồi cùng hiện hữu, cùng hiện hành chung với nhau một thời gian rồi thì đường ai nấy đi, tất cả rồi sẽ biến đổi, thay đổi, hoại diệt, tiêu tan, thành mây khói, thành hư không. Vì vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn, bất biến. Đó là điều thứ nhất không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc”

Điều này có nghĩa là, vị này không thể chấp nhận bất cứ một sắc, một thọ, một tưởng, một hành, một sự hay biết, rõ biết nào là lạc, là sung sướng, là hạnh phúc, là an vui. Vì sao vậy?

Vì vị này nhìn thấy rõ tất cả sự hiện hành, hiện hữu của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là vô thường, là hữu vi, do duyên sanh, bản chất của chúng là biến đổi và hoại

diệt, không có gì đáng để hoan hỷ, say đắm, yêu thích. Nếu tâm này tham đắm, dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với chúng thì khi chúng biến đổi, hoại diệt, tiêu tan thì tâm này sẽ quyến luyến, đau khổ, khốn khổ, thống khổ, hoạn nạn.

Vì thấy biết rõ như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc. Đó là điều thứ hai không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.3 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã”

Điều này có nghĩa là, vị này không thể chấp nhận, một sắc nào, một thọ nào, một tưởng nào, một hành nào, một sự biết, sự rõ biết, sự hay biết nào là mình, là của mình. Vì sao vậy?

Vì rằng vị này đã hoàn toàn biết rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức; biết rõ duyên sanh và duyên diệt của chúng; biết rõ con đường đưa đến chúng đoạn diệt nên vị này không nhìn nhận chúng là mình, không xem chúng là mình, không nghĩ chúng là mình, là của mình. Đó là ý nghĩa của câu: người đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã. Đây là điều thứ ba không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.4 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm hành động vô gián”

Vô gián là không gián đoạn. Vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián, nghĩa là vị này không thể làm những hành động liên tục, miên man, không gián đoạn. Vị này không phải là người: làm chỉ biết làm, nói chỉ biết nói, suy nghĩ chỉ biết suy nghĩ, tu chỉ biết tu. Vị này không thể miên man trong làm, miên man trong nói, miên man trong suy nghĩ, miên man trong cái gọi là tu mà không có sự cân nhắc, quan sát, suy xét nhân quả, suy xét kết quả của sự nói, sự làm, sự suy nghĩ, sự tu tập của mình. Vị đầy đủ chánh kiến không thể sống hôn mê trong thân khẩu ý hành và trong sự tu tập. Vị này có tư duy, tư sát, quán sát, cân nhắc, cân trọng trong suy nghĩ, lời nói, hành động và trong sự tu tập của tự thân.

Vị này luôn cân trọng nhìn lại mình, kiểm tra, kiểm soát mình trong thân hành, khẩu hành, ý hành. Vị này không thể cầm cúi làm một hành động mà không quán sát, không cân nhắc hành động đó.

Trong lời nói, vị này cân nhắc cân trọng trong từng lời nói, cân nhắc trước khi nói, cân nhắc trong khi nói, cân nhắc sau khi nói. Trong hành động, vị này cân nhắc cân trọng trong các hành động, cân nhắc cân trọng trước khi hành động, cân nhắc cân trọng trong khi hành động, cân nhắc

cần trọng sau khi hành động. Trong suy nghĩ, vị này cần nhắc cần trọng trong từng suy nghĩ, cần nhắc cần trọng trước khi suy nghĩ, cần nhắc cần trọng trong khi suy nghĩ, cần nhắc cần trọng sau khi suy nghĩ.

Vị này cần trọng cần nhắc trước – trong – sau mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi suy nghĩ. Vị này không thể làm mà không cần nhắc, không thể nói mà không cần nhắc, không thể suy nghĩ mà không cần nhắc. Mỗi một lời nói, suy nghĩ, hành động của vị này luôn có sự chậm rãi, sự dừng lại, sự cần nhắc cần trọng trong nội tâm. Do đó, Đức Phật nói vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián. Vì sao vậy?

Vì chánh kiến của vị này, trí tuệ trong vị này luôn kiểm soát, luôn phản tỉnh, luôn phản quan, luôn tra xét, luôn soi chiếu từng hành vi, cử chỉ, lời nói, hành động, suy nghĩ, sự tu tập của vị này, nên vị này luôn cần nhắc cần trọng trong cuộc sống của mình. Trí tuệ trong vị này làm cho vị này không sa đà, phóng dật, buông lung, hôn mê trong thân khẩu ý. Đó là lý do vị thành tựu chánh kiến không thể làm hành động vô gián.

6.4.5 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt”

Điều này có nghĩa là, vị đầy đủ chánh kiến biết rõ rằng thân tâm này không thể thanh tịnh, trong sạch, bình an, hạnh phúc nhờ vào những nghi lễ cầu nguyện cầu xin ở bên ngoài. Vị này không thể chấp nhận những sự cầu nguyện, cầu xin ở bên ngoài có thể làm cho thân tâm này thanh tịnh, bình an, hết sạch tham sân si, hết sạch phiền não, hết sạch cấu uế lậu hoặc. Người đầy đủ chánh kiến không thể chấp nhận những suy nghĩ, hành động và lễ nghi cầu nguyện như vậy. Vì sao vậy?

Vì vị này thấu hiểu luật nhân quả, thấu hiểu những logic trong cuộc sống. Vị này thấu hiểu rõ rằng: *Muốn được thanh tịnh thân tâm, muốn được bình an thân tâm thì cần phải biết rõ cái gì không thanh tịnh trong thân tâm, cái gì không bình an trong thân tâm và sau đó cần phải tiến hành nhiếp phục, diệt trừ, loại bỏ những thứ bất tịnh, bất an trong thân tâm thì thân tâm sẽ đi đến sự thanh tịnh, bình an, an lạc.*

Vị này biết rõ không thể với cúng kiến, cầu xin, lễ bái, dâng lễ, cúng lễ bên ngoài mà thân tâm con người có thể đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, bình an, hết cấu uế, hết nhiễm ô.

Vị này biết rõ rằng: Con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh, bình an, yên ổn cho chúng sanh, giúp chúng sanh vượt

khởi sâu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu trí tuệ chân chánh, chứng ngộ sự tịch lặng, yên vui, hết khổ chính là sự quay về trực diện với thân tâm, đối diện với thân tâm, nhìn thẳng vào thân tâm, nhìn thẳng vào sắc thân này, nhìn thẳng vào những cảm giác đang ẩn hiện trong thân tâm, nhìn thẳng vào tình trạng hiện tại của nội tâm, nhìn thẳng vào những gì đang có mặt, đang vận hành, đang sanh diệt trong thân tâm, để từ đó nhiếp phục, đào thải khỏi thân tâm những dục, ái, tham, sân, si, cấu uế, đồng thời làm cho sanh khởi và phát triển trí tuệ và các đức tánh hiền thiện, chân chánh, cao thượng của bậc trượng phu, bậc Thánh nhân.

Vị thành tựu chánh kiến thấy biết rõ ràng: Con đường trên, phương pháp tu tập trên là phương pháp chân chánh, con đường chân chánh, cách làm chân chánh đưa chúng sanh đi đến sự thuần khiết trong tịnh lạc, bình an, hạnh phúc.

Vị thành tựu chánh kiến biết rõ ràng: Ngoài con đường trên, ngoài phương pháp nhìn thẳng vào thân tâm để thấy biết rõ thân tâm và nhiếp phục thân tâm theo phương cách mà Đức Phật đã chỉ dạy thì không thể có một cách nào khác có thể làm cho con người được bình an, thanh tịnh, thanh thản và hạnh phúc hoàn toàn.

Do đó, bậc đầy đủ chánh kiến có thể làm từ thiện giúp đỡ cho người nghèo khổ, có thể dâng tịnh tài, tịnh vật cúng dường Tam bảo với bốn phận hộ trì Tam bảo của người con Phật. Nhưng bậc đầy đủ chánh kiến sẽ không thể tiến

hành thực hiện những nghi lễ cúng kiến cầu xin vầy khác bên ngoài để tìm cầu sự bình an, sự thanh tịnh, sự giải thoát, sự hết khổ. Đó là điều thứ năm không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

6.4.6 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng”

Điều này có nghĩa là, vị đầy đủ chánh kiến không thể tìm người đáng được cúng dường ngoài tứ chúng Thánh chúng đệ tử Phật. Vị này có thể đi làm từ thiện, giúp đỡ những người nghèo khổ, khó khăn, nhưng đối với việc cung kính cúng dường, vị này biết rõ *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật là những bậc đáng được cung kính, đáng được cúng dường, là ruộng phước vô thượng ở trên đời. Vì sao vậy?

Vì vị này biết rõ các vị *Bốn đôi tám chúng* là Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật, các vị này có những đức hạnh vi diệu, hiền thiện, chân chánh, trung thực đối với tự thân, chân thật nhìn nhận tự thân, đang tu tập thân tâm theo *Tám Sự Chân Chánh* mà Đức Phật đã chỉ dạy, đang hướng đến sự thành tựu, sự hoàn thiện *Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ* mà Đức Phật đã truyền trao, đang nỗ lực chế ngự và nhiếp phục thân tâm, đang thực hành một công cuộc thanh lọc vĩ đại đối với thân tâm, đào thải sạch khỏi thân tâm những rác bần, cấu uế, lậu hoặc.

Bậc đầy đủ chánh kiến sẽ biết rõ Thánh chúng đệ tử Phật là những bậc có đầy đủ *Diệu hạnh, Trực hạnh, Chơn chánh hạnh, Như pháp hành (Ứng lý hạnh)*. Từ đó, vị này có thể làm từ thiện, bố thí cho người nghèo khổ, khó khăn trong cuộc sống nhưng khi nói đến việc cúng dường, thì vị này biết rằng Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật là những bậc đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.

Vì biết rõ như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không thể đi tìm người đáng được cúng dường ngoài Thánh chúng, không thể xem ai đáng được cúng dường ngoài các bậc nằm trong hàng *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật. Đó là điều không thể xảy ra thứ sáu đối với bậc đầy đủ chánh kiến.

Trên đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.5 Kinh Mẹ (*Tăng III, 256*)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

- *Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ.*

- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán.
- Người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm Như Lai phải chảy máu.
- Người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

6.5.1 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể làm bốn việc”

Như vậy, người đầy đủ chánh kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ, cha, vị A-la-hán, không thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Vì sao? Vì chánh kiến trong vị này không cho phép vị này làm những việc bất nhân, bất nghĩa, thất đức, tệ hại xấu xa đến như vậy. Vị này có thể còn vài tật xấu, vài lỗi lầm nhỏ nhất nhưng chắc chắn trí tuệ trong vị này sẽ ngăn chặn không cho vị này làm những việc quá tồi tệ, quá xấu xa, có khả năng đưa vị này vào đọa xứ, địa ngục.

6.5.2 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể phá hòa hợp Thánh chúng”

Người đầy đủ chánh kiến không thể phá hoại sự hòa hợp của Thánh chúng. Vì sao? Vì vị này biết rõ Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật là những vị trong hàng “Bốn đôi tám chúng”. Các vị này là những bậc có những đức hạnh hiền thiện cao quý (Diệu hạnh), có đức hạnh trung trực nhìn nhận tự thân, chân thật đối với tự thân và chân thật đối với xung quanh (Trực hạnh), có thân khẩu ý hành chân chánh đúng pháp (Chơn chánh hạnh), có sự tu tập thân tâm theo đúng Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao (Như pháp hành, hay Ứng lý hạnh). Vị đầy đủ chánh kiến biết rõ Thánh chúng đệ tử Phật là những vị có những đức hạnh vi diệu, hiền thiện, cao quý, đúng pháp như vậy và bản thân của vị đầy đủ chánh kiến cũng đang dần thành tựu những Thánh đức hạnh này. Vì vậy, vị này không thể có những thân hành, khẩu hành, ý hành với mục đích, với âm mưu phá hoại sự hòa hợp của Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến luôn tha thiết mong muốn Chánh pháp được rực sáng, được tỏa sáng trong thế giới này, đâm thủng màn vô minh si ám của cuộc đời, đem đèn sáng vào trong bóng tối của thế giới để cho những ai có đôi mắt của trí tuệ có thể nhìn ra được tự thân, nhìn ra được sự thật của

cuộc sống và vượt thoát ra khỏi những phiền não, đau khổ trong cuộc sống.

Vị đầy đủ chánh kiến luôn tha thiết mong muốn thế giới này được sống trong ánh sáng của Chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã truyền trao. Vị này không có tâm ganh tỵ, ích kỷ, hẹp hòi, không có tâm muốn bôi nhọ người khác để đưa mình lên. Vị này luôn âm thầm cầu mong có nhiều người thông hiểu được Chánh pháp, tu tập chân chánh đúng pháp trong Chánh pháp và giảng dạy rộng rãi Chánh pháp này để cho Chánh pháp được an trú lâu dài, chúng sanh được khai mở trí tuệ, được tu tập đúng pháp, được thoát khỏi biển khổ đau. Nếu có một Thánh chúng được thành tựu, được thành lập một cách chân chánh đúng pháp với đầy đủ những đức hạnh, thiền định và trí tuệ chân chánh đúng pháp mà Đức Phật đã truyền trao thì đối với vị đầy đủ chánh kiến, đây là niềm vui không có gì bằng, một niềm hạnh phúc không có gì bằng. Vì vậy, vị đầy đủ chánh kiến không thể nào là người có những thân khẩu ý cố tình phá hoại sự hòa hợp trong Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến là bậc sống chân thật và nói lên những lời chân thật. Vị này không có ý bôi nhọ người khác. Nếu phải nói những lời không tốt đẹp về người khác thì vị này chỉ nói lên sự thật để cảnh tỉnh hội chúng, làm trong sạch hội chúng, làm trong sạch Thánh chúng, chứ không có ý bôi nhọ hay nói xấu một ai. Cần xem kỹ trong các

kinh: Kinh Các Đồ Rác (*Tăng III*, 513), Kinh Devadatta (*Trung I*, 338), Kinh Devadatta (*Tăng III*, 502), Kinh Devadatta (*Tăng I*, 691), Kinh Gốc (*Trung II*, 417), Kinh Pháp (*Trung II*, 418).

Vị đầy đủ chánh kiến thường thức được hương vị trí tuệ của Pháp bảo, thường thức được hương vị giải thoát của Chánh pháp. Do đó, vị này luôn mong muốn Chánh pháp được bền vững, được vững mạnh, được truyền thừa tốt đẹp. Vị này luôn mong muốn chư đệ tử chân chánh của Đức Như Lai được hòa hợp, an vui, được cùng nhau tu học trong Thánh pháp, Thánh đạo mà Đức Như Lai đã truyền dạy. Vị này luôn mong muốn những người con chân chánh của Đức Phật được cùng nhau tu tập, cùng nhau nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân để thành tựu một nội tâm trong sạch, thanh tịnh, cao đẹp, thánh thiện, xứng đáng là những bậc Thánh đệ tử chân chánh của Đức Như Lai. Vị này biết rõ sự vận hành, sự hoạt động của nội tâm, tu tập sự chế ngự, nhiếp phục và làm chủ nội tâm, sống không làm khổ mình, không làm khổ người, tự tại giữa cuộc đời đầy uế trước, phiền não và khổ đau. Vì vậy, vị đầy đủ chánh kiến không thể nào là người phá hoại sự hòa hợp trong Thánh chúng.

Vị đầy đủ chánh kiến biết rõ nhân quả của việc phá sự hòa hợp của Thánh chúng, biết rõ nhân quả của việc làm cho Thánh chúng được hòa hợp. Vì vậy, với chánh kiến chiếu

soi, với Thánh trí tuệ dẫn đường, vị ấy chỉ nói những lời đưa đến hòa hợp, nói những lời làm cho người này có thể hiểu người kia hơn, thông cảm với tập khí, tánh tình của người kia, thông cảm với những lỗi lầm của người kia, khởi lòng từ mẫn đối với người kia, bao dung tha thứ cho người kia, biết cách cư xử với người kia. Vị ấy làm cho Thánh chúng ngày càng hòa hợp, hòa đồng, phát triển mạnh mẽ, tương thân, hòa ái, giảm thiểu những tâm niệm xấu xa bất thiện với nhau, giảm thiểu cái tôi, cái ta, bản ngã; sống với nhau trong sự chân thành, chân thật, nhiệt tình, hết lòng; mong muốn nhau ngày càng tốt đẹp hơn, xây dựng nhau trong tình tương thân tương ái, trong lòng từ mẫn, từ ái với nhau; sống vì nhau, sống cho nhau, sống không làm tổn thương nhau; sẵn sàng giúp đỡ nhau trong sinh hoạt đại chúng; sẵn sàng hy sinh cho nhau, nhường nhịn nhau, chịu tiếng thiệt, chấp nhận phần thiệt về mình; khuyến khích, khích lệ, hướng dẫn, chia sẻ với bạn đồng tu, làm cho đại chúng cùng tinh tấn, cùng tiến bộ, cùng vững bước trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ.

Tóm lại, đối với bậc đầy đủ chánh kiến, khi đối trước một hội chúng, đối trước một con người, đối trước một nơi mà nơi đó, con người đó, hội chúng đó **thật sự** là một hội chúng, một con người, một nơi tu tập trong sạch, thanh tịnh, chân chánh, đúng pháp trong hàng *Bốn đôi tám chúng* thì vị đầy đủ chánh kiến không thể là người có tâm muốn

phá hoại sự hòa hợp của một Thánh chúng như vậy, của những nơi như vậy và những con người như vậy.

Nhưng nếu nơi đó, người đó, hội chúng đó có sự không trong sạch, không thanh tịnh, không chân chánh, không đúng pháp thì bậc đầy đủ chánh kiến sau khi thấy biết rõ như vậy, vị này với lòng từ mẫn khuyên dạy, chỉ dẫn, nhắc nhở. Nhưng nếu sau khi với lòng từ mẫn khuyên dạy, chỉ dẫn, nhắc nhở mà vấn đề vẫn không thay đổi thì vị này sẽ từ bỏ nơi đó, sẽ từ bỏ con người đó, đây gọi là “giết hại trong Pháp Luật của bậc Thánh” (Kinh Kesi - Tăng II, 26).

6.5.2.1 Kinh Các Đồ Rác (Tăng III, 513)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà, trên bờ hồ Gaggarà. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Vị ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, hướng câu chuyện ra ngoài, và hiện tướng phần nộ, sân hận và bất mẫn. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo :

2. - Này các Tỷ-kheo, hãy đuổi người này ra! Này các Tỷ-kheo, hãy tẩn xuất người này ra! Này các Tỷ-kheo, người này đáng bị khai trừ.

Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho

đến khi các Tỷ-kheo không thấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy phạm tội, họ biết người này là như sau: “Người này là Sa-môn ô uế, họ là Sa-môn rom rạ, là Sa-môn rác rưởi. Khi biết như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì sao? Chớ để cho người ấy làm ô uế các Sa-môn hiền thiện khác.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một ruộng lúa mì đã đầy đủ. Cây lúa mì ô nhiễm, cây lúa mì rom rạ, cây lúa mì rác rưởi được mọc lên với rễ như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác. Với cành là như vậy, giống như những cây lúa mì hiền thiện khác. Với lá là như vậy, giống như những cây lúa mì hiền thiện khác, cho đến khi nào đầu ngọn lúa chưa mọc ra. Khi đầu ngọn lúa mọc ra, họ biết: “Đây là cây lúa mì hoang, đây là cây lúa mì rom rạ, cây lúa mì rác rưởi”. Sau khi biết như vậy, họ nhổ cây lúa mì ấy lên, luôn cả rễ, và quăng cây lúa mì ấy ra khỏi ruộng lúa. Vì có sao? Họ nói: “Đừng để cho cây lúa mì làm uế nhiễm các cây lúa mì hiền thiện khác”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: “Người này là Sa-môn giả hiệu, Sa-môn rom rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi

người ấy ra ngoài. Vì có sao? “Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một đồng lúa lớn đang được sàng quạt, tại đấy, các hạt lúa nào chắc cứng, có hạt, chúng được chắt thành đồng một bên; còn những hạt lúa nào yếu kém, chỉ là rom, thoiri được gió thổi tạt qua một bên, và người chủ, với cây chổi, quét chúng còn xa hơn nữa. Vì có sao? “Chớ để cho lúa ấy làm uế nhiễm các hạt lúa hiền thiện khác”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghāti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: “Người này là Sa-môn ô uế, Sa-môn rom rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì có sao? “Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

5. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần một số ống nước, lấy một cây búa sắc bén và đi vào rừng, và với cán cây búa ấy, gõ vào thân cây này hay thân cây khác. Ở đây, những cây nào chắc cứng, có lõi, khi được cán búa gõ vào, tiếng vang dội được tròn cứng. Còn những cây nào ở giữa bị mục nát, không có lõi (đầy ứ bất tịnh) như bản, khi được

cán búa gõ vào, tiếng vang dội lép xẹp. Người ấy chặt cây ấy, gốc ấy. Sau khi chặt gốc, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy rửa phía trong của cây cho thật sạch. Sau khi rửa phía trong cho thật sạch rồi, người ấy nối liền các ống ấy lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y sanghàti, bát và y, như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến không các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được : “Người này là Sa-môn giả hiệu, Sa-môn rom rạ, Sa-môn rác rưởi”. Sau khi biết người ấy là như vậy, họ đuổi người ấy ra ngoài. Vì có sao ? “Chớ để cho người ấy làm ứ nhiễm các Sa-môn hiền thiện khác”.

*Thầy có thể biết được
 Người này Thầy chung sống
 Ái dục và phân nộ
 Dèm pha và ngoan cố
 Não hại và tật đố
 Xan tham và man trá
 Nói nhu hòa giữa người
 Nói như lời Sa-môn
 Che giấu, làm việc ác
 Ác kiến, thiếu kính trọng
 Quanh co và nói láo*

Biết vậy, người làm gì?
Tất cả phải đồng tình
Cùng tránh né người ấy
Hãy tản xuất rom rác
Hãy tổng cổ uế trước
 Từ nay hãy đuổi xa
 Kẻ nói nhiều vô ích
 Không phải là Sa-môn
 Nhưng hiện tướng Sa-môn
 Tản xuất kẻ ác dục
 Ác hạnh, ác uy nghi
 Sống với người thanh tịnh
 Sống trong sạch chánh niệm
 Hòa hợp biết khôn khéo
 Hãy chấm dứt khổ đau.

6.5.2.2 Kinh Kesi (Tăng II, 23)

1. Rồi Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đi đến Thế tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế tôn nói với Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đang ngồi một bên :

2. - Này Kesi, Ông là người đánh xe điều phục ngựa, có chế ngự. Và này Kesi, Ông nhiếp phục ngựa như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn, con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng. Con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời thô ác. Con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng và thô ác.

- Này Kesi, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác, thì Ông làm gì với con ngựa ấy?

- Bạch Thế Tôn, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác của con, thì bạch Thế Tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho gia đình thầy của con!

Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bậc Vô thượng, đánh xe điều ngự những ai đáng được điều ngự, như thế nào Thế Tôn nhiếp phục những ai đáng được điều phục?

3 - Này Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với lời nói mềm mỏng. Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn. Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn.

- Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói mềm mỏng:

- Đây là thân làm **thiện**. Đây là quả báo thân làm thiện.

- Đây là lời nói thiện. Đây là quả báo lời nói thiện.
- Đây là ý nghĩ thiện. Đây là quả báo ý nghĩ thiện.
- Đây là chư Thiên. Đây là loài Người.
- *Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói cứng rắn:*
 - Đây là thân làm **ác**. Đây là quả báo thân làm ác.
 - Đây là lời nói ác. Đây là quả báo lời nói ác.
 - Đây là ý nghĩ ác. Đây là quả báo ý nghĩ ác.
 - Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là loại ngạ quỷ.
- *Tại đây, này Kesi, đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn:*
 - Đây là thân làm **thiện**. Đây là quả báo thân làm thiện.
 - Đây là thân làm **ác**. Đây là quả báo thân làm ác.
 - Đây là lời nói thiện. Đây là quả báo lời nói thiện.
 - Đây là lời nói ác. Đây là quả báo lời nói ác.
 - Đây là ý nghĩ thiện. Đây là quả báo ý nghĩ thiện.
 - Đây là ý nghĩ ác. Đây là quả báo ý nghĩ ác.
 - Đây là chư Thiên. Đây là loài Người.
 - Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là ngạ quỷ.
- Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Thế Tôn, không

chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, thời Thế Tôn làm gì với người ấy?

- Nay Kesi, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nay Kesi, **thời Ta giết hại người ấy!**

4. - Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn nói: “Nay Kesi, Ta giết hại người ấy”.

- Thật vậy, nay Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhưng người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, nay Kesi là con người này, trong giới luật của bậc Thánh, **bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.**

- Bạch Thế Tôn, người ấy bị bậc Thiện Thệ giết hại là người nào bị Như Lai nghĩ rằng không xứng đáng được nói đến, không xứng đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! ... bắt đầu từ nay, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

6.5.2.3 Kinh Ngày Trai Giới (Tăng III, 565)

(Trích đoạn)

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvavatthi, tại Đông viên, chỗ lâu đài mẹ Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, nhân ngày trai giới, đang ngồi, có chúng Tăng đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh một đã qua, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

2. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh giữa đã qua, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh hai đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

3. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, và canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng rõ, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đắp y thượng vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã qua, chúng Tỷ-kheo đã ngồi lâu, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc giới bốn cho các Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, hội chúng không được thanh tịnh.

4. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: Đề cập đến người nào, Thế Tôn đã nói: “Nay Ananda, hội chúng không được thanh tịnh”?

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, với tâm của mình, chú tâm tác ý đến toàn thể chúng Tỷ-kheo Tăng, Tôn giả thấy một người ấy là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham

đục, tánh tình bất tịnh, đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo. Thấy vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến, nói với người ấy :

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

- Được nói như vậy, người ấy im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

- Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ ba, người ấy im lặng.

5. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nắm lấy cánh tay người ấy, đẩy ra khỏi cửa, đóng chốt cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, người ấy đã bị con đuổi ra khỏi. Hội chúng đã thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết giới bốn cho chúng Tỷ-kheo.

- *Thật vi diệu thay, này Mahàmoggallàna! Thật hy hữu thay, này Mahàmoggallàna! Cho đến khi bị nắm tay, kẻ ngu si kia mới đi.*

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- *Này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy hành trì Uposatha (Bồ-tát), hãy đọc giới bổn. Bắt đầu từ nay, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ không đọc giới bổn. Này các Tỷ-kheo, không có sự kiện, không có cơ hội rằng Như Lai có thể đọc giới bổn trong một hội chúng không thanh tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có tám pháp vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy, thấy vậy, các Asurà (A-tu-la) thích thú biển lớn...

(Hết trích kinh)

6.5.2.4 Tóm lược

Như vậy, với bài Kinh Các Đồ Rác (Tăng III, 513), khi trong đại chúng có người phạm lỗi, phạm giới, bị đại chúng buộc tội thì người này tránh né vấn đề sang một vấn đề khác, hướng câu chuyện ra ngoài, tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, Đức Phật nói: “*Hãy đuổi người này ra! Hãy tẩn xuất người này ra! Người này đáng bị khai trừ. Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông?... Người này là một Người tu ô ướ, Người tu rơm rạ, Người tu rác rưởi... Chớ để cho người ấy làm ô ướ các Người tu hiền thiện*

khác”. Như vậy, với một người ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, không chịu nhận lỗi khi phạm lỗi, quanh co, biện luận, nguy biện, nguy ngôn, Đức Phật không muốn đại chúng phải dài dòng với hạng người như vậy.

Lại nữa, trong bài kinh Kesi (*Tăng II*, 23) nêu trên, với hạng người khó dạy, khó bảo, ương ngạnh, cứng đầu, bản ngã cao, không chịu sửa đổi, không biết lắng nghe, với hạng người như vậy Đức Phật sẽ bỏ mặc, không thèm nói đến, đây gọi là “giết hại” trong Pháp Luật của bậc Thánh. Vì sao? Vì hạng người này không xứng đáng để được nói đến, không xứng đáng để được giáo giới, không xứng đáng để được chỉ dạy.

Lại nữa, trong bài kinh Ngày Trai Giới (*Tăng II*, 565) nêu trên, Tôn giả Ananda ba lần thỉnh Đức Phật thuyết pháp, nhưng Ngài im lặng, đến lần thứ ba, Ngài nói: “Hội chúng không được thanh tịnh”. Tôn giả Mục-Kiền-Liên nghe Đức Phật nói vậy, với tâm của mình, Tôn giả chú tâm tác ý đến toàn thể đại chúng và phát hiện ra trong đại chúng có một người không thanh tịnh, ác giới, phá giới, hành vi bất tịnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục. Tôn giả đi đến chỗ người ấy, sau ba lần yêu cầu người ấy đi ra khỏi đại chúng nhưng người ấy không đi, Tôn giả nắm lấy cánh tay người ấy, đẩy ra khỏi cửa và đóng chốt cửa lại. Sau khi người bất tịnh này ra khỏi đại chúng thì Đức Phật mới thuyết pháp và Ngài đã thuyết về Tám điều vi diệu trong giáo pháp mà

Ngài đã chỉ dạy. Như vậy, khi trong đại chúng, người phá giới được nêu rõ là người phá giới, người bất tịnh, bất chánh được nêu rõ là người bất tịnh bất chánh, đó không phải là phá hòa hợp Tăng, mà đó là Giới đức và Trí tuệ trong hội chúng chân chánh, hiền thiện, đúng pháp đã đào thải những người bất chánh ra khỏi hội chúng đó.

Tóm lại, các bài kinh trên đã nêu rõ, ngay thời Đức Phật còn tại thế, những người tu hành không chân chánh, vô đạo đức, phá giới, dâm dục, tâm tánh không hiền thuận, cứng đầu, ngoan cố, khó chỉ dạy. Đối với những người như vậy, Đức Phật không hoan hỷ và Ngài cho đại chúng đuổi ra ngoài.

Như vậy, khi trong đại chúng có người bất chánh, bất minh, hành vi đòi bại, thối nát, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, hung hăng, hay gây cãi, nguy hiểm, quanh co... khi người này bị phát giác phát hiện và bị nêu rõ thì đó không phải là phá hòa hợp Tăng, mà đó là việc cần phải làm để làm trong sạch đại chúng, làm trong sạch Thánh chúng đệ tử của Đức Như Lai.

6.5.3 Bậc đầy đủ Chánh kiến “không thể nhận ai làm thầy ngoài Đức Phật và Thánh chúng”

Lại nữa, vị đầy đủ chánh kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác, nghĩa là, vị này không thể xem một ai khác ngoài

Đức Phật và Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là vị thầy dẫn đường cho mình vượt thoát lưới sanh tử, vượt thoát phiền não và khổ đau. Vì sao vậy? Vì vị này biết rõ Đức Phật là bậc ngộ đạo, bậc chứng đạo, bậc thành tựu đạo, bậc thiện xảo về đạo, thiện xảo về con đường đưa đến sự chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não; và *Bốn đôi tám chúng*, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã và đang đi trên con đường này, đã và đang tiếp tục thành tựu con đường này. Vị thành tựu chánh kiến biết rõ: Ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật thì không một ai có thể có một sự hướng dẫn chân chánh, đúng pháp, giúp người thực hành đi đến sự đoạn tận sanh tử, chấm dứt khổ đau. Vì nhìn thấy rõ như vậy, bậc đầy đủ chánh kiến không thể dè dặt, không thể nghe theo, không thể tìm kiếm một ai khác để làm Đạo Sư, làm người chỉ đường cho mình ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật.

Đây là sáu điều không thể xảy ra đối với bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là đặc điểm của bậc đầy đủ chánh kiến. Đây cũng là sáu điểm để nhận biết bậc đầy đủ chánh kiến, nhận biết bậc đã thể nhập Dự lưu Thánh quả.

6.6 Kinh TỰ LÀM (Tăng III, 256)

“Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh.

Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người đầy đủ chánh kiến không thể trở lui, không thể trở về với các quan điểm: sướng khổ là do tự mình làm; hay sướng khổ do người khác làm; hay do tự mình làm và do người khác làm; hay không do tự mình làm mà do tự nhiên sanh; hay không do người khác làm mà do tự nhiên

sanh; hay không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh. Đó là sáu quan điểm về nguyên nhân sanh ra hạnh phúc hay đau khổ trên cuộc đời này của những người không đầy đủ chánh kiến.

Bậc đầy đủ chánh kiến, tức là bậc đã thấy biết rõ về thân tâm là Ngũ uẩn, do duyên sanh, bản chất là vô thường, rỗng không, vô ngã, khổ. Vị này không còn cho rằng thân Ngũ uẩn này là mình, là của mình; không còn cho rằng những Ngũ uẩn xung quanh là người, là của người, vị này phá được thân kiến. Vị này thấy biết rõ không có mình cũng không có ai ở đây, tất cả đều là duyên sanh. Do duyên vô minh, do duyên tâm mê, tâm tham dục, tâm tham ái đối với Ngũ uẩn mà những thân Ngũ uẩn này đã hình thành. Do duyên xúc, do duyên thân hành, khẩu hành, ý hành mà có nghiệp, có những cảm thọ lạc khổ, có buồn vui sướng khổ trong cuộc đời này, có giàu nghèo đẹp xấu, có may mắn bất hạnh, có sang hèn khác nhau. Vì nhìn thấy rõ như vậy nên bậc đầy đủ chánh kiến không nói sướng khổ (lạc khổ) là do mình, do người hay do tự nhiên; vị này biết rõ sướng khổ là do nhân duyên, đó là ý nghĩa lời nói của Đức Phật “*đối với người đầy đủ chánh kiến thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy*”.

6.7 Điều không xảy ra với Bậc đầy đủ Chánh kiến

Như vậy, sáu điều sau đây được đoạn tận đối với bậc thành tựu chánh kiến:

- Đoạn tận thân kiến
- Đoạn tận nghi
- Đoạn tận giới cấm thủ
- Đoạn tận tham đưa đến đọa xứ
- Đoạn tận sân đưa đến đọa xứ
- Đoạn tận si đưa đến đọa xứ

Lại nữa, ba mươi điều sau đây là những điều không thể xảy ra đối với bậc thành tựu chánh kiến:

1. Không có thể làm cho sanh khởi thân kiến
2. Không có thể làm cho sanh khởi hoài nghi
3. Không có thể làm cho sanh khởi giới cấm thủ
4. Không có thể làm cho sanh khởi tham đưa đến đọa xứ
5. Không có thể làm cho sanh khởi sân đưa đến đọa xứ
6. Không có thể làm cho sanh khởi si đưa đến đọa xứ
7. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Đức Phật

8. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp
9. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận Thánh chúng
10. Không thể sống không cung kính, không tùy thuận các học pháp
11. Không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại
12. Không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám
13. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn
14. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc
15. Không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã
16. Không thể làm hành động vô gián
17. Không thể làm cho thanh tịnh thân tâm với nghi lễ đặc biệt
18. Không thể tìm các vị đáng cúng dường ngoài Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật
19. Không thể đoạn mạng sống của mẹ
20. Không thể đoạn mạng sống của cha
21. Không thể đoạn mạng sống của bậc A-la-hán
22. Không thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu

23. Không thể phá hòa hợp Thánh chúng
24. Không thể đề cử một vị Đạo sư tối thượng khác ngoài Đức Phật
25. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do tự mình làm
26. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do người khác làm
27. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm
28. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh
29. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh
30. Không thể trở về với quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Đối với người có đầy đủ tri kiến, thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Tóm lại, người có chánh kiến là người có cái nhìn, cái thấy biết về thân tâm này và cuộc sống này một cách chân thật, chân chánh, đúng pháp, chính xác với sự thật về thân tâm, chính xác với sự thật về cuộc sống. Trí tuệ trong vị này được khai mở, vị này có sự thấy biết rõ về thân tâm, thấy biết rõ từng ngõ ngách, từng mức độ hoạt động thô tế của

những cảm giác, tưởng tượng, suy nghĩ, rõ biết trong thân tâm. Trí tuệ của vị này trong sáng, rõ ràng, trạch pháp, đen trắng phân minh, đục trong đều rõ.

Người thành tựu chánh kiến, không thể quay về, lui về, rơi vào lại trong những sự thấy biết sai lầm, trong những trí tuệ sai lầm về tự thân, trong những pháp hành, những pháp tu, những đường lối tu sai lầm, không chân chánh, không đúng pháp, không có khả năng đưa đến sự diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc. Vì sao vậy?

Ví như một người mù, không sáng mắt, không thấy rõ các sắc màu, người, vật, nên không thể kiểm chứng, kiểm định, xác chứng sự thấy biết của mình, ai nói sao thì nghe vậy. Nhưng đối với một người mắt tốt, mắt sáng, thấy rõ các sắc màu, người, cảnh, vật, thì người này không thể nào nghe theo lời chỉ dạy của người mù kia về các sắc màu, người, cảnh, vật.

Ví như một người chưa từng đến nước Pháp, chưa từng nhìn thấy người Pháp, chưa từng sinh sống tại Pháp, thì khi nghe người khác nói nước Pháp vậy khác, hoặc khi đọc những bài viết vậy khác về nước Pháp, thì người này không có khả năng kiểm tra, kiểm định, kiểm chứng, xác chứng sự thật của những gì mình được nghe từ người kia, từ sách vở, mà người này chỉ có thể tưởng tượng về nước Pháp, tưởng tượng về người Pháp, tưởng tượng về cuộc sống ở

Pháp theo những nguồn thông tin về nước Pháp do người khác cung cấp. Nhưng đối với một người đã từng đến nước Pháp, đã từng gặp người Pháp, đã từng sinh sống tại Pháp trong nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm và hiện vẫn còn đang sống ở đó, thì người này không thể nghe theo những lời nói vầy khác, những lời chỉ dạy vầy khác về nước Pháp của những người chưa hề đặt chân đến đất Pháp.

Ví như một người chưa khai mở được trí tuệ, chưa phá được lớp màn mờ ảo của vô minh trong nội tâm, chưa thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân, chưa vào được căn nhà nội tâm của mình, vì vậy khi nghe ai nói gì về tâm, về nội tâm thì dễ dàng tin theo, dễ dàng chấp nhận theo. Vị này không thể kiểm tra và cũng không có khả năng kiểm tra, kiểm định, xác chứng tánh chân thực, hay sai lầm của lời nói ấy. Nhưng đối với người có chánh kiến, người đã khai mở được trí tuệ, đã phá được lớp màn mờ ảo của vô minh, đã thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân, đã vào được trong căn nhà nội tâm của mình, nên khi nghe người khác nói vầy khác về tâm, về nội tâm, thì vị này lập tức biết rõ lời nói kia là chân chánh, đúng pháp, đúng với sự thật về nội tâm, hay không chân chánh, không đúng pháp, không đúng với sự thật về tâm, về nội tâm. Người này sẽ không thể nào rơi vào lại trong những sự thấy biết sai lầm về tâm, về nội tâm. Và người có trí tuệ này sẽ không thể nào nghe lời, tin tưởng và thực hành theo những lời nói,

những sự chỉ dẫn, những pháp hành từ một người chưa khai mở được trí tuệ, chưa thành tựu chánh kiến.

Người có chánh kiến sẽ không thể nghe theo, tin tưởng và thực hành theo những tà kiến, tà thuyết, tà đạo. Vì sao? Vì những tà kiến, tà thuyết, tà đạo này, hay những sự thấy biết sai lầm, những lý thuyết sai lầm, những giáo lý sai lầm, những đường lối tu hành sai lầm là sản phẩm của một nội tâm còn ở trong vô minh, sanh khởi từ một nội tâm chưa được khai mở trí tuệ, nên những giáo lý, những đường lối tu hành này đưa người thực hành đi vào ngõ cụt, đi vào mê lung, không có lối thoát khỏi trầm luân sanh tử. Người có chánh kiến sẽ thấy biết rõ những sai lầm này đến từ sự dính mắc, sự mắc kẹt trong những cảm thọ cảm giác, mắc kẹt trong những tưởng, mắc kẹt trong những suy tư, mắc kẹt trong những sự hay biết rõ biết, mắc kẹt trong những sắc tướng tứ đại này. Sau khi thấy biết rõ như vậy, người có chánh kiến chỉ có lòng thương cảm đối với những vô minh, lầm lạc này nhưng sẽ không thể nào nghe theo, tin tưởng theo và thực hành theo những vô minh lầm lạc ấy.

Ví như một người sáng mắt đã đi vào một căn nhà và đang sống trong căn nhà ấy. Vị ấy chắc chắn thấy biết rõ lối đi vào căn nhà, các cánh cửa của căn nhà, phòng khách, phòng bếp, phòng ngủ, phòng vệ sinh trong căn nhà, cách trang trí sắp đặt trong căn nhà. Vì vậy, khi nghe người khác

nói về căn nhà ấy, thông qua cách nói của người đó thì vị này sẽ có thể biết rõ là người đó đã vào căn nhà này hay chưa, đã sống trong căn nhà này hay chưa, hay vẫn chưa vào, vẫn còn ở ngoài hàng rào, vẫn chưa bước vào bên trong căn nhà, chưa thấy được những gì đang có trong căn nhà. Vì sao vậy? Vì vị này chưa nói đúng về căn nhà, chưa nói đúng về đường lối đi vào căn nhà.

Cũng vậy, bậc có chánh kiến là bậc đã đi vào được bên trong căn nhà nội tâm của mình, đã thấy rõ những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang dẫn dắt, đang thúc giục, đang khống chế thân tâm. Vị ấy thấy biết rõ con đường đi vào nội tâm, thấy biết rõ những gì đang có mặt trong nội tâm, thấy biết rõ những phương pháp thích ứng thiết thực để nhiếp phục những cấu uế trong nội tâm. Vì vậy, khi người này thấy, nghe, đọc những lời khuyên, lời chỉ dạy, lời hướng dẫn cách thức đi vào nội tâm, cách thức nhiếp phục nội tâm từ những người khác, người này sẽ rõ biết “vị đó đã đi vào được nội tâm của mình nên những lời hướng dẫn của vị đó là chân chánh, đúng pháp” hay người này sẽ rõ biết “vị đó vẫn chưa đi vào được nội tâm của mình, và những lời hướng dẫn của vị này là chưa chân chánh, chưa đúng pháp”.

Đó là ý nghĩa mà Đức Phật đã nói trong bài kinh Cột Trụ (*Tương V, 644*): Người chưa thành tựu chánh kiến, tâm của vị ấy ví như bông gòn, gió thổi hướng nào thì bay theo

hướng ấy, nghe ai thuyết giảng gì cũng thấy hay, thấy hợp lý. Người thành tựu chánh kiến, tâm của vị ấy ví như một cây cột trụ to lớn được khéo chôn sâu dưới lòng đất một cách rất vững chắc, dù gió mạnh đến cỡ nào cũng không thể làm chao đảo, nghiêng ngã cây cột trụ này. Bậc có chánh kiến, thực thấy, thực biết về thân tâm và cuộc sống, vị này khi nghe người khác thuyết giảng, khi nghe những giáo lý, những chủ trương vầy khác, vị này không nói người này nói hay, người kia thuyết giỏi, vị này không có đụng đầu khen đó, không có nghe cái gì cũng khen hay. Vì có sao? Vì vị này thành tựu trí tuệ về thân tâm và cuộc sống nên khi nghe người kia nói, người kia thuyết giảng, vị này sẽ biết rõ người đó nói đúng pháp hay nói không đúng pháp, vị này sẽ biết rõ người nói đó đã thấy được thân tâm của mình hay vẫn chưa nhìn ra được thân tâm này, chỉ mơ hồ như người mù sờ voi rồi nói lại cho người khác nghe, hay người đó chỉ nói những lời nói sáo rỗng từ một nội tâm vô minh, thích nói, thích giảng, nói giảng để được danh, được lợi, nói giảng vì dục nói, vì bản ngã, nhưng thân tâm không được tu tập, không thành tựu chánh kiến.

Vị thành tựu chánh kiến không đụng đầu khen đó vì vị này đã khéo nhìn thấy rõ thân tâm, khéo nhìn thấy rõ cuộc sống. Vị thành tựu chánh kiến khéo biết rõ lời nói của người là đúng pháp hay không đúng pháp. Vì có sao? Vì pháp đã được vị này nhìn thấy, thấy biết, thân tâm đã được vị này

nhìn thấy, thấy biết, cuộc sống đã được vị này nhìn thấy, thấy biết. Vị này không còn có thể bị vô minh lừa gạt, không còn có thể bị những nội tâm còn trong vô minh lừa dối, vẽ vờ mộng lung, hứa hẹn mơ hồ, quanh co trong ngõ cụt, không có lối ra. Đó là điều không thể xảy ra đối với Bạc đã thành tựu Chánh kiến.

6.8 Bạc Hữu Học - Bạc Vô Học

6.8.1 Kinh Hữu Học (*Twong V, 28*)

Ở Sàvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “Hữu học, hữu học”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy.

*Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là **Bạc hữu học**?*

- Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **Chánh kiến** của bậc hữu học, đầy đủ Chánh tư duy của bậc hữu học, đầy đủ Chánh ngữ của bậc hữu học, đầy đủ Chánh nghiệp của bậc hữu học, đầy đủ Chánh mạng của bậc hữu học, đầy đủ Chánh tinh tấn của bậc hữu học, đầy đủ Chánh niệm của bậc hữu học, đầy đủ Chánh định của bậc hữu học. Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc hữu học.

6.8.2 Kinh Hữu Học 1 (Tăng I, 419)

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Hữu học, hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu học?

*- **Học tập, nên được gọi là hữu học.** Và học tập cái gì? Học tập tăng thượng **Giới**, học tập tăng thượng **Tâm**, học tập tăng thượng **Tuệ**. Vị ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị Hữu học.*

*Bậc hữu học, học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên.
Tiếp theo không gián đoạn,
Chánh trí mới sanh khởi.
Rồi chánh trí giải thoát,
Trí như vậy khởi lên.
Bất động ta giải thoát,
Hữu kiết sử đoạn tận.*

6.8.3 Kinh Hữu Học (*Twong V, 356*)

1) *Như vậy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) *Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:*

- **Có pháp môn nào**, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **hữu học** đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”, Tỷ-kheo **vô học** (asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc vô học”?

- *Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...*

3) - **Có pháp môn**, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: “Tôi là bậc hữu học, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

4) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học như thật rõ biết: “Đây là khổ”, như thật rõ biết: “Đây là khổ tập khởi”, như thật rõ biết: “Đây là khổ đoạn diệt”, như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt”. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: “Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?”. Và vị ấy rõ biết như sau: “Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn”. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học rõ biết năm căn: **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn**. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

7) Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Ta là bậc vô học”?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết năm căn: **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn** với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ

ràng. Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

8) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học rõ biết sáu căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: “Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào”. Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: “Tôi là bậc vô học”.

6.8.4 Kinh Một Phần (Tương V, 273)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Mahà Moggalàna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sàketa, tại rừng Kantakì.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

-- “Hữu học, hữu học”, thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là hữu học?

-- Do tu tập một phần Bốn Niệm Xứ, thưa Hiền giả, là bậc hữu học. Thế nào là bốn ?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú quán thọ trên các thọ... trú quán tâm trên tâm... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một phần Bốn Niệm Xứ này, thưa Hiền giả, là bậc hữu học.

6.8.5 Kinh Hoàn Toàn (Tương V, 274)

(Như kinh trên, số 1 và 2)...

-- “Vô học, vô học”, thưa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là bậc vô học?

-- Do tu tập hoàn toàn Bốn Niệm Xứ, thưa Hiền giả, là bậc vô học.

Thế nào là bốn?

-- Do tu tập một cách hoàn toàn Bốn Niệm Xứ này, thưa Hiền giả, là bậc vô học. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú quán thọ trên các thọ... trú quán tâm trên tâm... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập một cách hoàn toàn Bốn Niệm Xứ này, thưa Hiền giả, là bậc vô học.

6.8.6 Kinh Vô Học (Tăng IV, 537)

Bấy giờ có một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “Vô học, vô học”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là Bạc vô học?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học Chánh tri kiến, thành tựu vô học Chánh tư duy, thành tựu vô học Chánh ngữ, thành tựu vô học Chánh nghiệp, thành tựu vô học Chánh mạng, thành tựu vô học Chánh tinh tấn, thành tựu vô học Chánh niệm, thành tựu vô học Chánh định, thành tựu vô học Chánh trí, thành tựu vô học Chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo vô học.

6.8.7 Kinh Moranivàpa (Tăng I, 535)

(Trích đoạn)

1. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha tại Moranivàpa. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

*- Đây đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đạt đến **tột cùng tối hảo**, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng*

Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

Thế nào là ba?

- Với vô học **Giới uẩn**,
- Với vô học **Định uẩn**,
- Với vô học **Tuệ uẩn**,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tốt cùng tối hảo, tốt cùng an ổn khỏi các khổ ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người...

6.8.8 Kinh Các Chi Phần (Tăng IV, 254)

(Trích đoạn)

- *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần được gọi trong Pháp và Luật này là **vi toàn hảo**, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.*

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **đoạn tận năm** chi phần?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. *Đoạn tận dục tham.*
2. *Đoạn tận sân.*

3. Đoạn tận hôn trầm thụy miên.
4. Đoạn tận trạo hối.
5. Đoạn tận nghi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **thành tựu năm chi phần**?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. Thành tựu vô học giới uẩn.
2. Thành tựu vô học định uẩn.
3. Thành tựu vô học tuệ uẩn.
4. Thành tựu vô học giải thoát uẩn.
5. Thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này, là vị toàn hảo, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.

(Hết trích kinh)

6.8.9 Bậc Hữu Học

Các bài kinh trên đã làm sáng tỏ vấn đề về bậc hữu học và bậc vô học. Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy vị thành tựu các pháp sau đây thì được gọi là Bậc hữu học:

- Vị này đầy đủ chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.
- Vị này đang tu học tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.
- Vị này thành tựu Bốn Thánh Trí về Khô (đó cũng chính là Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về cuộc sống).
- Vị này rõ biết rằng: *“Ngoài Đức Phật và Thánh chúng đệ tử Phật (Bốn đôi tám chúng), không có một người nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy”*.
- Vị này rõ biết năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ, nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng.

Như vậy, bậc hữu học là bậc đầy đủ sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động

chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Vị ấy đang tu tập Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy. Vị ấy thành tựu trí tuệ thấy biết rõ Bốn Sự Thật về cuộc sống.

Bậc hữu học biết rõ: Ngoài Bốn đôi tám chúng, ngoài Thánh chúng đệ tử Phật thì không có một ai khác có thể thuyết pháp chân thật, chân chánh, đúng pháp trên cuộc đời này. Vì sao? Vì bậc hữu học là bậc đã thể nhập chánh kiến, bậc đã thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết chân thật, thấy biết chân chánh về thân tâm và cuộc sống. Vị ấy biết rõ sự thật về thân tâm, biết rõ sự thật về cuộc sống, biết rõ con đường đưa đến sự nhiếp phục thân tâm, nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si đối với cuộc sống. Nhờ sự thấy biết rõ về thân tâm và cuộc sống như vậy, nên khi nói vị ấy nói lời chân thật về cuộc sống, nói lời đúng pháp về cuộc sống, nói lời xác thực về cuộc sống, vị ấy không nói lời mơ hồ, mê lung, tưởng tượng, không xác thực, không thực tế. Và với trí tuệ như vậy, vị ấy biết rõ rằng ngoài những bậc thành tựu chánh kiến, ngoài những bậc đã thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ thân tâm thì không một ai khác có thể thuyết giảng, giảng nói một cách chân thật, một cách đúng pháp về thân tâm, về Ngũ uẩn, về cuộc sống. Đó ý nghĩa câu nói của Đức Phật: *Vị ấy rõ biết như sau: “Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân*

như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn”. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: “Tôi là bậc hữu học”.

Tóm lại, bậc đã và đang tu tập sự nhiếp phục thân tâm, sự đào thải khỏi thân tâm những dục, ái, tham, sân, si, rác bần, lậu hoặc bằng Pháp Tám Chánh, bằng sự thực hành Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đây gọi là *Bậc hữu học*.

6.8.10 Bậc Vô Học

Bậc vô học là bậc thành tựu sự nhiếp phục thân tâm, thành tựu sự thanh lọc thân tâm hết sạch những cấu uế lậu hoặc, thành tựu sự nhiếp phục tham, sân, si, bần ngã nhờ vào việc thực hành viên mãn Pháp Tám Chánh nói trên và sau đó đã đi đến sự thành tựu hai pháp chân chánh cuối cùng. Vị này không còn việc gì cần phải làm thêm, không còn điều gì cần phải tu học thêm, tâm đã hoàn toàn trong sạch, không dao động, giải thoát, vì vậy gọi là Bậc vô học.

Bậc vô học là bậc không còn phải tu học mười pháp, hay còn gọi là bậc đã thành tựu mười pháp vô học, đó là: Vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

Bậc vô học rõ biết: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đối với sáu căn này thì lòng dục, lòng ái, lòng tham sân si, vô minh, bản ngã trong vị này đã được đoạn diệt, đoạn tận toàn bộ và toàn diện, không có dư tàn, và sẽ không có sáu căn nào khác có thể khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào về sau. Vị ấy biết rõ: *Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một lần sanh tử trong phiền não và nước mắt nào khác nữa*. Bậc vô học biết rõ, xác định rõ điều này trong tự thân.

Tóm lại, Bậc vô học là bậc không còn gì phải học hỏi thêm, không còn gì phải tu tập thêm, không còn gì phải làm thêm, vị này đã hoàn tất việc tu học đi đến sự chấm dứt sanh tử. Vị này đã chấm dứt sanh tử. Bậc vô học chính là bậc A-la-hán, bậc đã đạt được quả vị giải thoát tối thượng trong đạo Phật.

7 RỪNG CỘT PHẬT GIÁO TRONG NIKĀYA

7.1 Kinh Ngày Trai Giới (Tăng III, 565)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có **Tám pháp vi diệu** chưa từng có này mà do thấy vậy, thấy vậy, các Asurà (A-tu-la) thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

1. Này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tư thuận xuôi, tuần tư thuận hướng, tuần tư sâu dãn, không có thành lình như một vực thăm... Đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
2. Lại nữa, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ... Đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
3. Lại nữa, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền... Đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
4. Lại nữa, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn... Đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. Lại nữa, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy... Đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
6. Lại nữa, biển lớn chỉ có một vi là vi mẫn... Đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
7. Lại nữa, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não... Đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
8. Lại nữa, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần... Đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này có **Tám Pháp Vi Diệu** chưa từng có này mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú Pháp và Luật này. Thế nào là tám?

1. Ví như, biển lớn **tuần tư thuận xuôi**, tuần tư thuận hướng, tuần tư sâu dân, không có thành lình như một vực thăm.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tư, các quả dị thực là tuần tư, các con đường là tuần tư, không có sự thể nhập chánh trí thành lình... Đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
2. Ví như, biển lớn đứng một chỗ, **không có vượt qua bờ.**
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua... Đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
3. Ví như, biển lớn **không có chấp chứa xác chết.** Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vát lên đất liền.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng

không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngôi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

4. Ví như, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, ho từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và ho trở thành những Sa-môn Thích tử... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
5. Ví như, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi có đầy... Đây là

pháp vi diệu chưa từng có thứ năm, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

6. Ví như, biển lớn chỉ có một vi mẫn.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật cũng chỉ có một vi là vi giải thoát... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
7. Ví như, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não.
 - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn Niêm Xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
8. Ví như, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramینگalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này: bậc Dư lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dư lưu quả, bậc Nhất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán... Đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, có “Tám vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, trong bài kinh trên, Đức Phật đã nói rõ Tám điều vi diệu trong đạo Phật.

7.2 Tám Điều Vi Diệu Trong Đạo Phật

7.2.1 Điều thứ nhất: “Tu chứng có thứ tự”

“Sự tu chứng trong đạo Phật là có thứ tự, có trình tự, không có thành linh mà chứng quả”.

Điều này có nghĩa là: Trong đạo Phật, sự tu học để đi đến quả vị giải thoát, tất cả đều phải đi theo con đường của Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Khi thành tựu

Văn Tư Tu về các pháp trên thì hành giả mới có thể thể nhập vào bốn cấp bậc giải thoát hay còn gọi là Bốn Thánh quả. Bốn Thánh quả là bốn kết quả, bốn mức độ thành tựu sự giải thoát khổ của một người tu.

Không thể có người thành tựu sự giải thoát, thành tựu A-la-hán quả mà chưa từng qua Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Nhưng nếu Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ một cách sơ sài, hời hợt, không chính xác theo lời Phật dạy thì cũng không thể đạt được kết quả chân chánh của một người tu, tức là vẫn không thể thể nhập vào trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật.

Như vậy, trong sự tu học để đi vào trong Thánh đạo và Thánh quả giải thoát, ai cũng như ai, cũng phải bắt đầu bằng sự tu tập chánh kiến, tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, không có sự chứng Thánh quả một cách đột ngột, thành linh mà không từng học hiểu chân chánh về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ. Đó là ý nghĩa lời dạy trên của Đức Phật.

Tuy vậy, sau khi được nghe hiểu một cách chân chính đúng pháp về các pháp trên, sự tu tập và thể nhập vào các Thánh quả là nhanh hay chậm, mau hay lâu là do căn cơ, do tập khí, do sức khỏe, do sự nhạy bén của tâm trí, do sự tinh tấn và do hàng tồn kho của mỗi người. Thời Đức Phật

còn tại thế, có những vị sau khi nghe pháp và thực hành pháp trong vòng một tháng thì chứng quả, có những vị lâu hơn một năm, ba năm, bảy năm... Nhưng cũng có những vị sau khi nghe pháp và thực hành pháp trong vòng một tuần, hoặc hai tuần là đã chứng quả Giải thoát, chứng quả A-la-hán như các Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp... Nhưng tóm lại, tất cả các vị Tôn giả ấy đều có trải qua sự Văn Tư Tu về Bát Chánh Đạo và Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì mới thành tựu đạo quả giải thoát.

Như vậy, giáo lý mà Đức Phật đã hướng dẫn cho đệ tử của Ngài là một đường lối tu ổn định, rõ ràng, rạch ròi, minh bạch và bình đẳng cho tất cả mọi người, không thiên lệch, không thiên vị cho bất cứ ai. Tất cả đều phải có sự Văn Tư Tu về Chánh pháp một cách chân chánh, chính xác và đúng pháp thì mới đạt được chánh quả giải thoát. Không có sự “tự nhiên chứng đạo, tự nhiên chứng quả” mà không có sự học hỏi và tu tập Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, chân chánh, đúng pháp với lời Phật dạy. Nhưng nếu học hiểu Giới Định Tuệ một cách sai lệch và thực hành Giới Định Tuệ không đúng với lời Phật dạy thì kết quả giải thoát vẫn không xảy ra.

Tóm lại, sự tu và chứng trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật là có tuần tự, có trình tự, có các bước tu tập rõ ràng, không có tự nhiên mà chứng đạo. Đây là điều vi diệu

chưa từng có thứ nhất trong đạo Phật mà do thấy vậy, những bậc trí đến với giáo pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.2 Điều thứ hai: “Không vượt qua lời Thầy”

“Đệ tử chân chánh của Đức Phật không bao giờ vượt qua những lời dạy chân chánh của Ngài”

Vì có sao? Vì các vị này đã chân chánh tìm hiểu cẩn trọng về Đức Phật. Sau khi đã cẩn trọng tìm hiểu Đức Phật, các vị này biết rõ rằng: Đức Phật, Ngài là bậc thầy của Trời và Người, Ngài là bậc có trí tuệ và đức hạnh hoàn hảo, Ngài là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc có trí tuệ viên mãn, có sự thấy biết đồng đều, thấy biết đầy đủ tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh của cuộc sống, của thân tâm con người.

Sau khi tìm hiểu cẩn trọng về Đức Phật, các vị này đã chân chánh xin trở thành đệ tử của Đức Phật. Và những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật biết rõ rằng: Nếu không thực hành theo đúng lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu vượt qua lời dạy của bậc Minh Hạnh Túc, nếu đi lệch ra ngoài lời dạy của Bậc Thiên Nhân Sư, tức là tự thân đã trượt ra khỏi chánh đạo, trượt ra khỏi đạo lộ đưa đến sự chầm dứt khô, chầm dứt sanh tử, phiền não và nước mắt. Vì có sao? Vì các vị này biết rõ rằng: Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, trí tuệ của Ngài là hoàn hảo, sự

thấy biết của Ngài là toàn diện, đường lối tu tập mà Ngài đã hướng dẫn là một lối tu thiện xảo, chu toàn, không có khiếm khuyết, không có chỗ sơ hở. Vì vậy, không có thể thêm bớt gì trong đạo lộ, trong giáo lý tu đạo hoàn hảo mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Nếu ai đó tự ý thêm vào hay bớt ra lời dạy chân chánh của Đức Phật với trí tuệ phàm phu, trí tuệ vô minh của mình thì vị ấy đã đi lệch ra khỏi con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau. Và sự thêm bớt đó cũng là sự hoạt động của bản ngã, sự hoạt động của vô minh, vô trí của kẻ phàm phu trước trí tuệ vĩ đại của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm sao có thể nói dư hoặc nói thiếu điều gì để những người phàm phu có thể bớt đi hoặc thêm vào điều gì trong lời dạy của Ngài. Khi hiểu rõ Đức Phật như vậy, hiểu rõ Ngài là ai, Ngài đã chứng đạt được gì thì không một ai chân chánh trên thế gian này dám thêm bớt vào lời dạy chân chánh của Ngài, trừ những tâm vô minh sâu dầy, những bản ngã vô minh thác loạn, hay những sự cố tình muốn phá hoại đạo Phật mới dám thêm bớt vào trong lời dạy chân chánh của Đức Thế Tôn. Và sự thêm bớt này vô tình hoặc cố ý làm nhiễu loạn Chánh pháp, nhiễu loạn những lời dạy chân chánh của Đức Phật, tung hỏa mù cho người con Phật, dẫn người con Phật đi vào những con hẻm cụt, những cánh rừng rậm mông lung, những lối tu ngộ cụt trong tà kiến, tà đạo, vô minh, vô trí của họ.

Vì hiểu biết rõ như vậy nên những người đệ tử chân chánh của Đức Phật không bao giờ dám tự ý lấy trí phàm phu, trí vô minh của tự thân đem so sánh với trí Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật. Các vị này không bao giờ dám nghĩ rằng mình có thể tự tìm một lối tu khác, một pháp tu khác ngoài lời dạy của Đức Phật. Vì có sao? Vì các vị này biết rõ mình là ai, Phật là ai. Các vị này không bị tâm ngã mạn, cống cao, “xem trời bằng vung”, vô minh, vô trí chi phối. Tất cả các vị này, tất cả những người con chân chánh của Đức Phật, dầu cho vì nhân sinh mạng của mình, cũng không bao giờ dám tự ý đặt điều, đặt chuyện về Đức Phật, không bao giờ dám tự ý thêm bớt trong lời dạy của Đức Phật, không bao giờ dám vượt qua lời dạy của Đức Phật. Những gì mà các vị này tu tập đều nằm trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật.

Trong hàng Thánh chúng đệ tử của Đức Phật, không một ai dám chống đối lời dạy của Ngài, không một ai dám chỉ trích lời dạy của Ngài, không một ai dám khinh khi, phỉ báng, xuyên tạc những giáo pháp thật sự của Đức Phật, không một ai dám nói đường lối tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy có những chỗ hở, có những khiếm khuyết, có những sai sót vầy khác, không có khả năng đâm thủng vô minh, diệt tận khát ái, chấm dứt khổ, chấm dứt sanh tử. Không một ai dám nói như vậy về phương pháp tu tập với Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật

đã truyền trao. Vì có sao? Vì phương pháp Tám Sự Chân Chánh là một pháp tu chân chánh, hoàn hảo, thiện xảo, chu toàn và thần diệu, đưa đến sự diệt tận phiền não, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau mà do chính Đức Phật, Bạc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy.

Trong hàng Thánh chúng, trong hàng Thánh tăng, Thánh cư sĩ, Thánh đệ tử của Đức Phật không một ai dám nói rằng: Pháp tu chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo với Tám Sự Chân Chánh này là một pháp tu thấp kém, dành cho những nội tâm nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ, tư lợi. Không một ai dám nói như vậy. Vì có sao? Vì những nội tâm nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ, tư lợi sẽ không thể nào dung nạp được, tu tập được một pháp tu chân chánh cao thượng, cao đẹp và cao quý như vậy. Người tu tập được Thánh pháp với Tám Sự Chân Chánh này phải là những người có tâm trung trực, chánh trực, chân chánh, hiền thiện, rộng lượng, vị tha, biết sống cho người, biết sống vì người, biết hy sinh cho người. Người tu tập được trong Thánh pháp cao quý này phải là những người cao thượng, những người sống đẹp trong cuộc đời này. Người tu tập được trong Thánh pháp chân chánh này không thể nào là những hạng người nhỏ nhen, tiểu nhân, ích kỷ, tư lợi. Vì những tâm tiểu nhân, nhỏ nhen, ích kỷ, tư lợi sẽ không thể nào tiếp nhận được một Thánh pháp thâm sâu, cao thượng, thần diệu, chân chánh, vô

thượng và tối thượng ở trên đời. Không một ai trong hàng Thánh chúng đệ tử của Đức Phật dám xem thường Thánh pháp này, dám xem thường những người tu chân chánh trong Thánh pháp này.

Vì có sao? Vì chính các vị này, chính các vị Thánh tăng, Thánh cư sĩ, những bậc trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị đã thật sự ném được hương vị của Pháp Bảo, hương vị của Chánh pháp với Tám Sự Chân Chánh. Các vị này đã thấy được tự thân, đã chân chánh an ổn và có chân đứng trong sự tu tập Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Các vị này sống với một nội tâm đã được tu tập, tâm đã được cởi mở, tâm rộng lượng, bao dung, với từ tâm vô lượng được tu tập, bi tâm vô lượng được tu tập, hỷ tâm vô lượng được tu tập, xả tâm vô lượng được tu tập, chánh tri kiến được tu tập, Giới Định Tuệ được tu tập. Tâm lượng các Ngài rộng lớn bao la, yêu thương tất cả và chấp nhận tất cả, nhưng không dính mắc, không sân hận, không chấp trước đối với tất cả. Tâm của các Ngài là vô lượng, là không thể hạn lượng, là không dính mắc, là không chấp trước vào một người, vật gì ở trên đời. Pháp mà các Ngài đã được tu tập từ trong lời dạy chân chánh của Đức Thế Tôn, các Ngài đều muốn truyền trao lại tất cả, các Ngài không muốn nắm giữ một điều gì ở trên đời, các Ngài luôn mong muốn Chánh pháp được truyền trao, được lan tỏa rộng cho cuộc

đòi này vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho đời, vì an lạc, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

Vì nếm được hương vị thần diệu của Pháp Bảo, nếm được hương vị vi diệu của Giải thoát trong Pháp Bảo, xúc chạm được với trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao, thấy biết rõ giá trị, lợi ích và tác dụng của Chánh pháp với Tám Sự Chân Chánh nên các bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ trong hàng Thánh chúng đệ tử Phật dầu cho vì nhân sinh mạng của mình cũng không bao giờ dám vượt qua, dám thêm bớt, dám bịa đặt lời dạy của Đức Như Lai.

Lại nữa, các vị trong hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ tử Phật là những vị nhờ tu tập theo pháp Tám Sự Chân Chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy, các vị này đã tìm được tự thân, tìm được chân đứng cho mình trong đạo lộ đưa đến bất tử, trong con thuyền Bát nhã đưa đến sự giải thoát sanh tử, giải thoát khổ đau. Vì vậy, các vị này dầu cho vì nhân sinh mạng của mình, dầu cho nhân mạng sống của mình, cũng không bao giờ vượt qua những lời dạy chân chánh, đúng pháp, những lời dạy thật sự của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, bất cứ ai có tâm chân chánh, hiền thiện, đầy đủ đức hạnh, đầy đủ đạo đức chân chánh của một người tu, tâm không bị tà kiến, thành kiến, định kiến chi phối, tâm không bệnh hoạn, tâm không bị nghiệp chướng chi phối,

tâm không cố chấp bảo thủ những tri kiến vô minh của mình, tâm không cố chấp bảo thủ những tri kiến vô minh của người, tâm rộng mở, biết đón nhận những điều chân chánh đúng pháp thì tất cả những người như vậy đều có thể đến và tu tập trong Thánh pháp với Tám Sự Chân Chánh này.

Thánh pháp Tám Chánh này không kỳ thị sắc tộc, không kỳ thị màu da, không kỳ thị hình tướng. Thánh pháp Tám Chánh này luôn sẵn sàng đón nhận tất cả những người chân chánh, hiền thiện, có giới hạnh đến tu tập trong Thánh pháp. Nếu những người không chân chánh, không hiền thiện, không đức hạnh, tâm bị tà kiến, thành kiến chi phối, khi những vị này đến tu học trong Thánh pháp này thì chính những bất thiện pháp trong người này sẽ đẩy người này, sẽ hất người này rơi ra khỏi Thánh pháp cao quý hiền thiện này, rơi ra khỏi đạo lộ thân diệu đưa đến sự chấm dứt sanh tử.

Khả năng chuyên chở của Thánh pháp Tám Chánh là thù diệu, là vô lượng, vô biên. Dù cho trăm người, ngàn người, trăm ngàn người, triệu người, tỷ người chân chánh đến tu học trong Thánh pháp này thì Thánh pháp này cũng sẽ đón nhận tất cả, cũng sẽ chuyên chở tất cả đi đến bến bờ của sự bình yên, an lạc, giải thoát, bất tử. Thánh pháp Tám Chánh này là cỗ xe vô thượng, là cỗ xe tối thượng ở trên đời.

Thánh pháp Tám Chánh này chính là Vô Thượng Thừa, Tối Thượng Thừa trong đạo Phật.

Thánh pháp Tám Chánh được gọi là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng ở trên đời vì ngoài Thánh pháp Tám Chánh thì không có cỗ xe nào, không có pháp tu nào khác có khả năng đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh một cách toàn diện, hoàn hảo và triệt để như vậy. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một pháp hành nào có khả năng đâm thủng tham sân si và diệt tận tham sân si một cách hoàn toàn. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một đường lối tu nào có khả năng đâm thủng bản ngã và tiêu diệt bản ngã một cách toàn diện. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một lối tu nào có khả năng phát giác phát hiện lậu hoặc và diệt tận lậu hoặc một cách triệt để như vậy. Ngoài Thánh pháp Tám Chánh này thì không có một phương cách nào có thể vạch mặt được lòng dục, lòng ái và diệt tận được lòng dục, lòng ái một cách hoàn toàn.

Vì vậy, Thánh pháp Tám Chánh được Đức Phật gọi là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng trong trận chiến tiêu diệt vô minh, diệt tận lậu hoặc, diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã.

Cỗ xe này có khả năng truy quét vô minh, triệt phá hang ổ của vô minh và khát ái một cách hoàn hảo và tuyệt vời. Cỗ

xe này có khả năng phá vỡ bức màn đêm đen tối dày đặc của si mê đang che phủ sự thật của cuộc sống, vén lên sự thật của cuộc đời, làm cho chúng sanh thức tỉnh trước sự thật của cuộc đời và sống không chìm đắm ở trong đời.

Cỗ xe này không những có thể chở được vô lượng vô số người, mà còn có khả năng mang lại vô lượng, vô số, vô biên sự an lạc cho các chúng sanh, đưa chúng sanh từ bến bờ của sanh tử, khổ đau và nước mắt, đi đến bến bờ của an lạc, bình yên, giải thoát, Niết-bàn.

Thánh pháp Tám Chánh thật sự là Pháp Bảo, thật sự là châu báu trong đạo Phật, là bảo vật vô giá của thế gian, là lối tu hoàn hảo ở trên đời, là cỗ xe vô thượng, cỗ xe tối thượng trên cuộc đời. Vì thấy biết rõ như vậy, nên những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, những bậc trong hàng Bốn đôi tám chúng, những bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ, những bậc đã nếm được hương vị trí tuệ, hương vị giải thoát, sức mạnh đâm thủng vô minh của Pháp bảo Tám Chánh này, các vị này không bao giờ vượt qua lời dạy của Đức Phật, không bao giờ xem thường Thánh pháp Tám Chánh mà Đức Phật đã truyền trao, không bao giờ thêm bớt trong đạo lộ đưa đến sự thoát khổ mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã chỉ dạy. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói: *“Này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua”*.

Thật là vi diệu, thật là tuyệt diệu là lời nói này của Đức Thế Tôn. Nhưng để hiểu được lời nói này của Ngài một cách chân chánh, đúng pháp thì đó phải là những bậc Thánh tăng, Thánh ni, Thánh cư sĩ, Thánh đệ tử của Đức Phật. Chỉ những bậc này, những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật mới có thể thông hiểu một cách chân chánh lời nói này của Ngài. Nếu không phải là những vị học, hành và thành tựu trong Thánh pháp này thì khi nghe lời này của Đức Thế Tôn có thể sanh tâm bất thiện, hiểu lầm, nghi ngờ về bản ngã trong lời nói của Đức Thế Tôn.

Lời tuyên bố trên của Đức Thế Tôn là điều vi diệu chưa từng có thứ hai trong cuộc sống, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của bậc Chánh Đẳng Giác. Do thấy được điều vi diệu này mà những người đến tu tập trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.3 Điều thứ ba: “Không chung cùng kẻ xấu”

“Đệ tử chân chánh của Đức Phật không sống chung cùng với những kẻ phá giới, bất chánh, bất minh. Nếu phát hiện trong hội chúng có hạng người này, hội chúng sẽ yêu cầu người ấy ra khỏi hội chúng”.

Như vậy, khi trong hội chúng đệ tử chân chánh, thánh thiện của Đức Phật, có người bị phát hiện là bất tịnh, phá giới, bất chánh, bất minh thì hội chúng sẽ đưa người này ra ánh

sáng và yêu cầu người này rời khỏi hội chúng. Nếu người này không rời khỏi hội chúng thì dù người này đang ở trong đại chúng nhưng tâm của người này vẫn cách biệt rất xa với đại chúng. Vì có sao? Địa ngục khác biệt rất xa so với Thiên giới. Cũng vậy, tâm của người phá giới khác biệt rất xa với tâm của người giữ giới; tâm của người tà hạnh khác biệt rất xa với tâm của người chánh hạnh; tâm của người tà kiến khác biệt rất xa với tâm của người chánh kiến; tâm của người bất chánh khác biệt rất xa với tâm của người chân chánh. Vì vậy, khi một người tà hạnh, bất chánh, không chịu phát lộ sám hối trước đại chúng, không chân thật phát lộ sám hối trước đại chúng, không chấp nhận những xử lý tương xứng với những hành vi tà hạnh của mình, thì dù người ấy sống ẩn nấp trong đại chúng, sống che giấu đại chúng, dù người ấy trau chuốt hình tướng bên ngoài của một người tu, dù người ấy cẩn trọng che đậy sự nhớp nhúa của thân tâm thì tâm của người ấy vẫn khác biệt rất xa với đại chúng chân chánh, hiền thiện ấy. Và dù khi người ấy còn đang sống nhưng cánh cửa Đại địa ngục cũng đã mở ra để sẵn sàng đón nhận người ấy khi người ấy mạng chung.

Người bất chánh, bất thiện không thích hợp với hội chúng thanh tịnh, với hội chúng thánh thiện. Người phá giới, bất chánh, bất minh không thể chung sống trong một hội chúng với những con người chân chánh, giữ giới, hiền thiện. Và

người bất chánh, bất minh nếu không từ bỏ đời sống bất chánh, bất minh ấy thì sẽ bị đào thải ra khỏi hội chúng chân chánh hiền thiện, với những con người hiền thiện chân chánh đang tu tập Tám Điều Chân Chánh mà Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao.

Đây là điều vi diệu chưa từng có trong cuộc sống này, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế. Do thấy được điều này nên những người chân chánh đến tu học trong đạo Phật thời ấy cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

Đó là chuyện thời Đức Phật còn tại thế, còn ngày nay, sau khi Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, Phật giáo đã có nhiều thay đổi, nhiều biến đổi bởi thời gian, bởi tâm vô minh si ám của chúng sanh hay bởi tâm vô minh cố tình phá hoại Thánh pháp tối thượng mà Đức Phật đã truyền trao, vì vậy Phật giáo ngày nay thật là khó nói! Ngày nay, người bất thiện, người phá giới, người tà dâm, người bất bình thường, người sân si, người tu tướng, tu danh, tu lợi, tu sắc, tu tài, tu địa vị, tu chức quyền, tu tranh tài đoạt lợi, tu tranh chức đoạt quyền, tu tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát, ngày nay những người tu như vậy thật là nhiều. Vì vậy, điều vi diệu thứ ba trong đạo Phật ngày xưa thật là khó tìm thấy trong đạo Phật ngày nay.

7.2.4 Điều thứ tư: “Không giữ họ tên riêng”

“Đệ tử của Đức Phật từ bỏ tên họ, giai cấp, danh vọng ở đời, họ sống từ mãn, hòa đồng trong đại chúng với danh xưng là những Pháp danh”.

Pháp danh là “danh xưng trong Chánh pháp của những người tu học theo giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn”. Mỗi pháp danh đều có ý nghĩa nhắc nhở tới Chánh pháp, nhắc nhở người con Phật ghi nhớ “mình bây giờ là ai, mình bây giờ đang tu tập gì trong Thánh pháp cao quý hiền thiện này”.

Mỗi pháp danh là một pháp lệnh nhắc nhở tâm vô minh, lậu hoặc này mau quay về trong Chánh pháp hiền thiện chân chánh mà mình đang tu tập. Mỗi pháp danh là một hồi Thánh chuông thức tỉnh tâm mê khi đang còn những việc cần phải làm mà mình vẫn chưa có làm xong. Mỗi pháp danh là một sự nhắc nhở một trong những đức hạnh mà người con Phật cần phải tu tập, cần phải thực hành và cần phải thành tựu.

Mỗi pháp danh là một lời cảnh tỉnh tâm mê rằng: *“Nay, mình đã là con của Phật rồi, mình đã là đệ tử của Phật rồi, mình phải tập sống chân chánh, sống đúng pháp, sống thiện lành ở trên đời để xứng đáng là một người con chân chánh của Đức Phật, một người đệ tử chân chánh của Đức Như Lai... Nay, mình đã là một người tu trong đạo Phật*

rồi, khi đã là người tu rồi, hãy sống sao cho thật đẹp, thật cao đẹp, thật thanh tịnh, thật trong sạch, thật đúng pháp để xứng đáng với danh từ “Người tu”.

Mỗi pháp danh là một pháp chân chánh, pháp cao đẹp, pháp hiền thiện, pháp thánh thiện ở trên đời. Mỗi pháp danh là một đức hạnh đẹp, một nét hạnh đẹp của người tu. Mỗi pháp danh là một lời hứa khả mình sẽ trở thành một con người trong sạch, thanh tịnh, cao thượng, cao đẹp trên cuộc đời này. Mỗi pháp danh là một ước nguyện, một niềm tin, một định hướng phấn đấu để thành tựu đức hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Ôi, những pháp danh khả ái, vi diệu, hiền thiện, tuyệt vời!

Và với những pháp danh này, những người chân chánh khi đến với đạo Phật đều trở thành những người con Phật, những người được sanh ra từ trong trí tuệ tối thượng hoàn hảo của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Họ chấp nhận giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn. Họ chấp nhận những sự thật về cuộc sống mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy. Họ chấp nhận một đường lối tu chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo với Tám Sự Chân Chân Chánh mà Đức Thế Tôn đã truyền trao. Họ chính thức trở thành những người con chân chánh của Đức Thế Tôn được sanh ra từ trong kim khẩu của Ngài, từ trong giáo pháp của Ngài, từ trong trí tuệ của Ngài. Họ chính thức được gọi là Phật tử.

Phật tử là những người con chân chánh của Đức Phật, những người đệ tử chân chánh của Đức Thế Tôn, trong đó gồm cả tại gia và xuất gia. Thích tử là những người con chân chánh của dòng họ Thích Ca, danh từ này chỉ dùng cho hàng đệ tử xuất gia của Đức Phật. Như vậy, khi đến với đạo Phật, mọi người đều từ bỏ họ tên, giai cấp, địa vị ở đời, và nhận một danh xưng trong Chánh pháp của Đức Thế Tôn, họ cùng nhau tu học hòa đồng trong đại chúng. Đây là điều vi diệu chưa từng có trong đời, do thấy biết điều này, những người đến tu tập trong giáo pháp của Đức Phật cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.5 Điều thứ năm: “Không voi đầy Tịnh giới”

“Nếu có nhiều vị thể nhập vào Niết-bàn giới thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi, có đầy”.

Niết-bàn giới là cảnh giới tâm thanh tịnh hoàn toàn, tịch lặng hoàn toàn, không còn một chút bóng dáng nào của vô minh và lậu hoặc, không còn một chút nhỏ nhiệm nào của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Tâm đã hoàn toàn được thanh lọc sạch, hoàn toàn không còn dao động, không còn dính mắc chạy theo sáu trần, chạy theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tâm đã hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, tịch lặng, yên lặng hoàn toàn.

Trong Thánh pháp này, dầu cho có nhiều vị tu tập thể nhập vào Niết-bàn giới, thể nhập vào cảnh giới tâm hoàn toàn không còn dao động, không còn chút động chuyển nào, hoàn toàn thanh tịnh, tịch lặng, giải thoát khỏi mọi phiền não trên đời thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vui, có đầy, có tăng, có giảm, có thêm, có bớt. Đây là điều vi diệu chưa từng có thứ năm ở trên đời, do thấy biết được điều vi diệu này mà những người đến tu học trong giáo pháp của Đức Phật cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

7.2.6 Điều thứ sáu: “Chỉ có vị Giải Thoát”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật chỉ có một hương vị duy nhất đó là hương vị của sự Giải thoát, không có mùi của sự bám víu, dính mắc, lệ thuộc, cầu xin, mê tín dị đoan, hứa hẹn mông lung, không thực tế, không minh bạch, kích động, tham ái, trói buộc”.

Người đến tu tập và thành tựu trong giáo pháp chân chánh của Đức Phật sẽ có một nội tâm thanh tịnh, độc lập, không nương tựa vào ai, không bám víu vào ai, không dính mắc với ai, không lệ thuộc vào ai, không chấp thủ, không ám ảnh, không trói buộc với bất cứ gì ở trên đời.

Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi sự áp bức của dục, sự trói buộc của ái, sự lôi kéo của tham, sự bức xúc của sân, sự hôn mê nhầy nhụa của si, sự hoang tưởng của

bản ngã. Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã.

Tâm vị này được hoàn toàn giải thoát khỏi những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát khỏi những cấu uế, rác bẩn, lậu hoặc uế nhiễm trong nội tâm.

Tâm vị này được giải thoát khỏi những sắc, tài, danh, lợi trên cuộc đời. Giải thoát khỏi những buồn vui, thương ghét, được mất, có không của cuộc sống. Giải thoát khỏi những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian. Giải thoát khỏi những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm. Giải thoát khỏi khổ. Giải thoát khỏi sanh tử. Giải thoát khỏi những cảnh làm súc vật, súc sanh, làm ma, làm quỷ dữ, làm ngựa quý đói, làm những chúng sanh đau khổ trong địa ngục. Giải thoát khỏi những cảnh làm thân người với những đời sống sang hèn tạm bợ, mong manh, theo duyên nghiệp, dễ vỡ, dễ tan. Giải thoát khỏi cái thế giới của phiền não và nước mắt.

Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong dục, như nhớp trong dục, chìm đắm trong dục này. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong ái, vương vịu trong ái, trói buộc trong ái này. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong vô minh, tăm tối trong vô minh, quờ quạng trong vô minh. Giải thoát khỏi cái thế giới nhầy nhụa trong khổ, chìm đắm trong khổ, không thoát khỏi khổ.

Giải thoát, giải thoát, giải thoát. Giải thoát khỏi tất cả. Giải thoát khỏi cái thế giới trầm luân trong phiền não, đau khổ và nước mắt này.

Đó là hương vị của giáo pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, hương vị đó chính là hương vị của sự giải thoát. Và đó chính là hương vị duy nhất trong giáo pháp chân chánh do Đức Thế Tôn giảng dạy. Do thấy được hương vị giải thoát vi diệu chưa từng có này trên đời, chỉ có trong giáo lý chân chánh của Đức Như Lai nên những người đến tu học trong giáo pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú trong Thánh pháp.

Nếu có một hương vị, mùi vị nào khác trong giáo pháp này thì đó không phải là giáo pháp chân chánh của Đức Phật mà đó là sự giả mạo, sự tạp nhiễm, sự đột nhập, sự trà trộn, sự pha chế của những tâm vô minh, những tập quán vô minh, những hiểu biết và những trí tuệ còn ở trong vô minh đưa vào trong giáo pháp chân chánh của Đức Như Lai.

Người con Phật ngày nay khi đến với đạo Phật cần phải tuyệt đối cẩn trọng tìm hiểu đạo Phật, vì đạo Phật ngày nay là một giáo lý đã bị pha tạp, thêm bớt, nhiễu loạn quá nhiều. Thật khó để tìm lại được một hương vị tuyệt vời nguyên chất của đạo Phật ngày xưa, của giáo pháp ngày xưa mà Đức Phật đã truyền trao. Người con Phật ngày nay cần luôn ghi nhớ rằng: Giáo pháp chân chánh mà Đức Phật đã chỉ

dạy chỉ có một hương vị thần diệu duy nhất, đó là hương vị của sự giải thoát, hương vị của sự thoát tục, hương vị của sự vượt thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, vô minh, bản ngã, lậu hoặc, hương vị của sự không nương tựa, không dính mắc, không chấp thủ, không mong cầu, không trói buộc, không ám ảnh đối với bất cứ gì ở trên đời. Đây là điều mà người tu ngày nay cần tuyệt đối nghiêm túc suy ngẫm.

7.2.7 Điều thứ bảy: “Ba Bảy Pháp Thần Diệu”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật có Ba mươi bảy châu báu thần diệu, hay Ba mươi bảy pháp tu hoàn hảo và thiện xảo để phát giác phát hiện vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn”.

Vô minh là trạng thái tâm vẫn đục, không trong sáng, không thanh khiết. Với trạng thái tâm vẫn đục, không thanh khiết nên tâm không thấy biết rõ những gì đang lên lút hoạt động, đang ngấm ngấm hoạt động trong nội tâm. Do không thấy biết rõ tự thân nên tâm sống trong hôn ám, si mê.

Dục khởi, tâm không thấy biết rõ về dục, không thấy biết rõ những trạng thái thô tế của dục, không thấy biết rõ những hình thức của dục, không thấy biết rõ những dấu hiệu của dục, không thấy rõ những hoạt động của dục,

không thấy biết rõ dục hoạt động như thế nào. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên dục sanh khởi, không thấy biết rõ nhân duyên dục diệt tận, không thấy biết rõ phương pháp tu tập để nhiếp phục dục, để diệt tận dục. Do không thấy biết rõ về dục như vậy nên khi dục khởi, tâm xem dục là mình, tâm đồng hóa mình và dục. Do tâm xem dục là mình, do tâm đã đồng hóa mình và dục nên khi dục sanh khởi, tâm làm theo ý của dục, thuận theo ý dục, ngoan ngoãn làm theo ý dục một cách hoàn toàn. Dục buồn thì tâm buồn, dục vui thì tâm vui, dục muốn nói thì tâm nói, dục muốn nín thì tâm nín, dục muốn chơi thì thân chơi, dục muốn ăn thì thân ăn, dục muốn dâm dục thì thân dâm dục... Dục ham muốn tìm hiểu lãnh vực nào thì thân tâm sẽ lao vào tìm hiểu lãnh vực đó. Thân tâm luôn hoạt động dưới sự hướng dẫn dắt dắt của lòng dục mà không thấy biết rõ về dục, không thấy biết rõ những hành tướng của dục, đó gọi là vô minh.

Ái khởi, tâm không thấy biết rõ về ái, không thấy biết rõ những hình thức của ái, không thấy biết rõ những mức độ của ái, không thấy biết rõ những biểu lộ của ái, không thấy biết rõ những hoạt động của ái, không thấy biết rõ những thô tế của ái. Tâm không thấy biết rõ nguyên nhân ái sanh khởi, không thấy biết rõ nguyên nhân ái diệt tận, không thấy biết rõ vị ngọt của ái, không thấy biết rõ sự nguy hiểm của ái, không thấy biết rõ sự xuất ly khỏi ái, không thấy

biết rõ phương pháp tu tập để diệt tận ái, để xuất ly khỏi ái. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của ái. Tâm xem ái là mình. Tâm làm theo ý của ái. Tâm bị ái chi phối, khống chế, áp bức, thống trị mà tâm không hay không biết. Sự không thấy biết rõ về ái như vậy, đó gọi là vô minh.

Sân khởi, tâm không thấy biết rõ sân. Tâm không thấy biết rõ cách thức sân hoạt động, không thấy biết rõ những hình thức của sân, không thấy biết rõ những mức độ của sân, không thấy biết rõ những dấu hiệu của sân, không thấy biết rõ những thô tế của sân. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên sân sanh khởi, không thấy biết rõ nhân duyên sân diệt tận, không thấy biết rõ phương pháp tu tập để diệt tận sân. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của sân. Tâm xem sân là mình. Tâm đồng hóa mình và sân. Tâm làm theo ý của sân. Sự không thấy biết rõ về sân như vậy, đó gọi là vô minh.

Bản ngã khởi, tâm không thấy biết rõ bản ngã, không thấy biết rõ những hình thức của bản ngã, không thấy biết rõ những thô tế của bản ngã, không thấy biết rõ những hoạt động của bản ngã. Tâm không thấy biết rõ nhân duyên bản ngã sanh khởi, không thấy biết rõ nguyên nhân bản ngã được diệt tận, không thấy biết rõ vị ngọt của bản ngã, không thấy biết rõ sự nguy hiểm của bản ngã, không thấy biết rõ sự thoát khỏi bản ngã, không thấy biết rõ đường lối tu tập để nhiếp phục bản ngã, diệt tận bản ngã, thoát khỏi

sự ám ảnh của bản ngã. Tâm không thấy biết rõ mọi hành tướng của bản ngã. Do không thấy biết rõ, không thấy biết đầy đủ, không thấy biết chân thực và trọn vẹn về bản ngã nên tâm cho bản ngã là mình. Tâm đồng hóa mình và bản ngã. Vì vậy, tâm làm theo ý của bản ngã, tâm phục vụ bản ngã, tâm bị bản ngã chi phối, khống chế, dẫn dắt mà tâm không hay, không biết. Sự không hay biết như vậy, đó gọi là vô minh.

Tâm tham danh khởi... Tâm tham lợi khởi... Tâm ganh tỵ khởi... Tâm tật đố khởi... Tâm hơn thua khởi... Tâm ích kỷ khởi... Tâm vô minh khởi... Tâm lậu hoặc khởi... Tâm không thấy biết rõ những pháp ác bất thiện này, không thấy biết rõ những hành tướng của chúng, tâm mê muội đối với chúng, tâm làm theo ý chúng muốn, tâm bị chúng chi phối, khống chế, áp bức, thống trị, dẫn dắt, lôi kéo mà tâm không hay, không biết. Sự không hay biết như vậy, đó gọi là vô minh.

Với trạng thái tâm vô minh sâu dày như vậy nhưng chúng sanh lại không thấy, không biết rõ, không biết trọn vẹn về vô minh nên chúng sanh sống trong vô minh, hành xử trong vô minh, tu tập trong vô minh. Chúng sanh thấy biết trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh, nói lời trong vô minh, hành động trong vô minh, nuôi mạng sống trong vô minh, tinh tấn trong vô minh, quán niệm trong vô minh, định tâm trong vô minh. Do sống trong vô minh, tu tập trong vô

minh nên chúng sanh không thoát khỏi vô minh, không đào thải hết những rác bần, cấu uế trong nội tâm, không diệt tận được tham, sân, si, dục, ái, vô minh, lậu hoặc, bản ngã, không diệt tận được hết tất cả những pháp ác bất thiện trong nội tâm. Vì vậy, chúng sanh không thoát khỏi khổ, không thoát khỏi phiền não, không thoát khỏi sanh tử.

Với giáo pháp mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã truyền dạy, Ngài đã trao truyền lại cho chúng sanh ba mươi bảy pháp thần diệu để chúng sanh có thể phát hiện ra vô minh, vạch mặt vô minh, đâm thủng vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

Để diệt tận sự thấy biết trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh, nói lời trong vô minh, hành động trong vô minh, nuôi mạng sống trong vô minh, tinh tấn trong vô minh, quán niệm trong vô minh, định tâm trong vô minh. Để diệt tận tám sự vô minh này của chúng sanh, Đức Phật đã truyền trao Tám Thanh Thánh Kiếm thần diệu cho chúng sanh, đó chính là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Với Tám Thanh Thánh Kiếm thần diệu này chúng sanh hoàn toàn có thể truy sát và diệt tận tám sự vô minh trong nội tâm của mình.

Trong Thánh Chánh Niệm Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn chỗ cần phải

chân chánh quán sát để có thể phát giác phát hiện, tấn công và diệt tận vô minh trong khía cạnh những chỗ cần phải quán niệm, quán xét và nhớ biết.

Trong Thánh Chánh Tinh Tấn Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn việc chân chánh cần phải làm đối với một người tu. Để từ đó, người tu có thể tấn công vô minh trong khía cạnh tinh cần tinh tấn.

Trong Thánh Chánh Định Kiếm, Đức Phật trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ Bốn Pháp đưa đến Tâm đạt định như ý mình muốn (Tứ Như Ý Túc). Với bốn pháp này, người tu có thể tiến hành tu tập Thánh Chánh Định mà Đức Phật đã chỉ dạy, diệt tận vô minh trong thiền định, trong cách định tâm.

Lại nữa, với Thánh Kiếm trí tuệ về Năm Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ về những Căn bản mà một người tu cần phải có để phá tan sự vô minh, vô trí, phá tan sự si ám, sự không hiểu biết của người tu trong vấn đề này.

Lại nữa, với Thánh Kiếm trí tuệ về Năm Lực là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh hiểu biết rõ về những sức mạnh của một người tu, những sức mạnh mà một người tu cần phải có để có thể tiến tu trong Thánh pháp này. Và với năm sức mạnh này,

người tu có thể tiến tu, tăng trưởng, phát triển và thành tựu viên mãn trong Thánh pháp này. Như vậy, với Thánh kiểm trí tuệ này, Đức Phật đã phá tan sự vô minh, vô trí của người tu trong vấn đề này.

Lại nữa, với Thánh Kiểm trí tuệ về Bảy Giác Chi, Đức Phật đã trang bị cho người tu Trí tuệ chân chánh rõ ràng về tiến trình tu tập của tự thân trong Thánh pháp này, phá tan sự vô minh si ám của người tu trong vấn đề này. Bảy Giác Chi là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh Tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh An giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Bảy Giác Chi này là tiến trình tu tập đi đến sự giác ngộ Minh và Giải thoát (đi đến sự trong sáng hoàn toàn của nội tâm và sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử). Như vậy, với Thánh kiểm trí tuệ này, Đức Phật đã phá tan sự vô minh vô trí của người tu trong vấn đề này.

Tóm lại:

Với Ba mươi bảy pháp thần diệu mà Đức Phật đã truyền trao, chúng sanh hoàn toàn có thể phá thủng màn vô minh che ám cuộc đời này, phá tan màn vô minh si ám trong nội tâm, làm cho minh, cho ánh sáng, cho trí tuệ chân chánh được sanh khởi, được phát triển và thành tựu một cách rục rờ, rục sáng và tỏa sáng trên cuộc đời.

Với Ba mươi bảy pháp thần diệu mà Đức Phật đã truyền trao, chúng sanh đã được trang bị những Thánh kiểm tối

thượng trong tay. Với những Thánh kiếm thần diệu tối thượng thiện xảo này, chúng sanh hoàn toàn có thể tấn công, tiêu diệt và diệt tận hoàn toàn tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã và những hang ổ của chúng. Với những Thánh kiếm thần diệu này, chúng sanh hoàn toàn có thể triệt phá, triệt tiêu và diệt tận những tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định một cách hoàn toàn.

Với những Thánh kiếm thần diệu này, khi được khéo sử dụng, khéo áp dụng, khéo vận dụng thì những chúng sanh bị sanh sẽ được giải thoát khỏi sanh, chúng sanh bị già sẽ được giải thoát khỏi già, chúng sanh bị bệnh sẽ được giải thoát khỏi bệnh, chúng sanh bị chết sẽ được giải thoát khỏi chết, chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não, sẽ được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não, chúng sanh bị luân hồi sanh tử sẽ được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Như vậy, với giáo pháp có ba mươi bảy pháp vi diệu, thần diệu, được hướng dẫn bởi trí tuệ hoàn hảo và thiện xảo của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì không một góc độ, không một khía cạnh nào của vô minh mà không được Ngài không thấy, không biết. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi hình thức hoạt động, mọi chỗ ẩn nấp của vô minh. Ngài đã trang bị, đã phòng hộ, đã chuẩn bị cho đệ tử của Ngài những bảo đao sắc bén, những Thánh kiếm trí tuệ thần diệu để đệ tử

của Ngài có thể phát hiện vô minh, triệt phá vô minh, truy sát vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn, làm cho thân tâm trở nên trong sạch, thanh tịnh hoàn toàn, giải thoát khỏi tất cả những chi phối, áp bức, khống chế, thống trị của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, rác bần trong nội tâm. Ngài đã giúp cho chúng sanh thực hiện một cuộc cách mạng vĩ đại, chưa từng có trong dòng trầm luân sanh tử của tự thân. Ngài đã giúp cho chúng sanh có thể cất lên những khúc ca khải hoàn, khúc ca chiến thắng vĩ đại nhất trên cuộc đời nhờ vào những Thánh phẩm thần diệu mà Ngài đã truyền trao.

Do vậy, Ba mươi bảy pháp thần diệu này được Đức Phật gọi là châu báu, là bảo vật trong cuộc đời. Với những châu báu này, những chúng sanh đang sống trong khổ, đang chìm đắm trong khổ, đang lặn hụp trong khổ sẽ không còn phải tiếp tục khổ đau. Với những châu báu này chúng sanh sẽ được thoát khỏi khổ, sẽ được an lạc, được an vui, được giải thoát, được tịch lặng bình an. Do thấy biết được trong giáo pháp mà Đức Phật chỉ dạy có những châu báu hy hữu, vi diệu, cao quý, thần diệu, tuyệt vời, chưa từng có này nên những người đến tu học Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú khi được tu tập trong Thánh pháp.

7.2.8 Điều thứ tám: “Nhiều bậc chứng Thánh quả”

“Giáo pháp chân chánh của Đức Phật là trú xứ của những bậc đã và đang chứng đạt Bốn Thánh Quả, Bốn mức độ của sự giải thoát sanh tử”.

Với Ba mươi bảy pháp tu thân diệu, thiện xảo và hoàn hảo để diệt tận vô minh mà Đức Phật đã truyền trao, nên những người con chân chánh của Đức Phật, những bậc đầy đủ giới đức khi đến với giáo pháp này, họ nghiêm túc tu học trong giáo pháp và họ đã đắm thủng được vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, đạt được những quả vị giải thoát cao quý vi diệu trong Bốn Thánh Quả, thể nhập vào dòng Thánh giải thoát mà Đức Phật đã thể nhập. Họ đã và đang đi đến sự thành tựu sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não và chấm dứt khổ đau. Đây là điều hy hữu, vi diệu chưa từng có thứ tám, chỉ có trong giáo pháp chân chánh của Đức Thế Tôn, do thấy được điều hy hữu, vi diệu này, nên các vị đến tu tập trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú khi được tu tập trong Thánh pháp.

7.3 Rường cột của đạo Phật

Như vậy, có Tám điều vi diệu chưa từng có trên đời, chỉ có trong đạo Phật, Tám điều đó như sau:

1. Sự tu chứng trong đạo Phật là có trình tự, có thứ tự, không có sự thành linh chứng quả mà không có Văn Tư Tu về Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy.
2. Dầu cho vì mạng sống của mình, các vị đệ tử chân chánh của Đức Phật không vượt qua lời dạy chân chánh của Ngài, không dám thêm bớt gì trong Thánh Giới, Thánh Định, Thánh Tuệ. Vì sao? Vì Giới Định Tuệ mà Đức Phật chỉ dạy là một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo nên không thể thêm bớt gì trong đó.
3. Đệ tử chân chánh của Đức Phật không sống chung cùng với những kẻ phá giới, bất chánh, bất minh. Nếu phát hiện trong hội chúng có hạng người này, hội chúng sẽ yêu cầu người ấy ra khỏi hội chúng.
4. Đệ tử của Đức Phật từ bỏ tên họ, giai cấp, danh vọng ở đời, họ sống từ mẫn, hòa đồng trong đại chúng với danh xưng là những pháp danh.
5. Nếu có nhiều vị thể nhập vào Niết-bàn Tịch Tĩnh giới, thì Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi, có đày.
6. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật chỉ có một hương vị duy nhất đó là hương vị của sự Giải thoát, không có mùi của sự bám víu, dính mắc, lệ thuộc, cầu xin, mê tín dị đoan, hứa hẹn mông lung, không

thực tế, không minh bạch, kích động, tham ái, trói buộc.

7. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật có Ba mươi bảy châu báu, hay Ba mươi bảy pháp tu thân diệu, thiện xảo và hoàn hảo để phát giác phát hiện vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn. Ba mươi bảy châu báu của đạo Phật, hay “Pháp bảo thật sự” mà Đức Phật đã để lại cho đời, đó chính là: Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Thánh Pháp Tám Đúng.
8. Giáo pháp chân chánh của Đức Phật là trú xứ của những bậc đã và đang chứng đạt Bốn Thánh Quả, Bốn mức độ của sự giải thoát sanh tử.

Đó là Tám điều vi diệu chưa từng có trong đời, chỉ có trong đạo Phật trong thời Đức Phật còn tại thế, do thấy được Tám điều vi diệu này mà những người thời ấy khi đến tu học trong Thánh pháp này cảm thấy hoan hỷ, thích thú.

Ngày nay, khi Đức Phật đã nhập diệt, đạo Phật đã trải qua một thời gian lịch sử khá dài với những thăng trầm, những thêm bớt, những nguy tạo, giả mạo, những âm mưu phá hoại Phật giáo của ngoại đạo, làm lũng đoạn giáo lý chân chánh của Đức Phật, người con Phật ngày nay thật khó biết những thực hư trong giáo lý đạo Phật ngày nay.

Vì vậy, khi đến với đạo Phật, người học đạo ngày nay cần tuyệt đối cẩn trọng. Bài kinh trên là một Thánh chú tụng thức tỉnh người con Phật về “Pháp bảo”, về “giáo pháp châu báu”, hay “giáo pháp chân chánh” trong đạo Phật chính là gì. Bài kinh trên là một trong những bài kinh mà người học Phật cần nghiêm túc học hỏi cẩn trọng. Tám điều vi diệu trong đạo Phật được Đức Phật nói ở trên, chính là **“rường cột của Phật giáo”**, là rường cột của đạo Phật, là đặc điểm, đặc trưng, đặc tánh của Phật giáo thời Đức Phật còn tại thế. Chính với những đặc điểm này mà Phật giáo thời ấy vi diệu, hy hữu và chói sáng trong thế giới vô minh si ám này.

Nhưng đáng tiếc thay, Phật giáo ngày nay không còn đầy đủ những rường cột, những đặc điểm, đặc trưng, đặc tánh này. Có lẽ vì vậy mà ngày nay người đắm thung được vô minh, người diệt tận các lậu hoặc, người nhiếp phục được tham sân si, người thể nhập vào bất tử trong đạo Phật thật là hiếm hoi.

Khi nào đến với đạo Phật, người học Phật không còn tìm thấy trong đó một trình tự, một thứ tự tu học rõ ràng; Văn Tư Tu về Giới Định Tuệ và Bát Chánh Đạo không còn được giảng giải một cách sáng tỏ, đúng pháp và chính xác theo lời Phật dạy, khi đó, hành giả cần hiểu rằng: Rường cột về sự tuần tự tu chứng trong đạo Phật đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh tiêu hủy. Khi mất đi rường

cột này, mất đi đặc tánh thứ nhất này thì đạo Phật không còn là đạo Phật vi diệu, hy hữu của ngày xưa, của thời Đức Phật còn tại thế. Và khi đường lối tu tập bị thiếu mất rường cột, thiếu mất đặc tánh này sẽ không còn vững chắc, không còn vi diệu như trước nữa.

Khi nào đến với đạo Phật, hành giả không còn thấy trong đó sự tôn kính đối với những lời dạy chân chánh của Đức Phật, giáo pháp chân chánh mà Đức Phật chỉ dạy không còn được tu tập, thực hành, giảng dạy một cách chân chánh, đúng pháp, chính xác với những lời dạy của Đức Phật, ai muốn thêm bớt gì thì thêm bớt, ai muốn tu gì thì tu, ai muốn nói gì thì nói, ai muốn vẽ vời gì thì cứ vẽ vời, ai muốn giảng sao thì cứ giảng miễn nghe êm tai là được, ai muốn tạo ra những đường lối tu mới thì cứ tạo... Khi ấy, hành giả cần hiểu rằng Phật giáo đã không còn như thời Đức Phật còn tại thế, rường cột thứ hai của Phật giáo đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh phá gãy, phá sập. Những căn bản tu tập đi đến sự diệt tận tham sân si trong Phật giáo đã bị méo mó, bị lệch lạc, bị thay thế bởi những phương cách tu tập của những trí tuệ phàm phu, trí tuệ vô minh, trí tuệ nằm trong sanh tử của các chúng sanh. Và như vậy, đường lối tu tập sẽ đi vào trong ngõ cụt, đi vào trong bế tắc, đi vào trong mê lung, trong hứa hẹn xa vời, trong thần quyền, trong mê tín, trong viễn vọng.

Khi nào trong tứ chúng có người không danh tiếng, hoặc có danh tiếng, không địa vị hoặc có địa vị nhưng phá giới, bất thiện, phô trương hình thức, trau chuốt bề ngoài, tạo hình tướng uy nghi bề ngoài nhưng hám danh, hám lợi, giả dối, trá hình đạo đức bên ngoài, bên trong tà dâm, bất chánh, bất minh, hành vi che đậy, sống không giới hạnh nhưng tự nhận có giới hạnh, lại còn đi giảng dạy giới hạnh cho người, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh... Khi nào những hạng người như vậy sống nhờn nhờn trong tứ chúng nhưng tứ chúng lại im lặng, che đậy, bênh vực, không dám tố cáo, không dám chỉ rõ ra, không lập tức hội họp lại, nêu rõ người ấy và đuổi người ấy ra, khi ấy, cần phải hiểu rằng yếu tố rường cột thứ ba của Phật giáo đã bị thời gian và tâm vô minh phá gãy, phá sập. Đặc điểm, đặc tính trong sạch, thanh tịnh, minh bạch trong tứ chúng đệ tử Phật đã không còn, chánh tà đã không còn được phân định rõ ràng, đúng sai đã không được rạch ròi, phân minh, tứ chúng đã không còn được thanh tịnh, trong sáng. Khi ấy, đặc điểm vi diệu thứ ba của Phật giáo đã bị đánh mất, rường cột thứ ba của Phật giáo đã bị sụp đổ, Phật giáo không còn vững chắc và an ổn như trước nữa.

Khi nào trong đạo Phật, người học đạo không còn tìm thấy trong đó hương vị của sự giải thoát, hương vị của sự không dính mắc, không chấp thủ, không trói buộc với bất cứ gì trên đời... không còn tìm thấy những người tu luôn quay

về nhiếp phục tự thân, giải thoát tự thân khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, giải thoát tự thân khỏi sanh tử, giải thoát tự thân khỏi những người vật vô thường trên thế gian này... Khi nào người đến với đạo Phật không còn tìm thấy trong đạo Phật hương vị của sự thoát tục, hương vị của sự thoát khỏi những danh lợi trên cuộc đời, thoát khỏi những sắc, thanh, hương, vị, xúc trên đời, thoát khỏi những sắc, thọ, tưởng, hành, thức của thân tâm, thoát khỏi những dính mắc, trói buộc, tham ái, dục vọng đối với những thứ vô thường tạm bợ trên cuộc đời này, khi ấy, cần biết rằng, đặc điểm vi diệu thứ sáu của đạo Phật đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh đánh mất, rường cột của Phật giáo đã bị sụp đổ, Phật giáo đã không còn vững chắc, an ổn và hoàn hảo như trước nữa.

Khi nào đến với đạo Phật, người học đạo không còn tìm thấy trong đó giáo pháp châu báu của đạo Phật được hướng dẫn, được trình bày, được tu tập một cách cẩn trọng, chân chánh, đúng pháp, khi ấy, cần hiểu rằng rường cột của Phật giáo đã không còn, giáo pháp chân chánh thân diệu của đạo Phật đã bị lũng đoạn, nhiễu loạn, giáo lý của đạo Phật không còn rường cột, không còn cột rễ vững chắc, đang chênh vênh, không có chân đứng trên con đường đi đến sự giải thoát khỏi khổ, giải thoát khỏi sanh tử.

Khi nào đến với đạo Phật, người học đạo không còn được nghe nhắc đến hàng Bốn đôi tám chúng, Thánh chúng đệ

tử Phật không còn được hiểu biết một cách chân chánh đúng pháp, trong đạo Phật không còn có những bậc đã và đang chân chánh hướng đến Bốn Thánh quả, Bốn Thánh quả không còn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, xưng tán một cách chân chánh đúng pháp, Bốn Thánh quả đã bị thời gian và sự vô minh của chúng sanh xem thường, chê bai, phỉ báng, khi ấy, cần phải hiểu rằng sự hiểu biết chân chánh đúng pháp về đạo Phật, về Chánh pháp trong đạo Phật, về các bậc tu chứng trong đạo Phật, sự hiểu biết chân chánh về Tam bảo đã không còn, Tam bảo đã bị hiểu sai, hiểu lệch bởi sự vô tình của thời gian, sự vô tình của những người tu học trong đạo Phật nhưng bị vô minh và bản ngã chi phối, sự cố tình của những âm mưu thâm độc bên ngoài muốn hủy hoại Phật pháp, hủy hoại Tam bảo chân chánh của đạo Phật. Khi điều vi diệu thứ tám này không còn được tìm thấy trong đạo Phật, khi ấy, hành giả cần hiểu rằng, rường cột của Phật giáo đã không còn, Tam bảo chân chánh trong đạo Phật đã không còn, đạo Phật chỉ còn ngôn từ, chỉ còn hình thức, còn hình tướng, còn danh vọng, địa vị, chức quyền, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, phá giới, tà dâm, hành vi che đậy, không phải là người tu nhưng tự nhận là người tu, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, hung hăng, sân si, trơ tráo, hay tranh cãi, theo bè phái, thích xu

nịnh, tu danh, tu tướng, tu hình thức, tu địa vị, tu tiền bạc, tu vật chất, tu dâm dục, tu phá giới, tu bề ngoài.

Tóm lại, Tám Điều Vi Diệu trong đạo Phật được Đức Phật trình bày rõ ở trên, đó là Tám rường cột trong đạo Phật, Tám đặc tánh của đạo Phật, Tám pháp xác định độ chân chánh, độ hoàn hảo, độ vi diệu, thần diệu, vô thượng, tối thượng của đạo Phật trên cuộc đời. Khi đạo Phật không còn Tám rường cột, Tám đặc tánh này thì đạo Phật chỉ còn là ngôn ngữ, danh từ và không phải là đạo Phật chân chánh thời Đức Phật còn tại thế.

Một trong những điều cần được nghiêm túc ghi nhớ trong Tám rường cột của đạo Phật đó là: Châu báu trong đạo Phật hay Pháp bảo của đạo Phật chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Ba mươi bảy pháp này là ba mươi bảy pháp tu thần diệu, hoàn hảo, thiện xảo, chưa từng có trên đời, nay với trí tuệ của Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác thì đường lối tu hoàn hảo, thần diệu này đã được thấy biết, được hiển lộ, được trình bày rõ ra. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đã nhìn thấy rõ lối tu hoàn hảo và thiện xảo này và Ngài đã đạt được sự giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi khổ nhờ vào sự tu tập thành tựu viên mãn các pháp này. Đây là điều mà người con Phật ngày nay cần ghi nhớ, ghi khắc trong lòng và không bao giờ cho phép mình được xem thường các pháp này. Nếu xem thường các pháp này thì hành giả

sẽ không thể nào có được cơ hội để thoát khỏi khổ, thoát khỏi vô minh, thoát khỏi biển trầm luân sanh tử.

Vì vậy, ngày nay người tìm đạo giải thoát cần tìm hiểu cẩn trọng và học hỏi cẩn trọng các pháp này. Bởi đây là con đường, đây là đạo lộ, đây là pháp tu, pháp hành để đạt được sự giải thoát khổ, sự chấm dứt khổ của tất cả các Đức Phật, các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai.

7.4 Bài kệ “Tám Vi Diệu Đạo Phật”

Để giúp người con Phật dễ ghi nhớ Tám điều vi diệu trong đạo Phật, chúng tôi xin mạo muội chia sẻ bài kệ sau đây:

TÁM VI DIỆU ĐẠO PHẬT

Trong biển lớn bao la

Có Tám điều vi diệu:

- *“Biển lớn tuần tự sâu*
- *Không có vượt qua bờ*
- *Không có chứa xác chết*
- *Không có giữ tên riêng*
- *Không có voi hay đày*
- *Chỉ có một vị mặn*
- *Với nhiều loại châu báu*

- Và nhiều loài lớn trú”.

Đây Tám điều vi diệu

Trong biển lớn bao la.

Cũng vậy, trong Phật giáo

Có Tám Điều Vi Diệu:

- “Tu chứng có thứ tự

- Không vượt lời Đạo Sư

- Không chung cùng kẻ xấu

- Không giữ họ tên riêng

- Không vui đầy Tịnh giới

- Duy nhất Giải thoát vị

- Với Ba bảy châu báu

- Và những bậc chứng Thánh”.

Đây Tám điều vi diệu

Chưa từng có trong đời

Chỉ có trong đạo Phật

Do thấy Tám điều này

Các bậc trí yêu thích.

Nay con xin đành lễ

Tám điều vi diệu này

Không có trong dân gian.

Nay con xin đánh lễ

Tám điều hy hữu này

Chỉ có trong đạo Phật.

Nay con xin đánh lễ

Tám điều thần diệu này

Tám rường cột Phật giáo.

(Dựa theo Kinh Ngày Trai Giới - Tăng III, 565)

8 CỐT TỦY KINH NIKĀYA

8.1 Đức Phật đã chứng ngộ và giảng nói điều gì?

Để nắm hiểu được cốt tủy của kinh Nikāya, người con Phật cần nghiêm túc cẩn trọng để tâm vào lời tuyên bố của Đức Phật trong ba bài kinh sau:

- Kinh Anurādhā (*Trường III*, 210), Đức Phật tuyên bố như sau: “*Trước kia và nay, này Anurādhā, Ta chỉ nói lên sự **Khổ** và **Đoạn diệt khổ***”.
- Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung I*, bài 22), Đức Phật cũng đã khẳng định rõ trước Tăng chúng là: “*Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự **Khổ** và sự **Diệt khổ***”.
- Và trong Kinh Khổ (*Trường III*, 282), Đức Phật đã định nghĩa rõ về Khổ như sau: “***Sự chấp thủ đối với năm uẩn này là Khổ***”.

Như vậy, thông qua câu kinh thứ ba chúng ta thấy hai câu kinh trước có nghĩa là: *Trước kia và nay Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và Con đường diệt tận Năm thủ uẩn*.

Lời tuyên bố của Đức Phật trong các bài kinh này là một sự thu tóm lại tất cả những gì mà Đức Phật đã nói, đã trình bày, đã chỉ dạy cho chúng sanh. Như vậy, tất cả những gì mà Đức Phật đã chỉ dẫn cho chúng sanh đó chính là “Sự

thấy biết về Khổ và Con đường diệt khổ”, đây cũng chính là “Sự thấy biết về Sanh tử Luân hồi và Con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử luân hồi”, hay cũng chính là “Sự thấy biết về Sự Chấp thủ Ngũ uẩn và Con đường đưa đến chấm dứt sự chấp thủ Ngũ uẩn”.

Lại nữa, trong Kinh Thủ Chuyển (*Tương III, 111*), Đức Phật đã khẳng định như sau: “*Này các Tỷ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo Bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo Bốn chuyển, cho đến khi ấy, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Như vậy, khi chưa thành tựu Bốn Trí về Năm thủ uẩn, chưa thấy biết rõ bốn khía cạnh của Năm thủ uẩn thì Đức Phật chưa tuyên bố Ngài đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Ngài đã thành tựu bốn trí về Năm thủ uẩn, đã thấy biết rõ bốn khía cạnh của Ngũ uẩn thì khi ấy Ngài

mới tuyên bố Ngài đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tóm lại, sự chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác của Đức Phật chính là sự chứng ngộ, sự thành tựu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Và sự thành tựu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn của Đức Phật cũng chính là sự thành tựu trí tuệ về thế giới này, về cuộc sống này. Vì sao nói như vậy?

8.2 Trí về Ngũ uẩn và Trí về Thế giới là một hay là khác?

Thời gian đầu khi đến với Nikāya, chúng tôi không hiểu ý nghĩa thâm sâu và tuyệt đối quan trọng trong câu nói trên của Đức Phật, nhưng sau đó, trong quá trình tìm hiểu và tu tập theo Nikāya thì chúng tôi dần thấy rõ Ngũ uẩn, thấy rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong nội tâm mình, thấy rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong thế giới này, khi đó chúng tôi mới dần thấm thía ý nghĩa thâm sâu của điều này.

Khi đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn từ thô đến tế trong thân tâm này và trong cuộc sống thì hành giả sẽ thấy rằng: *Tất cả những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang dẫn dắt cuộc sống này chính là Ngũ uẩn và tâm tham đắm chấp trước Ngũ uẩn. Những lời dạy của Đức Phật chính là những chỉ dẫn giúp chúng sanh thấy biết rõ những khía cạnh hoạt động của Ngũ uẩn, những hành tướng của Ngũ uẩn trong nội tâm và trong cuộc sống, giúp chúng*

sanh thành tựu Trí về Ngũ uẩn để từ đó chúng sanh có thể tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn, thoát khỏi sự dính mắc trói buộc đối với Ngũ uẩn.

Tại sao lại nói như vậy? Khi quán sát kỹ thân tâm này và cuộc sống này, hành giả sẽ thấy rằng, cuộc sống bên ngoài mà chúng ta đang nhìn thấy tuy muôn hình vạn trạng nhưng tất cả cũng chỉ là Sắc Uẩn, từ thân người, cảnh vật, cho đến nhà cửa, đất đai, cho đến trái đất này, tất cả cũng chỉ là Sắc uẩn mà thôi. Phần còn lại, khi nhìn vào bên trong tâm này thì tất cả những cái hiện đang có mặt trong tâm này chỉ là những Cảm Thọ, những Tưởng, những Suy Nghĩ và những sự hay Biết. Như vậy, nếu khéo quán sát thân tâm này, thế giới này và cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rõ: *Tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm, trong thế giới và trong cuộc sống này, tất cả chỉ xoay quanh Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) và tâm chấp trước đối với Ngũ uẩn mà thôi.* Điều này đã thể hiện rõ trong các bài kinh sau:

- **Kinh Rohitassa 1 (Tăng I, 641)**

Thế Tôn nói với Thiên tử Rohitassa:

“Này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt”.

- **Kinh Thế Giới Dục Công Đức (Twong IV, 164)**

(Trích đoạn)

“Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo như sau:

- Nay chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới, đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

Và nay chư Hiền, do cái gì trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới?

- Do con mắt, nay chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới.
- Do tai... Do mũi... Do lưỡi... Do thân...
- Do ý, nay chư Hiền, trong thế giới, người ta tưởng đến thế giới, người ta kiêu mạn về thế giới. Đây gọi là thế giới trong giới luật của bậc Thánh.

Nay chư Hiền... nếu muốn, chư Tôn giả hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích như thế nào, hãy như vậy thọ trì...

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

- Bạch Thế Tôn, với những lý do này, với những câu này, với những chữ này, ý nghĩa được Tôn giả Ananda giải thích cho chúng con...

- *Hiền trí, này các Tỷ-kheo, là Ananda. Đại tuệ, này các Tỷ-kheo, là Ananda! Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông có hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Ananda đã trả lời. Đây là ý nghĩa của lời nói ấy. Hãy thọ trì như vậy”.*

• **Kinh Thế Giới (Tuong II, 134)**

*“Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về **sự tập khởi** và **sự đoạn diệt của thế giới**. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới tập khởi?

- *Do duyên con **mắt** và các **sắc**, nhãn **thức** khởi lên. Do ba cái tụ họp, nên có **xúc**. Do duyên xúc nên có **thọ**. Do duyên thọ nên có **ái**. Do duyên ái nên có **thủ**. Do duyên thủ nên có **hữu**. Do duyên hữu nên có **sanh**. Do duyên sanh, nên có **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi.*
- *Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...*
- *Do duyên ý với các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não*

sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự tập khởi của thế giới.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là thế giới đoạn diệt?

- *Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên **thủ diệt**. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này. Đây là thế giới đoạn diệt.*
- *Do duyên lỗ tai và các tiếng... Do duyên lỗ mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc...*
- *Do duyên ý và các pháp, ý thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do sự ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên **thủ diệt**. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Đây là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn này.*

Nay các Tỷ-kheo, đây là thế giới đoạn diệt”.

(Hết trích kinh)

Tóm lại, thông qua các bài kinh trên, Đức Phật gửi đến chúng ta một thông điệp rằng: Cái gọi là thế giới mà chúng ta đang sống đây chính là thế giới của Ngũ uẩn, Ngũ uẩn sanh khởi là thế giới sanh khởi, Ngũ uẩn đoạn diệt là thế giới đoạn diệt. Sự sanh khởi, sự tập khởi của căn, trần, thức, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết sầu bi khổ ưu não. Đó là sự tập khởi của thế giới, sự sanh khởi của thế giới. Khi ly tham, đoạn diệt lòng tham ái đối với căn, trần, thức, xúc, thọ - tức là đoạn diệt lòng tham ái đối với Ngũ uẩn thì toàn bộ những nỗi đau khổ trên cuộc đời sẽ được chấm dứt, sẽ được đoạn diệt. Và khổ đoạn diệt tức là thế giới đoạn diệt.

Như vậy, các bài kinh trên đã làm sáng tỏ vấn đề: Thế giới này chính là thế giới của Ngũ uẩn, cuộc sống này chính là cuộc sống của Ngũ uẩn và tâm chấp thủ, chấp trước, dính mắc, bám víu, trói buộc với Ngũ uẩn. Khi thành tựu Trí về Ngũ uẩn cũng chính là thành tựu Trí về Thế giới.

Hành giả cũng có thể tìm hiểu thêm vấn đề trên trong các kinh như Kinh Thế Giới (*Trung IV, 153*), Kinh Biên Hoại (*Trung IV, 95*), Kinh Samiddhi 1 (*Trung IV, 70*), Kinh Thế Giới Dục Công Đức (*Trung IV, 164*), Kinh Các Bà-la-môn (*Tăng IV, 182*).

8.3 Trí về Ngũ uẩn liên hệ thế nào với toàn bộ tinh thần kinh Nikāya?

Trên mấy trăm chủ đề có trong công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã thực hiện đều có liên hệ đến Ngũ uẩn trong đó. Chúng tôi sẽ thử lấy vài chủ đề đầu trong vắn A trong phần phân loại Nikāya theo chủ đề để chúng ta thấy rõ điều được nêu ở trên.

Đầu vắn A có các chủ đề *Ác kiến, Ác ma, Ác pháp, Ác Tỷ-kheo, Ái, A-la-hán...* Vậy các chủ đề này có liên hệ thế nào với Trí về Ngũ uẩn?

- Vì tâm có vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn nên mới sanh ra ác kiến, ác ma, ác pháp, ác Tỷ-kheo, ái...
- Và vì tâm thành tựu trí về Ngũ uẩn, hết vô minh, hết vô trí đối với Ngũ uẩn nên có sự chứng ngộ A-la-hán quả. Đó là sự liên hệ giữa các chủ đề trên với Ngũ uẩn.

Tiếp nữa, chúng ta thử xem xét các chủ đề về *Nghiệp, phước, vô minh, năm cảnh giới* (địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, người và chư Thiên). Các chủ đề này liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- *Khi nói về Nghiệp và Phước*: Do vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn nên đã làm những hành động thiện ác về thân, về lời, về ý, tạo ra nghiệp hoặc phước.
- *Khi nói về Năm cảnh giới*: gồm địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, người và chư Thiên thì năm cảnh giới này chính

là năm hình thức hiện hữu vậy khác của tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn mà thôi.

- *Khi nói về Vô minh*: Việc không thấy biết rõ về sự có mặt, sự vận hành và hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm nên gọi là vô minh.

Như vậy, các vấn đề trên đều có liên hệ đến Ngũ uẩn. Chúng ta lại tiếp tục xem xét các chủ đề về ***thế giới, lậu hoặc, dục, ái, tham, sân, si, bản ngã***. Các chủ đề này liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- *Khi nói về thế giới*: Trong một số bài kinh được nêu ở trên, Đức Phật đã nói rõ thế nào là thế giới, thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt, thế giới diệt đạo và đó cũng chính là Ngũ uẩn, Ngũ uẩn tập khởi, Ngũ uẩn đoạn diệt, Ngũ uẩn diệt đạo. Như vậy, khi nói về thế giới đó chính là nói về Ngũ uẩn.
- *Khi nói về lậu hoặc*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà các lậu hoặc sanh khởi.
- *Khi nói về dục*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng dục đối với Ngũ uẩn sanh khởi.
- *Khi nói về ái*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng ái đối với Ngũ uẩn sanh khởi.
- *Khi nói về tham, sân, si*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà lòng tham, lòng sân, lòng si đối với Ngũ uẩn sanh khởi.

- *Khi nói về bản ngã*: Do sự vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn mà bản ngã, cái tôi đối với Ngũ uẩn sanh khởi...

Tóm lại, trên mấy trăm chủ đề trong công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã phân loại được chính là những trí tuệ, những sự thật về Ngũ uẩn đã được Đức Phật thấy biết, được Đức Phật chứng ngộ, và Ngài đã trình bày, đã chỉ dẫn để cho chúng sanh cũng được thấy biết, được chứng ngộ các sự thật này. Như vậy, **toàn bộ tinh thần Nikāya chính là sự biểu lộ Trí về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã thành tựu.**

8.4 Vì sao Tinh thần Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn?

Trong kinh Thủ Chuyển (*Tương III, 111*), Đức Phật đã tuyên bố như sau:

*“Này các Tỷ-kheo, **khi nào Ta chưa** như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

*Nhưng này các Tỷ-kheo, **khi nào Ta đã** như thật thắng tri Năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài*

Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Như vậy, sự chứng ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật chính là sự chứng ngộ trọn vẹn Trí về Ngũ uẩn. Và Trí về Ngũ uẩn là Trí về thân tâm, Trí về cuộc sống. Chúng sanh do vô minh, vô trí đối với thân tâm này và cuộc sống này nên phải triền miên trong sanh tử, phiền não và khổ đau. Còn Đức Phật, Ngài nhờ thành tựu trí về thân tâm và cuộc sống này nên Ngài chấm dứt được những đau khổ vì thân, chấm dứt được những đau khổ vì cuộc sống. Sau khi được giải thoát khỏi xác thân đầy phiền não và cuộc sống đầy mệt mỏi này, Đức Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh Trí về Ngũ uẩn để chúng sanh có thể vượt thoát khỏi những đau khổ, phiền não và mệt mỏi của cuộc sống. Như vậy, Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn trao truyền lại cho chúng sanh; Sự thật về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn phơi bày cho thế giới, để cho chúng sanh trong thế giới này được thấy, được biết, được giác, được chứng những sự thật đang có mặt trong cuộc sống. Đó chính là lý do vì sao kinh Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn, vì sao Trí về Ngũ uẩn là toàn bộ tinh thần kinh Nikāya, là toàn bộ những lời dạy, những lời thuyết giảng của Đức Phật.

Khi nào thành tựu Trí về Ngũ uẩn, hành giả có thể chiêm nghiệm vấn đề này, khi ấy hành giả có thể mở bất cứ bài kinh nào trong Nikāya để kiểm tra xem xét ý nghĩa. Hành

giả sẽ thấy rằng mỗi bài kinh trong Nikāya đều là trí tuệ thông suốt của Đức Phật về những góc độ, những khía cạnh nào đó của Ngũ uẩn, hoặc là sự thông suốt tất cả các khía cạnh, các góc độ về Ngũ uẩn.

Tóm lại, khi đã thấy biết rõ Ngũ uẩn trong nội tâm mình và khi đã thấy biết rõ Ngũ uẩn đang vận hành thế nào trong cuộc sống thì hành giả sẽ dễ dàng xuyên chuỗi lại ý nghĩa của tất cả những lời dạy của Đức Phật trong Đại Tạng Kinh Nikāya. Khi ấy, hành giả sẽ rõ biết rằng: ***Tinh thần chính của Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn, vì Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật đã chứng ngộ và Ngài muốn truyền trao lại cho chúng sanh.*** Khi thấy biết rõ như vậy, trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng kinh Nikāya.

8.5 Vì sao Đức Phật khai thị Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh?

Chúng sanh bị sanh tử luân hồi, bị phiền não khổ đau chính là do không thấy biết rõ về sắc, thọ, tưởng, hành, thức rồi tham ái, sân hận, trói buộc, dính mắc đối với chúng. Dòng luân hồi sanh tử triền miên này có mặt, những phiền não triền miên này có mặt, tham sân si và bản ngã này có mặt, chính là do tâm này bị vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn. Do tâm không thấy biết rõ về Ngũ uẩn nên tham muốn, thèm khát, sân hận, si mê, ngã mạn đối với Ngũ uẩn.

Vì muốn giúp cho chúng sanh thoát khỏi luân hồi sanh tử, vì muốn giúp cho chúng sanh xa lìa phiền não khổ đau, vì muốn giúp cho chúng sanh nhiếp phục được những thèm khát, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn nên Đức Phật đã giảng giải, trình bày, khai thị, khai mở Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh, khai mở con mắt tâm cho chúng sanh, giúp chúng sanh nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, nhìn thấy rõ mọi hành tướng của Ngũ uẩn và nhìn thấy rõ bản chất của Ngũ uẩn.

Khi chúng sanh thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ nhân duyên chúng sanh khởi, nhân duyên chúng hoại diệt và những phiền não mệt mỏi mà chúng tạo ra. Khi đó, tâm hôn mê này sanh khởi sự nhàm chán, sự chán ngán, sự ngaongán đối với Ngũ uẩn. Nhờ vậy, tâm hôn mê này sẽ dần nhả ra những tham ái, dính mắc, bám víu, trói buộc vào Ngũ uẩn.

Khi tâm nhả ra những tham ái bám víu vào Ngũ uẩn thì những tham muốn, thèm khát, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn sẽ được diệt tận.

Khi những tham muốn, sân hận và si mê đối với Ngũ uẩn được diệt trừ một cách hoàn toàn thì tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi Ngũ uẩn.

Tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi Ngũ uẩn, tức là tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi sự chi phối, áp bức, khống chế, quấy nhiễu của Ngũ uẩn, tâm được giải thoát

hoàn toàn khỏi dục, ái, tham, sân, si, ngã mạn đối với Ngũ uẩn.

Khi tham sân si đối với Ngũ uẩn được diệt tận, tâm sẽ không còn tạo ra, không còn tìm đến, không còn chui vào những Ngũ uẩn vô thường, vô ngã, vô tình, vô nghĩa, trống rỗng, trống không và đầy phiền não, mệt mỏi này.

Như vậy, vì thương chúng sanh, vì muốn giúp cho chúng sanh thoát khỏi phiền não trần lao, thoát khỏi trầm luân sanh tử mà Đức Phật đã khai thị, khai mở, truyền dạy Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh.

8.6 Cốt tủy của Nikāya

Như vậy, cốt tủy của Nikāya, hay tinh túy của Nikāya chính là “*Trí về Ngũ uẩn*”, và Trí về Ngũ uẩn chính là Trí về Cuộc sống, Trí về Thân tâm, Trí về Thế giới.

Làm sáng tỏ Bốn Sự Thật về thân tâm, hay giảng giải Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, những vấn đề liên hệ đến Năm thủ uẩn và phương pháp tu tập để đi đến sự xả bỏ hoàn toàn mọi dính mắc, trói buộc, chấp thủ đối với năm uẩn - đó là nội dung chính của kinh Nikāya. Trí về Ngũ uẩn là điều mà Đức Phật muốn trao truyền lại, muốn chỉ dẫn lại cho chúng sanh. Không những nhiều bài kinh trong Nikāya nhắc đến Ngũ uẩn mà toàn bộ tinh thần của Nikāya cũng chính là Trí về Ngũ uẩn. Vì sao? Vì dù rằng về mặt ngôn ngữ thì một số bài kinh trong Nikāya không nhắc đến danh từ Ngũ uẩn,

nhưng nếu khéo nhìn thì chúng ta sẽ thấy rõ những vấn đề được nói đến trong những bài kinh đó có liên hệ với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn ẩn hiện trong đó, Trí về Ngũ uẩn tỏa sáng trong đó.

Và còn vô số những điều về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã thấy biết nhưng Ngài không nói ra cho chúng ta biết. Vì sao? Vì những sự thấy biết đó về Ngũ uẩn không mang lại lợi ích cho chúng sanh, không giúp chúng sanh giải quyết được những phiền não, mệt mỏi, trói buộc trong cuộc sống, không giúp chúng sanh tự nhìn thấy được những tham sân si bản ngã đang diễn ra trong thân tâm này và không giúp chúng sanh vượt thoát khỏi lưới của luân hồi sanh tử. Vì vậy, Đức Phật không nói ra tất cả những thấy biết của Ngài về thế giới Ngũ uẩn, Ngài không nói ra những điều không cần thiết phải biết về thế giới Ngũ uẩn. Ngài chỉ nói ra những thấy biết về Ngũ uẩn mà một người tu cần phải thấy biết để tiến hành tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, diệt tận tham sân si đối với Ngũ uẩn, đào thải những rác bần, thanh lọc những cấu uế trong tâm, thể nhập sự trong sạch, thanh tịnh, bình an, Niết-bàn, giải thoát.

8.6.1 Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn

Tóm lại, gần mười lăm năm tiếp xúc với Nikāya, làm công việc phân loại kinh Nikāya và tu tập theo những lời dạy Chính thống của Đức Phật trong kinh Nikāya, chúng tôi

phát giác, phát hiện ra: Điều mà Đức Phật muốn chỉ dạy chính là **Sự khai mở Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh.**

- Thánh Trí thứ nhất: *Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau.*
- Thánh Trí thứ hai: *Ngũ uẩn sanh khởi là do vô minh và khát ái.*
- Thánh Trí thứ ba: *Ngũ uẩn diệt tận là khi hết vô minh và hết khát ái.*
- Thánh Trí thứ tư: *Phương Pháp Tám Đúng là phương pháp chân chánh, là con đường chân chánh đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.*

Đó là Bốn Thánh Trí, Bốn trí tuệ mà Đức Phật muốn khai thị, khai mở, giảng dạy, truyền trao cho cuộc đời này.

Bên cạnh nội dung chính yếu trên, trong kinh Nikāya còn có những bài kinh liên hệ đến đời sống của Đức Phật, quá trình tu tập và chứng đắc của Ngài, và những vấn đề về Ngũ uẩn mà Đức Phật thấy rằng khi Ngài nói ra thì nó sẽ mang đến lợi ích cho chúng sanh. Bên cạnh đó, còn có những bài kinh liên hệ đến những vị Thánh đệ tử tại gia và xuất gia của Đức Phật, và một số vấn đề liên hệ đến thế giới Ngũ uẩn rộng lớn này. Nhưng nhìn chung, tất cả những bài kinh này đều nhằm làm sáng tỏ Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, nhằm khẳng định các giá trị thiết thực, các giá

trị chân thật của Bốn Sự Thật mà Đức Phật đã chứng đạt và đã đem trình bày cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh, vì lòng lân mẫn đối với đời.

8.6.2 Thánh Trí thứ nhất

Thánh trí thứ nhất: “Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau”. Điều này có nghĩa là những phiền não và đau khổ trên cuộc đời này chính là sự chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Trong kinh Nikāya, Đức Phật nói: “Năm thủ uẩn này là khổ”. Năm thủ uẩn là danh từ Hán Việt nên hơi khó hiểu, vì vậy để giúp cho người Việt chúng ta sáng tỏ câu kinh trên, chúng tôi xin mạo muội giải thích câu trên theo nghĩa thuần Việt như sau: *Tâm chấp trước đối với năm nhóm sắc, thọ, tưởng, hành, thức là phiền não và khổ đau*. Hay nói ngắn gọn thì đó chính là: Sự chấp thủ năm uẩn là phiền não và khổ đau. Đó là ý nghĩa câu kinh: “Năm thủ uẩn này là khổ”.

Như vậy, Trí tuệ thứ nhất mà Thánh nhân, hay Đức Phật muốn truyền trao cho cuộc đời này, muốn khai sáng cho cuộc đời này chính là: Tâm cố chấp, tâm bảo thủ, tâm muốn nắm giữ hay tâm chấp thủ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường này là phiền não và khổ đau.

8.6.2.1 Thế nào là “Sự chấp thủ Ngũ uẩn”?

Chấp thủ là sự cô chấp, bảo thủ hay sự chấp trước, sự nắm giữ điều gì đó, cái gì đó trong thân tâm và trong cuộc sống. Vậy thế nào là chấp thủ Ngũ uẩn?

Ghét nhau hay thương nhau trên cuộc đời này đó chính là Ngũ uẩn ghét Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn thương Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tâm ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi với nhau, đó chính là Ngũ uẩn ganh tỵ với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn tật đố, ích kỷ, hẹp hòi với Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Ngã mạn, kiêu mạn, ta đây, hơn thua, sân hận, thù hận nhau, đó chính là Ngũ uẩn bản ngã với Ngũ uẩn, Ngũ uẩn kiêu mạn, ta đây, hơn thua, sân hận, thù hận Ngũ uẩn, hay Ngũ uẩn dính mắc đối với Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Thương thân này, muốn nắm giữ thân này, thương thân của người, muốn nắm giữ thân của người. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Yêu thích dâm dục đối với thân này, thèm khát thân này, khao khát thân này, thích đụng chạm, cọ quẹt, sờ mó, sờ nắm, xúc chạm đối với thân này, đối với người, cảnh, vật

xung quanh. Đó chính là sự chấp trước, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Buồn, vui, thương, ghét, được, mất, có, không, nhục, vinh, phải, quấy đối với các Ngũ uẩn. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tâm bị Ngũ uẩn ám ảnh, bị Ngũ uẩn trói buộc. Đó chính là chấp thủ Ngũ uẩn.

Tóm lại, tâm dính mắc, bám víu, trói buộc, muốn nắm giữ những sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong cuộc sống này đó gọi là chấp thủ Ngũ uẩn. Và tâm dính mắc, trói buộc, chấp trước Ngũ uẩn như vậy là phiền não và khổ đau.

8.6.2.2 Thế nào là “Phiền não và khổ đau”?

Tâm dính mắc, chấp trước trước những buồn vui, thương ghét, được mất, có không đối với các Ngũ uẩn trong cuộc đời, tâm như vậy là mệt mỏi, bất an, lo sợ, dao động, không định tĩnh. Tâm mệt mỏi, bất an như vậy được gọi là tâm bị phiền não, bị khổ. Tâm bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết trong các thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, mong manh này đó là bị phiền não, bị khổ.

Đó là ý nghĩa của câu: Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau. Đây cũng chính là sự thật của cuộc sống này. Đây chính là sự thật đang có mặt trong mỗi chúng sanh.

Chúng sanh đang chịu đựng những mệt mỏi, bất an, lo sợ, phiền não với một nội tâm dính mắc, bám víu, trói buộc vào Năm uẩn. Chúng sanh đang mệt mỏi với những sắc thân bị sanh, bị già, bị bệnh và bị chết này. Chúng sanh đang mệt mỏi với những cảm giác cảm thọ, những tưởng, những hành được sanh khởi từ trong sự dính mắc đối với những sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài và những pháp sanh diệt trong nội tâm. Chúng sanh đang mệt mỏi với những sự hay biết, rõ biết trong nội tâm, mở đường cho sự sanh khởi và thao túng thân tâm của những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Chúng sanh vì sự si mê, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn nên phải chịu đựng những nỗi thống khổ về sanh già bệnh chết, chịu đựng sự áp bức, không chế của dục, ái, tham, sân, si.

Và dưới sự áp bức không chế của dục, ái, bản ngã, tham, sân, si... chúng sanh làm những hành nghiệp bất thiện, sát nhân, vô lương tâm, vô đạo đức, đưa đến khổ mình, khổ người, khổ ở hiện tại và khổ ở tương lai. Đây chính là sự thật của cuộc sống. Đây chính là gương mặt thật của cuộc sống. Đây cũng chính là những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Khi hành giả thấy biết rõ sự thật này, tức là hành giả đã thành tựu trí tuệ thứ nhất về cuộc sống. Nhưng muốn thấy biết rõ sự thật này, hành giả cần phải thấy biết rõ Ngũ uẩn, phải thấy biết rõ thế nào là chấp thủ Ngũ uẩn và phải thấy biết rõ những phiền não và khổ do sự chấp thủ Ngũ

uẩn đem lại. Khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng ba vấn đề này thì đây gọi là đã thể nhập Thánh Trí thứ nhất về tự thân và cuộc sống. Tức là thể nhập trí tuệ thấy biết rõ: *Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ*.

8.6.3 Thánh Trí thứ hai

“*Ngũ uẩn sanh khởi là do vô minh và khát ái*”, đây là Thánh trí thứ hai, là trí tuệ thứ hai mà bậc Thánh là Đức Phật muốn khai sáng, khai thị.

Khi tu tập nhận diện Ngũ uẩn, hành giả sẽ đi đến sự thành tựu Trí về Ngũ uẩn. Khi sự thấy biết Ngũ uẩn được thiện xảo, hành giả sẽ đi đến sự phát giác, phát hiện ra vô minh, lậu hoặc trong tự thân. Trí về vô minh, lậu hoặc trong hành giả sẽ sanh khởi và đi đến thành tựu, hành giả sẽ thấy biết rõ Ngũ uẩn này sanh khởi là do tâm bị vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn, tâm bị khát ái đối với Ngũ uẩn. Hành giả sẽ tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng vấn đề thế nào là vô minh duyên hành, vô minh duyên lậu hoặc.

Khi tự thân thực thấy, thực biết như vậy, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh trí thứ hai về tự thân và cuộc sống. Tức là hành giả thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: *Ngũ uẩn này sanh khởi là do vô minh và khát ái*.

8.6.4 Thánh Trí thứ ba

Khi vô minh duyên hành được hành giả thực thấy, thực biết; khi vô minh duyên lậu hoặc được hành giả thực thấy, thực biết; khi hành tướng của khát ái được hành giả thực thấy, thực biết. Khi ấy, hành giả sẽ đi đến sự thấy biết rõ ràng khi hết vô minh, hết khát ái, khi vô minh và khát ái bị diệt tận, tâm không còn thèm khát, thèm muốn, khao khát, yêu thích, ám ảnh, dính mắc, trói buộc đối với các Ngũ uẩn thì sự sanh khởi ra những thân Ngũ uẩn vô thường, sanh diệt này sẽ được chấm dứt.

Khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng điều này, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh Trí thứ ba về tự thân và cuộc sống. Tức là hành giả thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: *Ngũ uẩn này đoạn diệt là khi hết vô minh và hết khát ái.*

8.6.5 Thánh Trí thứ tư

Khi thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thấy biết rõ duyên sanh khởi và duyên diệt tận của Ngũ uẩn, hành giả sẽ đi đến sự thành tựu trí tuệ thấy biết rõ rằng: Phương pháp tu tập chân chánh để đi đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn đó chính là hành giả phải thấy biết đầy đủ, thấy biết chân thực, thấy biết đúng pháp, thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về Ngũ uẩn thì hành giả mới có thể đi đến sự thấy biết

rõ vô minh, lậu hoặc và khát ái nằm trong Ngũ uẩn. Từ đó, hành giả mới có thể đi đến sự nhiếp phục, sự diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Tức là, từ sự thấy biết rõ vô minh, lậu hoặc, khát ái đối với Ngũ uẩn thì thân, khẩu, ý, cách nuôi mạng, cách tinh tấn, cách quán niệm, cách định tâm của hành giả sẽ hướng đến sự nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc, tham sân si đối với Ngũ uẩn. Hành giả thấy biết rõ phải có một sự thấy biết chân chánh như vậy về Ngũ uẩn và phải có một sự điều chỉnh thân tâm hướng vào một đời sống chân chánh như vậy để nhiếp phục và diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn thì vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn mới có thể bị diệt tận.

Hành giả thấy biết rõ: Nếu không có sự thấy biết đúng, không thấy biết đầy đủ, không thấy biết trọn vẹn tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về Ngũ uẩn thì không thể đi đến sự thấy biết trọn vẹn về vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Khi không có sự thấy biết trọn vẹn về vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn thì không có thể đi đến sự nhiếp phục, sự diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Tức là, từ sự không thấy biết rõ vô minh, lậu hoặc, khát ái đối với Ngũ uẩn thì thân, khẩu, ý, cách nuôi mạng, cách tinh tấn, cách quán niệm, cách định tâm của hành giả sẽ không hướng đến sự nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc, tham sân si đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, hành giả tự xác quyết rõ với tự thân rằng: nếu không có sự thấy biết chân chánh, thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn thì không thể có sự thấy biết rõ vô minh và lậu hoặc. Nếu không có sự thấy biết rõ vô minh và lậu hoặc thì không thể có sự điều chỉnh thân tâm hướng vào một đời sống chân chánh đúng pháp để nhiếp phục và diệt tận vô minh, lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn. Khi tự thân tự xác quyết rõ như vậy, khi tự thân thực thấy, thực biết, thực giác ngộ về phương pháp duy nhất, con đường độc nhất đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn như vậy, đây gọi là hành giả thành tựu Thánh Trí thứ tư. Tức là thành tựu trí tuệ thấy biết rõ: Phương Pháp Tám Chánh hay Bát Chánh Đạo là phương pháp chân chánh, là đạo lộ chân chánh, là pháp hành chân chánh và cũng là pháp hành duy nhất, đạo lộ duy nhất đưa đến sự diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.

Trong Pháp Tám Chánh này thì Ba Mươi Bảy Bồ-đề phân là những pháp kết cấu chặt chẽ, phối hợp chặt chẽ trong Pháp Tám Chánh để bủa vây tham sân si, bủa vây vô minh, đắm thũng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận bản ngã, diệt tận lậu hoặc và khát ái đối với Ngũ uẩn.

8.7 Chiếc chìa khóa vàng

Tóm lại, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là nội dung chính yếu của bộ kinh, là cốt tủy của bộ kinh, là tinh hoa của bộ kinh.

Bốn Thánh Trí này là “*Chiếc chìa khóa vàng, chiếc chìa khóa vạn năng*” để mở tất cả những trí tuệ mà Đức Phật muốn chỉ dạy, muốn truyền trao cho người con Phật trong kinh tạng Nikāya. Nếu không nắm vững cốt tủy, tinh hoa này của Nikāya, không nắm vững chiếc chìa khóa vàng này mà bước vào Nikāya thì hành giả như bước vào rừng của kinh điển, không tìm được chân đứng cho mình, không thấy được đường ra, không đạt được lợi ích khi có duyên lành gặp được Thánh pháp, bản thân không thể nhập vào Thánh đạo, không thành tựu Thánh quả.

Với chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng này khi hành giả khéo vận dụng, khéo thể nhập, khéo thuần thục, hành giả sẽ có được bí kíp để mở tung, để phá vỡ, để lật tẩy tất cả các loại kinh điển thật giả có mặt trên cuộc đời này. Mọi giả tạo, giả mạo, ngụy tạo, dối trá, si mê của các loại kinh sách thiếu chân thật, thiếu trí tuệ, vô minh, si ám trên cuộc đời này sẽ bị hành giả thấy biết, vạch mặt, lật tẩy và phơi bày chúng ra trước ánh sáng, làm cho chúng lộ diện tánh ngụy tạo, tánh giả mạo, dối trá, lường gạt, si ám của chúng.

Với chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng này, khi hành giả khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể mở được tất cả mọi cánh cửa bí ẩn của cuộc đời, hành giả có thể phá tung mọi ngõ cụt, mọi lối bí, mọi chỗ tối tăm u ám của cuộc sống.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ mở được tất cả những cánh cửa đã khép kín hằng vô lượng năm của tham dục, tham ái, sân hận, si mê. Hành giả sẽ phá tung tất cả những bản lề, ổ khóa của tham, sân, si, bản ngã; hành giả sẽ có cơ hội thoát ra khỏi tham sân si, vô minh và khát ái.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ mở được những cánh cửa khóa chặt của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, trời; hành giả sẽ có cơ hội được thoát ra khỏi những cảnh giới vô thường, tạm bợ, nhưng đầy phiền não và đau khổ này.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ trở thành bậc anh hùng, bậc chiến thắng. Hành giả sẽ có thể chiến thắng tham sân si, chiến thắng bản ngã, chiến thắng dục vọng, chiến thắng vô minh, chiến thắng lậu hoặc và khát ái.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể vượt phàm chứng Thánh, từ bỏ địa vị của kẻ phàm phu, kẻ bị vô minh si ám trói buộc và bước lên địa vị của Thánh nhân, địa vị của chư vị Thánh đệ tử trong hàng “Bốn đôi tám chúng”, Thánh chúng đệ tử của Đức Phật.

Với chiếc chìa khóa vàng này khi khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành, hành giả sẽ có thể làm dừng lại những dòng nước mắt phiền miên trong phiền não và khổ đau, trong oan nghiệt và cay đắng, hành giả sẽ có thể làm dừng lại và làm chấm dứt dòng trầm luân sanh tử.

Tóm lại, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là chiếc chìa khóa vàng, chìa khóa vạn năng để mở tất cả mọi cánh cửa của vô minh si ám trong cuộc đời này. Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn giúp hành giả giải mã cuộc sống, giải mã thân tâm, giải mã những chướng tà trong cuộc sống, giải mã dòng trầm luân sanh tử, giải mã bản ngã, giải mã phiền não khổ đau, giải mã tham sân si, vô minh và lậu hoặc. Khi hành giả khéo vận dụng, khéo thấy biết, khéo tu tập, khéo thực hành Bốn Thánh Trí này hành giả sẽ có thể đâm thủng vô minh, diệt tận mọi nhiễm ô lậu hoặc trong nội tâm, làm dừng lại dòng chảy của trầm luân sanh tử, bước vào bất tử, bước vào sự thanh tịnh trong sạch của nội tâm, vượt thoát khỏi tất cả những phiền não, diệt trừ tất cả những khổ ưu, thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân, chứng ngộ sự tịch lặng Niết-bàn, giải thoát khỏi sanh tử.

Do vậy, người con Phật hay những người đến với đạo Phật, hay những người đang tìm kiếm cho mình sự thật của cuộc sống, sự bình yên trong cuộc sống, sự giải thoát khỏi những trần lao phiền não trong cuộc sống; những người đang tìm kiếm cho mình sự đạt được một nội tâm trong sạch, lắng

dịu, hết sạch tham sân si, dục vọng, bản ngã; những người đang tìm kiếm cho mình một trí tuệ, một đạo lộ đi đến chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau thì tất cả hãy tìm hiểu thật kỹ giá trị, tác dụng, lợi ích và công năng của chiếc chìa khóa vàng này. Các hành giả hãy khéo léo nắm thật chặt chiếc chìa khóa vạn năng để tự thân có thể mở được những cánh cửa tâm tối trong cuộc đời, bước ra với ánh sáng, bước ra với mặt trời, đạt được mục đích chân chánh cao đẹp mà các bậc trí, các bậc Thánh nhân đã đạt được, đã chứng đắc, đã thành tựu.

8.8 Chiếc bè qua sông

Trong bài kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung I*, bài 22), Đức Phật đã nói như sau: *“Ta giảng pháp ví như chiếc bè đưa người qua sông, pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp”*. Câu nói này có nghĩa là những điều chân chánh mà Đức Phật đã giảng dạy ví như chiếc bè đưa người vượt qua dòng sông sanh tử. Người muốn vượt qua dòng sông sanh tử thì cần phải sử dụng chiếc bè này, tức là cần phải tu tập thành tựu những trí tuệ chân chánh và thực hành một đời sống với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy thì mới có thể vượt qua dòng sông vô minh, dòng sông sanh tử. Khi qua sông rồi thì những trí tuệ thấy biết tự thân đã chân chánh giải thoát, trí tuệ này cũng phải buông bỏ, hà huống chi là sự buông bỏ những tà kiến, tà đạo, tà nhân, tà pháp. Đây

gọi là *Giải Thoát Tri Kiến* trong Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến.

Người tu đạo cần nắm vững tiến trình đi đến *Giải Thoát Tri Kiến*, nắm vững thời điểm pháp còn phải buông bỏ để không buông bỏ pháp, không buông bỏ chiếc bè khi bản thân còn chưa vượt qua được dòng sông sanh tử.

Tóm lại, Pháp Tám Chánh hay Giới - Định - Tuệ chính là chiếc bè mà Đức Phật đã chỉ dạy để người thực hành đi đến sự vượt thoát sanh tử, chấm dứt khổ đau. Người tu đạo, người con Phật, hay những người đang tìm cầu sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não khổ đau, tất cả cần ôm chặt chiếc bè này, cần tìm được một chỗ vững chắc trên chiếc bè này khi đang còn trong biển sanh tử, khi tự thân chưa vượt thoát được biển sanh tử, chưa qua khỏi biển sanh tử.

8.9 Pháp còn phải bỏ, hà huống Phi pháp

8.9.1 Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung*, bài 22)

(Trích đoạn)

... *Tỳ-kheo tên Arittha, khởi lên ác tà kiến cho rằng: “Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì”.*

Thế Tôn cho gọi Tỳ-kheo Arittha đến và hỏi:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: “Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì?”*

– *Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chướng ngại gì.*

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chướng ngại?*

Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... ví như miếng thịt... ví như bó đuốc cỏ khô... ví như hồ than hừng... ví như cơn mộng... ví như vật dụng cho mượn... ví như trái cây... ví như lò thịt... ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha:

– Nay kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tư chấp thủ sai lạc, mà còn tư phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết **chương đạo pháp**, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo! Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy.

Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết **chương đạo pháp**, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chướng ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Aritha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy.

Thật sự, này các Tỷ-kheo, sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.

... Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.

...Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy.

Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp,

Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Đây các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Đây các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: “Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên

kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn”. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: “Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn”. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sử dụng của chiếc bè chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sử dụng của chiếc bè?

Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: “Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn”. Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo,

Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp”.

(Hết trích đoạn)

8.9.2 Có thể hưởng dụng mà không dính mắc không?

Tóm lại, trong bài kinh trên, Tỷ-kheo tên Arittha, vị này khởi lên ác tà kiến cho rằng: “Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì”.

Khi nghe Tỷ-kheo này có ác tà kiến như vậy, Đức Phật đã quở trách Tỷ-kheo ấy:

“Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp.

Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... ví như miếng thịt... ví như bó đuốc cỏ khô... ví như hồ than hừng... ví như cơn mộng... ví như vật dụng cho mượn... ví như trái cây... ví như lò thịt... ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông”.

Như vậy, Tỷ-kheo này cho rằng việc thọ hưởng các dục là không có chướng ngại cho người tu. Quan niệm như vậy vì vị này không biết rằng **“người ta không có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm”**. Đó là điều Đức Phật đã tuyên bố trong Kinh VíDụ Con Rắn nói trên. Điều này có nghĩa là *“không có chuyện một người thọ hưởng các dục mà không có lòng dục trong tâm, không có dục tưởng, dục tâm trong tâm”*.

Khi một người thọ hưởng các dục nhưng lại nói là “tôi không có dính mắc trong đó, tôi không có dục trong đó”, nói như vậy là biện luận, xảo ngôn, dối trá, vô minh. Một người chỉ có thể thọ dụng các dục khi người ấy có sự muốn điều đó, có dục tưởng về điều đó, có tâm đi tìm kiếm (dục tâm) điều đó. Câu nói này của Đức Phật đã vạch trần tất cả những sự gian trá, dối trá trong những hình thức tu hành nhưng phá giới, không đức hạnh, sống hưởng các dục lạc, uống rượu, tà dâm nhưng lại bảo là làm như vậy để độ người này, độ người kia.

Câu nói này của Đức Phật trong Phật giáo ngày nay là rất quan trọng, giúp cho người con Phật sáng tỏ trước những

hình tướng tu hành nhưng bất chánh, phá giới, sống ẩn nấp trong đạo Phật, trá hình trong hình thức đệ tử Phật nhưng sống hưởng thụ dục lạc, không từ bỏ những hành động dâm dục hèn hạ bản thủ, như câu chuyện truyền thuyết bên Trung Hoa. Một thiền sư Trung Hoa muốn hành dâm với một cô Phật tử để cứu một vị sư huynh đệ, vị sư này nói rằng nằm mơ thấy ông sư huynh đệ vừa mạng chung sẽ sanh làm con heo nên bây giờ vị sư này phải hành dâm với cô Phật tử này để cho vị sư huynh đệ kia được sanh làm người nhờ vào bụng cô Phật tử này.

Những câu chuyện như vậy là xảo trá, lừa dối, nhằm che giấu hành vi dâm dục tội lỗi của vị dâm tăng và lừa gạt những người đến với đạo Phật nhưng không có chánh kiến. Vì sao nói như vậy? Vì trong thực tế người ta không thể hành dâm mà lòng không có dục bên trong, người ta không thể thọ hưởng các dục mà không có lòng dục trong tâm, không có dục tướng (sự tư tưởng hưởng dục), không có dục tâm (sự hướng tìm các dục, hướng đến tìm cách thỏa mãn các dục). Đối với các bậc Thánh nhân, các bậc đã chứng quả Thánh, đã chứng A-la-hán quả thì việc hành dâm, dâm dục là điều không thể xảy ra. Vì sao? Vì lòng dục trong các Ngài đã hoàn toàn được đoạn diệt, dục lậu trong các Ngài đã hoàn toàn được diệt tận, vì vậy các Ngài hoàn toàn không thể có những hành động dâm dục. Điều

này đã được nói rõ trong các kinh như: Kinh Du Sĩ Sutavà (*Tăng IV, 90*), Kinh Thanh Tịnh (*Trường II, bài 29*).

Những câu chuyện như trên nhằm che đậy và dung túng những sự tu hành vô đạo đức, không đức hạnh, phá giới, đội lốt người tu. Những câu chuyện như trên là tung hỏa mù cho người con Phật, làm cho người Phật tử ngày nay không phân biệt được chánh tà, đen trắng, đúng sai, phạm thánh. Thấy sai nhưng không dám nói, không dám bình luận, không dám trình bày. Thấy phạm giới, thấy phá giới nhưng không dám nghĩ đó là phạm giới, phá giới, vì cho rằng: “Biết đâu, đó là Thánh tăng đang phương tiện để hành đạo cứu đời”.

Vì vậy, để các pháp trắng đen được rõ ràng, để trạch pháp trong vấn đề này, chúng ta sẽ cùng nghiên ngẫm các bài kinh sau:

- **Kinh Sàriputta** (*Tiểu III, 444*)

(Trích đoạn)

Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tâm y rơi xuống. Một Sa-di nói: “Thưa Tôn giả, y cần phải đắp xung quanh thân mình”. Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

Người không có uế nhiễm,

*Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.*

(Hết trích đoạn)

• **Kinh Sen Hồng Hay Sen Trắng** (*Twong I, 449*)

1) Một thời, một Tỷ-kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, đi xuống hồ nước và gùi bông sen hồng.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ-kheo.

4) Sau khi đến, vị Thiên ấy liền nói lên những bài kệ với Tỷ-kheo:

*Hoa này từ nước sanh,
Không cho, Ông gùi trộm.
Như vậy một loại trộm,
Ta gọi “Ông trộm hương”,
Này thân hữu của ta.*

(Vị Tỷ-kheo):

*Không lấy đi, không bẻ,
Đứng xa, ta gùi hoa,
Vậy do hình tướng gì,*

Được gọi là “trộm hương”?
 Ai đào rễ củ sen,
 Ăn dùng các loại sen.
 Do các hành động ấy,
 Sao không gọi trộm hương?

(Vị Thiên):

Người ti tiện độc ác,
 Như vãi nhóp vủ em,
 Với hạng người như vậy,
 Lời ta không liên hệ.
 Nhưng chính thật cho Ông,
 Chính lời ta tương ưng.
 Với người không cấu ứ,
 Thường hướng cầu thanh tịnh.
 Với kẻ ác nhìn thấy,
Nhỏ như đầu sợi lông,
Vị ấy xem thật lớn,
 Như đầu mây trên trời.

(Vị Tỷ-kheo):

Thật sự này Dạ-xoa,
 Ông biết ta, thương ta,
 Hãy nói lại với ta,
 Khi thấy ta như vậy.

(Vị Thiên):

Ta không tùy thuộc Ông,

*Ông cũng không làm bậy,
 Nay Tỷ-kheo nên biết,
 Ông có thể sanh Thiên.*

9) *Vị Tỷ-kheo ấy được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, trong bài kinh thứ nhất, câu chuyện của vị tướng quân Chánh pháp ngày xưa là Ngài Xá-Lợi-Phất rất đáng để cho chúng ta suy ngẫm kỹ. Khi tâm y của Ngài bị lệch một chút và được một vị Sa-di nhắc nhở, Ngài cảm ơn vị Sa-di, chấn chỉnh lại y áo, và nhìn nhận điều lỗi của mình, Ngài nói lên bài kệ với ý nghĩa rằng: “Người không có cầu uest, tâm luôn tìm cầu sự trong sạch, thanh tịnh, thì một lỗi lầm dù nhỏ và nhẹ như đầu sợi lông, vẫn nghiêm túc cẩn trọng nhìn nhận, xem xét, chứ không hời hợt, xem thường, bỏ qua”.

Điều đó cũng là điều mà Đức Phật vẫn thường nhắc nhở trong giới hạnh, giới đức của người tu rằng: “Thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt” hay “Thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt”. Một lỗi nhỏ cũng phải biết tầm quý, biết xấu hổ, biết mắc cỡ và khéo quán sát sự nguy hiểm của những lỗi nhỏ nhặt đó “vì đó có thể là một lậu hoặc đã qua mặt mình, một sai quấy đã qua mặt mình, như vậy có thể mình còn có nhiều sai sót khác mà mình không thấy không

biết”. Khi khéo quán như vậy, vị này sẽ cần trọng hơn trong thân khẩu ý của mình để phát hiện và từ bỏ những sai sót đó. Đó là tác dụng và lợi ích của việc “thấy sợ hãi, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”. Người tìm cầu sự trong sạch, thanh tịnh của thân tâm thì một lỗi nhỏ cũng phải cần trọng xem xét nhìn nhận. Người con Phật cần cần trọng chiêm nghiệm bài học cao quý này từ Ngài Xá-Lợi-Phất.

Lại nữa, trong bài kinh Sen Hồng Hay Sen Trắng ở trên, vị Tỷ-kheo trên đường đi khát thực trở về, ghé một hồ nước để gửi hương sen, một vị Thiên trú trong khu rừng nhắc nhở vị Tỷ-kheo đó là gửi trộm hương. Vị Tỷ-kheo nói: “Ta không bẻ sen, chỉ đứng xa để gửi thôi, sao gọi là trộm hương? Những người đào củ sen, bẻ sen thì sao không gọi là trộm hương?” Vị Thiên nói: “Những hạng người ti tiện, xấu xa, tầm thường, thấp kém thì ta không nói đến. Nhưng ông là người tìm cầu sự thanh tịnh, trong sạch thân tâm thì ta mới nhắc nhở. Người muốn tâm không cấu uế thì lỗi nhỏ như đầu sợi lông vẫn cần trọng xem xét, nhìn nhận, chỉnh sửa”. Vị Tỷ-kheo nghe vậy xúc động, biết vị Thiên nói nhắc nhở mình là vì tâm thương nên vị này nói: “Khi nào ông thấy ta sai điều gì thì xin ông hãy nói nhắc nhở giúp ta nha”.

Như vậy, đối với các bậc chân nhân, đối với các bậc Thánh tăng, dù trước một lỗi nhỏ như vậy mà các Ngài vẫn nghiêm túc nhận lỗi và chỉnh lỗi của mình, thì nói gì tới

những hành động dâm dục, phá giới, phóng dật, buông lung, ác khẩu, lảm mồm, dao động, hướng ngoại, trạo cử, sân si, bản ngã, phô trương, khoe khoang, chạy theo sắc tài, danh lợi, địa vị, vật chất của thế gian, trống rỗng nhưng dùng miệng lưỡi và dùng bề ngoài để che mắt người đời, lừa dối thiên hạ.

Câu kinh “*người ta không có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm*” đã làm sáng tỏ những quan điểm sai lầm và vạch trần những câu chuyện truyền thuyết bịa đặt với những ý đồ đen tối, che giấu tội lỗi, lừa gạt quần chúng, dung túng việc phá giới, vô đạo đức, gieo rắc những sợ hãi, những suy nghĩ mơ hồ, mê mông lung, sai lầm, lệch lạc cho người con Phật ngày nay.

Tóm lại, với những bài kinh trên, chúng ta thấy rằng các bậc Thánh tăng thời Đức Phật trang nghiêm, thanh tịnh từ tâm cho đến thân, từ thân cho đến tâm, trong ngoài thanh tịnh như nhất, không thể có chuyện dâm dục, phá giới, bề ngoài thể hiện sự phóng dật, buông lung, không hộ trì các căn nhưng đó lại là Thánh tăng, đó là điều không thể xảy ra. Đây là bài học mà người con Phật ngày nay cần đặc biệt ghi nhớ. Nếu giữ quan điểm cho rằng “có thể có những hình thức bên ngoài xuề xòa, không nghiêm túc nhưng xét một số hành động khác thì đó lại là Thánh tăng”, nếu nghĩ như vậy thì hành giả hãy cẩn trọng cân nhắc, suy ngẫm kỹ những bài kinh trên và đừng quên lời dạy này của Đức

Phật: “Người có quan niệm như vậy sẽ không thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Thánh pháp này”.

8.9.3 Khi nào “Pháp còn phải bỏ”

“*Ta giảng pháp ví như chiếc bè đưa người qua sông... Chánh pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp*”. Đức Phật giảng dạy Phương Pháp Tám Chánh để giúp người vượt qua dòng sông trầm luân sanh tử. Khi qua sông rồi, thì trí tuệ biết rõ mình đã giải thoát cũng phải buông bỏ, huống chi việc từ bỏ những sự thấy sai, nghĩ sai, nói sai, làm sai... từ bỏ những tà kiến, tà định. Như vậy, Chánh pháp *khi tu tập thành tựu* rồi thì còn phải buông bỏ, huống chi là việc từ bỏ những quan niệm cho rằng: thọ dụng dục lạc của thế gian thì không có gì xấu xa, tội lỗi. Câu kinh trên cần được hiểu một cách rõ ràng, chính xác như vậy. Nếu không hiểu đúng về câu kinh trên thì thật là nguy hiểm, hết sức nguy hiểm cho người tu học.

Nếu đọc không trọn vẹn bài Kinh Ví Dụ Con Rắn mà chỉ nắm hiểu đoạn kinh trên thì sự tu học như vậy là bất cần, dễ bị lệch lạc, dễ đưa đến hiểu sai, diễn dịch sai ý nghĩa lời dạy của Đức Phật.

Khi không đọc kỹ, không tìm hiểu cẩn trọng về câu kinh trên người đọc còn có thể khởi lên hiểu biết sai lệch cho rằng: “*Pháp còn phải bỏ, hà huống là phi pháp*”, tức là

Đức Phật dạy không có cái gì là thật nên tất cả đều phải bỏ hết, không chánh không tà, không đúng không sai, không thương không ghét, không có không không...

Rồi với sự thấy, nghe, nghĩ sai lầm này, người này truyền qua người kia, tạo ra một *trường phái chấp không*. Cái gì cũng không, đúng sai cũng không, hưởng dục cũng không có tội lỗi gì, vì tất cả đều không thật, sanh tử cũng không có thật, đau khổ trong cuộc đời này cũng là không thật, không có Chánh pháp tà pháp gì ở đây, không tu, không chứng, không đắc. Cái gì cũng nói không thì đó là rơi vào quan điểm chấp không nhưng bản thân không thấy không biết rằng mình đang chấp không. Lại nữa, miệng thì nói không nhưng đặng chuyện thì tham sân si vẫn sanh khởi, dục và ái vẫn sanh khởi, bản ngã vẫn hiện diện, hôn trầm, vọng tưởng vẫn không dừng lặng, tâm vẫn dao động không ngừng... Ngoài thì nói những chân lý cao siêu, cái gì cũng không, nhưng trong thì dục, ái, tham, sân, si, bản ngã vẫn hiện diện. Đó là sự rơi vào trong trường phái chấp không, không đúng với trí tuệ của Đức Phật, không đúng với lời dạy của Đức Phật. Đức Phật không nói rằng: Tất cả đều là không thật. Vậy chính xác điều mà Đức Phật đã nói, đã tuyên bố về thế giới này là như thế nào?

8.9.4 Kinh Kaccàyanagotta (Tương II, 36)

Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ)... Rồi Tôn giả Kaccàyanagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kaccàyanagotta bạch Thế Tôn:

- “Chánh kiến, chánh kiến”, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là chánh kiến?

- Nay Kaccàyana, **thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoan này, Có và Không có.**

Ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có.

Ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.

Nay Kaccàyana, **chấp thủ phương tiện và bị thiên kiến trói buộc, phần lớn thế giới này là vậy.**

Và ai với tâm không trú trước, chấp thủ phương tiện ấy, không chấp thủ thiên chấp tùy miên ấy, không có chấp trước, không trú trước, vị ấy không có nghĩ: “Đây là tự ngã của tôi”. Khi khổ sanh thời xem là sanh, khi khổ diệt thời xem là diệt; vị ấy không có nghi ngờ, không có phân vân, không duyên vào ai khác, trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, nay Kaccàyana, là chánh tri kiến.

“Tất cả là có”, là một cực đoan.

“Tất cả là không có” là cực đoan thứ hai.

Xa lìa hai cực đoan ấy, Như Lai thuyết pháp theo **Trung đạo**.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt **vô minh** một cách hoàn toàn, nên **hành** diệt. Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

(Hết trích kinh)

8.9.5 Chấp không và Vô thường là khác nhau

Như vậy, qua bài kinh trên chúng ta thấy rõ Đức Phật đã tuyên bố rằng: Các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt. Vì các pháp theo duyên mà sanh khởi, theo duyên mà

tập khởi nên không thể nói là không có. Vì các pháp theo duyên mà đoạn diệt, nên không thể nói là có. Không và có là hai cực đoan của chúng sanh trong thế giới này. Với chánh trí tuệ, Đức Phật nhìn thấy rõ duyên sanh và duyên diệt của tất cả các pháp, Ngài không rơi vào hai cực đoan của chúng sanh, Ngài tuyên bố tánh duyên sanh và duyên diệt của các pháp. Ngài không nói tất cả đều là không thật.

Sau khi thấy biết rõ tánh theo duyên mà sanh diệt của các pháp, Đức Phật đã tiếp tục phát hiện ra rằng: Vì các pháp do duyên sanh nên bản tánh của chúng là vô thường, khổ, vô ngã (không là mình, không là của mình). Khi nhìn thấy rõ như vậy, Đức Phật đã tuyên bố về thế giới này trong Kinh Ratthapala (*Trung II*, bài 82) như sau:

- Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt.
- Thế giới là vô hộ, vô chủ.
- Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải bỏ lại tất cả.
- Thế giới là thiếu thốn, là khao khát, là nô lệ cho tham ái.

Lời tuyên bố trên của Đức Phật là hoàn toàn tương đồng với lời mà Đức Phật đã tuyên bố trong các Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung*, bài 22), hay Kinh Anurādha (*Tương III*, 210) rằng: “*Trước kia và nay, Ta chỉ tuyên bố Khổ và đoạn diệt khổ*”. Trong sự tuyên bố về Khổ, Đức Phật đã nêu lên Bốn Sự Thật về Khổ đang có mặt trong cuộc sống. Và sự giảng

dạy của Đức Phật là nhằm chỉ dẫn cho chúng sanh con đường để thoát khổ.

Đức Phật đã giảng dạy: Khổ là một sự thật đang có mặt trong cuộc sống, và sanh tử chính là khổ, thương ghét chính là khổ... chứ Đức Phật không nói tất cả đều là không thật. Nhưng với quan niệm chấp không, với quan niệm tất cả đều không thật có thì khổ là không thật, sanh tử cũng là không thật, thương ghét cũng là không thật, tham sân si cũng là không thật, năm cõi sanh tử cũng là không thật, nhân quả cũng không thật, giết người, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, dâm loạn, loạn luân, ngoại tình, sống không đức hạnh và sống vô đạo đức, phá giới... tất cả đều là không thật có.

Quan điểm “tất cả đều không thật có” và trí tuệ thấy biết “thế giới Ngũ uẩn này là vô thường” là khác nhau, nhưng hai vấn đề này rất dễ bị đánh đồng với nhau.

Quan điểm “tất cả đều là không thật có”, quan điểm này rơi vào trường phái chấp không. Còn trí tuệ thấy biết “thế giới Ngũ uẩn này là duyên sanh, bản chất vô thường, khổ, không phải là mình, không phải của mình” là một trí tuệ chân chánh tối thượng được Đức Phật chứng ngộ. Ngài thấy biết rõ sự thật của các pháp, Ngài thấy biết rõ sự hiện diện và sự hoạt động của các pháp, Ngài thấy biết rõ duyên chúng sanh khởi và duyên chúng hoại diệt.

Vì thấy biết rõ sự có mặt, sự sanh và sự diệt của các Pháp nên Ngài không nói tất cả các pháp đều là không thật vì chúng đang theo duyên mà có mặt trên cuộc đời này, nhưng chúng vô thường, tạm bợ, ngắn ngủi, mong manh, dễ thay đổi, dễ đổ vỡ, cuối cùng đi đến biến diệt, hoại diệt cùng với thời gian, chúng không có gì là mình, chúng cũng không là của ai, mà tất cả đều là do duyên sanh và cũng theo duyên mà diệt. Với bản tánh duyên sanh, tạm bợ, vô thường của các pháp, nếu chúng sanh tham ái, dính mắc, bám víu, trói buộc, muốn nắm giữ chúng thì chúng sanh sẽ phải chịu đựng sự buồn khổ, sự đau khổ, sự thống khổ khi chúng biến đổi và hoại diệt. Như vậy, đó là sự khác biệt giữa trường phái chấp không và trí tuệ thấy biết sự thật về các pháp của bậc Chánh Đẳng Giác.

8.9.6 Chưa qua sông, bỏ thuyền, giậm chân tại chỗ

Lại nữa, khi hiểu khổ là không thật có, sanh tử cũng không thật có, tham sân si cũng không thật có, vọng tưởng cũng không thật, hôn trầm cũng không thật, phiền não cũng không thật... thì như vậy tu để làm gì, tu để làm chi, có khổ đau mà tu, có sanh tử đau mà tu, có phiền não đau mà tu... Cuối cùng, không cần phải tu vì tất cả đều là không thật... Khi nhìn nhận vấn đề sai sự thật thì sự tu không thể đúng được, thế là sanh tử vẫn cứ sanh tử, tham sân si vẫn cứ tham sân si, ta đây vẫn cứ ta đây, vọng tưởng vẫn cứ

vọng tưởng, hôn trầm vẫn cứ hôn trầm, phiền não vẫn cứ phiền não, giết người vẫn cứ giết người, sát sanh vẫn cứ sát sanh, trộm cắp vẫn cứ trộm cắp, tà dâm vẫn cứ tà dâm, nói dối vẫn cứ nói dối...

Khi rơi vào quan điểm chấp không thì tâm thấy biết cái gì cũng cho là không, tâm ôm ấp *chữ không, tưởng không* trong nội tâm. Với một nội tâm đang tu *chữ không*, đang quán pháp *không*, đang chấp pháp *không*, nhưng lại bảo là không tu, không quán, không chấp gì hết, do đó, lời nói như vậy là không đúng pháp, không chân chánh, không chân thật nhưng bản thân lại không thấy không biết là mình đang nói lời không chân thật, không chân chánh, không đúng pháp.

Khi khẩu hành đã không được tâm thấy biết một cách chân chánh đúng pháp thì làm sao ý hành, thân hành có thể được tâm thấy biết một cách chân chánh đúng pháp. Do thân khẩu ý hành không được thấy biết một cách chân chánh đúng pháp thì làm sao có thể thấy biết một cách chân chánh đúng pháp về tham sân si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong tự thân. Do tham sân si trong tự thân không được thấy biết một cách đầy đủ, chân chánh, đúng pháp nên không thể đào thải sạch những rác bẩn, cấu uế, lậu hoặc này khỏi thân tâm, không thể đạt lậu tận.

Như vậy, miệng thì cái gì cũng nói không, “không tu, không chứng, không đắc, không người, không ta, không vui, không buồn, không được, không mất, không ghét, không thương”, nhưng rác bần trong nội tâm thì không hết sạch, lậu hoặc trong nội tâm không được diệt tận, cấu uế trong nội tâm vẫn còn, tham sân si vẫn còn, ngã mạn vẫn còn, vô minh vẫn còn, hôn trầm vẫn còn, vọng tưởng, phóng tâm vẫn còn, sanh tử luân hồi vẫn không dừng lại được và những giọt nước mắt khổ đau vẫn không ngừng rơi chảy. Lại nữa, vì *chấp không* và trú trong *tưởng không* lâu ngày, nên bị rơi vào thọ không khổ không lạc, tâm trợ trợ, cứng nhắc, không uyển chuyển, không nhu nhuyễn, không nhẹ nhàng, không dễ dạy, dễ bảo, muốn an trú vào trong một thiện pháp nào đó cũng rất khó khăn.

Do đó, nếu tu học không cẩn trọng, hiểu sai lầm lời dạy của Đức Phật trong câu nói “Pháp còn phải bỏ”, rồi cho cái gì cũng là không, rơi vào chấp không trong khi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu vẫn còn, không chịu tu tập Tám chánh để tẩy trừ những cấu uế trong tâm, thì cuối cùng, người thì đã qua bờ bên kia sông rồi, còn mình thì vẫn ở lại bờ bên này. Vì sao? Vì hành giả đã không chịu dùng thuyền Tám Chánh để vượt qua dòng sông oan nghiệt, hành giả đã hất bỏ phương tiện thiện xảo để vượt thoát dòng sông sanh tử nên cuối cùng hành giả vẫn ở trong vòng của trầm luân sanh tử, làm sao mà qua sông được.

Vì vậy, người học đạo cần lưu ý rằng: “*Nếu chưa thoát ra khỏi dòng sông sanh tử thì đừng bỏ chiếc thuyền Bát chánh. Tâm chưa hết hôn trầm, vọng tưởng, vô minh, lậu hoặc thì đừng vội nói cái gì cũng không. Chưa qua sông mà đã vội bỏ thuyền thì dòng sông sanh tử luân hồi phiền não này sẽ âm thầm cuốn bạn trôi đi mất*”. Xin hãy nhớ thật kỹ lời này.

8.10 Tiến trình sanh khởi Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến

Tiến trình sanh khởi và đi đến thành tựu Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến là gì?

Vị hành giả có thân tâm chân chánh hiền thiện, sau khi nghe pháp chân chánh hiền thiện, vị này thực hành như lý tác ý để thể nhập ý nghĩa các pháp, để thành tựu trí tuệ chân chánh về các pháp, thành tựu chánh kiến, thành tựu Trí về Ngũ uẩn, thấy biết rõ vô minh, dục, ái, bản ngã, tham, sân, si đối với Ngũ uẩn.

Trong quá trình như lý tác ý, hành giả bắt đầu nhìn thấy được đôi phần những rác bần, cấu uế trong nội tâm. Khi nhìn thấy được đôi phần những cấu uế trong nội tâm, hành giả tiến hành tác ý để diệt trừ những cấu uế này với những sự sám hối phát lộ những cấu uế được nhìn thấy, những quyết tâm gìn giữ giới đức trong sạch của một người tu được phát nguyện, những tâm tà quý xấu hổ tội lỗi được

phát triển, hộ trì các căn dần được thực hiện, các tâm hiền thiện dần được tu tập thực hành như: tâm hiền, tâm từ bi hỷ xả, tâm rộng lượng, bao dung, tâm cúi đầu diệt ngã...

Như vậy, trong giai đoạn nghe pháp và như lý tác ý, hành giả bắt đầu tu tập giới đức, đức hạnh, nét hạnh của một người tu, tu tập tâm chân thật đối diện với tự thân, chân thành đối với vị hướng dẫn mình tu học, chân chánh trong đời sống thân khẩu ý của mình, đó là giới đức của hành giả đang bắt đầu được hình thành.

Trong sự tu học theo đạo lộ Tám Chánh này, nếu hành giả không có tâm chân thật, chân thành, không có đời sống thân khẩu ý chân chánh đúng pháp thì giới đức của hành giả không thành tựu.

Khi giới đức không thành tựu thì khó lòng đi đến đến sự thành tựu chánh kiến.

Khi giới đức không thành tựu thì dù hành giả là người khéo nắm hiểu nghĩa lý các pháp, khéo diễn dịch diễn giải nhưng cũng chỉ dừng trên ngôn ngữ chữ nghĩa và chỉ dừng lại trong một mức độ, một phạm vi nào đó mà thôi, chứ không thể đi sâu vào dòng Thánh pháp này, không thể thật sự thành tựu chánh kiến, không thể bước vào trong hàng “Bốn đôi tám chúng” Thánh chúng đệ tử Phật và như vậy không thể bước lên chiếc thuyền bát nhã Tám Chánh để vượt thoát khỏi biển sanh tử trầm luân này. Vì có sao? Vì đạo lộ Tám

Chánh, pháp hành Tám Chánh là một pháp tu với Tám Sự Chân Chánh thiện lành, đúng pháp nên những vị có tâm chân thật, chân thành, có đời sống chân chánh đúng pháp mới tương ưng với đạo lộ này, tương ưng với pháp hành này. Nếu tâm không chân thật, không chân thành, đời sống không chân chánh, không đúng pháp thì không thể tu được trong dòng pháp Tám Chánh, không thể nhập vào trong Thánh pháp Tám Chánh. Người không chân thật, không chân thành, sống bất chánh thì không thể tương ưng, không thể nhập Thánh pháp chân chánh này.

Vì vậy, khi người bất chánh, người không chân thật, không chân thành đến với dòng pháp này thì thời gian đầu thấy có vẻ như tu tập được, nhưng một thời gian sau vị này rời khỏi Thánh pháp, hoặc đi lệch khỏi Thánh pháp Tám Chánh, rơi vào tà kiến, tà đạo, vẽ vờ những cách thức tu học không đúng với pháp Tám Chánh, mượn pháp, mượn lời, mượn chữ trong pháp Tám Chánh nhưng thực tế pháp hành thì không chính xác, không theo đúng đạo lộ trong pháp Tám Chánh mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tu tập, đã thực hành và đã truyền trao. Vì có sao? Vì tâm không chân chánh thì làm sao có thể tu học được pháp của bậc Chánh Giác, làm sao có thể tiếp nhận được trí tuệ của bậc Chánh Giác.

Do đó, nhìn bên ngoài thì thấy vị này rời khỏi Thánh pháp, từ bỏ Thánh đạo nhưng bên trong thật sự thì dòng pháp

Tám Chánh đã hất vịn có tâm tư bất chánh ra khỏi Thánh pháp này. Tâm không chân thật, tâm không chân thành, đời sống không chân chánh, bất chánh bất minh thì không thể tương ứng được với Thánh pháp, không thể hòa nhập vào Thánh pháp. Vì vậy, Pháp Tám Chánh đã hất tung người bất chánh ra khỏi Thánh pháp, ra khỏi Thánh đạo, ra khỏi đạo lộ của những người chân thật, chân thành, chân chánh thiện lành, đúng pháp.

Vì vậy, người học đạo cần cẩn trọng xem xét lại giới đức của mình. Nếu thấy mình không có tâm chân thật, chân thành trong sự tu học, thân khẩu ý không chân chánh, đúng pháp thì hành giả cần phải nỗ lực tu tập từ bỏ tâm không chân thật, từ bỏ tâm không chân thành, từ bỏ đời sống thân khẩu ý bất chánh, để thành tựu các đức hạnh “*chân thật, chân thành, chân chánh*”, thành tựu diệu hạnh của một người con Phật, nếu như hành giả không muốn tiếp tục trầm luân trong biển sanh tử, phiền não, khổ và nước mắt.

Khi giới đức được thành tựu, như lý tác ý được phát triển hợp lý thì chánh tri kiến đi đến thành tựu. Vì có sao? Vì với vịn có giới đức thiện lành, thanh cao thì nội tâm được định tĩnh, không có trạo hối, loạn động, không dao động, bất an, không hối hận, đau khổ, không xấu hổ, dối trá che giấu tội lỗi, không bị lỗi lầm chồng chất thêm lỗi lầm, không bị sai quấy lại làm thêm những việc sai quấy để che giấu tội lỗi đã làm. Với người có giới đức được trong sạch

như vậy và lại khéo nghe Thánh pháp, khéo như lý tác ý để thể nhập, để thành tựu trí tuệ về các pháp đã được nghe thì vị này chắc chắn sẽ đi đến sự thành tựu chánh kiến, thành tựu tri kiến chánh trực, thành tựu cái nhìn cái thấy biết chân chánh đối với các pháp.

Với người có giới đức, có chánh kiến thì tâm được định tĩnh đôi phần. Với tâm định tĩnh, tâm bình tĩnh, tâm không lỗi lầm, tâm không ngụy biện che giấu tội lỗi, tâm trong sạch, thanh tịnh, chân thật, chân thành, chân chánh, đúng pháp. Với tâm như vậy, vị này có thể đối diện với nội tâm, nhìn sâu vào trong nội tâm và thấy rõ những cấu uế còn tiềm ẩn bên trong tâm rồi tiến hành đào thải chúng, thanh lọc tâm hết sạch những cấu uế.

Như vậy, khi giới đức được thành tựu, như lý tác ý được phát triển hợp lý thì chánh tri kiến đi đến thành tựu. Hành giả tiếp tục đi theo con đường Tám Chánh với sự phát khởi, phát triển và nở hoa của suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh thì Giới Định Tuệ đi đến thành tựu. Khi Giới Định Tuệ được thành tựu thì dục, ái, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc được thấy biết rõ, được nhiếp phục và được diệt tận hoàn toàn.

Tóm lại, khi có giới đức trong sạch, thiện lành thì tâm được bình an, tâm được định tĩnh, tâm có đủ sự trong sáng, đủ độ trong sạch, đủ độ trong suốt để đối diện với tự thân, nhìn nhận tự thân, chân thật đối diện với những rác bần trong tự thân, khi ấy trí tuệ trong tự thân được trong sáng, không bị vô minh che lấp, có thể thấy biết rõ, có thể phát giác phát hiện những cấu uế lậu hoặc còn tồn đọng trong thân tâm và từ đó đi đến sự nhiếp phục cấu uế và diệt tận lậu hoặc. Đây gọi là tiến trình sanh khởi và thành tựu **Giới Định Tuệ**.

Sau khi diệt tận các cấu uế trong nội tâm, tâm không còn bất cứ một dao động nhỏ nhiệm nào, tâm không còn bất cứ một dục, ái, tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc nào, tâm không còn bất cứ một hôn trầm, trạo cử, vọng tưởng nào. Khi ấy, hành giả khởi lên Trí biết rõ: *“Ta đã giải thoát. Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một đời sống sanh tử đau khổ nào khác nữa”*. Trí khởi lên biết rõ như vậy được gọi là Trí biết rõ sự giải thoát trong mình, hay Trí biết rõ mình đã giải thoát. Đây gọi là **Giải Thoát**.

Như vậy, từ sự tu tập Giới-Định-Tuệ, giờ đây hành giả đã đạt được *Tâm giải thoát*. Với tâm giải thoát được thành tựu, hành giả khởi lên trí tuệ rõ biết là mình đã giải thoát, đây gọi là *Tuệ giải thoát* sanh khởi. Sau khi sanh khởi trí tuệ biết rõ tự thân đã giải thoát, hành giả hướng đến từ bỏ luôn tâm ý với trí tuệ rõ biết sự giải thoát trong mình, tâm thể

nhập vào sự tịch tịnh, vắng lặng hoàn toàn. Đây gọi là ***Giải Thoát Tri Kiến***.

8.11 Tâm Giải Thoát – Tuệ Giải Thoát

Tóm lại, từ một thân tâm chân chánh được nghe Thánh pháp và như lý tác ý đi đến thành tựu Chánh tri kiến. Với chánh kiến này Pháp Tám Chánh được tu tập. Pháp Tám Chánh được tu tập đưa đến Giới Định Tuệ được tu tập và đi đến thành tựu. Với Giới Định Tuệ được tu tập và đi đến thành tựu đưa đến sự thành tựu *Tâm Giải Thoát*.

Tâm Giải Thoát được thành tựu tức là lúc này tâm không còn dao động, không còn dính mắc, không còn chạy theo sáu trần; dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu trong nội tâm được diệt tận; tham sân si được diệt tận; vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn được diệt tận, tâm không còn dao động trước những sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thọ tâm lắng dịu an tịnh không động chuyển, không thay đổi trước sau, không thay đổi trước những ngoại trần và nội trần, không thay đổi trước những được mất, khen chê, buồn vui, thương ghét của thế gian. Tưởng an tịnh lắng dịu, thuần nhất, nhất tưởng; những tưởng về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trước các Ngũ uẩn không sanh khởi; những trạng thái vọng tưởng, phóng tâm được diệt tận, được chấm dứt một cách hoàn toàn. Hành an tịnh, vắng lặng, mọi suy nghĩ, lời nói âm thầm ngấm ngấm trong nội tâm được dứt sạch. Thức rõ biết

trong sáng, trong sạch, mở rộng. Sắc thân không còn dao động, trạo cử, thân hành an tịnh, lắng dịu, chánh niệm, tỉnh giác, cử chỉ không dư thừa. Khẩu hành thanh tịnh, lắng dịu, không nói lời dư thừa, không nói lời không đúng pháp, chỉ nói khi cần nói.

Khi sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong tự thân được an tịnh lắng dịu như vậy, tức là tâm đã được an tịnh lắng dịu, tâm không còn dao động, không còn dính mắc, không còn chạy theo sáu trần, không còn chạy theo Ngũ uẩn. Ngũ uẩn đã được tâm nhiếp phục, đã được tâm chế ngự, đã được tâm điều phục. Ngũ uẩn đã không còn lộng hành, không còn tác oai, tác quái trong tâm. Ngũ uẩn đã hoàn toàn thuần phục và lắng dịu trong tâm. Với một nội tâm đã nhiếp phục, đã điều phục, đã chế ngự được Ngũ uẩn, tâm như vậy không còn bị Ngũ uẩn khống chế, áp bức, dẫn dắt, chi phối, ám ảnh. Tâm như vậy là tâm giải thoát khỏi Ngũ uẩn, giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc, dính mắc, trói buộc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn. Tâm như vậy được gọi là *Tâm Giải Thoát*.

Khi tâm giải thoát được thành tựu, hành giả khởi lên Trí biết rõ: “Ta đã giải thoát. Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời sống này sẽ không còn một đời sống sanh tử phiền não khổ đau nào khác nữa”. Đây gọi là *Tuệ Giải Thoát* được thành tựu, tức là hành giả khởi lên trí tuệ biết rõ tự thân đã được giải thoát.

8.12 Vô Chấp Thủ Giải Thoát

Với *Tuệ giải thoát* được thành tựu, hành giả biết rõ tự thân đã được giải thoát. Sau khi biết rõ như vậy, hành giả buông bỏ cả trí tuệ thấy biết rõ mình đã giải thoát, tức là buông bỏ cả dòng tâm ý sanh khởi trong khi thấy biết rõ nội tâm đã hoàn toàn thanh tịnh vắng lặng với các cấu uế lậu hoặc đã được diệt tận. Sự từ bỏ này được gọi là *Giải Thoát Tri Kiến*. Với tri kiến về “tự thân đã giải thoát” được từ bỏ, tức là từ bỏ dòng tâm ý rằng mình đã giải thoát, khi đó tâm hoàn toàn thể nhập vào bất động, thể nhập vào bất tử, tâm không còn một chút dao động nào cả, ngay cả dòng tâm ý biết rõ mình đã giải thoát cũng đã được buông bỏ. Đây gọi là *Vô Chấp Thủ Giải Thoát*.

Vô Chấp Thủ Giải Thoát tức là tâm không chấp thủ, không chấp trước trước sự giải thoát mà tâm đã thành tựu, tâm đã đạt được. Đây mới thực sự là hoàn toàn giải thoát, hoàn toàn tịch tịnh, hoàn toàn Niết-bàn. Đây mới thực sự là sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt phiền não, chấm dứt khổ đau.

Đó là tiến trình sanh khởi và thành tựu của Giới - Định - Tuệ - Giải Thoát - Giải Thoát Tri Kiến.

Đó cũng là tiến trình đi đến sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

Đó cũng là con đường đi đến Niết-bàn, đi đến sự tịch lặng, giải thoát.

Như vậy, sau khi nương vào Giới - Định - Tuệ, sau khi tu tập thành tựu Giới - Định - Tuệ, hành giả đạt được Tâm giải thoát. Khi Tâm giải thoát được thành tựu thì Tuệ giải thoát trong hành giả sẽ sanh khởi, tức là lúc này hành giả biết rõ tự thân đã vượt qua được dòng sông sanh tử. Sau khi Tuệ giải thoát sanh khởi, đây chính là lúc hành giả buông bỏ chiếc bè, giải thoát tâm khởi tri kiến trí tuệ này, tức là Giải Thoát Tri Kiến (buông bỏ *Tuệ giải thoát*). Đây là thời điểm “Pháp còn phải buông bỏ”.

Tóm lại, thời điểm pháp còn phải buông bỏ chính là khi hành giả đã thành tựu A-la-hán quả, đã thành tựu được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, đã diệt tận được tham sân si, vô minh, lậu hoặc. Đây là điểm quan trọng mà người con Phật cần phải nắm vững. Nếu không nắm vững chỗ này, cứ nghe người khác nói “pháp còn phải buông bỏ” rồi miệng thì cứ lặp lại câu nói đó, cái gì cũng bảo là không, nhưng nội tâm vẫn không hết sạch tham sân si, cấu uế, vô minh, lậu hoặc.

8.13 Qua sông rồi mới bỏ thuyền

Tóm lại, “*Khai mở Trí về Ngũ uẩn cho chúng sanh*” là giáo lý nòng cốt trong lời dạy của Đức Phật, là thông điệp mà

Đức Phật muốn nhắn gửi cho chúng sanh, là trí tuệ mà Đức Phật muốn khai thị, muốn truyền trao cho cuộc đời.

“Khai thị để thấy biết cái đang nắm giữ - Tu tập buông bỏ cái đang nắm giữ - Cuối cùng, buông cả trí tuệ thấy biết này để thể nhập vào bất động, thể nhập vào bất tử”.

Đó là thông điệp về tinh thần chung của kinh Nikāya, thông điệp về tinh thần chung của lời Phật dạy và đó cũng là thông điệp mà chúng tôi muốn trao gửi cho quý học giả, quý hành giả trong sự tu học theo Thánh pháp Nikāya cao quý, thần diệu này. Sự buông bỏ cả trí tuệ thấy biết này gọi là Giải thoát tri kiến. Sự thể nhập vào bất tử là thể nhập vào trạng thái tâm hoàn toàn không còn dao động, không mọi chấp thủ, không mọi thăm ý, hoàn toàn thanh tịnh, trong sạch, tịch tịnh hoàn toàn, chấm dứt luân hồi sanh tử, diệt tận phiền não khổ đau.

Như vậy, hành giả hãy thật cẩn trọng và hãy tuyệt đối lưu ý rằng: ***“Qua sông rồi mới bỏ thuyền. Khi đã thành tựu Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát rồi thì mới Giải Thoát Tri Kiến. Khi đã hết sạch tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc và vô minh rồi, thì mới bỏ thuyền”.***

Nếu chưa hết sạch tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc mà “cái gì cũng nói không” thì đây cũng chỉ là lời nói trên chót lưỡi đầu môi, nói theo lời nói của người nhưng tự thân vẫn còn đầy vô minh và rác bần; bản ngã và tham sân si vẫn bốc

mùi trong suy nghĩ, lời nói, hành động. Và như vậy có nghĩa là “ hành giả sẽ không bao giờ hết sạch được tham sân si, vô minh, lậu hoặc”.

Vì sao? Vì chưa qua sông mà hành giả đã vội bỏ thuyền, chưa hết tham sân si mà đã vội bắt chước người hết tham sân si, cái gì cũng nói là không. Người hết tham sân si cái gì đối với họ cũng là không, là vì họ không còn tham, không còn sân, không còn si. Vì họ không còn tham sân si nên cái gì họ cũng không. Còn mình thì tham sân si còn nên cái gì mình cũng có: vô minh mình cũng có, lậu hoặc mình cũng có, hôn trầm mình cũng có, trạo cử mình cũng có, bản ngã mình cũng có... Cái gì mình cũng có, nhưng lại bảo là không vì bắt chước lời nói của bậc hết tham sân si, của bậc lậu tận. Lời nói như vậy là nói dối, nói láo, nói khoác: Tham sân si còn đầy ra đó mà lại nói là không, bản ngã còn trong thân khẩu ý hành mà cái gì cũng nói là không, hôn trầm vọng tưởng còn hoạt động mà lại nói là không. Nghe lời nói của người đã qua sông lại tưởng là mình đã qua sông. Nghe chim hót lại tưởng là mình hót.

8.14 Cẩn trọng trong thấy nghe

Tuy vậy, hãy cẩn trọng trong sự thấy nghe của mình, đôi khi điều mình được nghe, lời mình được nghe lại là *“lời của người chưa qua sông lại tưởng là mình đã qua sông, chưa giải thoát lại tưởng là mình đã giải thoát”*, và người

này lại tuyên bố với mọi người là mình đã qua sông, đã giải thoát.

Lại nữa, đôi khi lời mình được nghe lại là lời vô minh, cống cao, ngã mạn của những nội tâm tăng thượng mạn, đại ngã mạn, còn trong vô minh, rơi vào tà kiến. Những lời nói, lời giảng dạy, lời tuyên bố này “mới nghe thì thấy hay, mới nghe thì thấy có vẻ hợp lý, hợp tình, hợp nhãn, hợp nhĩ, hợp thọ tướng hành trong hành giả”, làm cho hành giả cảm thấy hoan hỷ, thích thú và tin theo. Nhưng, những lời nói đó có thể qua mặt được người vô minh, có thể làm sanh khởi được lòng tin ở những người chưa thành tựu chánh kiến còn đối với bậc đã thành tựu chánh kiến, đối với bậc trí nhân, thì khi thấy, khi nghe những lời nói, những lời tuyên bố từ một nội tâm còn vô minh, lậu hoặc thì vị này sẽ có thể nhận biết ngay nội tâm đó. Vị này sẽ biết rõ đó là những lời nói, lời giảng dạy, lời tuyên bố từ một nội tâm vô minh, ngã mạn, sáo rỗng, vô nghĩa, không có chân đứng, không có pháp hành, không có lối vào, không thiết thực với thực tế của cuộc sống, không xác thực với tình trạng thực tế đối với thân tâm của chúng sanh. Vì vậy, hãy cẩn trọng với những lời mình được nghe, hãy cẩn trọng với những điều mình đang thấy và hãy tìm hiểu kỹ những nguồn kinh sách mà mình đang học.

Đừng nghĩ rằng hễ ai tuyên bố là hết sanh tử thì đó là vị hết sanh tử, hễ ai nói người kia là bậc lậu tận thì đó là bậc

lậu tận. Vì có sao? Vì khi chưa thành tựu chánh kiến thì hành giả không đủ khả năng để kiểm tra, kiểm chứng, xác chứng, xác định điều đó.

Cho nên, khi nghe nói vị này là bậc A-la-hán, vị kia là bậc Thánh nhân, vị nọ tuyên bố là “việc đã làm xong”, khi nghe nói như vậy, khi nghe đồn như vậy, hành giả hãy khoan vội tin vào những lời được nghe, hãy khoan vội tin những điều được thấy đó. Hãy giữ sự khách quan và cẩn trọng. Hành giả cẩn trọng tìm hiểu thân khẩu ý hành của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu pháp hành của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu lời giảng dạy của vị ấy, cẩn trọng tìm hiểu Giới, Định, Tuệ mà vị ấy tu tập và giảng dạy có thực sự đúng và theo sát lời dạy của Đức Phật về Giới, Định, Tuệ hay không.

Điều quan trọng nhất là hành giả cần cẩn trọng tìm hiểu Phật pháp, cẩn trọng tìm hiểu lời dạy của người kia có đúng với lời dạy của Đức Phật Thích Ca hay không, hay chỉ na ná, tương tự, giống điểm một mà không giống điểm hai, không giống điểm ba; hay giống Giới nhưng không giống Định, không giống Tuệ trong lời Phật dạy trong kinh Học Giới (*Tăng I*, 426) hay vị này giải thích Giới, Định, Tuệ một cách tùy tiện theo tư kiến cá nhân. Hành giả cẩn trọng tìm hiểu cách giải thích và hướng dẫn tu tập Tứ Niệm Xứ của vị này có đúng theo lời Phật dạy trong kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10) hay không, hay giải thích Tứ Niệm Xứ một cách tùy tiện và hướng dẫn tu tập Tứ Niệm Xứ một

cách tùy tiện theo tư kiến cá nhân, không đi theo đúng với lời Phật dạy... Tất cả cần được hành giả cẩn trọng tìm hiểu, so sánh, kiểm tra.

Đừng vội đặt lòng tin vào bất cứ ai, đừng vội cho ai là minh sư của mình khi mình chỉ mới thấy, mới nghe người đó nói, hoặc chỉ mới nghe người khác nói về người đó, hoặc chỉ mới nghe người đó giảng dạy mà không nắm biết rõ cốt lõi của đạo Phật là gì, pháp hành chân chánh, pháp hành chánh thống trong đạo Phật là gì, trí tuệ tối thượng trong đạo Phật là gì, những bài kinh chính xác mà Đức Phật đã giảng dạy để hướng dẫn pháp hành là gì. Đừng vội đặt lòng tin trong sự thiếu hiểu biết như vậy.

Đừng nghĩ rằng hề quyển sách nào có chữ “Kinh” thì đó là của Phật dạy. Đừng nghĩ rằng hề quyển sách nào có câu : “Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, Đức Phật ở tại Kỳ Viên Cấp Cô Độc...” là của Phật thuyết. Đừng nghĩ như vậy, vì ngày nay có rất nhiều quyển sách được người đời sau viết ra nhưng cũng tự xưng là kinh và cũng tự đưa những câu như vậy vào trong tập sách. Vì vậy, nếu thấy bất cứ quyển sách nào có chữ kinh mà đều cho đó là của Phật dạy thì hành giả sẽ rơi vào trong rừng kinh điển ngụy tạo, giả mạo lời Phật dạy trong đạo Phật ngày nay. Và như vậy, hành giả sẽ rơi vào trong những pháp tu hư vọng, mê lung, ngộ cụt, bế tắc, tu trong hứa hẹn ở tương lai nhưng không thực chứng được ở hiện tại, không thấy biết rõ tham sân si,

dục, ái, bản ngã trong tự thân, không đối diện với tham sân si, dục, ái, bản ngã. Tu như vậy được gọi là tu trong vô minh, tu nhưng không có lối thoát khỏi trầm luân sanh tử, không tẩy sạch khỏi nội tâm những cấu uế, lậu hoặc, rác bần.

8.15 Hãy dẫn thân và thực chứng

Tóm lại, “*Tinh hoa của kinh Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn*”. Khi hành giả dẫn thân tu tập và thành tựu Trí về Ngũ uẩn thì hành giả sẽ tự mình giải mã vấn đề thâm sâu này.

Trong nhiều bài kinh Nikāya, trước khi bắt đầu thuyết pháp, Đức Phật thường hay nhắc nhở: “*Này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...*”. Do đó, kính xin quý vị nào đã có duyên gặp được kinh Nikāya này mà còn cảm thấy khô khan, chưa sanh khởi được hỷ lạc, chưa hiểu ý nghĩa của lời kinh thì hãy học theo tinh thần “*hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ*” mà Đức Phật đã chỉ dạy. Xin hãy tinh cần, tinh tấn, kham nhẫn, nhẫn nại đọc đi đọc lại nhiều lần, thậm chí hàng chục lần và hơn thế nữa để có thể thẩm thấu được những ý nghĩa thâm sâu trong lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Hãy để tâm chiêm nghiệm kỹ và dẫn thân thực hành những lời dạy của Ngài để tự thân thực chứng những gì đã được thấy, được nghe từ lời dạy của Đức Thế Tôn. Xin hãy nỗ lực tu tập Chánh tri kiến, tập nhận diện Ngũ uẩn và tập nhận diện những rác bần trong

nội tâm để thâm nhập cho được tinh thần cốt tủy trong kinh Nikāya, thâm nhập cho được trí tuệ mà Đức Phật muốn truyền trao, để không uổng kiếp người, không uổng đời tu, không uổng duyên lành được thấy, được nghe Thánh Kinh thân diệu, tối thượng, hoàn hảo và thiện xảo này.

Khi hành giả đi theo con đường này, nắm vững được những tinh hoa cốt tủy trong lời dạy của bậc Đạo Sư, tâm nhất hướng trong sự tu học, không lệch lạc, không dao động, tinh cần tinh tấn, tuân thủ và theo sát sự hướng dẫn của Đức Phật trong kinh Nikāya, thì chắc chắn hành giả sẽ đi đến sự thành tựu trí tuệ chân chánh của bậc Thánh nhân, bước vào hàng Thánh chúng đệ tử Phật, thấy biết rõ tự thân, thấy biết rõ tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, thành tựu sự nhiếp phục và diệt tận chúng, vượt thoát lưới sanh tử, chấm dứt tất cả những phiền não và khổ đau. Đây là điều mà Đức Phật đã xác quyết trong các Kinh Dự Lưu (*Tương III, 286*) và Kinh Bạc A-la-hán (*Tương III, 286*).

Tóm lại, với lòng chân thành hướng về những người con chân chánh của Đức Phật, hướng về những bậc thiện tri thức đang ngày đêm tầm cầu một con đường chân chánh, một đạo lộ chân chánh, một pháp hành chân chánh để tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, chúng tôi đã cố gắng trình bày tinh thần cốt tủy trong kinh Nikāya một cách gần gũi, dễ hiểu, thiết thực hiện tại theo khả năng trí tuệ hữu học của chúng tôi.

Với sự trình bày này, mong rằng chúng tôi đã phần nào làm sáng tỏ vấn đề cốt tủy trong kinh Nikāya, giúp quý đạo hữu nắm vững những trí tuệ căn bản cần thiết trong việc tu học theo sự chỉ dạy của Đức Phật trong Nikāya, trao cho quý đạo hữu chiếc chìa khóa vàng, chiếc chìa khóa vạn năng để hành giả có thể mở tất cả những cánh cửa trong Nikāya, giải mã thế giới, giải mã cuộc đời, giải mã tham sân si, vô minh, lậu hoặc, giải mã các cõi sanh tử, giải mã phiền não khổ đau, giải mã dòng trầm luân sanh tử trong oan nghiệt và cay đắng này.

Với những đóng góp này của chúng tôi, mong rằng quý hành giả sẽ tìm thấy cho mình những hành trang cần và đủ để có thể bước vào trong việc tìm hiểu pháp học và pháp hành trong lời Phật dạy trong kinh Nikāya. Kính mong những bậc thiện tri thức, những người con chân chánh của Đức Phật hãy tìm hiểu kỹ về Nikāya, hãy dẫn thân vào Nikāya và hãy thực chứng những điều mà Đức Phật đã nói trong Nikāya. Hãy tìm cho mình một chân đứng vững vàng trong giáo pháp tối thượng thanh tịnh, tối thượng thần diệu và tối thượng giải thoát của Đức Như Lai. Hãy chân chánh nỗ lực để bước vào hàng “*Bốn đôi, Tám chúng*”, bước vào hàng Thánh chúng đệ tử chân chánh của Đức Phật.

HỒI HƯƠNG

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách “Tinh Hoa Nikāya” và “Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya”, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiền Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con, những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, những đạo hữu đã hỗ trợ chúng con trong việc in ấn pháp thí này, những chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này, mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, nhiều an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, diệt tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

(HẾT TẬP 1)